

MỤC LỤC

CẨM NANG GIÁO LÝ

Đaminh Maria Cao Tấn Tĩnh, BVL tuyển hợp và chuyển dịch

NỘI DUNG

BỒI CẢNH

Cỏ Lùng Trong Ruộng

“CLTR”: “Nổi Lên Rất Đông”

“CLTR”: “Lừa Được Nhiều Người”

“CLTR”: Các Kitô nguy tạo

“CLTR”: Bảo Vệ Mùa Mừng

PHẦN MỘT : NHỮNG CHÂN LÝ ĐỨC TIN

2-Ch Lý gắn liền với Đức Tin

3 Ch Lý liên quan đến Đức Tin

4-Ch Lý được nhà th học công nhận

5 Ch Lý theo ý kiến các nhà thần học

I. THIÊN CHÚA DUY NHẤT VÀ BA NGÔI

A- THIÊN CHÚA DUY NHẤT

B- THIÊN CHÚA BA NGÔI

II- THIÊN CHÚA: Đấng TẠO HÓA

A. TÁC ĐỘNG TẠO DỰNG

B. CÁC VIỆC TẠO DỰNG

III- THIÊN CHÚA: Đấng CỨU CHUỘC

A M.NHIỆM NGÔI HIỆP

B NHÂN TÍNH Đ KITÔ

C- THÂN MẪU Đ KITÔ

IV- THIÊN CHÚA: Đấng THÁNH HÓA

A- ÂN SỦNG

1) HIỆN SỦNG

2) THƯỜNG SỦNG

B- GIÁO HỘI

1) BẢN CHẤT GIÁO HỘI

2) CƠ CẤU GIÁO HỘI

3) ĐẶC TÍNH GIÁO HỘI

C- Bí TÍCH

1) Bí TÍCH RỬA TỘI

2) THÊM SỨC

3) THÁNH THỂ

V) THIÊN CHÚA: Đấng HOÀN THÀNH

MỤC LỤC

B- CẢNH CHUNG THẾ GIỚI

PHẦN 2 : NHỮNG LUẬT ĐIỀU ĐỨC MẾN

I) CÁC YẾU TỐ

TÁC HÀNH

LỀ LUẬT

LƯƠNG TÂM

TỘI LỖI

NHÂN ĐỨC

II) CÁC GIỚI LUẬT

1. GIỚI LUẬT VỀ THẦN ĐỨC

Giới Luật Về Đức Tin

Giới Luật Về Đức Cây

Giới Luật Về Đức Mến

2. MƯỜI GIỚI LUẬT CHÚA

Giới Luật I

Giới Luật II

Giới Luật III

Giới Luật IV

Giới Luật V

Giới Luật VI + IX

Giới Luật VII + X

Giới Luật VIII

3 CÁC ĐIỀU LUẬT HỘI THÁNH

Giữ Chay và Kiêng Thịt (2)

Xưng Tội (3) và Rước Lễ (4)

Đóng Góp cho Giáo Hội (5)

Bí Tích Hôn Phối (6)

Chuẩn Duyệt Sách In ấn (7)

Phần 3 :CÁC LẠC GIÁO trong GIÁO HỘI

Phần 4 NHỮNG LẠC THUYẾT phản TÍN LÝ

CHỦ XƯỞNG CẢI CÁCH

HỘI KÍN TAM ĐIỂM

TRÀO LƯU CẤP TIẾN

CHỦ NGHĨA TÂN TIẾN

Phần 5 : CÁC CÂU TÓM CỦA GH CÔNG GIÁO

I. VIỆC TUYÊN XƯNG ĐỨC TIN

“TÔI TIN” – “CHÚNG TÔI TIN”

MỤC LỤC

2. TUYÊN XƯƠNG ĐỨC TIN KTGIAO

a. TÔI TIN KÍNH THIÊN CHÚA CHA

b. TÔI TIN KÍNH CHÚA GIÊSU KITÔ

c. TÔI TIN KÍNH CHÚA THÁNH THẦN

II. VIỆC CỬ HÀNH MẦU NHIỆM KI-TÔ GIÁO

1. CÔNG CUỘC BÍ TÍCH

2. BẢY BÍ TÍCH CỦA GIÁO HỘI

a. CÁC BÍ TÍCH GIA NHẬP KITÔ GIÁO

b. CÁC BÍ TÍCH ĐỂ CHỮA LÀNH

c. CÁC BÍ TÍCH GIÚP HIỆP THÔNG

d. CÁC VIỆC CỬ HÀNH P.VỤ KHÁC

III. SỰ SỐNG TRONG CHÚA KITÔ

1.Ơn Gọi của CNg là Sống trong T.Linh

a. PHẨM GIÁ của CON NGƯỜI

b. CỘNG ĐỒNG CON NGƯỜI

c. VIỆC CỨU ĐỘ THIÊN CHÚA

2. MƯƠI ĐIỀU RĂN CHÚA

a.CÁC NGƯỜI PHẢI KÍNH MẾN TC

b. “CÁC NGƯỜI PHẢI YÊU THƯƠNG THA NHÂN...”

IV. KINH NGUYỆN KITÔ GIÁO

1. Việc Cầu Nguyện trong ĐSống KTG

a. MẠC KHẢI CỦA VIỆC CẦU NGUYỆN

b. TR THỐNG CỦA VIỆC C. NGUYỆN

c. ĐỜI SỐNG CẦU NGUYỆN

2. Kinh Chúa Day: “Lạy Cha Chúng Con!”

Phụ Trương BẢN TUYÊN NGÔN CHUNG VỀ TÍN LÝ CÔNG CHÍNH HÓA

* Nguyên văn Bản Tuyên Ngôn Chung về Vấn Đề Tín Lý Công Chính Hóa

Chân Trời :Bộ Mặt Trái Đất

Cỏ Lùng Trong Ruộng

Theo chính Lời Chúa Giêsu, Đấng thường lấy các dụ ngôn khác nhau là “những sự dưới đất” để mạc khải “những sự trên trời” (Jn.3:12), đã giải thích về ý nghĩa dụ ngôn “cỏ lùng trong ruộng” (Mt.13:24-30) như sau:

“Kẻ gieo giống tốt là Con Người. Ruộng là thế gian; hạt giống tốt là công dân Nước Trời; cỏ lùng vạ là thành phần thuộc về tên gian ác. Kẻ thù gieo cỏ lùng là ma quỷ; mùa gặt là tận thế và nhân công là các thiên thần” (Mt.13:38).

Thực tế hiện nay cho thấy, lịch sử loài người chưa bao giờ có hiện tượng “cỏ lùng trong ruộng” um tùm rậm rạp như bây giờ, ngay trước ngưỡng cửa của “ngàn năm thứ ba đang đến” này, đến nỗi, đám cỏ lùng ấy thật sự đã và đang làm chết nghẹt biết bao nhiêu là “hạt giống tốt”:

“Họ sẽ tổng giam các con, sẽ hành hạ và sát hại các con... và vì có lắm thứ gian ác mà lòng mến nơi nhiều người sẽ trở nên nguội lạnh” (Mt.24:9,12).

MỤC LỤC

Phải chăng hiện tượng tràn lan khủng khiếp “cổ lòng trong ruộng” này là dấu hiệu của *thời tận thế*, như Chúa Giêsu đã báo trước cho các môn đệ của Người biết:

“Có lắm kẻ sẽ đến mạo danh Thầy xưng rằng: ‘Ta là Đấng Kitô!’ và sẽ lừa đảo (deceive) nhiều người” (Mt.24:5),

“Các tiên tri giả sẽ nổi lên rất đông (great numbers) để lừa được (mislead) nhiều người” (Mt.24:11)?

Dù không dám dứt khoát khẳng định hiện tượng “cổ lòng trong ruộng” đã làm mọc lên loại “văn hóa tử vong” ngày nay thực sự là dấu báo hiệu loài người đã tới thời tận thế, nhưng cũng không ai phủ nhận được những quái đản chưa từng có trong lịch sử loài người và lịch sử Giáo Hội do hiện tượng này gây ra, về cả phẩm lẫn lượng của nó: về lượng thì “rất nhiều” (Mt.24:11) và về phẩm thì “lừa được nhiều người” (Mt.24:11, nhất là chữ “mislead” ở câu 24), đúng như Lời Chúa Giêsu báo trước trong Phúc Âm trên đây.

“Cỏ Lùng Trong Ruộng”: “Nổi Lên Rất Đông”

Theo nhận định của văn kiện mang tựa đề “*Các Giáo Phái hay Các Trào Lưu Tân Giáo*” (*Sects or New Religious Movements*) do Văn Phòng Phát Động Hiệp Nhất Kitô Giáo của Tòa Thánh Rôma phổ biến ngày 3 tháng 5 năm 1986, một văn kiện được Văn Phòng Dịch Vụ Phát Hành và Phát Động của Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ phổ biến (Publication No. 100), thì:

“Hầu hết mọi giáo hội địa phương đều thấy nổi lên và phát triển nhanh chóng đủ mọi loại trào lưu, nhóm hội và hoạt động về tôn giáo hay nguy giáo (pseudoreligious) mới. Hiện tượng mà hầu hết các hội đáp viên (được tham khảo) cho đó là một vấn đề nghiêm trọng, còn một số khác lại cho là một vấn đề báo động (alarming matter); chỉ ở một số rất ít xứ sở dường như không có mà thôi” (chẳng hạn như ở các xứ sở toàn tòng Hồi Giáo) (1.2).

(những chỗ dịch được in đậm trong bài là do ý người viết để nhấn mạnh những ý điểm cần)

MỤC LỤC

Trong Tông Huấn “*Giáo Hội Tại Mỹ Châu*” (*Ecclesia in America*) là văn kiện đúc kết cuộc Thượng Hội Giám Mục Mỹ Châu được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II công bố ngày 22-1-1999 tại Mexico City, Trung Mỹ, chẳng những đề cập đến việc lan tràn của hiện tượng “cỏ lùng trong ruộng” mà còn cho thấy tính cách *lấn át* của “cỏ lùng” đối với “lúa” nữa:

*“Hoạt động mộ giáo (proselytizing) của các giáo phái và các nhóm tân giáo ở nhiều phần đất Mỹ Châu là một trở ngại trầm trọng cho công cuộc truyền bá phúc âm. Chữ ‘mộ giáo’ (proselytism) có ý nghĩa tiêu cực khi nó nói lên đường lối **chiếm đoạt tín đồ** ngược lại với tự do của những ai nghe họ giảng đạo...” (5)*

(Tuần san L'Osservatore Romano, ấn bản Anh ngữ, 27-1-1999)

Trong bản *Instrumentum Laboris* là văn kiện đúc kết để làm tài liệu chính thức cho cuộc Thượng Hội Giám Mục Úc Châu trong việc bàn định và giải quyết các vấn đề tại địa lục của mình, cũng

MỤC LỤC

công nhận tính cách tràn lan và lẫn át này của hiện tượng “cỏ lùng trong ruộng” rất khó phân biệt và đối phó này:

“Việc phát triển các trào lưu tôn giáo ngoài Giáo Hội, cả ở các đảo cũng như ở Papua New Guinea, là một hiện tượng trở thành một trong những thách đố cả thế đối với các Giáo Hội địa phương ở Úc Châu ngày nay. Các bản trả lời cho thấy mối quan tâm của các vị Giám Mục về việc các trào lưu tôn giáo ngoài Giáo Hội này đang phân rẽ các cộng đồng và đang dẫn người ta xa lìa Giáo Hội... Vẫn còn phải tốn nhiều công phu mới biết được các tôn giáo này cũng như mới tìm ra được chữ nghĩa xứng hợp để mô tả chúng một cách xác đáng. Người Công Giáo thường không phân biệt chắc chắn giữa nhóm này với nhóm khác...” (30)

(Tuần san L'Osservatore Romano, ấn bản Anh ngữ, 2-9-1998)

“Cổ Lùng Trong Ruộng”: “Lừa Được Nhiều Người”

Chính việc lan tràn nhanh chóng của “cổ lùng trong ruộng” hiện nay cũng đủ chứng tỏ phẩm chất rất thời trang của hiện tượng này, một phẩm chất có khả năng thu hút đến “lừa được nhiều người”, một phẩm chất được bản *Instrumentum Laboris* của Thượng Hội Giám Mục Úc Châu diễn tả như sau:

“Thường thấy họ (các trào lưu tân giáo ngoài Giáo Hội) tỏ ra có cảm tình nồng nàn, thông cảm, nhiệt tình và sẵn đón trong một nhóm nhỏ gắn bó chặt chẽ với nhau, một cảm nghiệm mà có những người Công Giáo thấy như bị thiếu hụt nơi cộng đoàn của mình. Âm nhạc, ca hát, nhảy múa, giảng dạy hùng hồn và nói tiếng lạ đóng một vai trò quan trọng trong việc thu hút người ta tham gia vào các đạo này, nhất là đám trẻ. Các tôn giáo ấy thường lấp đầy cái trống rỗng của cảm xúc mà người ta đang tìm kiếm cho ý nghĩa cuộc đời... Các người Công Giáo, vì bị trục trặc với vị linh mục hay với nhân viên mục vụ, hoặc bởi tình trạng hôn nhân bất bình

MỤC LỤC

thường của mình, đôi khi cũng bị lôi cuốn theo họ. Những đạo này dùng Thánh Kinh để làm cho người thành tín vô tư lo sợ đến phần rỗi của mình. Họ chú ý tới việc thăm viếng từng gia đình, thường lợi dụng vào những lúc con người đang gặp phải phiền sầu, bệnh tật hay khủng hoảng bản thân. Họ tỏ ra tích cực trong việc đối xử với người ta và làm cho người ta cảm thấy tự nhiên sinh hoạt trong cộng đoàn của mình..." (đoạn 30).

MỤC LỤC

Đúng thế, văn kiện “*Các Giáo Phái hay Các Trào Lưu Tân Giáo*” (*Sects or New Religious Movements*) do Văn Phòng Phát Động Hiệp Nhất Kitô Giáo của Tòa Thánh Rôma phổ biến ngày 3 tháng 5-1986 cũng đã khảo sát rất kỹ lưỡng hiện tượng “cổ lũng trong ruộng” rất thời trang này như sau:

“Những lý do đưa đến thành công nơi các người Công Giáo thực sự có nhiều và có thể nhận thấy ở một số lãnh vực. Những lý do này nói chung có liên quan đến những nhu cầu và những khát vọng dường như không tìm thấy nơi các giáo hội chính. Những lý do này cũng dính dáng đến những kỹ thuật chiêu mộ và huấn luyện của các giáo phái...”

MỤC LỤC

“Hiện tượng này như là một triệu chứng gây ra bởi các cấu tạo tha hóa nơi xã hội đương thời, phần nhiều phát xuất từ Tây Phương rồi được quảng biến khắp thế giới, các cơ cấu tha hóa tạo nên biết bao nhiêu là tình trạng khủng hoảng trên bình diện cá nhân cũng như xã hội. Những tình trạng khủng hoảng này cho thấy các nhu cầu, các khát vọng và các vấn nạn khác nhau cần phải có đáp ứng về tâm lý cũng như tinh thần. Các giáo phái nhận mình nắm trong tay và ban phát những đáp ứng ấy. Họ thực hiện việc này trên cả lãnh vực cảm tình lẫn tri thức, song thường đáp ứng các nhu cầu tình cảm bằng đường lối làm mù quáng các tài năng tri thức.

MỤC LỤC

“Các nhu cầu và khát vọng căn bản này có thể được thấy nơi rất nhiều những bộc lộ của việc con người tìm kiếm tâm vóc viên trọn và hòa hợp, việc dự phần và hiện thực, ở tất cả mọi lãnh vực hiện hữu cũng như cảm nghiệm của con người; chúng cũng có thể được thấy nơi rất nhiều nỗ lực đáp ứng việc con người tìm kiếm chân lý và ý nghĩa cuộc đời, tìm kiếm các giá trị nội tại là những gì, trong một số trường hợp, dường như bị che đậy, đổ vỡ hay mất đi theo giòng lịch sử đại đồng cũng như cá nhân, nhất là trong trường hợp của thành phần bị đảo lộn vì đổi thay nhanh chóng, vì bị dồn nén căng thẳng, vì sợ hãi v.v. (1.5)

“Những nhu cầu và khát vọng này có thể được đúc kết thành chín đầu đề chính... (2)

“Tìm cầu nơi nương tựa (theo nghĩa đoàn thể): Cơ cấu của nhiều cộng đồng đã bị hủy hoại; các lối sống cổ truyền bị xáo trộn; gia đình tan nát; người ta cảm thấy mất gốc và lẻ loi. Bởi vậy mới có nhu cầu nương tựa... Các giáo phái tỏ ra: cử chỉ nồng hậu, sẵn sàng và nâng đỡ theo tình người trong các cộng đồng gần bó nhỏ nhỏ... (2.1.1).

“Tìm cầu các giải đáp: Trong những trường hợp phức tạp và bối rối, theo tự nhiên người ta đi tìm kiếm những giải đáp và giải quyết. Các giáo phái tỏ ra: có những giải đáp giản dị và tiện lợi (ready-made) cho các vấn đề và trường hợp phức tạp;... có một thứ thần học thực tiễn (pragmatic theology), một thứ thần học lợi lộc... (2.1.2)

“Tìm cầu viên trọn thể: Nhiều người cảm thấy tách lìa với bản thân mình, với người khác, với văn hóa và môi sinh của họ. Họ cảm thấy đổ vỡ. Họ bị tổn thương bởi cha mẹ hay thầy cô, bởi Giáo Hội hay xã hội... Họ cần được chữa lành, kể cả về phần xác... Các giáo phái tỏ ra: ... có thể chữa lành thể lý và

MỤC LỤC

tâm linh; có thể giải quyết vấn đề nghiện hút và nghiện ngập... (2.1.3)

***“Tìm cầu văn hóa bản:...** Nơi nhiều xứ sở thuộc Thế Giới Đệ Tam, xã hội thấy mình bị tách lìa rất nhiều với văn hóa cổ truyền, với các giá trị xã hội và tôn giáo... . Các giáo phái tỏ ra: có nhiều chỗ cho tôn giáo hay văn hóa cổ truyền, ... có lỗi nguyện cầu và giảng dạy gần gũi hơn với các tính chất văn hóa cũng như với các khát vọng của người ta. (2.1.4)*

***“Nhu cầu cần được biết đến, được nổi nang:** Người ta cảm thấy cần vượt ra khỏi tình trạng vô danh tiểu tốt, cần làm nên cho mình một cá biệt, cần cảm thấy nổi nang cách nào đó chứ không phải chỉ là một con số hay chỉ là một phần tử mất hút trong đám đông... . Các giáo phái tỏ ra: quan tâm đến cá nhân; có các cơ hội để thi hành thừa tác vụ và vai trò lãnh đạo, cơ hội để tham gia, chứng tỏ, phát biểu... (2.1.5)*

***“Tìm cầu siêu việt tính:** Việc tìm cầu này nói lên một nhu cầu tâm linh sâu xa, một động lực thần hứng trong việc tìm kiếm một cái gì đó vượt ra ngoài cái cụ thể, trực tiếp, quen thuộc, khả chế và*

MỤC LỤC

vật chất, để tìm giải đáp cho những vấn nạn tối hậu của đời sống, cũng như để tin vào một điều gì đó có thể làm đổi thay cuộc sống con người một cách đặc biệt... . Các giáo phái tỏ ra:... có thể giúp học hiểu Thánh Kinh; hiểu biết về ơn cứu độ; có các tặng ân Thần Linh; giúp suy niệm... (2.1.6)

*“**Tìm cầu linh hướng:** Thiếu sự nâng đỡ của cha mẹ trong gia đình hay thiếu khả năng lãnh đạo, kiên nhẫn và tự nguyện dẫn thân về phía các vị lãnh đạo giáo hội hay các nhà giáo... . Các giáo phái tỏ ra: có thể hướng dẫn bằng khả năng lãnh đạo tài khéo vững vàng. Con người của vị sư phụ, của nhà lãnh đạo, của cố đạo (guru) đóng vai trò quan trọng trong việc làm cho các đồ đệ cảm phục... (2.1.7)*

*“**Tìm cầu nhân quan:** Thế giới ngày nay là một thế giới liên thuộc của hận thù và tương khắc, của vô lực và sợ bị hủy diệt. Người ta cảm thấy lo sợ về tương lai; họ thường cảm thấy chán chường, vô dụng, vô vọng và bất lực. Họ tìm kiếm những dấu hy vọng, tìm một lối thoát. Một số người có ước vọng, cho dù mơ hồ, trong việc kiến tạo nên một thế giới khác hơn... . Các giáo phái tỏ ra: cho thấy một*

MỤC LỤC

nhãn quan mới về bản thân, về nhân loại, về lịch sử, về vũ trụ. Họ hứa hẹn khởi sự cho một tân thời, một tân kỷ nguyên. (2.1.8)

“Tìm cầu dự phần và tham gia:... Nhiều người tìm cầu chẳng những cảm thấy cần một nhãn quan trong xã hội của thế giới hiện nay cũng như hướng về tương lai, họ còn muốn dự phần vào việc quyết định, phác họa và thực hiện nữa... . Các giáo phái tỏ ra: cho thấy họ có một sứ mệnh kiến tạo nên một thế giới khá hơn, có một ơn gọi toàn hiến, một tham phần ở hầu hết các lãnh vực. (2.1.9)

“Tóm lại, người ta có thể nói rằng, các giáo phái tỏ ra sống những gì họ tin tưởng, với một xác tín (thường có sức hấp dẫn) mãnh liệt, nhiệt tình và dấn thân; họ chịu khó giao tiếp với người chung quanh một cách nồng hậu, thân tình, và trực tiếp kéo cá nhân ra khỏi tình trạng khuất dạng, kêu mời tham phần, sáng tạo, trách nhiệm, dấn thân..., họ thực hiện việc tận tình liên lạc bằng nhiều lần giao tiếp, viếng thăm, tiếp tục nâng đỡ và hướng dẫn. Họ giúp vào việc cắt nghĩa lại cảm nghiệm của người ta, việc tái thẩm định các giá trị của người ta, và việc giải

MỤC LỤC

quyết những vấn đề tối hậu bằng đường lối bao gồm hết mọi sự... Tóm lại, họ tỏ ra cho thấy họ là một giải đáp duy nhất, là tin mừng trong một thế giới biến động”.

“Cỏ Lùng Trong Ruộng”: Các Kitô ngụ ý tạo

Trong các giáo phái (sects) từ trước đến nay, điển hình nhất, ghê gớm nhất, trắng trợn nhất và kinh hoàng nhất, phải kể đến **Đạo Satan (Satanism)**. Ông tổ của đạo này là Aleister Crowley (1875-1947) người Anh quốc, kẻ xưng mình là một *“con mãnh thú”* trong Sách Khải Huyền, với chủ trương *“tất cả lễ luật là ở tại làm điều mình muốn”*, và đệ nhất tông đồ của đạo này là Anton LaVey bên Hoa Kỳ, nhân vật đã thành lập *“giáo hội Satan”* và viết cuốn *“kinh thánh Satan”* với những tuyên ngôn như: *“Satan tiêu biểu cho thỏa mãn chứ không phải cho cầm hãm (1); Satan tiêu biểu cho hiện sinh chứ không phải cho mơ mộng siêu linh hảo huyền (2); Satan tiêu biểu cho báo oán hận thù chứ không phải cho việc chìa cả má kia (5); Satan tiêu biểu cho tất cả những gì là tội lỗi làm thỏa mãn về thể chất, tâm thần hay cảm xúc (8)”*, và chủ trương: *“Tiếp tục cuộc phản loạn ma quái chống lại Thiên Chúa và bất cứ những gì là thần linh (1); Trong tất cả những gì Satan đã chọn lựa để loại trừ thì trên hết phải loại trừ mọi ảnh hưởng của*

MỤC LỤC

Thiên Chúa hiện diện nơi bất cứ một nơi chốn hay một khía cạnh nào (4)''.

Và trong các trào lưu tân giáo (new religious movements) từ trước đến nay, khó thấy nhất, nguy hiểm nhất và ảnh hưởng nhất phải kể đến **Phong Trào Thời Mới (New Age Movement)**, một phong trào tràn lan từ thập niên 1960 cùng thời với Công Đồng Vaticanô II, một phong trào tân giáo có thể nói đã được phát động bởi Alice Anne Bailey (1880-1949), một chuyên viên thần tri (theosophist) và mật tri (occultist). New Age Movement là một thứ rượu mới (Tây phương) được đựng trong bình cũ (Đông phương), ở chỗ, phong trào này có khuynh hướng triết lý theo khoa tâm lý nhân bản hiện đại lại hoàn toàn hòa hợp với niềm tin của Aán Giáo và Phật Giáo cổ kính. New Age Movement chủ trương đồng nhất tính (*monism*): tất cả mọi sự hiện hữu kể cả Thiên Chúa đều là một và như nhau; phiếm thần (*pantheism*): vì tất cả mọi sự hiện hữu đều là một và như nhau nên mọi sự hiện hữu đều là thần linh, đều là Thiên Chúa, đều có thần tính, nên

không cái này hơn kém cái kia; đồng điệu tính (*syncretism*): đạo nào cũng là đạo, đạo nào cũng dạy ăn ngay ở lành, nên theo đạo nào cũng được rồi, đường nào cũng dẫn đến Rôma; ngộ thức (*gnosticism*): con người được giải thoát và biến đổi là nhờ ở kiến thức giác ngộ của mình, một kiến thức chỉ dành cho một số ít người.

Tuy nhiên, giáo phái nào thì giáo phái, trào lưu tôn giáo nào thì trào lưu, dù họ có làm được phép lạ, như Chúa Giêsu báo trước trong Phúc Âm Thánh Mathêu, đoạn 24 câu 24: “*Các nguy kitô và tiên tri giả sẽ xuất hiện, làm nhiều dấu lạ và sự lạ cả thế đến nỗi lừa được cả thành phần được chọn*”, thì cũng theo lời Chúa Giêsu kêu gọi: “*đừng tin*” (Mt.24:26). Thế nhưng, làm thế nào để có thể “*coi chừng, đừng để ai lừa được*” (Mt.24:4) như lời Chúa Giêsu cảnh giác, nếu không phân biệt được đâu là thật đâu là giả, tức làm sao để có thể điểm mặt “*các nguy kitô*”, làm sao nhận ra chân tướng của “*các tiên tri giả*”. Trong cuốn “*Thời Điểm Maria: Hiệp Sĩ*

Trái Tim Mẹ” (Cao-Bùi, 1998, trang 118-119), người viết đã chia sẻ như sau:

Nếu “tinh thần nào công nhận Chúa Giêsu Kitô đến trong xác thịt là tinh thần thuộc về Thiên Chúa, còn tinh thần nào không nhận biết Người (đến trong xác thịt) là tinh thần không thuộc về Thiên Chúa. Tinh thần như thế là tinh thần phản kitô” (1Jn.4:1-2), thì thực tế cho thấy, và càng ngày càng cho thấy, “tinh thần phản kitô” ở chỗ không chấp nhận “Chúa Giêsu Kitô đến trong xác thịt” được tỏ hiện rõ ràng qua bốn dấu hiệu sau đây:

Dấu hiệu thứ nhất của “tinh thần phản kitô” là việc không tin tưởng, khinh thường hay xúc phạm đến “Chúa Giêsu Kitô đến trong xác thịt” đang hiện diện thực sự trong Bí Tích Thánh Thể, bằng chính Mình Thánh và Máu Thánh của Người.

Dấu hiệu thứ hai của “tinh thần phản kitô” là việc không tin tưởng, bất tuân phục hay chống đối “Chúa Giêsu Kitô đến trong xác thịt” nơi quyền bính Giáo Hoàng, một con người bằng xương bằng thịt kế vị Thánh Phêrô, để đại diện Chúa Kitô chăn dắt đoàn chiên của Người trên thế gian.

MỤC LỤC

Dấu hiệu thứ ba của “tinh thần phản kitô” là việc không tin tưởng, khinh thường và bất kính Đức Maria, Mẹ Thiên Chúa Vô Nhiễm Nguyên Tội Trọn Đời Trinh Nguyên, người nữ đã thụ thai và hạ sinh “Chúa Giêsu Kitô đến trong xác thịt”.

Dấu hiệu thứ bốn của “tinh thần phản kitô” là việc khinh bỉ (như kỳ thị), giầy đạp (như ly dị) hay hủy hoại (như phá thai) tất cả những gì thấp hèn (như nghèo khổ), yếu kém (như thai nhi) hay bất hạnh (như tật nguyền) là thân phận sống đã được “Chúa Giêsu Kitô đến trong xác thịt” mặc lấy (x.Phil.2:7-8; 2Cor.8:9) để có thể đồng hóa mình với “các người anh em bé mọn nhất của (Người)” (Mt.25:40,45) và cũng để nhờ đó “cứu lấy những gì trầm hư” (Lk.19:10).

Tuy nhiên, kinh nghiệm cho thấy, dù có đủ các dấu hiệu thứ nhất, thứ ba hay thứ bốn trên đây, nếu thiếu dấu hiệu cốt yếu thứ hai là lòng tuân phục Huấn Quyền và sùng kính Đức Thánh Cha thì cũng “hãy coi chừng, đừng để mình bị lừa đảo” (Mt.24:4).

MỤC LỤC

Trước hết, đối với dấu hiệu thứ nhất, không thể nào một người tôn sùng Chúa Giêsu Thánh Thể mà lại không hiệp nhất với Giáo Hội, mà lại công khai chỉ trích hay đả phá Giáo Quyền và Đức Thánh Cha, như *Lá Thư Hoa Kỳ* số 14 (20-8-1992) và 23 (1-6-1993) của một giáo dân Việt Nam ở San Dimas Nam California, hay như *Tiếng Loa Cảnh Báo* 1 (11/98) và 2 (12/98) của một giáo dân Việt Nam khác ở San Jose Bắc California, cả hai phổ biến đều có nội dung hay những mục chống lại Thánh Lễ canh tân theo Công Đồng Chung Vaticanô II.

Thứ đến, đối với dấu hiệu thứ ba, không thể nào tôn sùng Mẹ Maria mà lại mất lòng tin tưởng Huấn Quyền và Vị Đại Diện Con Mẹ, như trường hợp chính người viết đã gặp trong một lần được mời đến tham dự buổi đọc kinh ngày Chúa Nhật với một nhóm hơn 10 người, tại nhà một người giáo dân ở giáo phận Orange Nam California. Sau cả tiếng đồng hồ mới đọc xong một chuỗi 50 Kinh Mân Côi rất sốt sắng, với những bài hát xen kẽ, kèm theo cử chỉ giang tay

MỤC LỤC

và phục mình xuống đất, thì có một bà già (chứ không phải trẻ), trong lúc chia sẻ sống đạo đã phát biểu thế này: “*Giáo Hội nói gì thì nói cũng tùy cái mà tin*”.

Sau nữa, đối với dấu hiệu thứ bốn, không thể nào bênh vực luật tự nhiên, bênh vực sự sống con người mà lại chống đối Huấn Quyền và Đức Giáo Hoàng về cùng một vấn đề, như trường hợp của tờ *A Voice Crying in the Wilderness* số 1 (mà người viết nhận được biểu không vào giữa năm 1998), phát xuất từ Most Holy Family Monastery ở New York miền Đông Bắc Hoa Kỳ, cho rằng Công Đồng Chung Vaticanô II, trong Hiến Chế *Vui Mừng và Hy Vọng*, cũng như Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, trong Thông Điệp *Phúc Âm Sự Sống*, đã gây ra việc ngừa thai quá mức, vì cả Công Đồng lẫn Đức Thánh Cha đã cổ động việc ngừa thai nhân tạo: “*Vatican II and John Paul II have promoted NFP (Natural Family Planning)*”

Sau hết, đối với dấu hiệu thứ hai, không thể nào tỏ ra bênh vực Giáo Hội mà lại quay ra đả

MỤC LỤC

pháchính Giáo Hội cũng như Đấng Đại Diện Chúa Kitô chấn dặt Giáo Hội Chúa trên trần gian, bằng những công khai tuyên bố “*Giáo Hoàng Mật Đức Tin*”, trong đó có “*Giáo Hoàng Phaolô VI*” và “*Giáo Hoàng Gioan Phaolô II*”, như cuốn *Trước Con Giông Tố* (1995) của chính người giáo dân Công Giáo Việt Nam phổ biến tờ nguyệt san Tiếng Loa Cảnh Báo trên đây, hay như bản kết án “*101 lạc thuyết của Giáo Hoàng Giả Gioan Phaolô II*”, cũng của vị tu sĩ tác giả chủ trương tờ *A Voice Crying in the Wilderness* trên đây.

“Cổ Lùng Trong Ruộng”: Bảo Vệ Mùa Màng

Để giúp cho con cái mình có thể nhận ra những sai trái hay mặt trái của thành phần “phản kitô”, cũng như để bảo vệ họ khỏi bị “cổ lùng trong ruộng” tận thời lẩn át, từ hậu bán thế kỷ 19, Giáo Hội đã lần lượt ban hành các văn kiện chính thức sau đây:

1. Ngày 8/12/1864, Đức Piô IX đã công bố một *Bản Tổng Kê* (syllabus) 80 điều sai lầm của thời đại bấy giờ về đủ mọi thứ (như khuynh hướng phiếm thần, tự nhiên, duy lý, khô đạo v.v.)
2. Ngày 20-4-1884, Đức Lêô XIII đã ban bố Thông Điệp *Humanum Genus* về *Hội Kín Tam Điểm*.
3. Ngày 3/7/1907, Đức Piô X đã ban hành Thông Điệp *Pascendi Dominici Gregis* về các giáo điều của thành phần tân tiến thuyết, trong đó ngài bài bác và lên án 65 điều sai lầm của họ trong bản *Bản Tổng Kê* ở cuối bức thông điệp này.
4. Ngày 19/3/1937, Đức Piô XI đã ban hành Thông Điệp *Divini Redemptoris* về những sai trái và tai hại của chủ nghĩa cộng sản vô thần.

MỤC LỤC

5. Ngày 12/8/1950, Đức Piô XII đã ban hành Thông Điệp *Humani Generis* về một số ý nghĩ sai lầm đe dọa tín lý Công Giáo.
6. Ngày 25/7/1968, Đức Phaolô VI đã ban hành Thông Điệp *Humanae Vitae* về sự sống con người qua việc truyền sinh và phương pháp ngừa thai tự nhiên.
7. Ngày 24/6/1973, Thánh Bộ Tín Lý Đức Tin ban hành *Tuyên ngôn Bảo Vệ Tín Lý Công Giáo về Giáo Hội chống lại một số sai lầm của ngày hôm nay*.
8. Ngày 28/6/1974, Thánh Bộ Tín Lý Đức Tin ban hành *Tuyên ngôn về việc Tìm Cách Phá Thai*.
9. Ngày 29-12-1975, Thánh Bộ Tín Lý Đức Tin ban hành một *Tuyên ngôn về một số vấn đề liên quan đến Luân Lý Tính Dục*.
10. Ngày 6/8/1984, Thánh Bộ Tín Lý Đức Tin ban hành bản *Hướng dẫn về một số lãnh vực của "Thần học giải phóng"*.

MỤC LỤC

11. Ngày 22/3/1986, Thánh Bộ Tín Lý Đức Tin ban hành một bản Hướng Dẫn về *Tình Trạng Tự Do Kitô Giáo và Vấn Đề Giải Phóng*.

12. Ngày 6/8/1993, Đức Gioan Phaolô II ban hành Thông Điệp *Veritatis Splendor* “để làm sáng tỏ một số khía cạnh tín lý quan trọng đang thực sự bị khủng hoảng ... một số vấn đề nòng cốt về giáo huấn luân lý của Giáo Hội” (đoạn 5)

13. Ngày 25/3/1995, Đức Gioan Phaolô II ban hành Thông Điệp *Evangelium Vitae* “để tái xác định một cách chính xác và cương quyết giá trị của sự sống con người và tính cách bất khả xâm phạm của nó” (đoạn 5)

14. Ngày 14/9/1998, Đức Gioan Phaolô II ban hành Thông Điệp *Fides et Ratio* “nhấn mạnh đến đề tài về chính chân lý cũng như về nền tảng của nó liên quan tới đức tin” (đoạn 6).

Đúng thế, từ thế kỷ 19 mới có hiện tượng “cỏ lùng trong ruộng” “nổi lên rất nhiều” và “lừa được nhiều người” chưa bao giờ thấy như vậy. Thế nhưng, nếu “kẻ gieo giống tốt là Con Người. Ruộng là thế gian; hạt giống tốt là công dân Nước

MỤC LỤC

Trời; cỏ lòng vực là thành phần thuộc về tên gian ác. Kẻ thù gieo cỏ lòng là ma quỷ; mùa gặt là tận thế và nhân công là các thiên thần” (Mt.13:38), thì ngay từ khi mới có con người và mới có Giáo Hội nạn “cỏ lòng trong ruộng” đã xuất đầu lộ diện rồi. Không phải từ khi mới có con người, đã không có một Cain lẩn át Abel hay sao (xem Khởi Nguyên 4:1-16)? Rồi cũng không phải hay sao, từ khi mới có Giáo Hội đã không có cấm cách (xem Tông Vụ 4:1-22; 5:17-42), tử đạo (xem Tông Vụ 7:1-60) và bách hại (xem Tông Vụ 8:1-3), nhất là đã có các lạc giáo tuyên truyền sai lầm trong thời các Giáo Phụ Hội Thánh, rồi tiếp tục cứ thế “cả hai mọc lên cho tới mùa gặt” (Mt.13:30), phải chăng đó chính là mùa Giáo Hội nỗ lực hướng về mục tiêu Đại Kết sau Công Đồng Chung Vaticanô II cho tới nay?

Thế nhưng, sở dĩ từ thế kỷ 19 mới có nạn “cỏ lòng trong ruộng” “nổi lên rất nhiều” như vậy là vì tới thời điểm của nó, thời điểm Giáo Hội phát triển đã đến lúc như “lúa lên mạ và trở bông” (Mt.13:26). Tuy biết rằng “cỏ lòng trong ruộng”

MỤC LỤC

có thể nguy hại đến “lúa”, song theo ý định vô cùng khôn ngoan mầu nhiệm của mình, “người gieo hạt giống tốt trong ruộng của mình” (Mt.13:24) vẫn tỉnh bơ “ngủ” (Mt.13:25), dù biết rằng “đó là do kẻ thù làm” (Mt.13:28), lại còn không cho phép nhân công “nhổ cỏ” (Mt.13:29) trước khi “tới mùa gặt”, là vì ông không muốn để việc diệt cỏ lùng lây hại đến cả “lúa” (xem Mt.13:29), một tai hại còn tệ hơn cả sự có mặt của “cỏ lùng trong ruộng” cùng với hoạt động phá hoại của nó. Bởi vì, nhờ “cỏ lùng trong ruộng” mà “lúa” mới có cơ hội tốt cũng như mới càng được dịp sống đức tin chân chính và sáng tỏ hơn, một yếu tố thiết yếu để hoàn thành sứ vụ tân phúc âm hóa trong ngàn năm thứ ba, đúng như lời Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II trong Tông Huấn “*Giáo Hội tại Mỹ Châu*” trong khoản 73 mang tựa đề “Thách Thức của Các Giáo Phái (sects)” sau đây:

“Hơn bao giờ hết, tất cả mọi tín hữu cần phải tiến từ đức tin thói quen hầu như chỉ được bảo tồn nhờ môi

MỤC LỤC

tương quan xã hội, đến đức tin ý thức và tự sống. Việc canh tân đức tin bao giờ cũng là đường lối tốt nhất để dẫn người khác về với Chân Lý là Chúa Kitô".

(Tuần san L'Osservatore Romano, ấn bản Anh ngữ, 27-1-1999)

Trong bối cảnh khủng hoảng về cả đạo lý lẫn luân lý hiện nay, và theo ý hướng của Vị Chủ Chăn Tối Cao trên đây, bộ **Ánh Sáng Sự Sống** xin dành trọn cuốn *Giáo Lý Cẩm Nang* cuối cùng (thứ 12) này để tổng lược tất cả những gì tóm gọn liên quan đến vấn đề giáo lý đã diễn tiến trong suốt giòng lịch sử của Giáo Hội cho đến nay.

Cuốn *Cẩm Nang Giáo Lý* này gồm có 400 Chân Lý Đức Tin (trang 25-76), 227 Luật Điều Đức Mến (trang 77-136), 92 Lạc Giáo trong Giáo Hội (trang 137-192), 41 Sai Lầm của Chủ Xướng Cải Cách (trang 194-201), 12 Ngụy Trưng của Hội Kín Tam Điểm (trang 202-206), 80 Sai Lầm của

MỤC LỤC

Trào Lưu Cấp Tiến cận đại (trang 207-219), 65 Sai Lầm của Chủ Nghĩa Tân Tiến cận đại (trang 220-231), 561 khoản Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo cập nhật hóa hiện đại (trang 233-356) và 44 điều Tuyên Ngôn Chung về Tín Lý Công Chính Hóa giữa Liên Hiệp Luthêrô Thế Giới và Giáo Hội Công Giáo Rôma (trang 211-225).

Xin “Lời đã hóa thành nhục thể và ở giữa chúng ta” (Jn.1:14) là “ánh sáng chiếu trong tăm tối” (Jn.1:5) luôn soi dẫn chúng ta theo “*ánh sáng sự sống*” (Jn.8:12)!

(Bài mở đầu trên đây của người soạn tập sách này đã được phổ biến trên Nguyệt San Dân Chúa Mỹ Châu 9/1999)

Khởi Soạn Lễ Phục Sinh 4-4-1999

Đaminh Maria Cao Tấn Tĩnh, BVL

PHẦN MỘT : NHỮNG CHÂN LÝ ĐỨC TIN

Là tổng hợp nguyên văn tất cả các câu (in đậm) về tín lý

*trong cuốn *Fundamentals of Catholic Dogma* nguyên tác bằng Đức ngữ từ 1952 của Dr. Ludwig Ott.*

Bản Anh ngữ do Patrick Lynch, Ph.D. chuyển dịch và được edited by James Canon Bastible, D.D., tái bản lần thứ bốn từ năm 1960,

Tan Books and Publishers, Inc. tái bản lần 5 năm 1974

(việc xếp theo số thứ tự là do người soạn tập sách này)

Chân Lý Đức Tin được chia cấp trật như sau:

1- Chân Lý thuộc về Đức Tin (*De Fide* → *DF*):
đã được định tín và buộc phải tin.

2- Chân Lý gắn liền với Đức Tin

(*Sententia Fidei Proxima* → *SF*):

chưa được định tín nhưng là chân lý mạc khải.

3- Chân Lý liên quan đến Đức Tin

(*Sententia ad Fidem Pertinents* → *SFP*):

chưa được định tín nhưng do đức tin mà có.

MỤC LỤC

4- Chân Lý được các nhà thần học công nhận

(*Sententia Communis* → **SC**)

5- Chân Lý theo ý kiến của các nhà thần học

(*Sententia Probabilis* → **SPro**)

6- Chân Lý theo cảm nhận đức tin của Giáo Hội

(*Sententia Pia* → **Spia**)

I. THIÊN CHÚA DUY NHẤT VÀ BA NGÔI

A- THIÊN CHÚA DUY NHẤT

1) VIỆC HIỆN HỮU CỦA THIÊN CHÚA

- 1- Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa và là Chúa của chúng ta, có thể được ánh sáng trí khôn nhận biết một cách chắc chắn qua các vật thụ tạo. (DF)
- 2- Việc hiện hữu của Thiên Chúa có thể được chứng minh bằng việc truy nguyên. (SF)
- 3- Việc hiện hữu của Thiên Chúa không phải chỉ là đối tượng của kiến thức tự nhiên mà còn là đối tượng của đức tin siêu nhiên nữa. (DF)

2) BẢN TÍNH CỦA THIÊN CHÚA

- 4- Kiến thức của chúng ta về Thiên Chúa khi còn ở trên trần gian này không phải là một hiểu biết trực tiếp cảm nhận mà là một kiến thức gián tiếp trừu tượng, vì nó đạt được qua việc suy diễn từ các tạo vật. (SFP)
- 5- Kiến **thức** của chúng ta về Thiên Chúa khi còn ở dưới thế này không phải là một hiểu biết xác đáng (cognitio propria) mà chỉ là một hiểu

MỤC LỤC

biết tương sánh (cognitio analoga or analogica).
(SFP)

6- Con người **không** thể nào thấu hiểu được bản tính của Thiên Chúa. (DF)

7- Các thánh trên Thiên Đàng có một trực thức cảm nhận về Yếu Tính Thần Linh. (DF)

8- Việc Trực Kiến Thiên Chúa là một việc vượt trên khả năng nhận thức tự nhiên của linh hồn con người, bởi thế nó là một việc siêu nhiên.
(DF)

9- Để Trực Kiến Thiên Chúa, linh hồn cần phải có ánh sáng vinh quang. (DF)

10- Các thánh trên Thiên Đàng cũng không thể nào hiểu thấu Yếu Tính của Thiên Chúa. (DF)

3) ƯU PHẨM CỦA THIÊN CHÚA

11- Các Ưu Phẩm Thần Linh thực sự chỉ là một với nhau và là một với Yếu Tính Thần Linh.
(DF).

12- Thiên Chúa tuyệt đối toàn thiện. (DF)

13- Thiên Chúa thực sự vô cùng trong tất cả mọi sự toàn thiện. (DF)

14- Thiên Chúa tuyệt đối đơn thuần. (DF)

MỤC LỤC

- 15- Chỉ có Một Thiên Chúa Duy Nhất. (DF)
- 16- Về yếu tính, Thiên Chúa Duy Nhất là Thiên Chúa Chân Thật. (DF)
- 17- Thiên Chúa có khả năng hiểu biết vô cùng. (DF)
- 18- Thiên Chúa tuyệt đối Chân Thật. (DF)
- 19- Thiên Chúa tuyệt đối trung tín. (DF).
- 20- Thiên Chúa tuyệt đối Thiện Hảo về yếu tính nơi chính Mình Ngài cũng như đối với các tạo vật. (DF)
- 21- Thiên Chúa tuyệt đối Thiện Hảo về luân lý hay tuyệt đối Thánh Thiện. (DF)
- 22- Thiên Chúa tuyệt đối Tốt Lành. (DF)
- 23- Thiên Chúa tuyệt đối bất biến. (DF)
- 24- Thiên Chúa là Đấng hằng hữu. (DF)
- 25- Thiên Chúa là Đấng vô biên hay không lường. (DF)
- 26- Thiên Chúa hiện diện ở khắp mọi nơi. (DF)
- 27- Kiến Thức của Thiên Chúa thì vô cùng. (DF)
- 28- Thiên Chúa biết tất cả mọi sự thuần năng thể bằng kiến thức của tri thức đơn giản (scientia simplicis intelligentiae). (DF)

MỤC LỤC

- 29- Thiên Chúa biết tất cả mọi sự hiện thực trong quá khứ, hiện tại và tương lai (scientia visionis). (DF)
- 30- Bằng thị thức (scientia visionis), Thiên Chúa cũng thấy trước một cách rõ ràng các tác động tự do sẽ xảy ra nơi loài tạo vật có lý trí. (DF)
- 31- Thiên Chúa cũng biết một cách rõ ràng các hành động tự do sẽ xảy ra nếu có cơ hội (scientia futuribilium). (SC)
- 32- Ý Muốn Thần Linh của Thiên Chúa thì vô cùng. (DF)
- 33- Thiên Chúa tất yếu yêu Bản Thân Mình, nhưng tự do yêu thương và muốn dựng nên các sự ngoài Mình. (DF)
- 34- Thiên Chúa là Chúa trời đất. (DF)
- 35- Thiên Chúa vô cùng chính trực. (DF)
- 36- Thiên Chúa vô cùng xót thương. (DF)

B- THIÊN CHÚA BA NGÔI

1) THỰC TẠI

- 1- Nơi Thiên Chúa có Ba Ngôi là Cha, và Con và Thánh Thần. Mỗi Ngôi đều có một (numerical) Yếu Tính Thần Linh. (DF)
- 2- Nơi Thiên Chúa có hai Cuộc Nhiệm Phát Nội Tại Thần Linh. (DF)
- 3- Các Ngôi Vị Thần Linh, chứ không phải Bản Tính Thần Linh, là chủ thể của các Cuộc Nhiệm Phát Nội Tại Thần Linh. (DF)
- 4..Ngôi Hai Thần Linh nhiệm phát từ Ngôi Cha Thần Linh bằng việc Nhiệm Sinh, và vì thế liên hệ với Ngài như Con với Cha. (DF)
- 5..Thánh Thần nhiệm phát từ Cha và Con như từ một Nguyên Lý Duy Nhất qua việc Nhiệm Xuất Duy Nhất. (DF)

2) MẦU NHIỆM

- 6..Con nhiệm phát từ Tri Thức của Cha bằng việc Nhiệm Sinh. (SFP)

MỤC LỤC

- 7..Thánh Thần nhiệm phát từ ý muốn hay từ tình Cha Con yêu thương nhau. (SFP)
- 8..Thánh Thần không nhiệm phát bằng việc nhiệm sinh mà bằng việc nhiệm xuất. (DF)
- 9..Những Liên Hệ nơi Thiên Chúa thực sự là một với Bản Tính Thần Linh. (DF)
- 10..Nơi Thiên Chúa tất cả chỉ là một ngoại trừ sự khác biệt về các mối liên hệ. (DF)
11. Ba Ngôi Thần Linh ở trong Nhau. (DF)
- 12..Tất cả các Việc ngoại tại của Thiên Chúa là các việc chung cho cả Ba Ngôi. (DF)
- 13..Chúa Cha sai Chúa Con: Chúa Cha và Chúa Con sai Chúa Thánh Thần. (SFP)
- 14..Chỉ có thể biết được Ba Ngôi Thiên Chúa nhờ Mạc Khải Thần Linh. (SF)

II- THIÊN CHÚA: ĐẲNG TẠO HÓA

A. TÁC ĐỘNG TẠO DỰNG

1. Mọi sự hiện hữu ngoài Thiên Chúa, với tất cả bản thể của mình, được Thiên Chúa dựng nên từ hư vô. (DF)
2. Thế gian là việc Khôn Ngoan Thần Linh đã làm. (SFP)
3. Thiên Chúa đã vì Sự Thiện Hảo của Mình mà tạo dựng nên thế gian. (DF)
4. Thế gian được dựng nên cho Vinh Quang Thiên Chúa. (DF)
5. Ba Ngôi Thần Linh là Nguyên Lý chung duy nhất của việc Tạo Thành. (DF)

MỤC LỤC

6. Thiên Chúa đã dựng nên thế gian hoàn toàn không bởi bó buộc ngoại tại hay nhu cầu nội tại. (DF)

7. “Thiên Chúa tự do trong việc tạo dựng nên thế gian này hay bất cứ một thế gian nào khác”. (SFP)

8. Thiên Chúa đã dựng nên một thế gian tốt lành. (DF)

9. Thế gian đã xuất hiện trong thời gian. (DF)

10. Một mình Thiên Chúa đã dựng nên thế gian. (DF)

11 Không một tạo vật nào, như là một Căn Nguyên Chính Yếu (*causa principalis*), tức là, bởi quyền năng của mình, có thể tạo nên một vật từ hư vô. (SC)

12 Thiên Chúa bảo hữu tất cả mọi sự. (DF)

MỤC LỤC

13 Thiên Chúa trực tiếp cộng tác với mọi việc tạo vật Ngài làm. (SC)

14 Thiên Chúa bảo vệ và hướng dẫn tất cả mọi sự Ngài đã tạo thành bằng Việc Quan Phòng của Ngài. (DF)

B. CÁC VIỆC TẠO DỰNG

1) LOÀI NGƯỜI

1 Con Người Đầu Tiên được Thiên Chúa dựng nên. (DF)

2 Toàn thể loài người phát xuất từ một cặp con người duy nhất. (SFP)

3 Con người gồm có hai phần chính – một thân xác thể chất và một linh hồn thiêng liêng. (DF)

4 Hồn thiêng tự bản chất là mô thể của thân xác. (DF)

5 Mỗi con người đều có một linh hồn riêng. (DF)

6 Mỗi một linh hồn được Thiên Chúa trực tiếp dựng nên từ hư vô. (SFP)

7 Tạo vật có khả năng lãnh nhận các tặng ân siêu nhiên. (SC)

8 Bản Tính Siêu Nhiên mặc lấy Bản Tính Tự Nhiên. (SC)

9 Bản Tính Siêu Nhiên hoàn thiện Bản Tính Tự Nhiên. (SC)

10 Thiên Chúa đã ấn định cho con người một Đích Điểm siêu nhiên. (DF)

MỤC LỤC

11 Cha Mẹ Tiên Khởi của chúng ta đã được Thánh Sủng trước khi Sa Ngã. (DF)

12 Cha Mẹ Tiên Khởi của chúng ta cũng được các tặng ân hoàn bị (dona integritatis), như tặng ân tâm hồn được thanh thoát khỏi ước muốn lằng loàn: donum reticitudinis (SF); tặng ân thân xác bất tử: donum immortalitatis (DF); tặng ân sống đời hạnh phúc không phải chịu khổ đau: donum impassibilitatis (SC); và tặng ân hiểu biết thiên bẩm các chân lý tự nhiên và siêu nhiên: donum scientiae – (SC).

13-Adong được Thánh Sủng không phải chỉ cho riêng mình mà còn cho toàn thể giòng dõi của mình nữa. (SFP)

14 Cha Mẹ Đầu Tiên của chúng ta trong Địa Đường đã sa ngã phạm tội nặng nề ở chỗ bất tuân mệnh lệnh Thiên Chúa cấm. (DF)

15 Vì sa ngã phạm tội, Cha Mẹ Đầu Tiên của chúng ta đã mất đi Thánh Sủng (DF), thân xác phải chết và làm tôi cho Ma Quỷ (DF).

MỤC LỤC

16 Tội của Adong truyền lại cho giòng dõi của mình qua đường lối truyền sinh chứ không phải bằng đường lối mô phỏng. (DF)

17-Nguyên tội là do ở việc thất sủng gây ra bởi con người đầu tiên tự động phạm tội. (SC)

18- Nguyên Tội được truyền lại bởi việc truyền sinh tự nhiên. (DF)

19 Trong tình trạng nguyên tội, con người bị mất Thánh Sủng và tất cả những gì bởi việc mất Thánh Sủng này mà ra, cùng với các tặng ân hoàn bị ngoại nhiên. (DF: đối với ơn thánh và tặng ân thân xác bất tử)

20 Linh hồn ra khỏi trần gian này mà đang còn ở trong tình trạng mắc nguyên tội thì không được Phúc Kiến Thiên Chúa. (DF)

2) THIÊN THẦN

21- Ngay ban đầu thời gian Thiên Chúa đã từ hư vô dựng nên các bản tính thiêng liêng (là các thiên thần). (DF)

22 Bản tính thiên thần là một bản tính thiêng liêng. (DF)

23 Các thiên thần có bản tính bất tử. (SC)

24 Thiên Chúa ấn định cùng đích siêu nhiên cho các thiên thần đó là việc các vị được trực kiến Thiên Chúa, và ban cho các vị ơn thánh để các vị có thể đạt được cùng đích này. (SFP)

25 Các thiên thần phải chịu một cuộc thử thách về luân lý. (SFP: đối với thần dữ; SC: đối với thần lành)

26- Các thần dữ (ma quỷ) được Thiên Chúa dựng nên tốt lành song đã trở nên xấu xa là do lỗi lầm của mình. (DF)

MỤC LỤC

27- Công việc chính yếu của các thần lành là tôn vinh và phụng sự Thiên Chúa. (SFP)

28- Công việc thứ yếu của các thần lành là bảo vệ con người và chăm lo cho phần rỗi của họ. (DF: căn cứ vào giáo huấn chung)

29- Mỗi một tín hữu đều có một thiên thần bản mệnh riêng từ khi lãnh nhận bí tích rửa tội. (SFP)

Bởi tội Adong, Ma Quỷ có quyền thống trị trên loài người. (DF)

III- THIÊN CHÚA: Đấng Cứu Chuộc

A- MẦU NHIỆM NGÔI HIỆP

1- Đức Giêsu Kitô là Thiên Chúa Thật và là Con Thật Thiên Chúa. (DF)

2- Đức Kitô đã mặc lấy một thân xác thực sự chứ không phải là một thân xác hình thức. (DF)

3- Đức Kitô chẳng những mặc lấy thân xác mà còn mặc lấy cả hồn thiêng nữa. (DF)

4- Đức Kitô thực sự là giòng dõi được sinh ra bởi một nữ tử của Adong là Đức Trinh Nữ Maria. (DF)

5- Bản tính Thần Linh và nhân loại được ngôi hiệp nơi Đức Kitô, tức là được hiệp nhất với nhau nơi cùng một Ngôi Vị duy nhất. (DF)

MỤC LỤC

100- Khi Ngôi Hiệp, mỗi bản tính của Đức Kitô vẫn nguyên vẹn, không bị biến đổi hay bị pha trộn với nhau. (DF)

101- Mỗi bản tính nơi Đức Kitô đều có ý muốn riêng biệt và có cách thức tác hành của mình. (DF)

102- Việc Ngôi Hiệp giữa nhân tính của Đức Kitô với Lời Thần Linh xảy ra vào lúc đầu thai. (DF)

103- Tình trạng Ngôi Hiệp không bao giờ bị gián đoạn. (SFP)

104- Tình trạng Ngôi Hiệp không bao giờ chấm dứt. (DF)

105- Máu trong Thân Xác Sống Động của Đức Giêsu Kitô là một phần cấu tạo nên toàn thể nhân tính được hiệp nhất với Ngôi Lời Thần

MỤC LỤC

Linh một cách trực tiếp chứ không phải chỉ gián tiếp. (SFP)

106- Việc Ngôi Hiệp được hiệu thành là do bởi Ba Ngôi Thần Linh cùng nhau tác hành. (DF)

107- Chỉ có Ngôi Hai Thần Linh mới làm Người. (DF)

108- Đức Giêsu Kitô là Con ruột của Thiên Chúa chẳng những với tư cách là Thiên Chúa mà còn cả với tư cách là con người nữa. (DF)

109- Vị Thiên Chúa Làm Người Giêsu Kitô phải được tôn kính bằng cùng một cách Thờ Phụng, việc Phụng Thờ tuyệt đối chỉ dành cho một mình Thiên Chúa. (DF)

110- Như việc Phụng Thờ dành cho toàn thể Nhân Tính của Đức Kitô thế nào thì cũng phải dành cho các phần thể của bản tính Người như vậy. (SFP)

MỤC LỤC

111- Các đặc tính cùng hoạt động Thần Linh và loài người của Đức Kitô phải được qui về một mình Lời Nhập Thể. (DF)

112- Hai Bản Tính của Đức Kitô hiện hữu trong một cuộc hiệp nhất chặt chẽ nhất. (SC)

B- NHÂN TÍNH ĐỨC KITÔ

103- Linh hồn của Đức Kitô được trực kiến Thiên Chúa từ giây phút hiện hữu đầu tiên. (SFP)

104- Kiến thức loài người của Đức Kitô không bị ở trong tình trạng vô thức và lầm lạc. (SFP)

105- Ngay từ đầu cuộc sống của mình, linh hồn Đức Kitô đã có được một kiến thức phú bẩm (*scientia infusa*). (SC)

106- Linh hồn của Đức Kitô cũng có cả thứ kiến thức học biết được hay kiến thức cảm nghiệm thấy (*scientia acquisita, scientia experimentalis*). (SC)

107- Đức Kitô không mắc một tội nào, nguyên tội cũng như tư tội. (DF)

108- Đức Kitô chẳng những không phạm tội mà còn không thể phạm tội. (SF)

MỤC LỤC

109- Bởi được Ngôi Hiệp, nhân tính của Đức Kitô Thánh Hảo một cách chính yếu nhờ Sự Thánh Hảo Bẩm Sinh của Lời. (SC)

110- Linh hồn của Đức Kitô cũng Thánh Hảo một cách tùy thuộc vì Người nhận được đầy những thường sủng. (SFP)

111- Thánh Sủng tràn đầy từ Đức Kitô là Đầu xuống các Chi Thể của Nhiệm Thể Người. (SC)

112- Là dụng cụ của Lời nhập thể, Nhân Tính Đức Kitô có một quyền năng tác hiệu siêu nhiên. (SF)

113- Nhân Tính của Đức Kitô có thể bị khổ đau. (DF)

114- Linh hồn của Đức Kitô đã chịu những cảm xúc tự nhiên. (SF)

MỤC LỤC

115- Con Thiên Chúa làm người là để cứu chuộc nhân loại. (DF)

116- Loài người sa ngã không thể tự cứu được mình. (DF)

117- Thiên Chúa không bị cả trong lẫn ngoài chi phối bắt buộc phải cứu chuộc loài người. (SFP)

118- Nhập Thể không phải là cách duy nhất Thiên Chúa có thể dùng để cứu chuộc loài người. (SC)

119- Nếu Thiên Chúa đòi phải có một việc đền tội cân xứng thì cần phải có một Ngôi Vị Thần Linh Nhập Thể. (SC)

120- Đức Kitô là Vị Tiên Tri Cao Cả Nhất được hứa hẹn trong Cựu Ước và là Vị Tôn Sư Tối Cao của loài người. (SFP)

MỤC LỤC

121- Vị Thiên Chúa Làm Người Giêsu Kitô là một Thượng Tế. (DF)

122- Đức Kitô dâng Mình trên Thập Giá như là một hy tế đích thực và cân xứng. (DF)

123- Nhờ Hy Tế của mình trên thập giá, Đức Kitô đã cứu chuộc chúng ta và giải hòa chúng ta với Thiên Chúa. (DF)

124- Bằng Khổ Đau và Tử Nạn của mình, Đức Kitô đã đền bù Thiên Chúa thay cho tội lỗi của loài người. (SF)

125- Việc Đức Kitô Đền Bù Thiên Chúa thay cho tội lỗi của loài người thì trọn vẹn hay hoàn toàn có giá trị vì chính công trạng nội tại của việc làm này. (SC)

126- Việc Đức Kitô Đền Bù Thiên Chúa thay cho tội lỗi của loài người thì dồi dào vượt trội, tức là

MỤC LỤC

có giá trị tích cực trong việc xóa tội nhiều hơn là giá trị tiêu cực của việc phạm tội. (SC)

127- Đức Kitô không chỉ chết cho thành phần được tiền định mà thôi (DF). Đức Kitô chẳng những chết cho Tín Hữu mà còn cho toàn thể nhân loại không trừ ai nữa (SF). Việc đền bù của Đức Kitô không áp dụng vào trường hợp các thần sa phạm (theo chủ trương của giáo phụ Origen).

128- Nhờ cuộc Khổ Nạn và Tử Nạn của mình, Đức Kitô đã lập công thưởng nơi Thiên Chúa. (DF)

129- Đức Kitô đã lập công cho chính Bản Thân Minh được vinh thăng (Phục Sinh, Thăng Thiên). (SFP)

130- Đức Kitô đã lập được tất cả mọi ân sủng siêu nhiên cho loài người sa phạm. (SFP)

MỤC LỤC

131- Sau cuộc Tử Nạn, linh hồn là xác của Đức Kitô đã xuống ngục tội tông. (DF)

132- Sau cuộc Tử Nạn ba ngày, Đức Kitô đã sống lại hiển vinh từ trong kẻ chết. (DF)

133- Đức Kitô thắng thiên hồn xác và ngự bên hữu Chúa Cha. (DF)

C- THÂN MẪU ĐỨC KITÔ

103- Đức Maria thực sự là Mẹ Thiên Chúa. (DF)

104- Đức Maria được thụ thai không nhiễm tì ố nguyên tội. (DF)

105- Từ đầu thai, Đức Maria không hề có đam mê nhục dục. (SC)

106- Nhờ đặc ân đặc biệt của Thiên Chúa, Đức Maria không phạm một tư tội nào trong suốt cuộc sống trên trần gian của mình. (SF)

107- Đức Maria thụ thai bởi Chúa Thánh Thần chứ không bởi một nam nhân nào. (DF)

108- Đức Maria đã hạ sinh Con mà không bị hư hại gì đến tình trạng trinh nguyên của mình. (DF)

MỤC LỤC

109- Sau khi sinh Con, Đức Maria vẫn là một Trinh Nữ. (DF)

110- Đức Maria đã phải trải qua một cái chết trên trần gian này. (SC)

111- Đức Maria được về trời cả hồn lẫn xác. (DF)

112- Đức Maria đã ban Đấng Cứu Thế là Nguồn Gốc của tất cả mọi ân sủng cho thế gian, bởi thế Mẹ là mạch thông ân sủng. (SFP)

113- Vì Đức Maria được về trời cả hồn lẫn xác mà không một ân sủng nào ban xuống cho loài người lại không do Mẹ giúp chuyển cầu. (SPro và SPia)

114- Đức Maria là Mẹ Thiên Chúa xứng đáng được biệt tôn. (SFP)

IV- THIÊN CHÚA: ĐẲNG THÁNH HÓA

A- ÂN SỬNG

1) HIỆN SỬNG

156- Hiện Sùng trực tiếp soi sáng trí khôn và tăng cường lòng muốn bên trong con người. (SFP)

157- Tác động siêu nhiên của Thiên Chúa can thiệp nơi các tài năng của linh hồn trước khi ý muốn tự do của linh hồn tác động. (DF)

158- Tác động siêu nhiên của Thiên Chúa chỉ phối các tài năng của linh hồn đồng thời với tác động tự do của con người. (DF)

159- Ôn siêu nhiên bên trong của Thiên Chúa (gratia elevans) tuyệt đối cần thiết cho mọi tác động có hiệu quả tốt lành. (DF)

MỤC LỤC

160- Ôn siêu nhiên bên trong của Thiên Chúa tuyệt đối cần thiết cho việc nhận lãnh đức tin và phần rỗi. (DF)

161- Người công chính cũng cần phải có hiện sủng mới làm được các tác động có hiệu quả tốt lành. (SC)

162- Không có ơn trợ giúp đặc biệt của Thiên Chúa thì người công chính không thể nào bền vững đến cùng. (DF)

163- Người công chính không thể nào tránh được hết mọi tội lỗi, dù là tội nhẹ, trong cả cuộc sống của mình mà không có ơn đặc biệt của Thiên Chúa. (DF)

164- Cho dù ở trong tình trạng sa phạm, con người cũng có thể nhờ tài năng tri thức của mình biết được các chân lý đạo đức và luân lý. (DF)

MỤC LỤC

165- Thánh Sùng không cần thiết cho việc thi hành tác động luân lý tốt lành. (DF)

166- Ôn Đức Tin không cần thiết cho việc thi hành tác động luân lý tốt lành. (SFP)

167- Hiện Sùng không cần thiết cho việc thi hành tác động luân lý tốt lành. (SFP)

168- Với bản tính sa phạm, nếu không có Mạc Khải Siêu Nhiên, con người không thể nào dễ dàng mà biết được một cách tuyệt đối chắc chắn và không bị lẫn lộn lầm lạc tất cả mọi chân lý đạo đức và luân lý thuộc lãnh vực tự nhiên. (DF)

169- Với bản tính sa phạm, nếu không có ơn cứu vãn (gratis sanans), con người không thể nào chu toàn được trọn luật luân lý và thắng vượt được tất cả các chước cám dỗ nặng nề trong một khoảng thời gian lâu dài. (SFP)

MỤC LỤC

170- Ân sủng không thể nào tạo được bằng các việc làm tự nhiên, dù tương đáng (de condigno) hay tương hợp (de congruo). (DF)

171- Ân sủng không thể nào chiếm được bằng việc kêu xin xuất phát từ lời nguyện cầu. (SFP)

172- Con người tự mình không thể nào tạo được điều kiện tốt cho việc hưởng ân sủng. (SFP)

173- Bất kể tội lỗi của con người, Thiên Chúa thực sự và tha thiết muốn tất cả mọi người được cứu rỗi. (SF)

174- Thiên Chúa ban cho tất cả các kẻ lành đủ ơn (gratia proxime vel remote sufficientes) để họ có thể tuân giữ các Giới Luật Thần Linh. (DF)

MỤC LỤC

175- Thiên Chúa ban cho tất cả các tín hữu sa ngã phạm tội đủ ơn (gratia saltem remote sufficiens) để ăn năn trở lại. (SC)

176- Thiên Chúa ban cho tất cả các người vô tín ngưỡng ngay lành (infideles negativi) đủ ơn để chiếm được phần rỗi đời đời. (SFP)

177- Theo ấn định đời đời của mình, Thiên Chúa đã tiền định cho một số được hưởng phúc trường sinh. (DF)

178- Theo ấn định đời đời của mình, Thiên Chúa tiền định một số bị vĩnh viễn loại trừ vì tội lỗi của họ Ngài đã thấy trước. (DF)

179- Ý Muốn Con Người vẫn được tự do trước ảnh hưởng của ân sủng tác động là những gì không phải là không thể cưỡng lại. (DF)

MỤC LỤC

180- Ân sủng dù có thực sự đầy đủ song vẫn có thể không tác hiệu (gratia vere et mere sufficiens). (DF)

2) THƯỜNG SỦNG

181- Tội nhân có thể nhờ và phải nhờ ơn hiện sủng trợ giúp trong việc dọn mình lãnh nhận ân sủng để được nên công chính. (DF)

182- Việc người lớn nên công chính không thể nào xảy ra nếu không có Đức Tin. (DF)

183- Ngoại trừ điều kiện Đức Tin, người lớn nên công chính còn cần phải có những tác động xứng hợp khác nữa. (DF)

184- Thánh Sủng là một tặng ân siêu nhiên Thiên Chúa ban, hoàn toàn tách biệt với Thiên Chúa. (SF)

MỤC LỤC

185- Thánh Sùng là một trạng thái hiện hữu siêu nhiên được Thiên Chúa phú bẩm và tồn tại như một phẩm tính nơi linh hồn. (SFP)

186- Thánh Sùng không phải là một bản thể mà là một tùy thể thực sự, một tùy thể ở trong bản thể hồn thiêng như một phẩm tính. (SFP)

187- Thánh Sùng hoàn toàn khác hẳn với đức ái. (SC)

188- Ân sủng siêu nhiên là được tham dự vào bản tính thần linh. (SFP)

189- Thánh Sùng thánh hóa linh hồn. (DF)

190- Thánh Sùng làm cho linh hồn có một vẻ đẹp siêu nhiên. (SC)

191- Thánh Sùng làm cho người lành trở nên bạn hữu của Thiên Chúa. (DF)

MỤC LỤC

192- Thánh Sủng làm cho người lành trở nên con cái của Thiên Chúa và ban cho họ quyền thừa hưởng Nước Trời. (DF)

193- Thánh Sủng làm cho người lành trở nên Đền Thờ của Chúa Thánh Thần. (SFP)

194- Ba Thần Đức (nhân đức đối thần) tin, cậy, mến được phú bẩm vào linh hồn cùng với Thánh Sủng qua bí tích rửa tội. (DF)

195- Các luân đức (nhân đức luân lý) cũng được phú bẩm cùng với Thánh Sủng vào linh hồn qua bí tích rửa tội. (SC)

196- Các Tặng Ân của Chúa Thánh Thần cũng được phú bẩm cùng với Thánh Sủng vào linh hồn qua bí tích rửa tội. (SC)

197- Không có Mạc Khải Thần Linh đặc biệt không ai biết được một cách chắc chắn theo

MỤC LỤC

đức tin rằng mình ở trong tình trạng ân sủng.
(DF)

198- Cấp độ ân sủng không như nhau nơi tất cả các người lành (DF). Ân sủng có thể được tăng lên bởi các việc lành (DF).

199- Ân sủng công chính hóa chúng ta có thể bị mất đi và bị mất đi vì mỗi một tội trọng.
(DF)

200- Người công chính làm lành thực sự có quyền hưởng phần thưởng siêu nhiên Thiên Chúa ban. (DF)

201- Nhờ mỗi một việc lành, người công chính lập công tương xứng (de condigno) trong việc làm Thánh Sủng tăng thêm nơi mình, cho mình được sự sống đời đời (nếu chết trong tình trạng ân sủng), và làm tăng thêm vinh quang trên trời. (DF)

MỤC LỤC

202- Một người ở trong tình trạng mắc tội trọng, bằng việc tự động cộng tác với hiện sủng, họ cũng có thể lập công tương hợp (de congruo) để hưởng thêm hiện sủng trong việc sửa soạn lãnh nhận ơn thánh và cuối cùng nhận được chính ơn thánh (SPro). Người lành có thể lập công (de congruo) tương hợp để hưởng ơn bền đỗ đến cùng, vì thật là xứng hợp đối với việc Thiên Chúa ban cho người lành vốn trung thành cộng tác với ơn của Ngài hiện sủng cần thiết để kiên trì trong tình trạng ân sủng (SPro). Người lành có thể lập công tương hợp (de congruo) cho chính mình trong việc phục hồi Thánh Sủng sau khi sa ngã phạm tội, ở chỗ, thật là xứng hợp khi Thiên Chúa lấy tình thương của mình phục hồi ân sủng cho tội nhân là người trước đó đã làm nhiều việc lành khi còn ở trong tình trạng ân sủng (SPro). Người lành có thể lập công tương hợp (de congruo) cho kẻ khác những gì họ có thể lập được cho chính mình cùng với hiện sủng đầu tiên (SPro). Các việc lành tạm

MỤC LỤC

thời là đối tượng cho công nghiệp siêu nhiên
chỉ ở chỗ chúng là phương tiện để chiếm lấy
phần rồi đòi đòi (Spro).

B- GIÁO HỘI

1) BẢN CHẤT GIÁO HỘI

203- Giáo Hội là Nhiệm Thể của Chúa Giêsu Kitô. (SFP)

204- Giáo Hội được Vị Thiên Chúa Làm Người là Chúa Giêsu Kitô thiết lập. (DF)

205- Chúa Kitô thiết lập Giáo Hội để tiếp tục công cuộc cứu chuộc của Người cho mọi thời đại. (DF)

206- Bởi mục đích của mình cũng như bởi các phương tiện được sử dụng để đạt được mục đích này, Giáo Hội là một tổ chức thiêng liêng thuộc lãnh vực siêu nhiên. (SFP)

207- Giáo Hội là một tổ chức hoàn hảo. (SFP)

2) CƠ CẤU GIÁO HỘI

208- Chúa Kitô đã ban cho Giáo Hội một pháp chế có phẩm trật. (DF)

209- Quyền bính Chúa Kitô ban cho các Tông Đồ đã được truyền lại cho các vị giám mục. (DF)

210- Chúa Kitô đã bổ nhiệm Tông Đồ Phêrô làm đầu tất cả các Tông Đồ và làm vị Lãnh Đạo hữu hình của toàn thể Giáo Hội, bằng việc trực tiếp trao thẩm quyền hành xử cho cá nhân ngài. (DF)

211- Theo chỉ thị của Chúa Kitô, Thủ Lãnh Phêrô phải có các vị thừa nhiệm Thẩm Quyền của ngài để hành xử toàn thể Giáo Hội cho đến cùng. (DF)

212- Các vị thừa nhiệm Thủ Lãnh Phêrô có Thẩm Quyền là các vị giám mục Rôma. (DF)

MỤC LỤC

213- Giáo Hoàng có toàn quyền và tối thượng quyền trong việc hành xử toàn thể Giáo Hội, không nguyên về các vấn đề thuộc đức tin và luân lý, mà còn về cả vấn đề kỷ luật của Giáo Hội cũng như về vấn đề quản trị Giáo Hội nữa. (DF)

214- Giáo Hoàng không sai lầm khi chính thức lấy quyền mình mà tuyên bố (ex cathedra). (DF)

215- Bởi quyền hạn Thần Linh, các giám mục có bản quyền quản trị giáo phận của mình. (DF)

216- Mỗi vị giám mục trực tiếp lãnh nhận quyền làm mục tử của mình từ Giáo Hoàng. (SPro)

217- Chúa Kitô là Đấng đã thiết lập Giáo Hội. (DF)

MỤC LỤC

218- Chúa Kitô là Đầu của Giáo Hội. (DF)

219- “Chính Đấng Cứu Chuộc của chúng ta dùng quyền năng thần linh bảo trì Giáo Hội là tổ chức Người đã thiết lập” (Đức Piô XII).

220- “Chúa Kitô là Đấng Cứu Chuộc Thần Linh của Thân Thể Người là Giáo Hội” (Đức Piô XII).

221- Chúa Thánh Thần là linh hồn của Giáo Hội. (SC)

3) ĐẶC TÍNH GIÁO HỘI

222- Giáo Hội không thể nào bị khiếm khuyết, tức Giáo Hội vẫn là và mãi là một Cơ Cấu Cứu Độ được Chúa Kitô thiết lập cho đến tận thế. (SFP)

223- Giáo Hội không thể nào bị sai lầm trong việc giải dứt khoát về vấn đề đức tin và luân lý. (DF)

224- Đối tượng chính yếu của Ơn Vô Ngộ là các chân lý được chính thức mạc khải thuộc tín lý Kitô Giáo liên quan đến đức tin và luân lý. (DF)

225- Đối tượng thứ yếu của Ơn Vô Ngộ là các chân lý thuộc giáo huấn của Kitô Giáo về đức tin và luân lý, các chân lý này tuy không được chính thức mạc khải, song lại là các chân lý có liên hệ chặt chẽ với giáo huấn Mạc Khải. (SFP)

MỤC LỤC

226- Thẩm quyền được Ôn Vô Ngộ là Đức Giáo Hoàng khi ngài lấy quyền mình mà tuyên bố (ex cathedra), và toàn thể các vị Giám Mục khi các vị họp nhau trong một công đồng chung hay ở khắp nơi cùng nêu lên một giáo huấn về đức tin và luân lý như là những gì phải được tất cả tín hữu tuân giữ. (DF)

227- Giáo Hội được Chúa Kitô thiết lập là một vương quốc hữu hình. (SFP)

228- Giáo Hội được Chúa Kitô thiết lập là một giáo hội duy nhất. (DF)

229- Giáo Hội được Chúa Kitô thiết lập là một giáo hội thánh thiện. (DF)

230- Giáo Hội bao gồm cả các phần tử thánh thiện cũng như tội lỗi. (SFP)

231- Giáo Hội được Chúa Kitô thiết lập là một giáo hội công giáo. (DF)

MỤC LỤC

232- Giáo Hội được Chúa Kitô thiết lập là một giáo hội tông truyền. (DF)

233- Các phần tử của Giáo Hội là thành phần đã lãnh nhận Bí Tích Rửa Tội thành sự và hiệp nhất với Giáo Hội trong việc tuyên xưng Đức Tin cũng như trong việc hiệp thông hợp lệ với Giáo Hội. (SFP)

234- Việc trở thành phần tử của Giáo Hội cần thiết cho tất cả mọi người để được ơn cứu độ. (DF)

235- Các phần tử của Vương Quốc Thiên Chúa trên thế gian này cũng như trong thế giới khác đã được thánh hóa bởi ơn cứu chuộc của Chúa Kitô đều hiệp nhất với nhau trong một sự sống siêu nhiên với Đầu của Giáo Hội và với nhau. (SFP)

MỤC LỤC

236- Bằng việc chuyển cầu, Tín Hữu trên thế gian này có thể xin Thiên Chúa cho nhau các ơn ích. (SFP)

237- Bằng các việc lành được thực hiện trong tình trạng ơn thánh, Tín Hữu trên thế gian này có thể lập công tương hợp (de congruo) để xin Thiên Chúa ban ơn cho nhau (SPro), và để đền bù tội lỗi cho nhau (SFP)

238- Việc tôn kính các Thánh trên Thiên Đàng và việc kêu xin các ngài chuyển cầu cho mình là các việc hợp lệ và có ích. (DF)

239- Việc tôn kính di tích của các Thánh là việc hợp lệ và có ích. (DF)

240- Việc tôn kính hình ảnh của các Thánh là việc hợp lệ và có ích. (DF)

MỤC LỤC

241- Các Tín Hữu còn sống có thể giúp các Linh Hồn trong Luyện Ngục bằng việc chuyển cầu của mình. (DF)

242- Các Thánh trên Thiên Đàng cũng có thể giúp các Linh Hồn trong Luyện Ngục bằng việc chuyển cầu của mình. (SC)

243- Các Linh Hồn trong Luyện Ngục có thể chuyển cầu cho các phần tử khác trong Nhiệm Thể Chúa Kitô. (SPro)

244- Việc cầu bầu cho các linh hồn bị trầm luân trong Hỏa Ngục không mang lại ích lợi gì vì họ không thuộc về Nhiệm Thể Chúa Kitô. (SC)

C- BÍ TÍCH

245- Dấu hiệu bề ngoài của các bí tích gồm có hai phần là vật thể và ngôn từ (res et verbum hay elementum và verbum). (SF)

246- Các Bí Tích của Tân Ước chứa đựng ân sủng được các bí tích này làm biểu hiệu và ban ân sủng đó cho những ai lãnh nhận không bị ngăn trở. (DF)

247- Các Bí Tích sinh ơn ích là do bởi quyền năng của chính lễ nghi được cử hành một cách trọn vẹn (ex opere operato). (DF)

248- Tất cả các Bí Tích của Tân Ước đều sinh ơn thánh hóa cho thụ nhân. (DF)

249- Mỗi bí tích đều sinh ơn bí tích (tích sủng). (SC)

MỤC LỤC

250- Bí Tích Rửa Tội, Thêm Sức và Truyền Chức còn ghi ấn tích nơi linh hồn thụ nhân, và vì thế ba bí tích này chỉ được ban một lần duy nhất mà thôi. (DF)

251- Ấn Tích là một dấu vết thiêng liêng không thể xóa bỏ được in vào linh hồn thụ tích nhân. (DF)

252- Ấn Tích làm cho thụ tích nhân có đủ năng quyền để thi hành các tác động Thờ Phụng Kitô Giáo. (SC)

253- Ấn Tích tồn tại ít là cho tới khi thụ tích nhân chết. (DF)

254- Tất cả mọi Bí Tích của Tân Ước đều được Chúa Giêsu Kitô thiết lập. (DF)

255- Một mình Chúa Kitô trực tiếp thiết lập tất cả mọi Bí Tích. (SFP)

MỤC LỤC

256- Chúa Kitô ấn định bản chất của các Bí Tích và Giáo Hội không có quyền thay đổi. (SFP)

257- Tân Ước có bảy phép Bí Tích. (DF)

258- Thiên Chúa có thể ban ơn mà không cần phải qua các Bí Tích. (SFP)

259- Các Bí Tích của Tân Ước cần thiết cho phần rỗi của loài người. (DF)

260- Thừa tác viên chính của các Bí Tích là vị Thiên Chúa Làm Người Giêsu Kitô. (SFP)

261- Thừa tác viên phụ của các Bí Tích là con người còn sống. (SC)

262- Bí Tích thành hiệu và tác hiệu không lệ thuộc vào tình trạng chính thống về đạo của thừa tác viên (DF: đối với Bí Tích Rửa Tội; SF: đối với các Bí Tích khác) cũng như vào tình trạng ân sủng của thừa tác viên (DF).

MỤC LỤC

263- Để ban các Bí Tích thành hiệu, thừa tác viên cần phải hoàn tất Dấu Bí Tích một cách xác đáng (DF) và còn phải có ít là chủ ý làm điều Giáo Hội làm (DF).

264- Chỉ có người còn sống mới lãnh nhận Bí Tích thành hiệu. (SC)

265- Thụ tích nhân không cần phải có đức tin truyền thống hay phải xứng đáng về luân lý mới lãnh nhận Bí Tích thành hiệu, ngoại trừ Bí Tích Giải Tội. (SC)

266- Thụ tích nhân lớn cần phải có ý lãnh nhận Bí Tích thì Bí Tích mới thành hiệu. (SFP)

267- Thụ tích nhân lớn cần phải xứng đáng về luân lý mới lãnh nhận các Bí Tích nên hay Bí Tích mới sinh tác hiệu. (DF)

MỤC LỤC

268- Các Bí Tích Rửa Tội, Thêm Sức và Truyền Chức một khi đã được lãnh nhận thành hiệu nhưng không tác hiệu, phục hồi tác hiệu của mình khi thụ tích nhân không còn các ngăn trở về luân lý nữa, tức sẽ sinh tích sung sau đó. (SC)

269- Các Bí Tích của Cựu Ước không sinh ơn theo nghi thức của mình, mà chỉ là một việc thanh tẩy hợp lệ bề ngoài mà thôi. (SFP)

270- “Các á bí tích là những sự hay những việc Giáo Hội dùng, một cách nào đó giống như các Bí Tích, để nhờ lời cầu nguyện của mình, đạt được các công hiệu trước hết cho đời sống thiêng liêng” (CIC: Codex Iuris Canonici hay Giáo Luật Cũ, khoản 1144). *Theo nguyên tắc, các á bí tích được Giáo Hội thiết lập chứ không phải là Chúa Kitô. Các á bí tích không sinh ơn theo việc làm (ex opere operato), tuy nhiên, công hiệu của các á bí tích không chỉ căn cứ vào điều kiện chủ quan nơi người thực hiện các á bí tích mà vào chính việc chuyển cầu của Giáo Hội là hiền thể thánh hảo tinh*

MỤC LỤC

tuyên của Chúa Kitô. Các á bí tích không trực tiếp sinh ơn thánh mà chỉ sửa soạn cho linh hồn thi hành các á bí tích này có thể lãnh nhận ơn thánh.

1) BÍ TÍCH RỬA TỘI

271- Rửa Tội là một Bí Tích đích thực và được Chúa Giêsu Kitô thiết lập. (DF)

272- Chất thể vật (materia remota) của Bí Tích Rửa Tội là nước thực sự và là nước thiên nhiên. (DF)

273- Chất thể việc (materia proxima) của Bí Tích Rửa Tội là việc tẩy rửa của nước khi tiếp xúc với thân xác của thụ tích nhân. (SFP)

274- Mô thể của Bí Tích Rửa Tội là ở những lời của vị thừa tác viên kèm theo bí tích này và nhất là xác định bí tích này. (DF)

275- Bí Tích Rửa Tội sinh ơn thánh hóa. (DF)

276- Bí Tích Rửa Tội có công hiệu thứ tha tất cả mọi hình phạt tội lỗi, dù đời đời hay tạm thời. (DF)

MỤC LỤC

277- Cho dù có lãnh nhận một cách bất xứng, Bí Tích Rửa Tội thành hiệu cũng in ấn vào linh hồn thụ tích nhân một ấn tích không phai nhòa, một Ấn Tích Rửa Tội, và bởi thế, không thể tái nhận Bí Tích này. (DF)

278- Bí Tích Rửa Tội bằng nước (baptismus fluminis) cần thiết cho phần rỗi của tất cả mọi người không trừ ai, vì đó là lời Phúc Âm đã chính thức tuyên bố. (DF)

279- Trong trường hợp khẩn cấp, Bí Tích Rửa Tội bằng nước có thể được thay thế bằng Bí Tích Rửa Tội bằng lòng muốn hay bằng đổ máu. (SF)

280- Bí Tích Rửa Tội có thể ban phát thành hiệu bởi bất cứ ai. (DF)

281- Ai còn sống mà chưa được rửa tội đều có thể lãnh nhận Bí Tích Rửa Tội. (DF)

MỤC LỤC

282- Bí Tích Rửa Tội cho trẻ nhỏ thành hiệu và hợp lệ. (DF)

283- Thêm Sức thực sự xứng gọi là một Bí Tích. (DF)

2) THÊM SỨC

284- Mô thể của Bí Tích Thêm Sức là ở những lời vị thừa tác viên nói khi đặt tay mình trên thụ tích nhân và xức dầu trên trán thụ tích nhân. (SC)

285- Là một Bí Tích của kẻ sống, Bí Tích Thêm Sức tự bản chất (per se) làm tăng thêm Thánh Sủng. (SFP)

286- Tác vụ đặc biệt của Bí Tích Thêm Sức là làm hoàn hảo Tích Sủng Rửa Tội. (SC)

287- Bí Tích Thêm Sức in vào linh hồn thụ tích nhân một dấu vết thiêng liêng không phai nhòa, và vì thế không thể tái lãnh nhận. (DF)

288- Người đã được rửa tội dù không lãnh nhận Bí Tích Thêm Sức cũng được phần rồi đời đời. (SF)

MỤC LỤC

289- Thừa tác viên bình thường của Bí Tích Thêm Sức là vị Giám Mục. (DF)

290- Thừa tác viên ngoại thường của Bí Tích Thêm Sức là vị linh mục có đủ năng quyền theo luật chung hay đặc phép của tòa thánh. (SFP)

291- Bất cứ ai đã chịu phép rửa và chưa được thêm sức đều có thể lãnh nhận Bí Tích Thêm Sức. (SFP)

3) THÁNH THỂ

292- Mình Máu Thánh Chúa Giêsu Kitô đúng là thực sự chính thức hiện diện trong Bí Tích Thánh Thể. (DF)

293- Chúa Kitô hiện diện nơi Bí Tích trên Bàn Thờ nhờ việc biến đổi toàn bản thể bánh thành Mình Thánh Người và toàn bản thể rượu thành Máu Thánh Người. (DF)

294- Tùy thể bánh và rượu vẫn còn nguyên sau khi bánh và rượu được biến đổi bản thể. (DF)

295- Các Tùy Thể của Bí Tích Thánh Thể vẫn giữ nguyên thực thể vật lý của mình sau cuộc biến đổi bản thể. (SFP)

296- Các Tùy Thể của Bí Tích Thánh Thể tuy còn nguyên song vô chủ thể. (SFP)

MỤC LỤC

297- Toàn Thể Chúa Kitô gồm Mình Máu cùng với Linh Hồn và Thần Tính của Người thực sự hiện diện trong Bí Tích Thánh Thể. (DF)

298- Toàn Thể Chúa Kitô hiện diện nơi mỗi một Dạng Thức Thánh Thể. (DF)

299- Các Dạng Thức Thánh Thể sau lời truyền phép có được phân chia ra đi nữa thì Toàn Thể Chúa Kitô vẫn hiện diện nơi từng phần nhỏ của mỗi Dạng Thức Thánh Thể. (DF)

300- Sau khi Lời Truyền Phép được công bố thì Mình Máu Thánh Chúa Kitô vĩnh viễn hiện diện trong Bí Tích Thánh Thể. (DF)

301- Chúa Kitô hiện diện trong Bí Tích Thánh Thể phải được Phụng Thờ (latria). (DF)

MỤC LỤC

302- Việc Chúa Kitô Thực Sự Hiện Diện trong Bí Tích Thánh Thể là một mẫu nhiệm Đức Tin. (SFP)

303- Thánh Thể là một Bí Tích đích thực và được Chúa Kitô thiết lập. (DF)

304- Chất thể hoàn trọn của Bí Tích Thánh Thể là bánh và rượu. (DF)

305- Mô thể của Bí Tích Thánh Thể là những Lời Chúa Kitô dùng để thiết lập bí tích này được đọc lên lúc Truyền Phép. (SFP)

306- Công hiệu chính của Bí Tích Thánh Thể là việc hiệp nhất giữa thụ tích nhân và Chúa Kitô. (SFP)

307- Là lương thực nuôi linh hồn, Thánh Thể bảo tồn và tăng phát sự sống siêu nhiên của linh hồn. (SFP)

MỤC LỤC

308- Thánh Thể là một bảo đảm cho vinh phúc thiên đàng và cho việc phục sinh sau này của thân xác. (SFP)

309- Việc lãnh nhận Bí Tích Thánh Thể không cần cho phần rỗi của trẻ em trước khi tới tuổi khôn. (DF)

310- Việc lãnh nhận Bí Tích Thánh Thể cần cho phần rỗi của người lớn vì chỉ thị theo đòi hỏi của qui luật (*necessitate praecepti*). (SFP)

311- Đối với Tín Hữu, việc hiệp lễ dưới hai hình, dù theo qui luật Thần Linh hay như là một phương thế cho phần rỗi, không cần thiết. (DF)

312- Quyền năng để truyền phép Thánh Thể ở nơi vị linh mục được thụ phong hiệu thành mà thôi. (DF)

MỤC LỤC

313- Thừa tác viên bình thường của Bí Tích Thánh Thể là linh mục; thừa tác viên ngoại lệ là các thầy sáu hay phó tế. (CIC Giáo Luật Cũ khoản 845)

314- Bí Tích Thánh Thể được lãnh nhận hiệu thành bởi người đã lãnh nhận phép rửa còn sống, kể cả các trẻ em. (DF)

315- Để xứng đáng lãnh nhận Bí Tích Thánh Thể, cần phải ở trong tình trạng ân sủng (DF) và phải dọn mình xứng đáng và sốt sắng.

316- Thánh Lễ là một Hy Tế thực sự và xứng hợp. (DF)

317- Trong Hy Tế Thánh Lễ, Hy Tế Thánh Giá của Chúa Kitô được hiện thực, việc tưởng niệm Hy Tế Thánh Giá của Người được cử hành và quyền năng cứu rỗi nơi Hy Tế Thánh Giá của Người được thực hiện. (DF)

MỤC LỤC

318- Nơi Hy Tế Thánh Lễ và Hy Tế Thánh Giá, Của Lễ Hy Tế và Vị Tư Tế Chính là một; chỉ có bản chất và thể thức của việc hiến dâng là khác nhau. (DF)

319- Tác Động Hy Tế chính yếu chỉ được thể hiện nơi việc Biến Thể mà thôi. (SC)

320- Hy Tế Thánh Lễ không phải chỉ là một hy tế chúc tụng và tạ ơn, mà còn là một hy tế đền bồi tội lỗi cùng hình phạt tội lỗi và là một hy tế sinh các ơn phúc tự nhiên lẫn siêu nhiên. (DF)

V) THIÊN CHÚA: ĐĂNG HOÀN THÀNH

A- CÁNH CHUNG CON NGƯỜI

380- Về phương diện cứu độ trần gian thì chết là một hình phạt của tội lỗi. (DF)

381- Tất cả mọi người mắc nguyên tội đều phải lụy thuộc lẽ luật sự chết. (DF)

382- Khả năng lập công hay làm lỗi hoặc ăn năn trở lại đều chấm dứt cùng với cái chết. (SFP)

383- Ngay sau khi chết con người bị phán xét riêng về số phận đời đời của mình theo Phán Quyết Thần Linh. (SF)

384- Linh hồn người lành vào lúc qua đời nếu không còn vướng mắc lỗi lầm cùng hình phạt phải đền tội thì được lên Thiên Đàng. (DF)

MỤC LỤC

385- Thêm vào vinh phúc Thiên Đàng chính yếu phát xuất từ việc được Trục Kiến Thiên Chúa, còn có cả tùy phúc nữa là những gì xuất phát từ kiến thức và tình yêu tự nhiên nơi tạo vật. (SC)

386- Vinh phúc Thiên Đàng thì vô cùng bất tận. (DF)

387- Người lành được hưởng cấp độ trọn hảo của phúc kiến tùy theo công nghiệp của mình. (DF)

388- Linh hồn của thành phần chết trong tình trạng đang mắc tư tội trọng thì phải sa Hỏa Ngục. (DF)

389- Hình phạt Hỏa Ngục thì vô cùng bất tận. (DF)

390- Kẻ bị trầm luân đòi đòi chịu hình phạt tương xứng với lỗi lầm của mình. (SC)

MỤC LỤC

391- Linh hồn người lành trong lúc lâm chung còn vướng mắc tội nhẹ hay các hình phạt chưa đền tội xong thì phải vào Luyện Ngục. (DF)

392- Lửa thanh tẩy trong Luyện Ngục sẽ không còn nữa sau cuộc Phán Xét Chung. (SC)

B- CÁNH CHUNG THẾ GIỚI

393- Chúa Kitô sẽ đến trong vinh quang để phán xét vào ngày tận thế. (DF)

394- Con người không biết được lúc Chúa Kitô đến lần thứ hai. (SFP)

395- Tất cả mọi kẻ chết sẽ sống lại với thân xác của mình vào ngày sau hết. (DF)

396- Kẻ chết sẽ sống lại với cùng một thân xác của mình khi còn sống trên thế gian. (DF)

397- Thân xác của kẻ lành sẽ được canh tân và biến hình theo mô thức của xác phục sinh Chúa Kitô. (SFP)

398- Thân xác của thành phần hư đi sẽ sống lại trong tình trạng bất hoại và bất tử nhưng sẽ không được biến hình. (SFP)

MỤC LỤC

399- Chúa Kitô sẽ phán xét tất cả mọi người khi đến lần thứ hai. (DF)

400- Thế giới này sẽ bị hủy diệt và được canh tân vào Ngày Tận Thế. (SFP)

PHẦN 2 : NHỮNG LUẬT ĐIỀU ĐỨC MẾN

I) CÁC YẾU TỐ

1- Con người phải đạt đến cùng đích của mình bằng **tác hành** cá thể hợp với các qui tắc khách quan và chủ quan của hành động luân lý, tức là hợp với **lề luật** và **lương tâm** - Những qui tắc này đã bị **tội lỗi** vi phạm; chúng được dễ dàng tuân giữ nhờ các **nhân đức**.

TÁC HÀNH

2- Các tác hành cá thể nhờ đó con người đạt tới cùng đích siêu nhiên của mình phải là các **tác hành nhân bản (A)**, các **tác hành luân lý (B)** tốt lành và là các **tác hành siêu nhiên** đáng thưởng. (Riêng các tác hành siêu nhiên đáng thưởng thuộc về lãnh vực tín lý thần học nên không bàn đến ở đây).

3- **(A) Tác hành nhân bản** (actus humani – human act) hay tác hành thuộc con người, (khác với tác hành của con người: actus

MỤC LỤC

hominis – act of man), là những hành động phát xuất từ ý thức hiểu biết và ý muốn tự do.

Tác Hành Nhân Bản: Yếu Tố

4- *Ý thức hiểu biết* phải bao gồm việc hiểu biết cả chính tác hành, đối tượng của tác hành và các trường hợp khả hành hoặc bất khả hành.

5- *Ý muốn tự do* có thể là một tác động tự nguyện hoàn toàn hay bất toàn, một tác động tự nguyện ý thức hay phân tâm, một tác động tự nguyện trực tiếp hay gián tiếp.

Tác Hành Nhân Bản: Trách Nhiệm

6- *Tác động tự nguyện trực tiếp* (voluntarium in se) luôn luôn qui trách về cho tác nhân như là người đã làm nên một việc tốt hay xấu. *Tác động tự nguyện gián tiếp* (voluntarium in causa) nếu gây ra hậu quả xấu thì trong nhiều trường hợp tác nhân phải chịu trách nhiệm.

MỤC LỤC

7- *Để chịu trách nhiệm về hậu quả xấu* do mình gây ra, tác nhân cần phải: a) thấy trước hậu quả xấu dù lơ mờ, b) có thể tránh không làm, c) buộc phải tránh không được làm.

8- *Được phép thực hiện một tác động gây hậu quả xấu* chỉ khi nào chúng tỏ được cùng một lúc bốn điều kiện sau đây: a) tác động tự nó là tốt hay ít là vô thưởng vô phạt, b) kết quả tốt phát sinh ít là cùng lúc với hậu quả xấu, c) chỉ có ý mong muốn được kết quả tốt mà thôi, d) phải có đủ lý do khiến hậu quả xấu xảy ra.

Tác Hành Nhân Bản: Ngăn Trở

9- **Vô thức:** *bất khả thủ thì khỏi mắc lỗi, còn khả thủ thì làm giảm bớt trách nhiệm và lầm lỗi.*

10- **Áp lực:** *bất khả chống thì khỏi mắc lỗi, còn có thể chống thì làm giảm bớt trách nhiệm và lầm lỗi.*

MỤC LỤC

11- *Sợ hãi*: cũng không tránh được trách nhiệm, nhưng thường làm giảm bớt lỗi lầm và công đức.

12- *Đam mê*: nếu đến trước tác động thì luôn làm giảm bớt trách nhiệm, có những lúc không phải chịu trách nhiệm gì; nếu đến sau tác động thì chẳng những không bao giờ giảm bớt trách nhiệm mà còn tăng thêm nữa.

13- *Thói quen*: nếu đã hết sức cố gắng chữa cái thì không có lỗi khi làm điều xấu theo thói quen mà không biết đến đặc tính xấu xa của việc làm này; còn nếu không hết sức chữa cái mặc dầu biết phải làm như vậy thì có lỗi mỗi lần làm theo thói quen ấy.

14- *Tâm bệnh*: các chứng bệnh neurasthenia, hysteria, compulsion phenomena, hypochondria, melancholia, psychopathic inferiority là những chứng bệnh liên quan đến tình trạng hư hại não bộ và thần kinh hệ, làm

MỤC LỤC

ảnh hưởng đến trí khôn và lòng muốn, thì không phải chịu trách nhiệm gì.

15- **(B) Tác Hành Luân Lý** là một tác động tự do liên quan tới các tiêu chuẩn luân lý. *Tiêu chuẩn tối hậu của luân lý* là lẽ luật thần linh, tức là những gì ấn định yếu tính, tác động và cùng đích của mọi sự cho hợp với giá trị luân lý. *Tiêu chuẩn trực tiếp của luân lý* là lý trí của con người khi nó nhận biết lẽ luật thần linh và áp dụng lẽ luật này theo lương tâm. Một tác động tốt hay xấu về luân lý tùy thuộc vào tác động ấy có hợp với tiêu chuẩn luân lý hay không. *Yếu tố để xác định tác hành luân lý là đối tượng, hoàn cảnh và mục đích của tác hành này.*

Tác Hành Luân Lý: Đối Tượng

16- Đó là những gì tác hành luân lý hướng tới, **có thể tốt, xấu hay vô thưởng vô phạt.**

Tác Hành Luân Lý: Hoàn Cảnh

MỤC LỤC

17- Đó là những **điều kiện trực tiếp** giúp xác định bản chất luân lý của tác động, đóng vai trò như tùy thể (accident) đối với bản thể (substance) nơi một vật. Nó có thể liên quan đến đồ vật, tác nhân hay chính tác động; có thể biến một việc tốt thành xấu, tội nhẹ thành tội trọng, hay ngược lại; có thể làm cho một việc nên tốt hơn hay ra xấu hơn.

Tác Hành Luân Lý: Mục Đích

18- Đó là **lý do hay động lực** (motive) thúc đẩy tác nhân tác hành. Động lực xấu sẽ làm cho tác hành xấu, dù có mục đích tốt. Động lực tốt không bao giờ làm mất đi cái xấu nơi tác động gian ác: *mục đích không biện minh cho phương tiện*. Động lực vừa tốt vừa xấu thì tác động cũng vừa tốt vừa xấu.

LỀ LUẬT

19- *Tiêu chuẩn khách quan tối thượng của luân lý* là *lề luật vĩnh cửu* (eternal law), tức là Ý Định Thần Linh của Thiên Chúa từ đời đời muốn tất cả mọi tạo vật phải hướng đến một cùng đích duy nhất.

20- *Các thứ lề luật*: Trong thời gian, Thiên Chúa đã bày tỏ Ý Định Thần Linh của Ngài ra qua *lề luật luân lý tự nhiên* (natural moral law) cũng như qua *lề luật thần linh tốt lành* (positive divine law). Ngài cũng gián tiếp tỏ Ý Định của Ngài ra qua các *lề luật nhân loại* (human law) do Giáo Hội hay Chính Quyền lập nên.

21- *Luật lệ* (vừa khác lại vừa liên quan tới các *tập tục, chỉ thị và đặc ân*) là một tiêu chuẩn hợp lý lâu bền đối với việc sinh hoạt tự do, được một thẩm quyền vì lợi ích chung lập ra và được ban hành đàng hoàng.

MỤC LỤC

22- *Lợi ích chung* đòi lẽ luật phải chính đáng, tốt lành, khả thủ và cần cho công ích.

23- *Việc ban hành luật* cần phải được thực hiện để luật bắt đầu có hiệu lực đối với người giữ luật.

24- *Người giữ luật*: Tất cả mọi người buộc phải giữ lẽ luật luân lý tự nhiên hay luật tự nhiên (*nhiên luật*); tất cả mọi người, nhất là Kitô hữu, buộc phải giữ lẽ luật thần linh tốt lành của Tân Ước (*thần luật*); Kitô hữu Công Giáo biết sử dụng lý trí buộc phải giữ luật giáo hội (*Giáo Luật*). Công dân nước nào phải giữ luật nước ấy (*dân luật*).

Việc dẫn giải luật:

25- *Dẫn giải luật chuyên chính* (authentic interpretation) nhất đó là do các nhà lập luật hay do các vị có thẩm quyền sau đó.

MỤC LỤC

26- *Dẫn giải luật theo tập tục* (customary interpretation), vì luật thường nhờ tập tục mà thành hay có hiệu lực.

27- *Dẫn giải luật theo suy đoán* (doctrinal interpretation), khi dựa vào ý nghĩa của các từ ngữ, nếu từ ngữ cũng không rõ, thì dựa vào việc so sánh giữa các khoản luật với nhau, và xét đến cả mục tiêu cùng trường hợp lập luật, cũng như xét đến ý định của nhà làm luật.

Việc tuân giữ luật:

28- *Các luật tiêu cực hay luật cấm* (negative hay prohibiting laws) vốn buộc phải giữ, ai có ý không bỏ đi những gì vốn bị cấm thì đã phạm tội trong lòng rồi.

29- *Các luật tích cực hay luật định* (affirmative laws) buộc phải giữ theo phận sự (như đóng thuế) hay phải chủ động và tích cực giữ (như dự lễ buộc). Không cần phải có ý làm theo mục

MỤC LỤC

đích của luật, tuy nhiên, buộc phải có ý chu toàn luật trong trường hợp biết mình hiện bất khả kháng (như đang đi xa ngày lễ buộc).

Việc tác hiệu luật

30- Tất cả mọi lễ luật đều bó buộc phải *giữ theo lương tâm*, nhưng không cùng một cách thức như nhau. Có lỗi nặng hay nhẹ là do mình đã phạm đến lễ luật nặng hay nhẹ.

31- *Bất khả kháng về thể lý* (physical impossibility) luôn được miễn trừ giữ luật.

32- *Bất khả kháng về luân lý* (moral impossibility) không miễn trừ cho các khoản luật cấm, (những khoản luật cấm làm các việc tự nó là xấu như ngoại tình, lộng ngôn, thề gian, ngừa thai v.v. dù là để cứu sống mạng người), song miễn trừ cho các khoản luật định (như nếu giữ luật mà gây ra tai hại).

MỤC LỤC

33- *Bất khả kháng bán phần* (partial impossibility) được miễn trừ giữ luật nếu là *luật buộc toàn bộ* (indivisible), ngoài ra vẫn buộc phải giữ *luật buộc phân bộ* (divisible), như không đọc được hết trọn kinh nhật tụng thì đọc được bao nhiêu có thể.

34- *Hai luật tương khắc nhau thì luật cao hơn được chuẩn chức*: bấy giờ, nhiên luật buộc giữ hơn là thần luật, luật cấm buộc giữ hơn là luật định.

35- *Luật mới hủy luật cũ* khi luật mới rõ ràng nói đến việc hủy bỏ này, hay luật mới hoàn toàn ngược lại với luật cũ, hoặc luật mới điều chỉnh lại hầu như toàn diện luật cũ.

36- *Mọi luật lệ tự nhiên hết hiệu lực nếu* đã trở thành vô dụng, hay không cần thiết theo mục đích của mình nữa, hoặc bị tập tục tốt lành kéo dài suốt 40 năm liền tự động át đi.

MỤC LỤC

37- *Đặc ân* (privilege) *tự nó không buộc phải giữ* hay hưởng nếu nó chỉ dành riêng cho lợi ích cá nhân, ngoài ra, nó buộc phải giữ vì lợi ích chung (như chức linh mục).

38- *Chuân ân* hay ơn chuẩn (dispensation) *hết hiệu lực khi* bị thẩm quyền lấy lại (revocation), khi thụ nhân chết đi, xin thẩm quyền ban phép tha hưởng, hết lý do chính đáng (như hết bệnh thì phải giữ chay lại), bỏ địa hạt được ơn chuẩn (nếu là ơn chuẩn theo nơi chứ không phải theo người, bởi thế, các người được ơn chuẩn kiêng thịt ở địa phận mình không được dùng ơn chuẩn ấy ở địa phận buộc phải kiêng thịt).

LƯƠNG TÂM

39- Theo nghĩa xác đáng của từ ngữ, **lượng tâm** là **phán quyết của lý trí thực dụng về tính chất tốt xấu của một việc làm**. *Lương tâm là tiêu chuẩn trực tiếp của tác hành luân lý trong việc áp dụng lề luật vào các trường hợp cụ thể.*

40- *Lương tâm có thể được phân loại như sau: lương tâm tiền sự (antecedent) và hậu sự (consequent); lương tâm đúng đắn (right) và sai lạc (erroneous); lương tâm lành mạnh (certain), hồ nghi (doubtful), chắc chắn (probable) và bối rối (perplexed); lương tâm lỏng lẻo (tender), lệch lạc (lax) và tỉ mỉ (scrupulous).*

41- Phải luôn nghe theo **lượng tâm lành mạnh** khi nó truyền khiến hay ngăn cấm. Nguyên tắc này cũng áp dụng cho cả **lượng tâm đúng đắn** và **sai lạc**.

42- Không được làm việc gì khi đang thực sự **hồ nghi** việc ấy có được phép làm hay không.

MỤC LỤC

43- Phải làm điều có vẻ ít hại hơn trong trường hợp **lương tâm bối rối**. *Có thể làm tùy ý nếu thấy lợi hại như nhau.*

44- Nếu không cẩn thận nghe theo **lương tâm lệch lạc** mà vì thế phạm đến một luật buộc nặng thì mắc trọng tội.

45- Có thể không mắc lỗi khi làm ngược lại với **lương tâm tử mi**, cho dù rất sợ phạm tội khi làm việc ấy.

46- Nếu **thắc mắc** về việc cần phải đạt một mục đích nào đó thì phải chọn cái nắm chắc hơn, khi không thể giải quyết vấn đề theo lý thuyết.

47- Nếu **thắc mắc** về một việc có được phép làm hay không thì có thể theo ý kiến nào **vững chắc**, cho dù ý kiến ngược lại có thể đúng hơn.

TỘI LỖI

48- **Tội lỗi** là việc tự tình phạm đến lẽ luật thần linh. Phạm đến bất cứ lẽ luật nào đều có lỗi, vì lẽ luật nào cũng phát xuất từ lẽ luật thần linh một cách nào đó.

49- *Tội lỗi* theo thần học được **phân loại** làm hai: tội trọng (*mortal sin*) và tội nhẹ (*venial sin*).

50- *Tội trọng* là tội phạm đến lẽ luật thần linh một điều trọng nào đó bằng tất cả ý thức và lòng muốn của mình.

51- *Điều trọng* có thể do tự bản chất của nó, do hoàn cảnh hay do mục đích của nó. Có những *tội trọng ex toto genere suo*, tức là các tội theo bản chất của mình không bao giờ trở thành tội nhẹ, như ước muốn xác thịt. Cũng có những *tội trọng ex genere suo*, tức là những tội cùng loại có thể nặng hay nhẹ trong một số trường hợp, như tội ăn cắp giữa một vật đắt giá và một vật hạ giá. Những *tội nhẹ ex toto genere suo* thì lúc nào cũng

MỤC LỤC

là tội nhẹ, như tội tham ăn v.v. Những tội này có thể trở thành tội trọng vì lương tâm sai lạc.

52- *Tội nhẹ* xảy ra khi phạm đến lẽ luật thần linh ở một điều nhẹ, dù hoàn toàn ý thức; hay phạm đến lẽ luật thần linh ở một điều nặng, song không đủ ý thức và lòng muốn. *Tội nhẹ cũng có thể xảy ra khi phạm đến một điều trọng* trong lẽ luật thần linh, song vì lương tâm sai lạc cứ tưởng điều đó là nhẹ. *Tội nhẹ cũng có thể trở thành tội trọng* vì lương tâm sai lạc hay gương mù, hoặc vì nguy hiểm trực tiếp của nó dẫn đến phạm tội trọng, hay vì khinh thường lẽ luật hoặc vì mục đích có tội trọng.

Số lượng tội lỗi:

53- *Có bao nhiêu tác động tội lỗi về luân lý khác nhau thì phạm bấy nhiêu tội*, nếu: chúng thuộc về các tội riêng biệt khác nhau (như trộm cắp, giết người), chúng được lập đi lập lại (như bề ngoài chửi thề mấy lần là phạm bấy nhiêu tội, hay bề

MỤC LỤC

trong có ý ăn trộm, sau đó hối hận bỏ ý định ấy đi, rồi lại có ý định lấy, thì phạm hai tội), và một tác động lại nhắm đến nhiều đối tượng khác nhau (như đốt nhà để giết người).

54- Ngược lại, dù làm nhiều tác động tội lỗi khác nhau về thể lý song cũng chỉ phạm có một tội, nếu: nhiều tác động nhắm vào một đối tượng, khi chúng phát xuất từ cùng một động lực thúc đẩy, khi chúng làm phương tiện để đạt một mục đích chung, khi chúng làm thành một việc vấp phạm riêng; hay một tác động lại nhắm vào nhiều đối tượng khác nhau cùng loại và những đối tượng này tạo nên một khối duy nhất về luân lý theo bản chất của mình hay theo ý nghĩ của tác nhân.

Các thứ tội đặc biệt (3 tội trong và 7 tội đầu):

55- ***Ba tội trong*** (internal sins) cũng thường được gọi là “các tâm tưởng xấu” (bad thoughts).

MỤC LỤC

56- Tội trong thứ nhất là (morose delectation) *tội lấy làm khoái thú với những đối tượng tội lỗi hiện lên trong trí tưởng tượng.*

57- Tội trong thứ hai là (sinful joy) *tội lấy làm vui thú khi chính mình hay người nào làm được một việc xấu:* tác động lấy làm vui thú trong lòng này phạm cùng một thứ tội và độ tội như chính tác động làm việc xấu ấy.

58- Tội trong thứ ba là (evil desire) *tội muốn làm điều bị cấm:* nếu tác động mong muốn không thể thành hiện thực vì bị lệ thuộc vào điều kiện (conditional desire) thì không có tội, ngoài ra, trong trường hợp hoàn toàn làm chủ ước muốn của mình (absolute desire) sẽ phạm cùng một thứ tội và độ tội như chính tác động thực thụ phạm tội này.

59- *Bảy tội đầu* (capital sins) là những khuynh hướng xấu thường làm nảy sinh ra các loại tội lỗi khác. Sở dĩ gọi bảy tội này là “đầu” (capital)

MỤC LỤC

không phải là vì tính cách trầm trọng (gravity) của chúng, mà là vì tầm vóc to tát và ảnh hưởng của chúng. Bất cứ khi nào những khuynh hướng xấu này làm nảy sinh ra các tác động bề ngoài thì chúng trở thành tội lỗi.

60- *Kiên ngạo* là một tội trọng *ex toto genere suo* nếu tỏ ra không lụy phục Thiên Chúa, và là tội nhẹ *ex toto genere suo* khi phục tùng quyền bính để lấy tiếng hay để được trọng dụng. Tội nhẹ kiên ngạo này cũng có thể trở thành tội trọng, nếu đối xử với người khác một cách bất công nặng, hay trở thành dịp phạm một tội trọng khác.

61- *Hà tiện* là một tội nhẹ *ex toto genere suo*, nhưng sẽ trở thành tội trọng nếu vì tham lam mà phạm đến luật bác ái hay bất cứ một giới răn nào cách nặng.

62- *Dâm dục* là một tội nặng *ex toto genere suo* nếu ước muốn thực sự.

MỤC LỤC

63- *Ghen tị* được kể như một tội phạm đến đức bác ái và là một nặng tội *ex genere suo*, như khi không muốn người khác có những gì hơn mình để khỏi ngứa mắt.

64- *Mê ăn uống*: tham ăn tị nó chỉ là một tội nhẹ *ex genere suo*, nhưng có thể thành nặng tội nếu hại đến sức khỏe hay gây gương mù; say uống mà gây ra hậu quả làm mất lý trí toàn phần là tội trọng và bán phần là tội nhẹ.

65- *Giận dữ* chỉ là một tội nhẹ, song có thể thành nặng tội nếu bị cho là cả giận mất khôn, hoặc có ý trả thù phạm đến đức bác ái hay công lý.

66- *Làm biếng* nếu không chịu khó để có thể bảo trì mối tình thân với Thiên Chúa là một việc lười lãn trực tiếp phạm đến tình yêu Thiên Chúa, nên được coi là một nặng tội *ex toto genere suo*.

NHÂN ĐỨC

67- *Nhân đức là một thói quen làm hoàn hảo các tài năng của linh hồn và xui khiến con người làm việc tốt.*

68- Nhân đức được *phân loại* như sau: Theo nguồn gốc, có *nhân đức tự nhiên* (do con người tập thành) và *nhân đức siêu nhiên* (do Thiên Chúa phú bẩm). Theo đối tượng, có *nhân đức đối thần* (trực tiếp hướng về Thiên Chúa) và *nhân đức luân lý* (hướng về các tạo vật). Các nhân đức luân lý được móc nối với (cardo) và có thể được rút gọn lại thành *bốn nhân đức trụ* (cardinal virtues) là khôn ngoan, công bằng, tiết độ và đại đảm.

69- *Các nhân đức tự nhiên* được tập thành và tăng lên bằng việc thực hành, tức bằng việc lập đi lập lại các tác động tốt. Chúng sẽ bị yếu đi và sau cùng mất hẳn bởi những tác động thường xuyên nghịch lại chúng, tuy nhiên,

MỤC LỤC

chúng không bị mất đi chỉ vì một tội trọng
nghịch lại chúng.

70- *Các nhân đức siêu nhiên* được Thiên Chúa trực tiếp phú bẩm vào linh hồn, được chính Thiên Chúa làm cho tăng tiến qua các tác hành luân lý tốt nơi con người, và bị mất đi vì tội nặng phản nghịch lại với các thần đức này. Các nhân đức siêu nhiên ban cho các tài năng của linh hồn một khả năng bền bỉ và một khuynh hướng nội tâm để linh hồn thực hiện được các việc lành thánh một cách siêu nhiên.

71- *Việc liên hệ giữa các nhân đức*: Các nhân đức tập thành (tự nhiên) và các nhân đức thiên bẩm (siêu nhiên) *hoàn toàn độc lập* với nhau.

72- *Các nhân đức tập thành* (acquired) là các nhân đức gắn bó với nhau đến nỗi nếu có một nhân đức (nhất là đức khôn ngoan) tới mức trọn lành thì cũng có tất cả các nhân đức còn lại. Tuy nhiên, bao lâu chưa trọn hảo thì các

MỤC LỤC

nhân đức này vẫn không lệ thuộc nhau, do đó, một người dâm dục vẫn có thể là một người quảng đại.

73- *Các nhân đức thiên bẩm* (infused) tin và cậy có thể không cần đến các luân đức (nhân đức luân lý), nhưng đức mến không thể nào tách biệt với các luân đức được. Đức tin và đức cậy được ban cùng với đức mến, đức cậy không thể không có đức tin, và đức mến không thể nào không có đức tin và đức cậy.

74- *Cấp trật của các nhân đức*: Nhân đức siêu nhiên cao trọng hơn nhân đức tự nhiên. Trong các nhân đức siêu nhiên, nhân đức đối thần hay thần đức cao trọng hơn nhân đức luân lý hay luân đức. Trong các thần đức, đức cậy cao trọng hơn đức tin và đức mến cao trọng hơn cả đức tin cùng đức cậy, vì đức tin tỏ cho chúng ta biết Thiên Chúa, đức cậy giúp chúng ta tiến đến với Ngài và đức mến kết hợp chúng ta với Ngài.

MỤC LỤC

75- *Việc nên trọn lành Kitô Giáo* hay việc đi
đàng nhân đức trọn lành, Kitô hữu *một phần
buộc phải* thực hành theo phận sự, *một phần
được khuyên* nên trọn lành hơn. (Việc Kitô
hữu được khuyên nên trọn lành hơn thuộc về
lĩnh vực tu đức học, spirituality, hay tu đức
thần học, như ngành thần học khổ luyện,
ascetics và ngành thần học chiêm niệm,
mystics; còn việc Kitô hữu theo phận sự phải
nên trọn lành thì thuộc về lĩnh vực luân lý
thần học, phần về các giới luật).

II) CÁC GIỚI LUẬT

76- *Chúng ta tiến đến cùng đích đời đời của chúng ta bằng việc giữ các giới luật: gồm có các giới luật về thần đức, các giới luật Chúa (Mười Điều Răn Chúa) và các luật Giáo Hội (Sáu Điều Răn Hội Thánh).*

1. GIỚI LUẬT VỀ THẦN ĐỨC

Giới Luật Về Đức Tin

77- *Đức Tin là một nhân đức siêu nhiên, nhờ ân sủng thần linh, giúp cho chúng ta vững vàng tin tưởng vào tất cả những gì Thiên Chúa mạc khải là chân thực, căn cứ vào chính uy tín của Ngài.*

78- Theo phương tiện đòi hỏi (necessitate medii), *mọi người đến tuổi biết sử dụng trí khôn phải nhận biết và tin tưởng có một Thiên Chúa, Đấng thưởng kẻ lành và phạt kẻ dữ. Người ta hầu như cũng phải nhận biết và*

MỤC LỤC

tin tưởng vào Thiên Chúa Ba Ngôi cũng như vào việc Nhập Thể.

79- Theo chỉ thị đòi hỏi (necessitate praecepti), ***buộc phải tin tưởng và chấp nhận: Kinh Tin Kính Các Tông Đồ, Kinh Lạy Cha, Mười Điều Răn Chúa, Các Điều Răn Hội Thánh và các Bí Tích cần*** (là Rửa Tội, Giải Tội và Thánh Thể) cùng với các Bí Tích khác nếu muốn lãnh nhận hay cần phải lãnh nhận.

80- ***Lề luật thần linh buộc người ta phải công khai tuyên xưng đức tin*** của mình trong những trường hợp mà nếu không tuyên xưng hay tránh né tuyên xưng sẽ bị coi như chối bỏ đức tin, khinh đạo, làm nhục Thiên Chúa hay gây gương mù cho kẻ khác.

81- ***Luật tích cực*** (positive law) ***của Giáo Hội cũng đòi phải tuyên xưng ở vào một số trường hợp*** (như trước khi các cha giải tội và các vị giảng dạy về đức tin nhận năng quyền thừa

MỤC LỤC

hành; trước khi người lớn dự tòng lãnh nhận bí tích rửa tội; và trước khi các Kitô hữu rời đạo hay lạc đạo chính thức được tái thông công với Giáo Hội Công Giáo).

82- *Không bao giờ được trực tiếp* (bằng lời nói, dấu hiệu hay hành động tự chúng có bản chất chối bỏ đức tin chân thật hoặc tuyên xưng đức tin sai lạc) *hay gián tiếp chối bỏ đức tin* (bằng hành động mang tính cách chối bỏ hoặc tránh né tuyên xưng đức tin chân thật trong một hoàn cảnh nào đó). Tuy nhiên, nếu cần giấu chân tướng của mình để tránh tai họa (mà không làm dấu Thánh Giá trước khi ăn chẳng hạn) thì không phải là chối bỏ đức tin.

83- *Bất trung thành (infidelity) với đức tin của mình* là hành động thiếu đức tin nơi một người đã lãnh nhận bí tích rửa tội. Bất trung thành với đức tin của mình một cách lỗi lầm vì coi thường việc học hỏi để thực sự hiểu biết

MỤC LỤC

về đức tin chân chính của mình thì phạm tội nhẹ hay trọng tùy theo mức độ coi thường của họ. Bao lâu không hồ nghi gì về đạo của mình thì không buộc ngặt phải tìm hiểu thêm.

84- **Chối đạo** (apostasy) là chối bỏ đức tin chân thật của mình, như trong trường hợp chối bỏ một tín điều trong đạo, chẳng hạn tín điều Thiên Tính của Chúa Kitô.

85- **Lạc đạo** (heresy) là phán đoán sai lầm đến cố chấp chối bỏ hay nghi ngờ một sự thật Thiên Chúa mạc khải đã được Giáo Hội định tín. Tuy nhiên, *không phải chính công lạc đạo* (formal heretic) nếu không biết sự thật Thiên Chúa mạc khải bị cố chấp chối bỏ đó đã được Giáo Hội định tín. *Lạc đạo song không lãnh án theo luật Giáo Hội* (canonical penalties) khi nhất định chối bỏ một sự thật vì sai lầm cho rằng không phải do Thiên Chúa mạc khải và đã được Giáo Hội định tín, hoặc chỉ chối trong lòng song không tỏ ra bề ngoài. Vì lạc đạo liên

MỤC LỤC

quan đến phán đoán sai lạc, nên *trường hợp giả vờ chối đạo một cách công khai* thì chỉ mắc trọng tội, chứ không phải là lạc đạo và phải lãnh án theo luật Giáo Hội. Vì lạc đạo cũng liên quan đến mạc khải thần linh, nên cũng chỉ mắc tội nặng chứ *không phải là lạc đạo* nếu cố chấp chối bỏ một sự thật không do Thiên Chúa mạc khải dù được Giáo Hội định tín, hay cũng chỉ mắc tội bất tuân Giáo Hội nếu tuyên xưng một sự thật đã bị Giáo Hội bác bỏ song không bằng quyền linh vô ngộ của mình.

86- ***Ly giáo*** (schism) thường liên quan đến lạc đạo, nên những gì áp dụng cho lạc đạo cũng áp dụng cho ly giáo, ngoài ra, ly giáo không phải là tội phản lại đức tin mà chỉ là tội nghịch đức ái và đức tuân phục thôi.

87- ***Tham dự vào việc phụng tự ngoài Công Giáo hoàn toàn bị cấm*** nếu *chủ động*, nhưng ***được phép nếu thụ động*** với lý do chính đáng

MỤC LỤC

cùng không gây gương mù hay nguy hại đến đức tin của mình. *Người ngoài Công Giáo tham dự vào việc phụng tự Công Giáo được phép nếu thụ động, nhưng bị cấm nếu chủ động* khi gây ra ấn tượng như không còn khác biệt gì giữa đức tin Công Giáo với ngoài Công Giáo hay làm cho việc phụng tự Công Giáo bị coi thường hơn.

Giới Luật Về Đức Cây

88- *Đức cây là một nhân đức phú bẩm siêu nhiên làm cho chúng ta, nhờ Quyền Năng, Thiện Hảo và Trung Thành của Thiên Chúa, mong được phần rỗi đời đời và những phương tiện cần thiết để đạt được phần rỗi này.*

89- *Các tội phạm đến đức cây thông thường là không tỏ ra lòng cây trồng của mình khi cần, nhất là không hề có lòng mong muốn chiếm hưởng Thiên Chúa, đặc biệt là thất vọng và cây liều.*

90- *Không hề có lòng mong muốn chiếm hưởng Thiên Chúa, muốn hưởng phúc trường sinh trong Thiên Chúa có tội nặng nếu chỉ vì thích thụ hưởng trần gian này mà thôi, song mắc tội nhẹ nếu cứ muốn sống trên trần gian này chỉ vì sợ chết thì phải xuống hỏa ngục.*

MỤC LỤC

91- *Thất vọng* ở tại việc hoàn toàn buông xuôi phần rồi cùng những phương tiện cần để được cứu rồi. *Chán nản khi cầu xin* mà không được không phải là tội phạm đến đức cậy, vì điều cần kêu xin không phải là điều Chúa hứa ban. Cũng thế, *muốn chết vì chán đời* cũng không phải là tội phạm đến đức cậy.

92- *Cậy liều* là tội phạm đến đức cậy ở chỗ quá tin vào sức riêng mình trong việc chiếm được hạnh phúc đời đời, hay là quá trông đợi nơi Thiên Chúa những gì không hợp với Ngài hoặc ngược với ý Ngài, như muốn Ngài giúp mình phạm tội hay ỷ vào tình thương của Ngài để phạm tội v.v.

Giới Luật Về Đức Mến

93- **Đức mến** là một nhân đức phú bẩm siêu nhiên làm cho chúng ta vì Thiên Chúa mà kính mến Ngài như sự thiện tối cao và yêu thương bản thân cũng như tha nhân.

94- Theo nhu cầu đòi hỏi (necessity of means), người lớn buộc phải thực thực hiện tác động kính mến Thiên Chúa nếu không còn một cách công chính hóa nào khác (như tử đạo, lãnh nhận phép rửa và giải tội).

95- Theo chỉ thị đòi hỏi (necessity of precept), người tới tuổi khôn buộc phải thực thi tác động kính mến Thiên Chúa khi không thể phục hồi tình trạng ơn thánh qua bí tích xá giải cũng như khi không thể chống trả chước cám dỗ bằng cách nào khác, ngoài ra, còn phải thường xuyên thực thi tác động kính mến Thiên Chúa trong suốt cuộc sống của mình nữa.

96- Tội trực tiếp phạm đến lòng kính mến Thiên Chúa là bỏ không thực thi các tác động kính mến nói trên và tỏ ra lòng thù ghét Thiên Chúa (như nguyên rửa Ngài hay bắt bớ Giáo Hội, vì Ngài cấm đoán tội lỗi hay trừng phạt tội lỗi hoặc để đau khổ xảy ra v.v.)

97- Tình yêu thương bản thân mình cần phải có là vì

MỤC LỤC

giới luật “các người phải thương yêu tha nhân như bản thân mình” (Mt.22:39), và vì kính mến Thiên Chúa cũng đòi phải yêu thương những gì thuộc về Ngài.

98- Tình yêu thương bản thân mình được thể hiện ở chỗ nỗ lực chiếm được các sự lành thiêng liêng về siêu nhiên và tất cả những gì cần thiết cho sự an toàn về phần xác cùng với những sản vật trần gian của mình.

99- Tội phạm đến lòng yêu thương bản thân mình là tôn sùng thần tôi (hơn vinh danh Thiên Chúa hay an sinh xã hội) và ghét bỏ mình (khi lơ là không chăm sóc cho linh hồn và thân xác của mình cho đầy đủ).

100- Nói chung, vì mọi người buộc vì lòng kính mến Thiên Chúa phải yêu thương tất cả những tạo vật có khả năng lãnh nhận ân sủng và hạnh phúc trường sinh (kể cả các thần thánh trên trời, các đấng trong luyện ngục và các người lành trên trần gian, ngoại trừ các kẻ bị trầm luân trong hỏa ngục).

101- Nói riêng, phận sự thực thi lòng yêu thương tha nhân bao gồm cả kẻ thù của mình. Bởi thế, phải tha thứ cho kẻ thù mình dù họ không xin lỗi mình. Thù

MỤC LỤC

hắn, giận ghét, muốn trả thù và chửi rửa trong vấn đề trọng là phạm tội trọng. Ngoài ra chửi rửa thường không phải là tội trọng. Cũng có thể muốn xấu cho người khác nếu có thực sự điều muốn xấu đó mang lại lợi ích thiêng liêng cho họ.

102- Cần phải tỏ ra dấu hiệu thứ tha bằng cử chỉ thân thiện quen thuộc bề ngoài. Từ chối không chịu tỏ ra dấu hiệu thứ tha như thế là một trọng tội, nếu chỉ vì lòng hận ghét sâu đậm hay vì thế làm cho người khác hết sức đau buồn hoặc vì thế gây ra gương mù cả thể.

103- Thứ tha cũng không buộc mình phải từ bỏ quyền hưởng bồi thường và yêu thương kẻ thù không buộc phải tỏ ra cử chỉ bề ngoài.

104- **Thứ tự trong việc yêu thương tha nhân** được căn cứ vào nhu cầu của họ và vào mối liên hệ giữa chúng ta với họ.

105- Chúng ta **buộc phải giúp đỡ tha nhân trong trường hợp tối khẩn** (extreme) về phần thiêng liêng, cho dù có phải hy sinh mạng sống mình, hay tối khẩn về vật chất, cho dù có bất thuận lợi cho mình, song không cần phải liều mạng.

MỤC LỤC

106- Chúng ta phải giúp đỡ tha nhân trong trường hợp cần thiết trầm trọng (grave) về phần thiêng liêng hay vật chất miễn là việc giúp đỡ này không gây ra bất thuận lợi nặng nề cho chúng ta.

107- Không buộc phải giúp đỡ tha nhân trong mọi và mỗi trường hợp cần thiết bình thường (ordinary) về phần thiêng liêng hay vật chất.

108- Buộc phải giúp đỡ tha nhân có ràng buộc với chúng ta hơn trong trường hợp họ có những nhu cầu tương tự. Thứ tự truyền thống cần theo là: vợ chồng, con cái, cha mẹ, anh em, họ hàng, thân hữu v.v.

109- Về việc **bổ thí**, buộc phải giúp đỡ tha nhân bằng không sẽ phạm trọng tội trong trường hợp tối khẩn cho dù phải hy sinh những điều cần thiết cho đời sống của mình, hay trong trường hợp trầm trọng mà không cần phải hy sinh những điều cần thiết cho đời sống của mình, hoặc sẽ phạm nhẹ tội trong trường hợp cần thiết bình thường tùy theo hoàn cảnh dư giả của mình.

110- **Sửa lỗi** là một trọng trách (grave duty) trong việc ngăn ngừa tha nhân khỏi phạm tội hay tránh dịp tội, nếu hội đủ những điều kiện sau đây: tha nhân

MỤC LỤC

thực sự đang bị khủng hoảng thiêng liêng, có tính cách nặng nề, nếu sửa lỗi chắc sẽ có hy vọng thay đổi, và không được gây thiệt hại nặng nề cho cá nhân.

111- Được phép công khai nói thẳng lỗi lầm của tha nhân ra (immediate denouncement), nếu lỗi đó đã bị lộ hay sắp lộ ra; nếu giúp ích chung hay giúp riêng cho một người nào cần ngay; hay nếu thấy rất khó sửa riêng hay không còn cách nào khác hơn.

112- Tội phạm đến đức bác ái huynh đệ thứ nhất là **tội dụ dỗ phạm tội** (trực tiếp và tỏ tường), tuy nhiên cũng được phép đề nghị phạm tội nhẹ hơn nếu anh em không rút lại ý định tội nặng hơn. Không bao giờ được đòi hỏi người khác làm điều gì họ không thể làm mà không có tội, như xin khai thuế gian lận.

113- Tội phạm đến đức bác ái huynh đệ thứ hai là **tội làm gương mù** khiến người khác bắt chước phạm tội theo. Không cần phải thực sự làm cho người khác phạm tội theo mới có lỗi, song chỉ cần hành động gương mù có thể làm cho người khác phạm tội là đủ, như việc công khai trưng bày những gì ghê tởm là đủ phạm trọng tội làm gương mù rồi. Việc làm gương mù chỉ là tội nhẹ dù làm dịp khiến cho kẻ khác phạm tội nặng, song tội nặng đó là do bản chất của họ hơn

MỤC LỤC

là vì dịp tội không đáng kể do mình gây ra, như trường hợp con cái hơi không vâng lời cha mẹ làm cho cha mẹ chửi rửa thậm tệ, hay như trường hợp ăn mặc hơi khêu gợi làm cho kẻ khác thêm muốn xác thịt.

114- Các hành động tự nó là tốt và không có vẻ gì là xấu song có thể làm dịp cho kẻ khác phạm tội cũng không cần tránh nếu vì thế tạo nên những bất thuận lợi cả thể.

115- Việc giữ luật định (positive law) có thể được châm chước để tránh gương mù, như không buộc người nữ đi lễ Chúa Nhật nếu biết chắc vì cô mà có người phạm tội xác thịt. Có thể thử thách người khác nếu có lý do chính đáng và việc làm tự nó không có tội hay vô thưởng vô phạt, như cha mẹ để tiền ra xem con cái có lấy trộm không.

116- **Buộc phải đền bù tội làm gương mù**, bằng việc thú tội và làm gương sáng ngược lại.

117- **Chính thức cộng tác vào việc làm tội lỗi của người khác bao giờ cũng có tội**, khi đồng lòng hay hợp ý và cùng làm với người đó. Như không được phép in ấn, phát hành, duyệt chỉnh, đọc hay phổ biến

MỤC LỤC

các tài liệu sách vở, giấy tờ, báo chí có hại đến đức tin hay luân lý. Như không được phép tham phần, sắp đặt, điều khiển, tài trợ hay mời mọc người khác vào việc tham dự những màn trình diễn hay nhảy múa lãng loạn. Như không được phép tự động mời mọc mua thuốc ngừa thai, song có thể bán khi mình làm cho tiệm thuốc tây, hay được phép đứng bán thịt trong ngày thứ sáu với tư cách làm thuê. Người thợ may không được tự động làm quần áo thật là kêu gọi để thu hút khách hàng, trừ khi khách hàng yêu cầu.

2. MƯỜI GIỚI LUẬT CHÚA

Giới Luật Chúa Thứ Nhất

118- *Giới luật Chúa thứ nhất buộc* chúng ta, về mặt tích cực, phải thờ phượng Thiên Chúa bằng việc hiến tế, tôn kính cũng như cầu nguyện, và về mặt tiêu cực, cấm chúng ta không được bất kính với Ngài bằng các việc làm *mê tín* và *vô phép*.

119- *Hiến tế trong Thánh Lễ* là điều buộc phải thực hiện để tôn thờ Thiên Chúa theo Tân Luật.

120- *Tôn kính* được chia ra làm ba loại, *tôn thờ* (cultus latriae) phải được qui về một mình Thiên Chúa, *tôn sùng* (cultus duliae) dành cho các thánh (kể cả tôn sùng chính bản thân các ngài hay thánh tích của các ngài trên khắp thế giới; các vị á thánh chỉ được tôn sùng ở địa phương; và các vị đáng kính chỉ được tôn sùng âm thầm theo cá nhân), và *biệt tôn* (cultus hyperduliae) dành riêng cho một mình Mẹ Maria.

MỤC LỤC

121- *Cầu nguyện là điều buộc*. Tuy nhiên, việc cầu nguyện thường xuyên như thế nào thì không được ấn định. Nhưng nếu tự ý bỏ việc cầu nguyện hằng ngày thường khó có thể tránh được mọi lầm lỗi. *Buộc phải nguyện giờ kinh* là hàng giáo sĩ và các tu sĩ khẩn trọng thể, nếu bỏ mà không có lý do bất khả kháng chính đáng về luân lý hay thể lý thì mắc trọng tội.

122- *Mê tín* là việc *thờ quấy* đối với Đấng là Thiên Chúa chân thật (cultus indebitus) hay *thờ thật* đối với tà ma ngoại đạo (cultus falsi numinis), gồm có những hình thức như *thờ ngẫu tượng* (idolatry) bao giờ cũng mắc trọng tội, dù tích cực (formal) hay bề ngoài (material); như *tin dị đoan* (superstition) theo nghĩa ngặt, chẳng hạn bói toán (divination) và tà thuật (sorcery), luôn luôn là tội trọng, vì kêu cầu (invocation) ma quỷ một cách tỏ tường (explicit) hay ngầm ngầm (implicit); như *chiêu hồn thuật* (spiritism/spiritualism) bao giờ cũng là tội trọng, dù thực hiện hay tham dự.

MỤC LỤC

123- *Vô phép* là việc đặc biệt bất kính Thiên Chúa, một là trực tiếp phạm đến Ngài hay đến những gì (cả người lẫn vật) được thánh hiến cho Ngài, như tội thử thách Chúa, tội phạm sự thánh và tội mua bán đồ thánh.

124- *Tội thử thách Thiên Chúa* (tempting God) *bao giờ cũng là tội trọng*, dù tỏ tường hay ngầm ngầm; trừ trường hợp ngầm ngầm thử Chúa trong điều nhẹ thì chỉ phạm tội nhẹ.

125- *Tội phạm sự thánh* (sacrilege) đối với những gì đã được thánh hiến cho Chúa, như giáo sĩ hay tu sĩ (personal), nhà thờ hay đền thánh (local), hoặc chén thánh, dầu thánh, thánh tích (real), *tự bản chất vốn là tội trọng*.

126- *Tội mua bán sự thánh* (simony), như mua bán ơn Chúa, á bí tích, kinh nguyện, ân xá, quyền linh v.v., bằng tiền bạc hay các vật khác (munus a manu), bằng lời cầu nguyện, chúc

MỤC LỤC

tụng hay việc bảo vệ (munus a lingua), hoặc bằng công tác (munus ab obsequio). *Tội mua bán linh quyền bao giờ cũng là tội trọng ex toto genere suo.*

Giới Luật Chúa Thứ Hai

127- *Giới luật Chúa thứ hai trực tiếp cấm tỏ ra bất kính Thiên Chúa bằng việc làm ô Danh Thánh của Ngài*, như các tội lộng ngôn (blasphamy) hay kêu tên Ngài vô cớ (profanation), ngược lại, phải giữ lời khẩn hứa (vow), lời thề nguyện (oath) và lời cầu khiến (adjuration).

128- *Mọi lời khẩn hứa vì lòng đạo đức buộc thành tội nặng hay nhẹ tùy theo ý của nhân vật khẩn hứa hay của vấn đề khẩn hứa*. Ai hứa ngày nào cũng bố thí một chút mà bỏ không giữ trong nhiều ngày liền (materia gravis) thì có tội trọng, còn ai hứa mỗi ngày đọc một Kinh Lạy Cha chẳng hạn (personal service) mà bỏ không làm trong một thời gian dài cũng chỉ phạm tội nhẹ. Ai lỗi điều hứa vốn buộc phải giữ thì phạm hai tội, như trường hợp hứa giữ mình đồng trinh mà phạm tội tà dâm. Không cần phải có ý chu toàn lời hứa, chỉ cần thực hiện cho xong là đủ, trừ khi làm mà có ý không phải để giữ trọn lời hứa.

129- *Lời thề nguyện là* lời lấy Thiên Chúa để làm chứng cho sự thật mình biết, hay cho lòng chân thành và trung thành hứa quyết của mình.

130- *Lời thề nguyện thành hiệu* đòi phải theo một công thức như “nhân danh Chúa tôi xin thề” hoặc “vậy xin Chúa giúp tôi”, và phải có ý thề, bằng không sẽ vô hiệu.

131- *Lời thề nguyện hợp pháp* đòi người thề phải nắm vững sự thật của điều mình xác tín (thề gian bao giờ cũng là trọng tội và thề ấu nặn nhẹ tùy theo mức độ coi thường việc tìm hiểu sự thật), điều xác tín đó phải hợp pháp về luân lý (thề hứa một điều xấu thì mắc tội trọng nếu điều hứa đó là điều trọng tội), và phải có đủ lý do để thề (thề cách vội vã sẽ mắc tội nhẹ nếu lời thề sai trái không tác hại gì).

132- *Thề nguyện đoan hứa* (promissory oath) sẽ làm một điều gì đó vì lòng đạo đức thì

MỤC LỤC

buộc phải giữ lời hứa của mình. Giống như lời khẩn, lời thề hứa cũng buộc thành tội trọng hay nhẹ tùy theo tầm quan trọng của điều thề hứa.

133- *Lời cầu khiến* là việc nỗ lực thuyết phục kẻ khác làm hay bỏ điều gì (như trường hợp trừ quỷ), bằng cách kêu lên Thiên Chúa, lên một thánh nhân hay một vật thánh. Để lời cầu khiến hợp lệ người cầu khiến cần phải nghiêm nghị, có đủ lý do và chỉ cầu khiến điều được phép cầu khiến. Thiếu hai điều kiện đầu thì phạm tội nhẹ, và thiếu điều kiện thứ ba thì phạm trọng tội nếu điều cầu khiến là một trong những điều bị cấm ngặt.

134- *Lộng ngôn* là lời nói hay cử chỉ chứa lòng khinh bỉ hay xỉ nhục Thiên Chúa, *luôn luôn là một tội trọng*.

135- *Kêu tên Chúa vô cớ hay chỉ vì bực giận tự nó chỉ là tội nhẹ*, tuy nhiên nó sẽ trở thành

MỤC LỤC

tội trọng nếu con giận nhắm đến Chúa mà kêu đến tên Ngài, hay nếu nó gây ra gương mù.

Giới Luật Chúa Thứ Ba

136- *Giới luật Chúa thứ ba truyền phải tôn kính Thiên Chúa vào các Chúa Nhật và các Ngày Lễ*, bằng việc nghỉ ngơi Chúa Nhật và tham dự Thánh Lễ.

137- *Việc nghỉ ngơi Chúa Nhật* buộc phải kiêng tất cả mọi việc phần xác, xử kiện và buôn bán, trừ những trường hợp có lý do chính đáng bất thường.

138- *Việc tham dự Thánh Lễ* trọn vẹn, về phía Thánh Lễ, *phải trọn vẹn từ đầu đến cuối*, (nếu bỏ phần không quan trọng thì phạm tội nhẹ, song tự ý bỏ phần quan trọng như phần truyền phép thì phạm tội trọng và kể như không trọn lễ), và *phải được cử hành ở nhà thờ, nơi công cộng hay ở một hội trường bán công hoặc ở ngoài trời*; còn về phía người tham dự, *phải hiện diện thực sự* (trong vòng 60 bộ hay 100 mét trở lại, dù không trông thấy chủ tế) và phải tham dự cách *sốt sắng* (chủ ý

MỤC LỤC

và chú ý dự lễ, song chỉ cần có ý dự lễ là đủ, không cần có ý chu toàn bốn phần dự lễ Chúa Nhật). Nếu có bất cứ lý do nào quan trọng vừa phải cũng *có thể được chước* dự lễ, như bị bệnh nặng, quá thiếu thốn, hay sẽ gây nguy hại bề trong hoặc bề ngoài cho chính mình hay kẻ khác v.v.

Giới Luật Chúa Thứ Bốn

139- *Giới luật Chúa thứ bốn* xác định một cách rõ ràng chẳng những các *bổn phận của con cái* đối với cha mẹ của mình, cũng như đối với các thẩm quyền có liên quan đến trách nhiệm của cha mẹ, mà còn cả *bổn phận của cha mẹ* cùng tất cả thẩm các quyền khác đối với thành phần làm con cái.

140- Con cái có bổn phận phải *kính trọng* cha mẹ mình, cả bên trong lẫn bên ngoài, không được khinh khi trong lòng, nói lời xúc phạm, tỏ thái độ coi thường, đánh đập, hay xấu hổ về cha mẹ mình, phủ nhận hoặc không công nhận các ngài là cha mẹ mình vì những cái thấp kém nơi các ngài v.v.

141- Con cái có bổn phận *yêu mến* cha mẹ mình cả trong tư tưởng, lời nói và việc làm, không được tức hận, thù ghét, chửi rủa, nói xấu các ngài, nói hay làm những gì đau lòng các ngài, gây lo âu phiền muộn cho các ngài,

MỤC LỤC

không cầu nguyện cho các ngài, không giúp đỡ các ngài về nhu cầu tinh thần cũng như vật chất.

142- Con cái có bốn phận phải *vâng lời* cha mẹ trong những điều chính đáng thuộc thẩm quyền của các ngài. Bất tuân phục lệnh cha mẹ truyền khiến rõ ràng trong những điều quan hệ thì phạm tội trọng. Tuy nhiên, trong việc lập gia đình, cho dù không nghe theo lời khuyên khôn ngoan của các ngài cũng thường chỉ mắc tội nhẹ. Trong việc theo ơn Chúa gọi, dù chưa tới tuổi trưởng thành, cũng không buộc phải nghe lời cha mẹ cấm cản. Dù tới tuổi trưởng thành song vẫn còn sống với cha mẹ cũng buộc phải vâng lời các ngài trong phạm vi tổ chức trong gia đình, như không được đi chơi khuya nếu các ngài không muốn.

143- *Cha mẹ phải yêu thương con cái, về thể lý*, trong việc chăm dưỡng sự sống (kể cả khi còn trong bụng mẹ), sức khỏe và an toàn cho

MỤC LỤC

con cái của mình, *và về tâm thần*, phải giáo dục con cái nên người, bởi thế, con cái cũng phải trọng kính, mến yêu và vâng lời cả thầy giáo dạy mình trong các vấn đề liên quan đến trí đức của mình, ngược lại thầy giáo cũng phải truyền dạy những điều chính đáng về trí đức cho học sinh của mình.

144- *Vợ chồng* có phận sự chung đối với nhau là phải yêu thương và giúp đỡ nhau, thủy chung và sống chung. Nếu xa nhau một thời gian lâu không có sự đồng ý của người bạn đời của mình thì mắc tội trọng.

145- *Bốn phận chính của chồng* là điều khiển nhà cửa và gia đình, cung cấp nhu cầu ăn uống, quần áo và nơi ở. *Chồng có lỗi nếu* không lo đầy đủ cho vợ theo phận của nàng hay bắt nàng làm những việc không hợp với thân phận và điều kiện của nàng.

MỤC LỤC

146- *Bốn phận chính của vợ* ở tại trợ giúp chồng mình trong những việc chăm sóc con cái và trông coi nhà cửa theo ý chồng, tuy nhiên, trong trường hợp chồng bỏ bê hay bất khả thực hiện phận sự của mình, vợ được thay quyền điều khiển gia đình và nhà cửa. *Vợ có lỗi nếu* bỏ bê công việc nội trợ, hay sắm sửa tốn kém thái quá hoặc không cần thiết, ngược lại với ý của chồng.

147- Gia đình nào muốn người ở thì *phận sự của chủ*, theo phép công bình, phải trả công theo hợp đồng và không được bắt họ làm quá hoặc cho nghĩ việc vô cớ trước khi hết hạn, rồi theo tình bác ái, phải để ý đến sự an toàn về cả vật chất lẫn tinh thần của họ; còn *phận sự của người ở*, theo phép công bằng, phải chu toàn việc làm theo lương tâm và không bỏ việc trước khi hết hạn trừ khi có lý do bất khả kháng, và theo tình nghĩa, phải kính trọng, yêu mến và vâng lời chủ.

MỤC LỤC

148- *Bôn phận của chính phủ* là phải bảo toàn an sinh cho dân. Riêng ngành lập pháp, nếu ai không có khả năng đảm trách làm việc này thì không được phép nhận; khi làm buộc phải tham dự các quyết nghị để ban hành các đạo luật có ích hay phủ quyết các đạo luật có hại; cộng tác vào quyết nghị xấu là có tội, trừ khi cho thấy rõ ràng mình làm thế để tránh một sự dữ lớn hơn.

149- *Bôn phận của người dân* là phải yêu mến quê hương xứ sở của mình cũng như phải tôn trọng chính quyền. Trong lòng khinh bỉ cả một guồng máy chính phủ là một tội nặng. Tỏ ra thái độ cố chấp chống đối một người có thẩm quyền là một trọng tội nếu việc này xảy ra nơi chung, nhất là xảy ra ngay trước mặt viên chức đó.

150- Người dân có phận sự *đi bỏ phiếu*, bằng không sẽ phạm tội nhẹ, khi thấy có ứng cử viên tốt tranh cử với ứng cử viên bất xứng, và

MỤC LỤC

có thể phạm tội trọng khi vì mình không chịu đi bỏ phiếu đã làm cho ứng cử viên bất xứng trúng cử. Cũng có thể tuyên bố lý do mình bỏ phiếu cho ứng cử viên bất xứng để tránh ứng cử viên bất xứng hơn trúng cử.

151- Người dân có phận sự *trung thành* với chính quyền hợp pháp và phải tuân giữ luật pháp nói chung (như phận sự đóng thuế, nhập ngũ v.v.). Trốn ngục không phải là việc chống đối chính quyền, tự nó vốn không bị cấm. Không được tuân giữ các luật lệ vô luân.

Giới Luật Chúa Thứ Năm

152- *Giới luật Chúa thứ năm*, trước hết *cấm* tất cả những việc sát hại bất chính, phạm đến bản thân mình hay kẻ khác, sau nữa, *cấm* tất cả những hành động gây thương tích hay cắt bỏ phần chi thể của mình một cách bất chính, sau hết, *buộc* phải bảo trì sự sống và sức khỏe của mình để ngăn ngừa chết chóc.

153- *Trực tiếp tự sát* bao giờ cũng là tội trọng, kể cả việc có ý tự sát bằng việc cứ uống rượu hay hút thuốc vô độ, tuy nhiên, cũng có thể hành án tử cho mình theo lệnh chính quyền. *Gián tiếp tự sát* cũng bị cấm, song có thể được phép làm nếu có lý do cân xứng, như nhảy từ lầu cao xuống để tránh cháy nhà vì không còn cách nào khác và thấy rằng chỉ có cách đó mới hy vọng sống sót, hay đốt thành đối phương khi lâm chiến dù có thể nguy hiểm đến tính mạng của mình...

MỤC LỤC

154- *Được phép làm hại tới sự sống* của mình chỉ khi nào có đủ lý do chính đáng tương đương với nguy hiểm, như sản sóc bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm có thể nguy hại đến sự sống của mình, liều mạng trốn tù để tránh án chung thân hay tử hình, tuy nhiên, đấu võ hay đấm bốc tranh giải tự bản chất vốn là những điều không được phép làm, vì có thể gây ra thương tích và mất mạng.

155- *Cắt bỏ phần thân thể của mình (mutilation) thường là một tội trọng*. Tuy nhiên, khi cần để cứu mạng sống của mình, thì vẫn được phép làm. Nếu cắt bỏ đi phần thể không quan trọng thì có tội nhẹ, ngoài ra đều có tội trọng, như việc thiến hoạn (castration), dù cho khỏi bị cảm dỗ xác thịt, hay việc cắt bỏ đi các nội phận sinh dục để có ý ngừa thai (vasectomy hay hysterectomy).

156- *Mong muốn chết đi* được phép khi có lý do chính đáng và hoàn toàn phó mặc trong

MỤC LỤC

tay Chúa, như muốn hưởng tôn nhan Chúa trên Thiên Đàng hay muốn thoát khỏi đau khổ và khốn khó quá sức, ngoài ra, nếu thực tình muốn chết chỉ để cho khỏi phải chịu các sự khốn khó thông thường của cuộc sống thì mắc tội trọng.

157- *Việc bảo trì sự sống và sức khỏe* đòi phải sử dụng ít là các *phương tiện thông thường*, như đồ ăn, áo mặc, nhà ở, giải trí, thuốc men, khám bệnh, ngoài ra, *không buộc phải dùng đến các phương tiện ngoại thường*, như tìm bác sĩ thượng hạng, cho dù sẽ bị chết nếu không gặp bác sĩ này đi nữa.

158- Theo nguyên tắc chung, *không bao giờ được phép trực tiếp giết một người nào vô tội mà không mắc trọng tội*, như phá thai hay làm cho chết êm dịu (euthanasia), hay làm cho người mẹ chết sớm để kịp rửa tội cho thai nhi v.v.

159- *Việc gián tiếp giết người vô tội tự bản chất vốn là một việc cấm*, tuy nhiên, *cũng có thể được phép làm nếu* có đủ lý do chính đáng, như có thể đâm ngang chiếc xe sang một bên để tránh tình trạng xe bị hư hỏng đang đâm xuống dốc, cho dù có gây nguy hại cho người bên lề, hay có thể cứu mạng thai mẫu khi không còn cách nào khác, cho dù có hại đến thai nhi.

160- Chính quyền được phép xử tử một *trọng phạm* (criminal). Đối với một *người tấn công bất chính* (unjust aggressor) cũng được phép đối phó dù có hại đến sinh mạng của họ, nếu hội đủ các điều kiện sau đây: cần phải bảo vệ những gì quý giá, như mạng sống, trinh tiết, thanh liêm và các đồ vật đắt giá; *việc tấn công thực sự xảy ra* chứ không phải mới có cử chỉ đe dọa, (sau khi bị tấn công mà giết người là trả thù); *việc tự vệ phải vừa đủ*, chứ không được làm tổn thương đối phương quá đáng, nếu trốn được thì nên trốn, nếu có thể đả thương

MỤC LỤC

hoặc có thể chế ngự đối phương thì không được giết.

161- *Rủ nhau giao đấu bằng vũ khí giết người (dueling) chỉ được phép nếu vì lợi ích an sinh có thể bị tổn thất trong chiến cuộc, ngoài ra là một việc có tội. Không được tình nguyện tham dự cuộc chiến bất chính tỏ tường.*

162- Các vị có thẩm quyền *được phép sửa phạt phần xác phạm nhân.* Tuy nhiên, *vô lý hành hạ thú vật là một việc có tội* (nhẹ), không phải vì tác nhân không có quyền làm mà là vì tác nhân lạm dụng quyền của mình để làm một việc ngược lại với lý lẽ cấm gây ra hình khổ và chết chóc.

Giới Luật Chúa Thứ Sáu và Thứ Chín

163- *Giới Luật Chúa thứ sáu* chỉ tỏ tường cấm phạm tội ngoại tình thôi, tuy nhiên, tất cả những gì nghịch lại với việc truyền sinh xứng hợp với con người cũng bị cấm, như các tội bề ngoài phạm đến đức trong sạch. *Giới luật Chúa thứ chín* cấm những tư tưởng và ước muốn không trong sạch.

164- *Tất cả mọi tác động tự tình tìm thỏa mãn nhục dục ngoài hôn nhân đều là tội trọng*. Có hai loại tội lỗi đức trong sạch: tự nhiên (như tà dâm, ngoại dâm, hiệp dâm, cưỡng dâm, loạn dâm và tục dâm) và không tự nhiên (như thủ dâm, ngược dâm và thú dâm).

165- *Tà dâm* (fornication) là việc giao hợp giữa hai người chưa lập gia đình (mà không phải là giáo sĩ hay tu sĩ hoặc có liên hệ máu mủ), *bao giờ cũng là tội trọng*.

MỤC LỤC

166- **Ngoại dâm** (adultery) là việc giao hợp với vợ hay chồng của người khác. Ngoại tình đơn hay kép tùy theo một hay cả hai người lập gia đình ngoại tình với nhau. **Ngoại tình là một tội trọng chẳng những phạm đến đức trong sạch, còn phạm đến cả đức công bằng trong hôn nhân nữa**, chưa kể đến tội lỗi đức công bằng khác nữa nếu vì ngoại tình mà có con với nhau.

167- **Hiếp dâm** (rape) **bao giờ cũng là tội trọng**, chẳng những phạm đến đức trong sạch mà còn đến cả đức công bằng nữa; *người nữ bị hiếp phải tỏ ra chống trả cả bề trong lẫn bề ngoài bằng một cử chỉ thích hợp*.

168- **Cưỡng dâm** (abduction) là bắt người khác (nam hay nữ, độc thân hay có gia đình, còn trinh hay không) phạm tội xác thịt với mình, **bao giờ cũng là tội trọng, chẳng những phạm đến đức trong sạch còn phạm đến cả đức công bằng nữa**.

MỤC LỤC

169- **Loạn dâm** (incest) là việc giao hợp giữa hai người có liên hệ huyết nhục với nhau, *bao giờ cũng là tội trọng*, chẳng những *phạm đến đức trong sạch* mà còn *đến cả tình nghĩa nữa*.

170- **Tục dâm** (sacrilege) là việc phạm đến một người được thánh hiến cho Chúa, hoặc phạm đến một vật thánh hay nơi thánh, bằng tội lỗi *đức trong sạch*, *bao giờ cũng là một trọng tội*, *kèm theo cả tội thất kính với Thiên Chúa nữa*.

171- **Thủ dâm** (masturbation) tự ý làm cho bộ sinh dục của mình thực sự kích thích đến tột độ (ở chỗ, nam thì xuất tinh, nữ thì tiết chất nhờn) *luôn luôn là một trọng tội*.

172- **Phản dâm** (sodomy) là việc giao hợp giữa hai người cùng phái tính (perfect sodomy), hay việc giao hợp giữa hai người khác phái tính qua đường hậu môn (imperfect

MỤC LỤC

sodomy), một việc ***bao giờ cũng mắc tội trọng.***

173- ***Thú dâm*** (bestiality) là việc giao hợp của con người với thú vật, ***một trọng tội và là một trọng tội xấu nhất*** trong các tội lỗi đức trong sạch.

174- ***Kích dâm*** (sexual commotion) là việc làm kích thích cả bộ phận sinh dục (ở chỗ, dương vật nơi nam cứng lên và âm cục nơi nữ cương lên) lẫn dục chất (xong chưa xuất tinh nơi nam và tiết chất nhờn nơi nữ), một việc ***bao giờ cũng là một trọng tội.***

175- ***Khiêu dâm*** là việc nhìn ngấm, sờ mó, ôm ấp, hôn hít, truyện trò, ca hát và đọc sách khiêu dâm làm cho mình kích thích tình dục hay vì bị tình dục kích thích mà làm một trong những tác động ấy, một việc làm ***bao giờ cũng là một trọng tội.***

MỤC LỤC

176- *Nội tâm* là việc có ý nghĩ tưởng đến chuyện tình dục hay ước ao làm việc xác thịt, một việc *bao giờ cũng mắc trọng tội*.

177- *Hoang tâm* là việc làm (thực sự hay tưởng tượng) cho mình kích thích tình dục, dù bị bất lực hay bất thường về sinh lý, bằng các hình thức như *bạo lực tâm* (sadism), *khổ nhục tâm* (masochism), *vật thể tâm* (fetishism) và *đồng tính tâm* (homosexuality), cũng có lỗi nếu tác nhân còn là một người bình thường biết sử dụng trí khôn và ước muốn.

Giới Luật Chúa Thứ Bảy và Thứ Mười

178- *Giới luật Chúa thứ bảy và thứ mười* là hai điều răn bảo vệ quyền tư hữu của con người, (nhân vật có thực quyền hay được hưởng quyền làm chủ và sử dụng những gì thuộc về mình), cấm phạm đến những gì liên quan đến quyền này, (về vật lý như của cải, về thể lý như thân xác, về sinh lý như trinh tiết, về tâm lý như danh dự v.v.), bằng hành động thực sự bên ngoài hay dù chỉ có tâm tưởng bên trong.

179- Tính chất nặng nhẹ của *tội bất công*, một tội phạm đến quyền sở hữu trực thuộc của kẻ khác ngược với ý muốn của họ, như việc *đánh cắp* hay *làm hại* của ai, được căn cứ vào mức độ thiệt hại do việc làm bất công này gây ra, như sẽ *thành tội trọng nếu* trị giá đồ vật bị đánh cắp hay phá hư bằng số tiền (theo thời giá và điều kiện sống bấy giờ) có thể nuôi nấng nhân (và cả gia đình người ấy nếu có) trong một ngày.

180- ***Đánh cắp*** là việc lấy trộm đồ của người khác để làm của riêng mình, (kể cả việc ***lừa đảo, không trả lại đồ mất mình biết của ai, không trả nợ***), ngoài ý muốn hợp lý của chủ nhân, (do đó, không có lỗi khi người ở cho kẻ khó đồ ăn dư của chủ đồ đi, hay trong cơn quẫn bách lấy trộm của người không bị quẫn bách như mình, hoặc nhân công lấy bù cho đủ những gì bị chủ nhân bóc lột bất công trái với hợp đồng).

181- ***Tội ăn trộm là một tội trọng nếu*** số lượng đánh cắp lớn, dù là ăn cắp làm nhiều lần song có ý lấy cho được số lượng lớn đó, hay lấy số lượng lớn đó trong vòng một thời gian ngắn dù không có ý lấy trộm. Tuy nhiên, tùy theo liên hệ, vợ có thể lấy của chồng gấp bốn lần và con có thể lấy gấp hai lần số lượng lớn cần để làm thành tội trọng, và tùy theo thuộc chủ, nếu của trộm do nhiều người mà có thì nhẹ tội hơn.

MỤC LỤC

182- *Làm hại* đồ của người khác có thể là do việc phá hoại đồ của nhau, do cản trở (bằng phương tiện không được phép) nhau có một vật gì đó (trực thuộc quyền sở hữu của họ), hoặc do tội chểnh mảng (criminal negligence) của mình. Tội nặng nhẹ được căn cứ vào mức độ gây thiệt hại nhiều ít.

183- *Buộc phải trả lại* của đã đánh cắp *và đền bù* những gì mình đã làm hại (kể cả do hiếp dâm và ngoại tình) người khác *một cách tương xứng* (như lấy cái gì trả cái ấy hay ít là đồng giá) *và thích đáng* (như cho chính nạn nhân), trừ trường hợp hoàn toàn bất khả kháng ngoài ý muốn.

Giới Luật Chúa Thứ Tám

184- *Điều răn Chúa thứ tám cấm làm chứng dối phạm đến tha nhân, bằng việc dối trá hay tiết lộ những gì có thực một cách bất hợp pháp, như nói dối (lying), nói xấu (detraction) và đổ oan (calumny), mạ lị (contumely), đoán bậy (rash judgment), và lộ mật (violation of secrets).*

185- *Dối trá (lie) là việc tỏ ra lời nói, dấu hiệu hay cử chỉ phản lại với điều mình nghĩ hay muốn (thường để đánh lừa kẻ khác). Bởi đó, người ta dối trá khi nói một điều tự nó là đúng mà họ vốn nghĩ là sai, (ngược lại sẽ không mắc tội dối trá khi tưởng điều sai là thật). Dối trá bộc lộ qua hành động gọi là giả hình. Dối trá có thể được chia làm ba thứ: dối trá tác hại (malicious lie), dối trá tránh né (officious lie) và dối trá đùa cợt (jocose lie).*

186- *Không bao giờ được phép dối trá, tuy nhiên, tự bản chất, nó chỉ là tội nhẹ. Vì tự bản*

MỤC LỤC

chất xấu, dối trá không bao giờ được phép sử dụng như phương tiện để tránh né một sự dữ dù cả thể nhất. Dối trá *sẽ thành tội trọng nếu* nó phạm đến cả các nhân đức khác nữa, như đức công bình, đức bác ái v.v.

187- Thêm ý vào lời nói khác hẳn với nghĩa thông thường không thể nào hiểu khác hơn được (*strict mental restriction*), như bề ngoài nói “tôi không ăn cắp” (song bề trong thêm ý là “bằng tay trái mà bằng tay phải”), cũng là nói dối nên vẫn bị cấm, trừ khi hoàn cảnh làm cho nó có thể hiểu khác hơn (*broad mental restriction*), như “tôi không có tiền” (để cho mượn, chỉ có đủ để xài thôi) thì được, không phải dối trá.

188- Dối trá bao gồm cả việc *bất trung với lời hứa* (promise, chứ không phải với quyết định bình thường - resolution) của mình, một việc *tự nó chỉ là tội nhẹ*, song *sẽ thành tội trọng nếu* điều tác nhân dối trá là điều tác nhân bị

MỤC LỤC

bó buộc ngặt nghèo hay điều làm cho người khác phải chịu thiệt hại nặng.

189- Nói xấu và đổ oan đều là việc phạm đến danh thơm tiếng tốt của người khác, song trong khi nói xấu là việc tỏ cái không tốt của họ ra thì đổ oan là tố cáo những sai lầm không có thật của người khác. Tuy nhiên, nói xấu về người khác sẽ không phạm đến danh thơm tiếng tốt của họ nếu: cái xấu họ làm đã bị lộ ra, (tùy theo nơi chốn, như trong gia đình thôi thì không được tỏ ra ngoài nhà, và tùy theo thời gian, như lỗi đã qua không nên nhắc lại khi họ đã hối hận), và cái xấu đó cần phải tỏ ra để bảo vệ công ích hay an ninh cá nhân. Ngoài ra, **hai tội này là tội trọng ex genere suo** tùy theo yếu tố ngoại tại của chúng.

190- Nghe nói xấu và đổ oan trong khi có thể tránh được, hay cảm thấy vui thú hoặc vì thế cũng nói xấu và đổ oan cho nạn nhân, **cũng có tội**.

191- *Phải đền bù thích đáng danh thơm tiếng tốt* cho nạn nhân bị mình nói xấu và đổ oan, trừ khi trước đó đã đền bù cách nào, hay quên đi vấn đề phải đền bù, hoặc biết chắc rằng nạn nhân sẽ không bị mất danh thơm tiếng tốt, hay thấy rằng nạn nhân không cần mình phải đền bù cho họ v.v.

192- *Mạ li* ở tại bất kính (qua lời nói, việc làm hay tránh lánh) người khác (ngay trước mặt họ hay qua hình ảnh của họ) một cách bất công và tỏ ra khinh bỉ họ. Đây *là một tội trọng ex genere suo* phạm đến đức công bình. *Mức độ nặng nhẹ của tội này tùy ở* thái độ đối xử của tác nhân, ở trình độ văn hóa của tác nhân, nhất là ở phẩm giá của con người nạn nhân. Vì là tội phạm đến phẩm giá con người, nên tác nhân cũng phải đền trả nạn nhân tương xứng, trừ khi nạn nhân đã trả thù hay cả hai đều tác hại cho nhau cân bằng.

193- ***Đoán bậy*** là việc quả quyết một cách võ đoán (tức không có đủ lý do chính đáng xác thực, như trong trường hợp ***tình nghi*** dám có thật lắm – suspicion, hay ***hoài nghi*** không biết có thật hay không - doubt) về điều xấu nơi kẻ khác, ***một việc làm có tội trọng ex genere suo*** phạm đến đức công bình, nếu hội đủ bốn điều kiện: vấn đề đoán bậy đó là một điều quan trọng, vấn đề đó là một điều chắc chắn không thể nào sai được, song vấn đề đáng tin đó tự nó không có đủ lý do chính đáng khách quan, và tác nhân hoàn toàn tự mình nghĩ như vậy, ngoài ra, việc ***tình nghi và hoài nghi chỉ là tội nhẹ***.

194- ***Lộ mật*** là việc làm lộ ra bí mật những gì mình biết được phải giữ kín, vì luật tự nhiên đòi buộc (như sex education chưa tới tuổi cần biết), vì tự hứa giữ (như để trấn an nạn nhân) hay vì phải hứa giữ (nhờ đó mới được cho biết) mà không được phép tỏ bày, bằng lộ mật một cách ***bất chính thì tự bản chất của việc***

MỤC LỤC

làm này là một trọng tội phạm đến đức công bình, trừ khi lộ mật những điều tầm thường không hệ trọng. Tuy nhiên, cũng được phép tìm hiểu những kiến thức mật (như các phát minh) bằng phương tiện tốt (như việc học biết), chứ không được bằng phương tiện bất chính (như đọc lén, đột nhập v.v.).

195- *Không được phép lợi dụng bí mật biết được bằng phương tiện bất chính* (trừ khi bằng phương tiện chính đáng) *hay bí mật đã phải hứa giữ* để gây bất lợi cho nhau (như trong ngành thương mại), trừ khi bí mật đó không còn tác dụng gì nữa vì hoàn cảnh đã hoàn toàn thay đổi.

3 CÁC ĐIỀU LUẬT HỘI THÁNH

Điều Luật Giữ Chay và Kiêng Thịt (2)

196- “**Phải kiêng ăn thịt** hay các thức ăn khác theo chỉ thị của hội đồng giám mục vào các ngày **Thứ Sáu trong năm**, trừ khi trùng vào các ngày lễ trọng; **phải kiêng thịt và ăn chay** vào Ngày **Thứ Tư Lễ Tro** và vào ngày **Thứ Sáu cử hành Cuộc Khổ Nạn và Tử Nạn của Chúa Giêsu Kitô**, Chúa chúng ta” (GL:1251).

197- “**Tất cả mọi người tới 14 tuổi buộc phải giữ luật kiêng thịt**; tất cả mọi người lớn buộc **phải ăn chay tới năm bắt đầu 60 tuổi**. Tuy nhiên, các cha xứ và cha mẹ phải làm sao dạy cho trẻ nhỏ không buộc phải giữ luật ăn chay và kiêng thịt sống tinh thần thông hôỉ chân chính” (GL: 1252)

198- “**Ai muốn rước Thánh Thể phải cử đồ ăn hay nước uống, trừ nước lã và thuốc uống, tối thiểu khoảng thời gian một tiếng trước**

MỤC LỤC

Hiệp Lễ (1). *Linh mục cử hành Thánh Lễ hai hay ba lần cùng một ngày có thể ăn uống trước khi cử hành lễ thứ hai hay thứ ba nếu không đủ một tiếng cách quãng* (2). *Những ai lớn tuổi hay bệnh nạn, cũng như những ai săn sóc cho họ, có thể rước Thánh Thể cho dù có ăn uống gì trong vòng một giờ trước đó* (3)” (GL: 919)

Điều Luật Xưng Tội (3) và Rước Lễ (4)

199- “Sau khi tới tuổi khôn, mỗi tín hữu **buộc phải xưng tội trọng mỗi năm ít là một lần**” (GL: 989). (tuy nhiên, nếu xưng tội một lần duy nhất trong năm mà lại là lần xưng tội phạm sự thánh, tức dấu tội trọng khi xưng tội, thì kể như chưa chu toàn điều luật này của Giáo Hội - những chữ in nhỏ ở trong ngoặc như thế này từ đây trở đi là phụ chú riêng của người soạn tập sách này).

200- “Không thể ban phép xá giải một cách chung cho một số hối nhân cùng một lúc mà họ không được xưng tội trước, trừ: 1- trường hợp nguy tử và không còn kịp giờ để linh mục giải tội cho từng người; 2- trường hợp khẩn thiết, tức là, trường hợp không đủ số linh mục giải tội cho một số hối nhân trong một thời gian hạn định khiến một số sẽ mất ơn bí tích và hiệp lễ trong một thời gian dài không do lỗi tại họ; ngoài ra, không đủ lý do cần thiết trong trường hợp không đủ cha giải tội cho một số đông hối nhân vào những dịp lễ lớn hay những dịp hành hương” (GL: 961.1).

MỤC LỤC

201- “Theo đúng như điều buộc ở khoản Giáo Luật 989 (về việc buộc phải xưng tội một năm một lần), một người có tội trọng lãnh nhận phép xá giải chung (general absolution) phải đi xưng tội riêng ngay khi có dịp, trước khi lãnh nhận một xá giải chung khác, trừ khi có lý do ngăn trở chính đáng” (GL: 963)

202- “Tất cả mọi tín hữu, sau khi được lãnh nhận Bí Tích Thánh Thể, **buộc phải rước lễ một năm ít là một lần vào Mùa Phục Sinh (1)** Buộc phải chu toàn điều luật này vào Mùa, trừ khi vì có lý do ngăn trở chính đáng cần phải thực hiện vào một thời gian khác trong năm (2)” (GL: 920). (theo Phụng Niên của Giáo Hội, Mùa Phục Sinh tới lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống, tuy nhiên, ở Hoa Kỳ được kể từ Chúa Nhật Thứ Nhất Mùa Chay tới Chúa Nhật Lễ Chúa Ba Ngôi. Nếu việc rước lễ một lần duy nhất trong năm vào Mùa Phục Sinh nếu là lần rước lễ phạm sự thánh, tức

MỤC LỤC

rước lễ đang còn mắc trọng tội, thì vẫn chưa chu toàn điều luật này của Giáo Hội).

203- “Một người đã lãnh nhận Bí Tích Thánh Thể có thể chịu lại lần nữa trong cùng một ngày khi họ tham dự cử hành Bí Tích Thánh Thể, nhất là trường hợp được qui định trong điều khoản 921.2 (về những ai gặp nguy tử rất nên rước lễ lần nữa)” (GL: 917)

MỤC LỤC

Điều Luật Đóng Góp cho Giáo Hội (5)

204- *“Tín hữu Kitô giáo buộc phải trợ giúp các nhu cầu của Giáo Hội để Giáo Hội có đủ những gì cần thiết cho việc thờ phượng Thiên Chúa, cho công cuộc tông đồ cũng như công việc bác ái, và cho việc bảo dưỡng xứng đáng các thừa tác viên”* (GL: 222.1)

205- *“Tín hữu phải đóng góp cho việc trợ giúp Giáo Hội bằng việc thu tiền (collection) và theo các qui định của hội đồng giám mục”* (GL: 1262)

Điều Luật về Bí Tích Hôn Phối (6)

206- *“Tất cả mọi tín hữu buộc phải cho cha xứ hoặc bản quyền địa phương hay bất cứ ngăn trở nào họ biết được trước khi cử hành hôn phối” (GL: 1069)*

207- *“Trừ trường hợp cần thiết, nếu không có phép của bản quyền Giáo Hội địa phương, không ai được giúp cho những cuộc hôn nhân sau đây: 1- cuộc hôn nhân của những người bất định cư (transients); 2- một cuộc hôn nhân không thể công nhận hay cử hành theo qui lệ của dân luật; 3- cuộc hôn nhân của một người tự nhiên còn bị bó buộc với người phối ngẫu hay với con cái từ cuộc hôn nhân trước; 4- cuộc hôn nhân của một người đã tỏ tường cho thấy họ chối bỏ đức tin Công Giáo; 5- cuộc hôn nhân của một người bị án Giáo Hội; 6- cuộc hôn nhân của một trẻ nhỏ khi cha mẹ không biết gì hay có lý do không đồng ý; 7- cuộc hôn nhân cử hành qua người đại diện được nói đến ở khoản Giáo Luật 1105” (GL: 1071.1)*

MỤC LỤC

208- “Không được kết hôn với nhau khi nam nhân chưa đủ 16 tuổi và nữ nhân chưa tròn 14” (GL: 1083:1)

209- “Hôn nhân tự nó bất thành nếu nam nhân hay nữ nhân bị vĩnh viễn bất lực trong việc giao hợp trước khi lấy nhau dù hoàn toàn (absolute) hay không hoàn toàn (relative) (1). Nếu ngăn trở về việc bất lực còn nghi vấn theo luật hay theo sự kiện thì cuộc hôn nhân vẫn không bị ngăn trở hay không bị cho là bất thành bao lâu còn tình trạng nghi vấn này (2). Việc bất lực sinh con cái (sterility) không cấm đoán cũng không vô hiệu cuộc hôn nhân, hợp với khoản Giáo Luật 1098 (trừ trường hợp giấu diếm) (3)” (GL: 1084)

210- “Một người còn vướng mắc với cuộc hôn nhân trước, cho dù chưa hoàn trọn, cũng kết hôn không thành (1). Cho dù cuộc hôn nhân trước không thành hay tan rã vì bất cứ lý do nào, cũng không được căn cứ vào đó mà được kết hôn trước

MỤC LỤC

khi cuộc hôn nhân trước bị tiêu hôn hay được giải một cách hợp lý và chắc chắn (2)” (GL: 1085)

211- *“Cuộc hôn nhân giữa hai người, một đã lãnh nhận bí tích rửa tội theo Giáo Hội Công Giáo hay đã rửa tội song đã chính thức tuyên bố bỏ đạo, và một người chưa được rửa tội thì bất thành (1).*

Không được châm chước cho ngăn trở này trừ khi hoàn tất các điều kiện được đề cập đến ở các khoản Giáo Luật 1125 và 1126 (2). Cuộc hôn nhân vẫn thành hiệu theo qui tắc của khoản Giáo Luật 1060, nếu vào lúc thành hôn, một trong hai người thường được coi như đã rửa tội hay còn nghi vấn về việc rửa tội của người này, cho đến khi chứng nhận chắc chắn một người đã được rửa tội và một người chưa (3)” (1086)

212- *“Những người đang có chức thánh thành hôn vô hiệu” (GL: 1087)*

MỤC LỤC

213- “Những người bị ràng buộc bởi lời khấn vĩnh thệ giữ đức trinh khiết trong một viện tu thành hôn vô hiệu” (GL: 1088)

214- “Không có vấn đề hôn nhân giữa một người nam và một người nữ bị bắt cóc hay ít là bị kìm kẹp để ép buộc phải lập gia đình, trừ khi người nữ tự nguyện muốn kết hôn sau khi đã tách rời khỏi người bắt cóc và ở một nơi tự do an toàn” (GL: 1089)

215- “Một người vì muốn kết hôn với một người nào đó mà sát hại người phối ngẫu của mình hay người phối ngẫu của người đó thì cuộc hôn nhân đó bất thành (1). Cuộc hôn nhân cũng không thành giữa những người sát hại một trong hai người phối ngẫu của họ bằng việc cộng tác với nhau về thể lý hay luân lý (2)” (GL: 1090)

216- “Theo trục hệ (hàng dọc) máu mủ (direct line of consanguinity), hôn nhân bất thành giữa tất cả các người trên và kẻ dưới, cho dù có liên hệ

MỤC LỤC

chính thức hay theo tự nhiên (1). Theo bàng hệ (hàng ngang) máu mủ (collateral line of consanguinity), hôn nhân bất thành cho tới (up to and including) đời thứ bốn (2). Không tăng cấp đối với việc ngăn trở về huyết tộc (3). Không bao giờ được kết hôn nếu có nghi vấn về huyết tộc nơi một trong hai người về bất cứ đời nào theo trực hệ hay đời thứ hai theo bàng hệ (4)” (GL: 1091)

217- *“Tréo hệ (affinity) thuộc hàng dọc ở bất cứ đời nào cũng vô thành hiệu hôn nhân” (GL: 1092)*

218- *“Mang tai tiếng xấu (public propriety) về một cuộc hôn nhân bất thành sau khi chung sống hay về việc có vợ lẽ ai cũng biết, thì bất hiệu thành cuộc hôn nhân ở đời thứ nhất theo trực hệ giữa người nam với thân thuộc của người nữ hay ngược lại” (GL: 1093)*

219- *“Hôn nhân không thành giữa những người thuộc trực hệ hay đời thứ hai theo hàng ngang do liên hệ pháp lý thừa nhận (adoption)” (GL: 1094)*

MỤC LỤC

220- “Cuộc kết hôn giữa hai người không chịu phép rửa, mà một trong hai đã đoạn tuyệt tình, sẽ được tháo gỡ theo đặc ân thánh Phaolô vì đức tin của người còn lại đã lãnh nhận phép rửa để thành hôn với một người vốn đã chịu phép rửa (1).

Người không chịu phép rửa tội được coi là đoạn tuyệt tình nếu họ không muốn chung sống với người được rửa tội nữa, hay không muốn chung sống hòa thuận mà không phạm đến Đấng Hóa Công, ngoại trừ, sau khi lãnh nhận bí tích rửa tội, người được rửa tội đã làm cho người kia có lý do chính đáng để đoạn tuyệt tình (2)” (GL: 1143)

221- “Vì lý do quan trọng, bản quyền địa phương có thể cho phép người chịu phép rửa tội được hưởng đặc ân thánh Phaolô để lập gia đình với một người ngoài Công Giáo, được rửa tội hay không, mà vẫn giữ đúng những qui định của các khoản Giáo Luật về hôn nhân hôn hợp (như khoản 1124 dưới đây)” (GL: 1147)

MỤC LỤC

222- “Không có phép rõ ràng của thẩm quyền địa phương, cấm kết hôn giữa hai người đã chịu phép rửa, một chịu phép rửa thuộc Giáo Hội Công Giáo hay trở lại sau khi chịu phép rửa và không chính thức là bỏ Giáo Hội Công Giáo, với một người thuộc về một giáo hội hay cộng đoàn giáo hội không hoàn toàn hiệp thông với Giáo Hội Công Giáo” (GL: 1124)

Điều Luật Chuẩn Duyệt Sách In ấn (7)

223- “Trừ khi được qui định khác đi, bản quyền địa phương ban phép hay chuẩn nhận cho việc in ấn sách vở theo các khoản giáo luật về vấn đề này chính là bản quyền địa phương nơi tác giả ở hay bản quyền nơi sách được in ấn” (GL: 824.1)

224- “Không được in ấn các Sách Thánh trừ khi được chuẩn nhận bởi Tòa Thánh hay bởi hội đồng giám mục; để in ấn các bản dịch bằng tiếng bản xứ cũng đòi phải được chuẩn nhận bởi các thẩm quyền trên đây và cần phải có những chú giải cần thiết và đầy đủ” (GL: 825.1)

225- “Hợp với qui định của khoản giáo luật 775.2 (phụ chú của người soạn tập sách này: về thẩm quyền của Tòa Thánh và hội đồng giám mục), các sách giáo lý và các sách khác được biên soạn cho việc huấn luyện về giáo lý hay các bản dịch của nó cần phải được bản quyền địa phương chuẩn nhận cho phép in ấn (1). Các sách bàn đến những vấn đề thánh kinh, thần học, giáo luật, giáo sử hay đến

MỤC LỤC

các đường lối về đạo lý hoặc về luân lý không thể được dùng làm sách giáo khoa để dạy trong các trường tiểu học, trung học hay cao hơn, trừ khi được in ấn với phép của thẩm quyền giáo hội hay sau đó được thẩm quyền này chuẩn nhận (2). Các sách viết về các vấn đề ở tiết 2 trên đây cũng cần phải được bản quyền địa phương xem xét, dù không được dùng làm sách giáo khoa để dạy học; cũng thế, đối với các bản viết liên quan tới những vấn đề đặc biệt về tôn giáo hay về đời sống luân lý lành mạnh (3). Các sách và các bản viết khác bàn đến các vấn đề về tôn giáo hay luân lý không được trưng bày, bán hay phổ biến ở nhà thờ hay nguyện đường trừ khi được in ấn với phép của bản quyền giáo hội hay được thẩm quyền này chuẩn nhận sau đó (4)” (GL: 827)

226- “Việc phê chuẩn hay ban phép in ấn sách vở áp dụng cho nguyên bản chứ không cho các lần tái bản hay các bản dịch nguyên bản này” (GL: 829)

MỤC LỤC

227- “Không có lý do chính đáng và hợp lý tín hữu Kitô giáo không được viết bất cứ điều gì cho nhật báo, nguyệt san hay định san vốn công khai chống đối Công Giáo hoặc nền luân lý lành mạnh; giáo sĩ và tu sĩ các tu hội phải có phép bề trên mới được làm như vậy” (GL: 831.1)

Phần 3 :CÁC LẠC GIÁO *trong* GIÁO HỘI

THẾ KỶ I

1- Simonians

· **Chủ xướng:** Simon Magiïus, một thầy phù thủy từ thời các tông đồ, người ở Gitta xứ Samaria (theo Thánh Justinô), đã chịu phép rửa để xin các thánh tông đồ ban cho mình quyền lực làm phép lạ của các ngài, và đã chết ở Rôma vì việc gắng sức lên trời (theo Thánh Ambrôsiô và Âu-Quốc-Tinh).

· **Chủ trương:**

- Chối bỏ ý muốn tự do;
- Thế gian được các thiên thần tạo dựng;
- Linh hồn nhập vào thân xác khác khi con người chết (transmigration of soul);
- Chối bỏ nhân tính nơi Đức Kitô.

2- Cerinthians

· **Chủ xướng:** Cerinthus, một người Ai Cập (theo Theodoret), không tin vào thần tính của Chúa Kitô, khiến cho (như một số người nói) Thánh Gioan Tông Đồ phải viết cuốn Phúc Âm thứ bốn.

· **Chủ trương:**

- Không tin Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa;
- Giữ luật Moisen mới được cứu rỗi;
- Chối bỏ thần tính nơi Đức Kitô;
- Chúa Kitô sau khi phục sinh có thể thiết lập một vương quốc trần thế là nơi cho kẻ lành hưởng lạc thú trong một ngàn năm.

THẾ KỶ II

3- Basilidians

- **Chủ xướng:** Basilides, quê ở Alexandria, quan niệm “hãy biết kẻ khác, chứ đừng để kẻ khác biết mình”, có người con trai là Isidore theo đường lối của cha, và có một bè phái phát triển dưới triều hoàng đế Hadrian và Antonius Pius, khoảng trong thời gian 120-140.

- **Chủ trương:**

- Phủ nhận Mạc Khải, cho rằng Thiên Chúa của dân Do Thái chỉ là một thiên thần;
- Thế gian là do các thiên thần dựng nên;
- Chối bỏ nhân tính và các phép lạ của Chúa Kitô;
- Không tin việc thân xác sống lại;
- Cho rằng Simong Cyrênê đã chịu đóng đinh thay cho Đức Kitô là Đấng đã an toàn về cùng Cha.

4- Carpocratians

· **Chủ xướng:** Carpocrates, một triết gia ở Alexandria, bè phái phát triển trong triều đại của hoàng đế Hadrian (117-138), được gọi là thành phần “trí giả” (gnostics).

· **Chủ trương:**

- Mọi người đều có hai linh hồn;
- Linh hồn nhập vào thân xác khác khi con người chết (transmigration of soul);
- Thế gian là do các thiên thần dựng nên;
- Chối bỏ thần tính nơi Chúa Kitô;
- Làm điều vô luân để nên một với Thiên Chúa.

5- Valentinians

· **Chủ xướng:** Valentine, một người Ai Cập, bỏ Giáo Hội vì không được làm giám mục, đến Rôma trong giáo triều Đức Higinus (136-140) cho đến giáo triều Đức Anicetus (155-166), đầu tiên đã thề bỏ đi các điều sai quấy, song lại tái diễn và cứng lòng tới khi chết ở Cyprus vào khoảng năm 160. Lạc giáo này được chia làm hai chi nhánh: chi nhánh thứ nhất gồm những người Đông phương ở Ai Cập, Syria và Tiểu Á, và chi nhánh thứ hai gồm người Ý ở Rôma, Ý và Miền Nam xứ Gaul. Lạc thuyết này truyền bá đủ mọi hình thức Ngộ Thức (Gnosticism).

· **Chủ trương:**

- Chối bỏ Đức Maria là Mẹ Thiên Chúa;
- Việc ông chính hóa chỉ bởi một mình đức tin;
- Vật chất trường tồn vĩnh cửu;
- Chối bỏ ý muốn tự do và thân xác phục sinh.

6- Marcionites

· **Chủ xướng:** Marcion, con trai của giám mục Sinope ở Pontus, sinh khoảng năm 110, bị cha ra vạ tuyệt thông vì lầm lỗi gì đó, sau khi lời xin tái hiệp thông của mình không được chấp nhận, đã đến Rôma, rồi họp với Cerdo truyền bá các lạc thuyết, và đã chết (theo Tertullian) trước khi thực hiện ý định trong việc thi hành điều kiện để được tái hiệp thông hầu đem những người lầm lạc theo mình trở về.

· **Chủ trương:**

- Có hai thần linh, một lành và một dữ;
- Chối bỏ việc nhập thể của Đức Kitô;
- Phủ nhận Cựu Ước.

7- Cerdonians

· **Chủ xướng:** Cerdo, một người Syria, đến Rôma khoảng năm 139 thời giáo triều Đức Hyginus (136-140).

· **Chủ trương:**

- Có hai vị thần linh, một lành và một dữ;
- Chối bỏ việc phục sinh của thân xác;
- Cấm lập gia đình, uống rượu và ăn thịt.

8- Ebionites

- **Chủ xướng:** Một nhóm bình luận gia.
- **Chủ trương:**
 - Chối bỏ thần tính nơi Đức Kitô;
 - Phủ nhận tất cả Tân Ước trừ Phúc Âm Thánh Mathêu cũng bị cắt xén;
 - Một số người được thần lành dựng nên, số còn lại là do thần dữ;
 - Cho Thánh Phaolô Tông Đồ là một kẻ lạc đạo;
 - Thi hành ý muốn tự do.

9- Docetae

- **Chủ xướng:** Julius Cassianus, môn đệ của Valentine.
- **Chủ trương:**
 - Chối bỏ việc Thiên Chúa nhập thể nơi Đức Kitô về phương diện thực hành;
 - Đời sống của Đức Kitô trên trần gian thiên về thiêng liêng hơn vật chất: một số cho rằng xác của Đức Kitô chỉ là một giả dạng, số khác chỉ phủ nhận những tính chất xác thịt của thân thể Người.

10- Montanists

· **Chủ xướng:** Montanus, người Phrygia, có thể là một vị tự tế ở Cybele, trở lại khoảng năm 150, sau đó không bao lâu mắc phải nạn xuất thần và nói “tiên tri”, được hai phụ nữ giàu sang quyền quý bỏ chồng đến hợp tác, bị trục xuất khỏi Giáo Hội, rồi thành lập một nhóm rao giảng được các tình nguyện viên bảo trợ, cuối cùng (theo Eusebius cho biết) đã tự treo thân.

· **Chủ trương:**

- Cho mình nhận được mạc khải mới từ Thiên Chúa, các đường lối theo luật Moisen và Kitô giáo vô hiệu;
- Cấm tất cả mọi cuộc tái hôn;
- Không nhận lại những ai phạm tội sát nhân, ngoại tình hay tôn thờ ngẫu tượng;
- Buộc trinh nữ phải đeo khăn che mặt khi tham dự hội họp trong Giáo Hội.

Phần 4 NHỮNG LẠC THUYẾT *phản* TÍN LÝ CHỦ XƯỞNG CẢI CÁCH

(Martin Luther)

Ngày 31-10-1517, Martin Luther, một linh mục dòng Thánh Augustinô, đã phổ biến một văn kiện đưa ra 95 vấn đề để bàn luận ở Wittenberg (xem *Translations and Reprints from the Original Sources of European History*, ed. by the Department of History of the University of Pennsylvania, New York: Longman's Green & Co. Inc., 1894, pp. 11-18). Ngày 15-6-1520, Đức Thánh Cha Lêo X đã lên án các sai lầm của Martin Luther trong *Tông Sắc Exsurge Domine* sau đây:

... Do ơn Chúa, vì lãnh nhận trách nhiệm mục vụ, chúng tôi không còn chần chờ hay coi thường được nữa về chất độc hại nơi những sai lầm trên mà không có lỗi với Kitô Giáo và làm tổn hại đến đức tin truyền thống. Chúng tôi quyết định bày tỏ một số những sai lầm này

MỤC LỤC

trong văn kiện đây; chính yếu của những sai lầm ấy như sau:

1. Các bí tích của Tân Luật ban ơn tha thứ cho những ai không gây vướng trở là một ý nghĩ lạc giáo song là một ý nghĩ chung.
2. Phủ nhận việc tội lỗi vẫn còn nơi con trẻ sau khi em lãnh nhận bí tích rửa tội là tỏ ra khinh Thánh Phaolô và Đức Kitô.
3. Dù không thực sự phạm tội đi nữa, thì các căn tội sôi động cũng trì hoãn việc linh hồn vào thiên đàng sau khi lìa khỏi thân xác.
4. Vào giờ lâm tử, đức ái bất toàn mang lại cho người ta một nỗi sợ hãi cả thể, một nỗi sợ hãi tự nó đủ làm phát sinh ra hình phạt luyện ngục, và gây trở ngại cho việc vào thiên đàng.
5. Ba phần thống hối là ăn năn dốc lòng chừa, xưng tội và đền tội không có nền tảng trong

MỤC LỤC

Thánh Kinh hay nơi các vị tiến sĩ Kitô Giáo thánh thiện xưa kia.

6. Việc ăn năn dốc lòng chữa, một việc được thực hiện với tác động bàn hỏi, hồi tâm và ghét tội, nhờ đó người ta nghĩ lại các năm tháng của mình một cách buồn đau trong tâm hồn, nhờ đó họ nghĩ đến tính cách nặng nề của tội lỗi, đến số lượng của tội lỗi, đến cái đòn hèn của tội lỗi, đến tình trạng mất phúc trường sinh và bị đòi đòi luận phạt, thì việc ăn năn dốc lòng chữa này làm cho họ trở thành một kẻ giả hình, thực sự là một tội nhân hơn nữa.

7. Câu cách ngôn đúng nhất, và là một giáo điều liên quan đến các việc ăn năn dốc lòng chữa vẫn được thực hiện từ trước tới nay, càng sáng tỏ hơn, chính là câu “đừng làm như thế nữa trong tương lai đó là một việc thống hối thượng hạng; một việc thống hối hay nhất, một đời sống mới”.

MỤC LỤC

8. Quý vị không cần cho rằng phải xưng thú các tội nhẹ, kể cả các tội trọng, vì quý vị không thể nào biết được tất cả mọi tội trọng. Bởi thế, vào thời Giáo Hội sơ khai, chỉ có các tội trọng bộc lộ tỏ tường mới phải xưng thú mà thôi.

9. Bao lâu chúng ta muốn xưng thú tất cả mọi tội lỗi không trừ một tội nào thì chẳng khác gì chúng ta muốn Thiên Chúa không còn gì để thương tha cho mình nữa.

10. Người ta chưa được tha tội trừ khi vị linh mục tha tội tin rằng tội đã được thứ tha; ngược lại, họ vẫn còn mắc tội khi vị linh mục tin rằng tội đã được tha thứ; thật vậy, vì việc xá tội và việc ban ơn mà thôi vẫn chưa đủ, còn cần phải tin việc tha tội đã được ban phát nữa.

11. Quý vị không thể biết chắc mình đã được giải tội nhờ ăn năn dốc lòng chữa, mà là nhờ lời Chúa Kitô: “Bất cứ điều gì các con cởi mở v.v.”. Bởi thế, tôi mới nói, hãy tin tưởng cậy trông nếu

MỤC LỤC

quí vị đã được vị linh mục giải tội, và chính mình tin chắc là mình đã được giải tội, thì quí vị sẽ được giải tội thực sự, được tha bất cứ điều gì đã ăn năn dốt lòng chưa.

12. Trường hợp người thú tội không thể ăn năn dốt lòng chưa, hay vị linh mục không giải tội một cách đàng hoàng, mà chỉ làm chơi vạy thôi, tuy nhiên, nếu người ấy tin rằng mình đã được giải tội thì họ thực sự đã được giải hết tội.

13. Nơi bí tích thống hối và giải tội, giáo hoàng hay giám mục không làm gì hơn là một vị linh mục tầm thường nhất; thật vậy, nơi nào không có linh mục thì bất cứ một Kitô hữu nào, cho dù là phụ nữ hay trẻ em, cũng được phép làm như vậy.

14. Không ai buộc phải trả lời cho vị linh mục biết rằng mình đã ăn năn dốt lòng chưa, và vị linh mục cũng không được hỏi điều này.

MỤC LỤC

15. Thật là làm lạc cả thể cho những ai đến với bí tích Thánh Thể vì họ dựa vào việc họ đã xưng tội, việc họ không biết mình có tội trọng, việc họ đã cầu nguyện trước rồi và cũng đã dọn mình sẵn sàng; tất cả những người này ăn và uống án phạt mình. Thế nhưng, nếu họ tin tưởng và tin cậy rằng họ sẽ chiếm được ân sủng, thì chỉ một mình đức tin này mà thôi cũng làm cho họ nên tinh tuyền và xứng đáng rồi.

16. Như thế đã được giải quyết là Giáo Hội, qua Công Đồng chung, ấn định giáo dân phải rước lấy cả hai hình; những người Bohemia (biệt chú của người biên soạn: những người thuộc nhóm Peter Chelezicky ở thế kỷ 15 không tin vào việc Biến Thể) chịu dưới cả hai hình thì không phải là các người lạc giáo mà là những người ly giáo.

17. Các kho tàng của Giáo Hội mà giáo hoàng ban các ân xá không phải là công nghiệp của Chúa Kitô và của các thánh.

MỤC LỤC

18. Các ân xá là những gian lận đạo đức của tín hữu, và là những việc xá tội bởi các việc lành; các ân xá này thuộc về số những sự được phép làm chứ không phải thuộc số những sự ích lợi.

19. Các ân xá không có lợi gì cho kẻ thực sự kiếm được chúng đối với việc xá giải hình phạt vì tội phạm thực sự trước nhan Thiên Chúa công minh.

20. Những ai tin rằng các ân xá hữu ích và có lợi cho hoa trái thiêng liêng là những người bị đánh lừa.

21. Các ân xá chỉ cần thiết cho các tội ác công khai, và đáng được ban cho thành phần cứng đầu cứng cổ.

22. Ân xá không cần thiết hay hữu ích đối với sáu loại người; đó là kẻ chết và những người sắp chết, bệnh nhân, những người bị ngăn trở nặng, những người không phạm tội ác, những người

MỤC LỤC

phạm tội ác song không phải là tội ác công khai, và những người theo đuổi sự tốt lành hơn.

23. Vạ tuyệt thông chỉ là các hình phạt bề ngoài và không làm cho con người tách khỏi các lời cầu nguyện thiêng liêng chung của Giáo Hội.

24. Kitô hữu phải được dạy cho biết tiếp nhận các vạ tuyệt thông hơn là sợ các vạ này.

25. Giáo Hoàng Rôma, vị kế thừa Phêrô, không phải là người đại diện Chúa Kitô coi sóc tất cả mọi giáo hội trên khắp thế giới được Chính Chúa Kitô thiết lập nơi Thánh Phêrô.

26. Lời Chúa Kitô phán với Phêrô: “Bất cứ điều gì con cởi mở dưới đất” v.v. chỉ được áp dụng cho những sự chính Phêrô cầm buộc mà thôi.

27. Chắc chắn một điều là Giáo Hội hay giáo hoàng không có quyền xác quyết về những điều thuộc đức tin, lại càng không có quyền xác quyết về các luật luân lý hay các việc thiện nữa.

28. Nếu giáo hoàng và một phần lớn của Giáo Hội nghĩ thế này hay thế kia, thì ngài không sai lầm; ngoài ra, có nghĩ ngược lại cũng chẳng có tội hay lạc giáo gì cả, nhất là nơi vấn đề không cần thiết đến phần rỗi, cho đến khi giải pháp này bị lên án và giải pháp kia được một Công Đồng chung công nhận.

29. Chúng ta được quyền trong việc làm giảm bớt quyền bính các công đồng, tự do tương phản lại những quyết định của các công đồng, cứu xét những sắc lệnh của các công đồng, và mạnh mẽ tuyên xưng bất cứ điều gì có vẻ đúng, cho dù nó có được chuẩn nhận hay luận bác bởi bất cứ công đồng nào.

30. Một số điều khoản của John Hus, bị Công Đồng Chung Constance lên án, là những điều có tính cách Kitô Giáo nhất, hoàn toàn chân thực và hợp phúc âm; Giáo Hội hoàn vũ không thể lên án những điều này.

MỤC LỤC

31. Người công chính có tội trong hết mọi việc thiện hảo.

32. Làm một việc thiện thật đàng hoàng là phạm tội nhẹ.

33. Các người lạc giáo bị tử thiêu là việc phạm đến ý muốn của Thần Linh.

34. Tham chiến đánh quân Thổ Nhĩ Kỳ là chống lại Thiên Chúa, Đấng dùng họ để phạt lỗi lầm của chúng ta.

35. Vì tính xấu kiêu căng khó thấy nhất mà không ai dám chắc là mình không luôn luôn phạm trọng tội.

36. Sau khi tội lỗi xảy ra thì ý muốn tự do chỉ còn là một tên gọi; bao lâu người ta làm theo những gì trong mình là họ phạm trọng tội.

MỤC LỤC

37. Không thể lấy các Sách Thánh Kinh có trong số bộ để chứng thực có Luyện Ngục.

38. Các linh hồn trong Luyện Ngục không nắm chắc được phần rỗi của mình, ít là không hoàn toàn; lý luận cũng như Thánh Kinh không chứng thực được là họ không còn ở trong tình trạng lập công hay tăng thêm đức ái nữa.

39. Các linh hồn trong luyện ngục không ngừng phạm tội bao lâu họ tìm kiếm nghỉ ngơi và hận ghét hình phạt.

40. Các linh hồn được thoát khỏi luyện ngục nhờ các sự trợ giúp của kẻ sống thì không được hưởng phúc bằng việc chính họ đền tội lấy.

41. Các chức sắc giáo hội và các công tước trần gian không tác hành một cách xấu xa khi họ phá hoại tất cả mọi bị tiền bạc của kẻ ăn xin.

MỤC LỤC

(Tài liệu trên đây được trích dịch từ "*Readings In Church History*", edited by Colman J. Barry, OSB, Christian Classics, Inc, 1985, trang 992-996, và phần tài liệu này lại được trích từ Bullarum Diplomatum et Privilegiorum Sanctorum Romanorum Pontificum, Turin: Seb. Francô and Henry Dalmaoão, 1860, V, 748-754. Trans. by the Rev. Benedict R. Avery, O.S.B.)

HỘI KÍN TAM ĐIỂM

(Bản Tổng Lược của Hội Nghị Quốc Tế Tridentinô)

Có thể nói, Tam Điểm là một tôn giáo tôn thờ Tự Nhiên, một Hội Kín chống lại và hủy hoại tất cả những gì là lỗi thời cũ kỹ, để xây dựng lại một "New World Order" (Trật Tự Thế Giới Mới) cho một "New Age" (Thời Đại Mới).

Hội Nghị Quốc Tế ở Trent Chống Tam Điểm (26-30/9/1896, kỷ niệm bách chu niên năm 1996) đã phổ biến một bản tổng lược về đề cương hoạt động của Hội Tam Điểm như sau:

1. Tam Điểm là một tà phái tôn giáo theo nhị nguyên Manikê; biểu hiện tối thượng thuộc về những bí mật và huyền nhiệm của họ là tôn sùng Luxiphe hay Satan, được thờ kính ở đằng sau hậu trường như một Thiên Chúa, phản lại với Thiên Chúa của các người

MỤC LỤC

Công Giáo, Đấng mà những kẻ lộng ngôn lúc đầu gọi là Ác Chúa.

2. Ma quỷ, tác nhân linh hứng của những bí mật Tam Điểm, vì biết rằng hắn sẽ không bao giờ được đa số loài người trực tiếp tôn thờ, cố gắng dùng Tam Điểm để thẩm nhiễm vào các linh hồn hạt mầm mống của Khuynh Hướng Tự Nhiên, một khuynh hướng mà đối với Thiên Chúa không gì khác hơn là một cuộc hoàn toàn bung tỏa của con người.

3- Để gieo vào thế gian Khuynh Hướng Tự Nhiên vô đạo này, Tam Điểm nỗ lực làm cho con người quen thuộc với việc đặt tất cả mọi tôn giáo trên một bình diện bằng nhau, tôn giáo chân thực duy nhất lẫn với tôn giáo sai lạc; thay thế màu sắc Công Giáo bằng màu sắc Tam Điểm, nhờ trung gian của báo chí và các học đường vô thần.

MỤC LỤC

4- Phương pháp đặc biệt giúp Tam Điểm hủy hoại các linh hồn của những kẻ cuồng mê với những vấn đề liên quan đến lãnh vực siêu nhiên mà không đủ sức trước Khuynh Hướng Nhị Nguyên Manikê theo Luxiphe, là kích động họ cho đến khi họ hiến thân mãi mê theo những thực hành của Tâm Linh.

5- Tam Điểm cũng là một tà phái chính trị cố gắng chiếm quyền cai trị mọi chính quyền, biến các chính quyền thành những công cụ mù quáng cho tác hành ngoan cố của mình, và cũng nỗ lực gieo rắc phản loạn ở khắp mọi nơi.

6- Đối tượng của Tam Điểm, khi gieo rắc cách mạng ở mọi phần đất trên thế giới, là thiết lập một nền cộng hòa chung, đặt nền tảng trên việc chống lại quyền tối thượng thần linh, trên việc hủy diệt quyền tự lập địa phương và những quyền tự do, trên việc phá bỏ những lằn ranh giới và trên việc cưỡng

MỤC LỤC

bách những cảm tình ái quốc mà, sát với tình yêu Thiên Chúa, từng cảm hứng nơi loài người những công việc tốt đẹp nhất, những hy sinh cao cả nhất, những từ bỏ anh hùng nhất.

7- Tam Điểm tiếp tục chống lại Giáo Hội bằng cách đem vào những nước Kitô giáo một ngành lập pháp phản Kitô giáo.

8- Tam Điểm trực tiếp chịu trách nhiệm về Chủ Thuyết Xã Hội Tân Tiến, vì nó đã thay thế lý tưởng Kitô giáo bằng lý tưởng hạnh phúc Xã Hội là lý tưởng riêng của mình. Nó cũng thay thế cấp trật xã hội theo Kitô giáo, được cai trị bởi công lý và xử trí bởi đức ái, bằng một tình trạng bình đẳng giả tạo nơi mọi người, giữa họ với nhau. Tam Điểm đang làm cho người ta quên rằng chính ở trong đời sau mà mỗi người sẽ được trả công tùy theo các công việc của mình, và đang dạy họ rằng hạnh phúc chỉ có thể tìm thấy nơi những thỏa

MỤC LỤC

mãn vật chất ở dưới thế này mà thôi, và dạy rằng tất cả mọi người đều có một quyền lợi triệt để trong việc tham hưởng ngang phần nhau nơi niềm hạnh phúc này.

9- Lòng nhân ái của Tam Điểm, ngược lại với đức ái Kitô giáo, và đúng như nó là một lòng yêu tự nhiên thuần túy của một số người này với những người kia mà nó không có khả năng giúp liên kết Thiên Chúa với loài người; và còn hơn thế nữa, lòng nhân ái này của Tam Điểm chỉ được thực thi giữa các hội viên Tam Điểm với nhau mà thôi, và rất thường tác hại cho xã hội dân sự.

10- (Không được kể đến)

11- Để phá hủy gia đình vô phương cứu chữa, Tam Điểm cố gắng dẫn dụ những người phụ nữ, không phải chỉ làm cho thành phần này vào các hội kín của mình, như họ luôn luôn thành công trong việc này, mà còn là

MỤC LỤC

chính linh hồn của phong trào gọi là "nữ giới" hay phong trào "giải tỏa phụ nữ", nhằm đến việc mang lại tình trạng rắc rối và lộn xộn vào trong các gia đình, dựa trên niềm ước vọng mơ tưởng cho một cuộc canh tân không thể nào hoàn toàn đạt được.

12- Để làm cho con người ta quen thuộc với việc bỏ bê nhà thờ trong đời sống xã hội, tà phái này cố gắng dẹp đi những ngày lễ tôn giáo và những ngày được dành cho việc thánh hoá các linh hồn và nghỉ ngơi phần xác, thay vào đó là những ngày lễ hoàn toàn dân sự.

Bản tóm lược đề cương hoạt động của Hội Tam Điểm trên đây còn có thể được đúc kết như sau:

"Nguyên tắc căn bản riêng của chúng ta là chỗi bỏ mọi giáo điều; khởi điểm của chúng ta là không không; chỗi bỏ, luôn luôn chỗi bỏ: phương pháp của chúng ta là như thế; nó sẽ dẫn chúng ta đến việc đặt thành những nguyên tắc: vô thần nơi tôn giáo; vô

MỤC LỤC

chủ nơi chính trị; vô sản nơi chính trị kinh doanh"
(theo Dom Paul Benoit trong La Franc
Maconnerie).

*(Trích dịch từ cuốn The Mystery of
Freemason Unveiled, the Cardinal of Chile, Christian
Book Club of America, Palmdale, California, ấn bản
lần thứ năm, 1992, trang 186-188)*

Biệt Chú: Đức Lêô XIII cũng cảnh giác và luận bác
Hội Tam Điểm này trong **Thông Điệp Humanum
Genus** ban hành ngày 20-4-1884.

TRÀO LƯU CẤP TIỀN

(Bản Liệt Kê 80 Điều Sai Lầm)

Ngày 8-12-1954, Đức Thánh Cha Piô IX đã phổ biến một bản tóm lược tất cả những điều sai lầm xảy ra như là hậu quả của Thời Âu Châu Cách Mạng (về triết lý, kỹ nghệ lẫn chính trị) thuộc thế kỷ 18 và 19, những sai lầm đã ảnh hưởng và tác hại rất nhiều đến tín lý, luân lý, nhất là quyền bính của Giáo Hội. Sau đây là 80 điều sai lầm ngài đã điểm mặt:

THUYẾT PHIẾM THẦN, KHUYNH HƯỚNG TỰ NHIÊN VÀ CHỦ NGHĨA DUY LÝ CỰC ĐOAN

1. Không có một hữu thể toàn tri tối thượng và hết sức định liệu nào khác ngoài vũ trụ này, và Thiên Chúa có bản tính cũng giống như các sự vật, do đó, có thể đổi thay; Thiên Chúa thực sự được làm nên ở nơi con người

MỤC LỤC

cũng như thế giới, và tất cả mọi sự vật là Thiên Chúa và có cùng một bản thể thân mình với Thiên Chúa; Thiên Chúa là một sự vật giống như thế giới, vì thể thần linh cũng là một sự vật giống như thể chất, tất yếu cũng giống như tự do, chân thật cũng giống như giả dối, sự thiện cũng giống như sự dữ, chân chính cũng giống như bất chính.

2. Chối bỏ tất cả mọi hoạt động của Thiên Chúa nơi loài người cũng như trên thế giới.

3. Không liên quan gì đến Thiên Chúa, lý trí của con người là vị thẩm phán duy nhất về chân lý và sai lầm, về thiện và ác; nó là luật cho chính mình, và nhờ sức tự nhiên của mình, nó đủ khả năng cung cấp thiện ích cho con người và cho các dân tộc.

4. Tất cả những sự thật về tôn giáo phát xuất từ khả năng tự nhiên của lý trí con người; bởi thế, lý trí là luật chính yếu nhờ đó

MỤC LỤC

con người có thể chiếm được và phải chiếm được kiến thức về tất cả đủ mọi thứ mọi chân lý.

5. Mặc khải thần linh bất toàn, bởi đó, phải trải qua một tiến triển liên tục vô hạn định, xứng hợp với bước tiến của lý trí con người.

6. Đức tin vào Đức Kitô thì phản lại với lý trí con người; và mặc khải thần linh chẳng những không có lợi gì mà lại còn làm hại cả đến tầm mức toàn vẹn của con người nữa.

7. Các lời tiên tri và các phép lạ được ghi chép và kể lại trong Thánh Kinh chỉ là những tạo tĩnh về thi văn, và các màu nhiệm của đức tin Kitô giáo là thành quả của việc tra cứu về triết lý; các sách của cả Cựu Ước lẫn Tân Ước đều chứa đựng những bày tạo thần thoại; chính Đức Giêsu Kitô cũng là một tạo tĩnh thần thoại.

CHỦ NGHĨA DUY LÝ ÔN HÒA

8. Vì lý trí con người ở cùng một cấp độ với chính tôn giáo mà việc nghiên cứu thần học cần phải được thực hiện cùng một thể thức như việc nghiên cứu triết lý.

9. Tất cả mọi tín điều của Kitô Giáo không có gì khác với đối tượng của khoa học tự nhiên hay triết học tự nhiên; và lý trí con người, được vun trồng theo giòng lịch sử, tự sức mình có thể và nhờ các nguyên lý của nó, đạt tới một kiến thức thực sự ngay cả về các tín điều sâu xa hơn nữa, để chỉ có những tín điều này đã được đặt ra làm đối tượng của chính lý trí.

10. Vì triết gia là một chuyện và triết học lại là một vấn đề khác, mà triết gia có quyền lợi cũng như có nhiệm vụ thần phục thẩm quyền chuẩn nhận cái đúng của họ; thế nhưng, triết

MỤC LỤC

học không thể và không phải qui lụy bất cứ một thẩm quyền nào.

11. Giáo Hội chẳng những không bao giờ được phê bình triết học, mà còn phải chấp nhận những sai lầm của triết học và cứ để mặc nó tự sửa chữa lấy mình.

12. Các sắc lệnh của Tòa Thánh cũng như của các thánh bộ Rôma pha mình vào việc tiến bộ tự do của khoa học.

13. Phương pháp và các nguyên tắc nhờ đó các vị tiến sĩ kinh viện cổ xưa đã vun trồng khoa thần học không hợp với các nhu cầu của thời đại chúng ta cũng không hợp với tình trạng tiến bộ của các khoa học.

14. Triết học phải được nghiên cứu không liên hệ gì tới mặc khải siêu nhiên.

MỤC LỤC

KHUYNH HƯỚNG KHÔ ĐẠO, LÔNG LỂO

15. Mỗi người có quyền tự do chủ trương và tuyên xưng rằng tôn giáo được ánh sáng lý trí hướng dẫn là một tư tưởng đúng.

16. Con người có thể tìm thấy con đường cứu độ đời đời và chiếm được phần rỗi trường sinh nơi việc theo bất cứ một tôn giáo nào.

17. Phải nuôi dưỡng niềm hy vọng tốt lành tối thiểu liên quan đến phần rỗi của tất cả những ai không tôn trọng sống trong Giáo Hội đích thực của Chúa Kitô.

18. Phong trào Thệ Phản chỉ khác hình thức với Kitô Giáo mà phong trào này thuộc về và cũng được phép làm hài lòng Thiên Chúa ngang hàng như nơi Giáo Hội Công Giáo đích thực.

ĐỐI VỚI GIÁO HỘI VÀ QUYỀN LỢI CỦA GIÁO HỘI

MỤC LỤC

19. Giáo Hội không phải là một tổ chức thực sự và toàn hảo hoàn toàn tự do, cũng không được hưởng các quyền lợi xứng hợp và vĩnh viễn được Vị Sáng Lập thần linh ban cho, song là việc của thế quyền phải xác định các quyền lợi của Giáo Hội và các giới hạn Giáo Hội được phép hành sử các quyền lợi này.

20. Giáo Hội không được hành sử quyền năng của mình nếu không có phép và đồng ý của chính quyền dân sự.

21. Hội không có quyền xác định theo tín điều rằng tôn giáo của Giáo Hội Công Giáo là một tôn giáo chân thật duy nhất.

22. Cái tuyệt đối bó buộc các giáo sư hay nhà văn Công Giáo chỉ bị giới hạn vào những điều được công bố bởi phán quyết vô ngộ của Giáo Hội như là một tín điều đức tin mà tất cả đều phải tin.

MỤC LỤC

23. Các vị giáo hoàng và các công đồng chung đã vượt quá giới hạn quyền lực của mình, đã tước mất quyền lợi của các vua chúa, và đã sal lầm ngay cả trong việc minh định các vấn đề đức tin và luân lý.

24. Giáo Hội không có quyền sử dụng vũ lực, cũng không có thế quyền trực tiếp hay gián tiếp.

25. Ngoài quyền bẩm sinh của hàng giáo phẩm, chính quyền dân sự còn được ban cho một cách minh nhiên và mặc nhiên thế quyền nữa, bởi đó, chính quyền dân sự có thể tha cỏi tùy ý mình.

26. Giáo Hội không có quyền bẩm sinh và hợp lý trong việc chiếm hữu hay sở hữu.

MỤC LỤC

27. Các vị thừa tác viên thánh chức và các vị giáo hoàng Rôma hoàn toàn không được phụ trách hay quản trị các sự vật đời này.

28. Các vị giám mục, nếu không có phép của chính quyền, không được phát hành ngay cả các bức tông thư.

29. Các ơn ích được giáo hoàng Rôma ban phát được kể như chẳng có hiệu quả gì trừ phi những ơn ích ấy được lãnh ban bởi chính quyền.

30. Việc Giáo Hội cũng như các người của giáo hội được miễn quân dịch bắt đầu từ luật dân sự.

31. Hội đồng giáo hội xét xử các lầm lỗi của hàng giáo sĩ, các lầm lỗi về dân sự hay hình sự, là việc hoàn toàn phải được loại bỏ, không cần hội ý với Tòa Thánh hay dù Tòa Thánh có chống đối.

MỤC LỤC

32. Việc miễn quân dịch theo cá nhân, mà các vị giáo sĩ được tha không buộc phải đảm trách và thi hành nghĩa vụ quân sự, có thể bị chính quyền loại bỏ mà không vi phạm đến quyền lợi cùng sự bình đẳng tự nhiên; việc loại bỏ miễn dịch này cần cho mức tiến bộ về dân sự, nhất là trong một xã hội được hình thành theo mẫu thức quản trị tự do.

33. Hoàn toàn không xứng hợp với quyền hành sử của giáo hội trong việc giáo hội dùng quyền lợi xứng hợp và tự nhiên của mình để điều khiển việc dạy thần học.

34. Tín lý của thành phần so sánh giáo hoàng Rôma với một vương gia được tự do và hoạt động trong Giáo Hội hoàn vũ, là một tín lý thịnh hành từ thời trung cổ.

35. Căn cứ vào phán quyết của một số công đồng chung, hay dựa vào hoạt động của tất cả mọi dân tộc, thì không gì cấm đoán việc

MỤC LỤC

thuyên chuyển vai trò giáo hoàng tối thượng từ vị giám mục Rôma và từ thành Rôma tới vị giám mục khác và thành khác.

36. Việc xác định về công đồng thuộc lãnh vực quốc gia không còn phải bàn cãi gì nữa, và chính quyền dân sự có thể sửa chữa vấn đề theo vị thế của mình.

37. Có thể thiết lập các giáo hội quốc gia tách biệt và hoàn toàn là khỏi thẩm quyền giáo hoàng Rôma.

38. Việc quá độ đoán của các vị giáo hoàng Rôma đã góp phần vào sự kiện chia rẽ giữa Đông và Tây.

ĐỐI VỚI CHÍNH XÃ HỘI VÀ MỐI TƯƠNG GIAO GIỮA XÃ HỘI VỚI GIÁO HỘI

39. Là nguồn gốc và nguồn mạch của tất cả mọi quyền lợi, chính phủ tự mình được sở hữu vô hạn một số quyền lợi.

40. Tín điều của Giáo Hội Công Giáo phản lại với phúc lợi của xã hội loài người.

41. Quyền lực dân sự, cho dù được hành sử bởi các vị thủ lãnh không phải là người Công Giáo, cũng có quyền lực phủ quyết gián tiếp đối với những sự vật linh thánh; bởi thế, nó chẳng những có quyền được gọi là *exequatur* (thẩm quyền cho phép ban hành các sắc lệnh của giáo hoàng - biệt chú của người biên soạn) mà còn có quyền được gọi là *appel comme d'abus* (quyền điều giải chung về lạm pháp) nữa.

MỤC LỤC

42. Trong trường hợp có những tương phản luật lệ giữa hai thẩm quyền, thì phần thắng thuộc về luật dân sự.

43. Thế quyền có thẩm quyền trong việc hủy bỏ, việc tuyên bố vô hiệu lực và việc vô hiệu các đại biểu quyết chung (những thỏa hiệp), liên quan đến việc hành sử các quyền lợi thích hợp với ơn miễn quân dịch của giáo hội, một ơn miễn dịch Tòa Thánh đã được hưởng – mà không cần Tòa Thánh đồng ý hay cho dù có bị Tòa Thánh chống đối.

44. Thẩm quyền dân sự có thể pha mình vào các vấn đề thuộc riêng lãnh vực tôn giáo, luân lý và qui tắc tâm linh. Bởi thế, nó có thể ra phán quyết liên quan đến những chỉ dẫn được các vị chủ chăn của Giáo Hội ban hành theo phận vụ của mình trong việc hướng đạo lương tâm con người; ngoài ra, thậm chí nó còn có thể ra chỉ thị liên quan đến việc ban phát các bí tích thánh, cũng như liên quan đến

MỤC LỤC

những điều kiện cần thiết để lãnh nhận các bí tích này.

45. Tất cả việc quản trị các trường công lập, nơi giáo dục giới trẻ của bất cứ chính phủ Kitô Giáo nào, ngoại trừ các chủng viện thuộc hàng giáo phẩm được chuẩn chức đôi chút, đều có thể và phải được trao cho dân quyền; theo chiều hướng này thì không một thẩm quyền nào khác có quyền pha mình vào việc điều hành học đường, hướng dẫn học hành, ban bằng cấp, chọn lựa hay loại trừ các thầy cô.

46. Ngoài ra, phương pháp học tập trong các chủng viện thuộc hàng giáo phẩm cũng phải được thích ứng theo qui định của thẩm quyền dân sự.

47. Cơ cấu hay nhất của xã hội dân sự đòi buộc các trường học công lập tiếp nhận trẻ em của mọi tầng lớp, cũng như các học viện công lập nói chung chuyên dạy văn chương và

MỤC LỤC

khoa học, giáo dục giới trẻ, đều phải được tách khỏi mọi thẩm quyền của Giáo Hội, khỏi mọi can thiệp kiểm soát của Giáo Hội, và phải được lệ thuộc hoàn toàn vào thẩm quyền dân sự và chính trị, để được điều hành theo những chủ trương của các nhà lãnh đạo dân sự, và theo tiêu chuẩn ý hướng chung của thời đại.

48. Các người Công Giáo có thể chấp nhận phương pháp dạy dỗ giới trẻ tách lìa khỏi đức tin Công Giáo và quyền lực Giáo Hội, và chỉ hoàn toàn hay ít là trên nguyên tắc liên quan đến lãnh vực kiến thức mà thôi, cũng như liên quan đến các mục tiêu của đời sống xã hội trên trần gian này.

49. Chính quyền dân sự có thể ngăn cản các vị giám mục và giáo dân không được tự do thông đạt tư tưởng với giáo hoàng Rôma.

50. Thẩm quyền dân sự tự mình có quyền giới thiệu các vị giám mục, và có quyền đòi các vị đảm nhận việc điều hành giáo phận của

MỤC LỤC

mình, trước khi các vị được Tòa Thánh chính thức bổ nhiệm và ban bố văn thư.

51. Ngoài ra, chính quyền dân sự có quyền phế bỏ các vị giám mục không được thi hành việc mục vụ của mình; nó cũng không bị bó buộc nghe lời giáo hoàng Rôma trong những điều liên quan đến việc lập và chỉ định các vị giám mục.

52. Theo quyền lợi riêng của mình, chính quyền có thể thay đổi tuổi được Giáo Hội ấn định trong việc nam nữ khấn dòng, và họ có thể đòi hỏi hội dòng không được cho phép ai khấn trọng thể mà không có phép của chính quyền.

53. Cần phải loại bỏ các khoản luật liên hệ đến việc bảo vệ tình trạng của các hội dòng cũng như quyền lợi cùng với nhiệm vụ của các hội dòng này, ngoài ra, chính quyền dân sự còn có thể giúp cho tất cả những ai muốn

MỤC LỤC

bỏ đời sống tu trì mà họ đã theo đuổi cũng như muốn phạm đến các lời khấn trọng thể của mình; cũng thế, nó có thể hủy bỏ toàn thể các hội dòng, các nhà thờ chung phần (collegiate churches) và các tài sản đơn phần (simple benefices), ngay cả những tài sản có quyền bảo hộ, nó tịch biên cùng ủy thác các sản vật cũng như lợi tức của họ cho việc quản trị và quyền tự do định đoạt của quyền lực dân sự.

54. Các vua và các vị hoàng gia chẳng những được miễn trừ khỏi quyền tài phán của Giáo Hội, mà còn là vượt trên Giáo Hội trong việc quyết định các vấn đề về quyền tài phán.

55. Giáo Hội phải tách biệt khỏi chính phủ, và chính phủ phải biệt lập với Giáo Hội.

ĐỐI VỚI LUÂN LÝ PHỔ QUÁT VÀ LUÂN LÝ KITÔ GIÁO

56. Những luật lệ về luân lý không cần đến tính cách chế tài thần linh, và các luật lệ nhân tạo cũng không cần phải am hợp với luật tự nhiên hay không cần phải nhận được hiệu lực từ Thiên Chúa.

57. Khoa triết học và luân lý cũng như luật lệ của chính phủ có thể và phải tách mình khỏi quyền tài phán của thẩm quyền thần linh và giáo hội.

70. Các điều khoản của Công Đồng Chung Tridentinô giảng và tuyệt thông cho những ai dám chối bỏ quyền lực của Giáo Hội trong việc ban bố các ngăn trở về hôn nhân, thì hoặc không thuộc về tín điều, hay được hiểu đó là một quyền lực vay mượn.

MỤC LỤC

71. Thể thức hôn nhân mà Công Đồng Chung Tridentinô chỉ thị ấy sẽ không có tác dụng hủy bỏ ở những nơi luật dân sự ấn định một thể thức khác, và nhờ thể thức mới này, luật dân sự muốn là hôn nhân sẽ có hiệu lực.

72. Đức Bônifaciô VIII là vị đầu tiên chủ trương rằng lời khấn trinh khiết khi lãnh chức linh mục làm cho hôn nhân bất thành.

73. Chỉ cần có hợp đồng dân sự mà thôi cũng đủ thành hiệu cuộc hôn nhân giữa các người Kitô hữu với nhau, thực sự là như thế; và sai lầm hoặc cho rằng hôn ước giữa các Kitô hữu bao giờ cũng là một bí tích, hay cho rằng không có hôn ước nếu không có bí tích.

74. Những căn nguyên và lý do hôn nhân tự bản chất của chúng thuộc về việc hội kiến dân sự.

MỤC LỤC

ĐỐI VỚI THẾ LỰC DÂN SỰ CỦA ĐỨC GIÁO HOÀNG

75. Con cái của người Kitô và Giáo Hội Công Giáo tranh cãi với nhau về thế lực tính giữa thế quyền với linh quyền.

76. Việc loại trừ dân quyền mà Tòa Thánh đang nắm giữ sẽ góp phần làm cho Giáo Hội đạt được mức độ tự do và phúc hạnh cao cả nhất.

TRÀO LƯU CẤP TIẾN

77. Trong thời của chúng ta đây không còn ích lợi gì trong việc coi đạo Công Giáo như là một đạo duy nhất của đất nước, còn tất cả mọi kẻ theo bất cứ đạo nào khác đều bị loại trừ.

78. Bởi thế luật đã ban hành một cách đáng khen ở một số xứ sở theo Công Giáo là con người di dân khắp nơi phải được phép thi hành công khai một số việc tôn thờ riêng của mình.

MỤC LỤC

79. Thật là sai lầm khi cho rằng quyền tự do dân sự của tất cả mọi kẻ có đạo, cũng như quyền năng trọn vẹn được ban cho tất cả mọi người, trong việc tuyên bố cách dân dĩ và công khai bất cứ ý kiến hay ý nghĩ gì, thì đều góp phần vào việc càng làm cho dễ dàng bằng hoại nền luân lý cũng như tâm trí con người, và góp phần vào việc tuyên truyền nạn dịch khô đạo hơn.

80. Giáo hoàng Rôma có thể và phải tự dung hợp với đà tiến triển, với khuynh hướng giải phóng cũng như với nền văn minh tân tiến.

(Tài liệu trên đây được trích dịch từ "*Readings In Church History*", edited by Colman J. Barry, OSB, Christian Classics, Inc, 1985, trang 992-996, và phần tài liệu từ "*Readings In Church History*" này lại được trích từ The Dublin Review LVI [1865], 513-529)

MỤC LỤC

Biệt chú: Đức Thánh Cha Piô IX còn nghiêm bác các sai lầm của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, các Hội Kín, các Hội Thánh Kinh, các Hội Giáo Sĩ Cấp Tiến trong *Thông Điệp Quibus Quantisque* ngày 9-11-1846, *Noscitis et Nobiscum* 8-12-1849 và *Quante Conficiamur* 10-8-1863. Riêng **Chủ Nghĩa Cộng Sản** vô thần hiện thân nơi đảng Bôn-sê-vích ở Nga đã được Đức Thánh Cha Piô XI phân tách kỹ lưỡng và luận bác trong Thông Điệp *Divini Redemptoris* của ngài ban hành ngày 19-3-1937.

CHỦ NGHĨA TÂN TIỀN

(Sắc Lệnh Lamentabili Sane ngày 3-7-1907)

Với những hậu quả thật đáng tiếc thương, thời đại chúng ta, khi loại bỏ tất cả những gì là gò bó trong việc tìm kiếm căn nguyên tối hậu của các sự vật, thường theo đuổi những cái mới mẻ nhiệt liệt đến nỗi đã phủ nhận gia sản của giòng dõi loài người. Bởi vậy, nó đã rơi vào những sai lầm trầm trọng, những sai lầm càng nghiêm trọng hơn nữa khi chúng liên quan đến linh quyền, đến việc cắt nghĩa Thánh Kinh, và đến các màu nhiệm Đức Tin chính yếu. Sự việc hết sức đáng tiếc là có nhiều cây viết Công Giáo cũng đi ra ngoài giới hạn được ấn định bởi các vị Giáo Phụ và chính Giáo Hội. Lấy lẽ là để hiểu biết hơn và sưu tầm lịch sử (như họ nói), họ tìm kiếm việc tiến bộ nơi các tín điều mà, thực tế, không gì khác hơn là việc hủy hoại các tín điều.

Những sai lầm này mỗi ngày đang lan truyền nơi tín hữu. Để chúng không chiếm được tâm trí

MỤC LỤC

tín hữu và làm bằng hoại tính chất tinh tuyền đức tin của họ, Đức Thánh Cha Piô X, theo Thiên Chúa Quan Phòng, đã quyết định rằng cho Văn Phòng Tra Vấn của Hội Thánh Rôma Hoàn Vũ này ghi nhận và lên án các sai lầm chính yếu ấy.

Bởi thế, sau khi cứu xét và hội ý với các vị Cố Vấn Đáng Kính, với các vị Hồng Y Rất Trọng Kính, các vị Tổng Tra Vấn về vấn đề đức tin và luân lý đã phán quyết lên án và bác bỏ những chủ trương sau đây.

1. Luật giáo hội qui định về các Sách Thánh được cứu xét trước đây không áp dụng cho các vị học giả và cho các sinh viên thuộc ngành bình luận về việc giải thích Cựu Ước và Tân Ước theo khoa học.
2. Ngay cả được định tín đi nữa, Quyền Giáo Huấn của Giáo Hội cũng không thể nào xác định được ý nghĩa chuyên chính của các Sách Thánh.

MỤC LỤC

3. Căn cứ vào các phán quyết và gay gắt của giáo hội tỏ ra chống lại việc tự do giải thích thánh kinh theo khoa học, người ta có thể kết luận rằng Đức Tin của Giáo Hội đặt ra phản khắc với lịch sử và giáo huấn Công Giáo không thể thực sự hòa hợp với các nguồn gốc chân thật của Kitô Giáo.
4. Mặc dù được tín điều công nhận, huấn quyền của Giáo Hội cũng không thể nào định được ý nghĩa chuyên chính của Thánh Kinh.
5. Vì kho tàng Đức Tin chỉ chứa đựng các chân lý được mạc khải mà thôi, Giáo Hội không có quyền đưa ra phán quyết về các chủ trương của các khoa học về nhân bản.
6. Vai trò “Giáo Hội học hỏi” và “Giáo Hội giảng dạy” hợp tác với nhau ở chỗ, việc xác nhận các chân lý chỉ dành cho vai trò “Giáo

MỤC LỤC

Hội giảng dạy” trong việc thừa nhận các ý nghĩ của vai trò “Giáo Hội học hỏi”.

7. Trong việc bác bỏ các sai lầm, Giáo Hội không thể đòi người tín hữu bị Giáo Hội phán quyết phải hết lòng đồng ý với Giáo Hội.

8. Những ai coi nhẹ các luận phi của Thánh Bộ Sách Cấm hay của các Thánh Bộ Rôma thì không bị lỗi lầm gì hết.

9. Những ai tin rằng Thiên Chúa thực sự là tác giả của các Sách Thánh Kinh tỏ ra quá ngây ngô hay chẳng biết gì cả.

10. Việc linh ứng để viết các sách Cựu Ước là ở chỗ các cây viết của dân Yến-Duyên đã truyền lại các giáo điều về một lãnh vực riêng, một lãnh vực các Dân Ngoại ít biết tới hay chẳng biết gì cả.

MỤC LỤC

11. Linh ứng thần linh không áp dụng cho tất cả mọi Sách Thánh, để làm cho các phần của mình, từng phần cũng như mọi phần, tránh khỏi sai lầm.

12. Nếu ai muốn làm cho mình thông thạo các việc học hỏi về Thánh Kinh, thì trước hết nhà dẫn giải phải loại bỏ tất cả các tiền thức về nguồn gốc siêu nhiên của Thánh Kinh và cắt nghĩa Thánh Kinh giống như các bản văn thuần nhân khác.

13. Chính các Thánh Ký, cũng như các Kitô hữu thuộc thế hệ thứ hai và thứ ba, đã sắp xếp các dụ ngôn phức âm một cách nhân tạo. Nhờ thế, họ đã giải nghĩa được hoa trái khan hiếm của giáo huấn Chúa Kitô nơi các người Do Thái.

14. Trong nhiều trình thuật được các Thánh Ký ghi nhận, có nhiều điều không đúng, như

MỤC LỤC

những điều, mặc dù sai, các vị cho rằng có lợi cho độc giả hơn.

15. Cho đến khi bộ thánh kinh được qui định và thiết lập thì các cuốn sách Phúc Âm đã bị lạm phát bằng việc thêm thắt hay sửa chữa. Bởi thế, chỉ còn lại nơi các cuốn Phúc Âm này một giáo huấn Chúa Kitô với dấu vết mơ hồ và bất định.

16. Các trình thuật của Thánh Gioan không hợp với lịch sử, đó chỉ là một Phúc Âm chiêm niệm thần bí. Các bài diễn từ trong Phúc Âm của ngài là những suy niệm thần học, không có sự thật về lịch sử liên quan đến mầu nhiệm cứu độ.

17. Phúc Âm thứ bốn đã nói quá về các phép lạ, chẳng những để làm nổi bật cái phi thường mà còn để thích hợp hơn trong việc tỏ cho thấy hành động và vinh quang của Lời Nhập Thể.

MỤC LỤC

18. Gioan cho mình xứng làm chứng nhân cho Chúa Kitô. Thế nhưng, thực ra, ngài chỉ là một chứng nhân đặc biệt của đời sống Kitô Giáo, hay của đời sống Chúa Kitô trong Giáo Hội vào cuối thế kỷ thứ nhất thôi.

19. Các nhà chú giải thánh kinh không chính thống đã cho thấy ý nghĩa đích thực của các cuốn Sách Thánh một cách khít khao hơn là các nhà chú giải thánh kinh Công Giáo.

20. Mạc Khải chẳng có là gì khác ngoài ý thức con người có được về mạc Khải của mình đối với Thiên Chúa.

21. Mạc Khải làm nên đối tượng của Đức Tin Công Giáo chưa hoàn tất nơi các Tông Đồ.

22. Tín điều mà Giáo Hội nắm giữ như được mạc Khải không phải là những sự thật từ trời rơi xuống. Chúng là sự cắt nghĩa về những dữ

MỤC LỤC

kiện tôn giáo mà tâm trí loài người có được nhờ nỗ lực.

23. Việc phản khắc có thể, và thực sự, xảy ra giữa các sự kiện được thuật lại trong Thánh Kinh với các tín điều của Giáo Hội căn cứ vào đó. Bởi thế phê bình gia mới phủ nhận các sự kiện Giáo Hội cho là vững chắc nhất.

24. Nhà chú giải thánh kinh đặt ra các giả thiết cho thấy các tín điều sai lầm hay mơ hồ theo lịch sử thì không thể bị trừng phạt, bao lâu họ không trực tiếp chối bỏ chính các tín điều này.

25. Việc ưng thuận của đức tin hoàn toàn được căn cứ vào một khối khả thể.

26. Tín điều Đức Tin được nắm giữ chỉ theo ý nghĩa cụ thể mà thôi, tức là theo những tiêu chuẩn cảm nhận của việc làm, chứ không theo những tiêu chuẩn tin tưởng.

MỤC LỤC

27. Thần tính của Chúa Giêsu Kitô không được các Phúc Âm chứng tỏ. Thần tính này là tín điều được lương tâm người Kitô hữu tin tưởng theo ý niệm về Đấng Thiên Sai.

28. Trong khi thi hành sứ vụ của mình, Đức Giêsu không nói rằng Người là Đấng Thiên Sai như đối tượng giáo huấn của Người, cả các phép lạ của Người cũng không có khuynh hướng chứng tỏ điều này.

29. Có thể nói rằng Đức Kitô lịch sử thua xa Đức Kitô, Đấng là đối tượng của đức tin.

30. Trong tất cả mọi bản văn phúc âm, danh xưng “Con Thiên Chúa” cũng chỉ tương đương với danh xưng “Đấng Thiên Sai”. Nó không nói lên cho thấy chút nào Đức Kitô là Con Thiên Chúa thực sự theo bản tính.

MỤC LỤC

31. Giáo thuyết Thánh Phaolô, Gioan và các Công Đồng Chung Nicêa, Êphêô và Chalcedôn không phải là giáo thuyết Chúa Kitô dạy mà là giáo thuyết do lương tri Kitô hữu nghĩ về Chúa Kitô.

32. Không thể nào hòa hợp ý nghĩa tự nhiên của các bản văn Phúc Âm với ý nghĩa được các thần học gia dạy, liên quan đến lương tâm và kiến thức bất khả ngộ của Chúa Giêsu Kitô.

33. Hết mọi người không bị ảnh hưởng bởi các tiền thức có thể dễ dàng thấy rằng Đức Giêsu tuyên bố là sai lầm về việc trị đến tức thời của Đấng Thiên Sai, hay nhận thấy rằng phần lớn giáo thuyết của Người trong các sách Phúc Âm không có tính cách chuyên chính.

34. Các nhà phê bình có thể qui cho Đức Kitô một kiến thức vô hạn theo giả thiết, một giả thiết không thể quan niệm theo lịch sử và

MỤC LỤC

ngịch với cảm quan luân lý. Giả thiết đó là Đức Kitô làm người có kiến thức của Thiên Chúa, song đã không muốn truyền đạt kiến thức của rất nhiều điều cho các môn đệ của mình cũng như cho hậu sinh.

35. Đức Kitô không luôn luôn nhận thức được phẩm vị Thiên Sai của mình.

36. Việc Đấng Cứu Thế Phục Sinh không phải là một sự kiện hợp với lãnh vực lịch sử. Nó là một sự kiện hoàn toàn thuộc lãnh vực siêu nhiên (không được chứng tỏ và không thể chứng tỏ) do lương tâm Kitô hữu từ từ suy diễn từ các sự kiện khác.

37. Từ ban đầu, niềm tin vào việc Đức Kitô Phục Sinh không phải ở chính sự kiện Phục Sinh cho bằng ở sự sống bất tử của Đức Kitô với Thiên Chúa.

MỤC LỤC

38. Giáo thuyết về cái chết xá tội của Đức Kitô là do Thánh Phaolô chứ không phải từ phúc âm.

39. Những ý nghĩ liên quan đến nguồn gốc của các Bí Tích do các vị Nghị Phụ Công Đồng Chung Tridentinô chủ trương và là các ý nghĩ bị ảnh hưởng bởi các khoản tín điều của các ngài thì rất khác với những ý nghĩ hiện nay có được một cách đúng đắn nơi các sử gia khảo sát về Kitô Giáo.

40. Các Bí Tích bắt nguồn ở sự kiện là các Tông Đồ và các vị thừa kế của mình, nghiêng chiều và chuyển dịch theo hoàn cảnh và các biến cố, đã cắt nghĩa một số ý tưởng và ý định của Đức Kitô.

41. Các Bí Tích chỉ có mục đích gọi lại cho tâm trí con người việc hiện diện vốn phúc lợi của Đấng Tạo Hóa.

MỤC LỤC

42. Cộng đồng Kitô hữu áp đặt việc cần phải lãnh nhận Bí Tích Rửa Tội, thức nhận nó như một lễ nghi cần thiết, và thêm vào đó việc buộc phải tuyên xưng Kitô Giáo.

43. Việc ban phát Bí Tích Rửa Tội cho trẻ nhỏ là một tiến hóa về luật tắc, một tiến hóa trở thành một trong những nguyên nhân tại sao Bí Tích được chia ra làm hai, tức là Bí Tích Rửa Tội và Bí Tích Giải Tội.

44. Không có gì chứng minh được rằng nghi thức của Bí Tích Thêm Sức là do các vị Tông Đồ thực hiện. Việc phân biệt chính thức giữa hai Bí Tích Rửa Tội và Thêm Sức không liên quan đến lịch sử Kitô Giáo sơ khai.

45. Không phải mọi sự Thánh Phaolô thuật lại liên quan đến việc thiết lập Bí Tích Thánh Thể (1Cor.11:23-25) có căn cơ lịch sử.

MỤC LỤC

46. Nơi Giáo Hội sơ khai, không có quan niệm về tội nhân Kitô Giáo được quyền bính Giáo Hội xá giải. Chỉ do Giáo Hội đã tự làm quen một cách hết sức từ từ quan niệm này. Thực ra, ngay sau khi Bí Tích Thống Hối được công nhận như là do Giáo Hội thiết lập thì nó đã không được gọi là Bí Tích, vì nó bị coi như là một Bí Tích thất sủng.

47. Những lời của Chúa: “Hãy nhận lấy Thánh Linh; các con tha tội cho ai thì tội họ được tha; các con cầm tội ai thì tội người ấy bị cầm lại” (Jn.20:22-23), không thể nào ám chỉ về Bí Tích Thống Hối, mặc kệ những gì các vị Nghị Phụ Công Đồng Tridentinô muốn nói.

48. Trong Thư Giacôbê (5:14-15), ngài không có ý khai mào cho một Bí Tích của Chúa Kitô, mà chỉ khuyên răn giữ một tập tục đạo đức. Nếu ngài muốn phân biệt nơi tập tục này một phương tiện ban ân sủng, thì cũng không phải bằng một cung cách cứng cỏi như các thần

MỤC LỤC

học gia, thành phần phác họa quan niệm và số lượng các Bí Tích, đã thực hiện.

49. Khi bữa ăn tối của Kitô Giáo từ từ mất lấy bản chất của một tác động phụng vụ thì thành phần chủ sự bữa ăn tối mới cần có đặc tính tư tế.

50. Các vị kỳ lão, thành phần chu toàn nhiệm vụ coi sóc việc tụ họp của tín hữu, được các Tông Đồ lập nên làm các vị linh mục hay giám mục trong việc đáp ứng nhu cầu tổ chức các cộng đồng tăng phát, chứ không thích hợp trong việc kéo dài sứ mệnh và quyền năng Tông Đồ.

51. Hôn Phối không thể nào trở thành một Bí Tích của tân luật cho tới mãi sau này ở trong Giáo Hội, vì cần phải có một giải thích thần học đầy đủ về giáo lý ân sủng cũng như về các Bí Tích trước khi Hôn Phối phải được coi là một Bí Tích.

MỤC LỤC

52. Đức Kitô không có ý thiết lập Giáo Hội như là một tổ chức tồn tại trên trái đất kéo dài qua các thế kỷ. Ngược lại, theo ý của Đức Kitô, nước trời cùng với ngày tận thế đã sắp được thể hiện một cách cấp thời.

53. Việc thiết lập cơ cấu của Giáo Hội không phải là không thể đổi thay. Như một tổ chức loài người, tổ chức Kitô Giáo cũng phải mãi mãi biến hóa.

54. Các tín điều, Bí Tích và phẩm trật, cả về khái niệm cũng như thực tại của chúng, chỉ là những cắt nghĩa và biến hóa của trí thông minh người Kitô hữu, một trí thông minh, nhờ một loạt thêm thắt ngoại lai, đã làm tăng triển và hoàn bị mầm mống nhỏ bé nơi Phúc Âm.

MỤC LỤC

55. Simon Phêrô cũng chưa hề đặt vấn đề là Đức Kitô đã trao quyền thủ lãnh cho mình trong Giáo Hội.

56. Giáo Hội Rôma trở thành thủ lãnh của mọi giáo hội không phải là do ấn lệnh của Sự Quan Phòng Thần Linh, mà chỉ là nhờ những điều kiện chính trị.

57. Giáo Hội đã tỏ ra thù địch với đà tiến triển của các khoa học tự nhiên cũng như thần học.

58. Chân lý không còn bất biến hơn chính con người nữa, vì nó xoay vần với, trong và qua con người.

59. Đức Kitô không dạy một hệ thống giáo thuyết nhất định để áp dụng cho mọi thời và ở mọi nơi, mà chỉ khai mào một trào lưu tôn giáo được thích ứng hay phải được thích ứng với các thời điểm và với nơi chốn khác nhau.

MỤC LỤC

60. Giáo Thuyết Kitô Giáo theo nguồn gốc là Do Thái Giáo. Qua các biến hóa liên tục, nó đã trở thành, trước hết là giáo thuyết Phaolô, rồi giáo thuyết Gioan, sau hết tới giáo thuyết Hellenic và đại đồng.

61. Có thể nói không sợ sai lầm là không có một chương Thánh Kinh nào, từ Sách Khởi Nguyên đầu tiên tới Sách Khải Huyền cuối cùng, có một giáo thuyết tuyệt đối giống như giáo thuyết Giáo Hội dạy về cùng một vấn đề. Bởi thế, cũng với lý do ấy, không có một chương Thánh Kinh nào có cùng một ý nghĩa đối với nhà phê bình và thần học gia.

62. Các khoản chính trong Kinh Tin Kính Các Thánh Tông Đồ không có cùng một ý nghĩa đối với các Kitô hữu của các thời đại ban đầu như là đối với các Kitô hữu trong thời đại của chúng ta đây.

MỤC LỤC

63. Giáo Hội tỏ ra cho thấy rằng Giáo Hội không có khả năng bảo trì một cách hiệu nghiệm nền luân thường đạo lý theo phúc âm, vì Giáo Hội cứ khẳng khẳng giữ lấy các giáo thuyết bất khả bất biến không thể dung hòa với mức tiến bộ tân tiến.

64. Tiến bộ khoa học đòi hỏi là các quan niệm về tín lý Kitô Giáo về Thiên Chúa, về việc tạo dựng, về việc mạc khải, về Con Người của Lời Nhập Thể, và về Ôn Cứu Chuộc, cần phải được tái thích ứng.

65. Công Giáo tân tiến có thể dung hòa với khoa học đích thực chỉ khi nào nó được biến đổi thành một Kitô Giáo phi tín điều; tức là, thành một Phong Trào Thệ Phán phóng khoáng và cấp tiến.

Ngày Thứ Năm hôm sau, mừng 4 của cùng tháng (7) và cùng năm (1907), tất cả những vấn đề này đã được chính xác trình lên Đức Thánh

MỤC LỤC

Cha Piô X. Đức Thánh Cha đã chuẩn y và công nhận sắc lệnh (*Lamentabili Sane*) đây và truyền lệnh cho từng điều và mọi điều trong các điều khoản được liệt kê trên đây phải được tất cả mọi người lên án và bác bỏ.

Peter Palombell,

Thị thực của Tòa Tra Vấn Hội Thánh Rôma và Hoàn Vũ.

(Tài liệu trên đây được trích dịch từ bản Anh Ngữ của St. Paul Editions, và bản Anh Ngữ của St. Paul Editions này đã được nhà xuất bản Paulist/Newman cho phép in lại từ *All Things in Christ*, ed. Vincent A. Yzermans. The Newman Press: 1954, Westminster, Maryland)

-
Biệt Chú: Tân Tiến Thuyết trên đây cũng đã được Đức Thánh Cha Piô X, như chính ngài xác nhận trong đoạn số 4 của Thông Điệp *Pascendi Dominici Gregis* của ngài ban hành ngày 8-9-1907, phân tách hết sức kỹ lưỡng và chặt chẽ, với mục đích để con cái mình thấy rõ bộ mặt thật của nguy thuyết vô cùng quỷ quyệt và hiểm độc này, cũng như để đưa ra các phương được trị liệu nó.

Phần 5 : CÁC CÂU TÓM CỦA GH CÔNG GIÁO

1. VIỆC TUYÊN XUNG ĐỨC TIN

“TÔI TIN” – “CHÚNG TÔI TIN”

CON NGƯỜI CÓ “KHẢ NĂNG” NHẬN BIẾT THIÊN CHÚA

11. Theo bản tính và ơn gọi của mình, con người là một hữu thể có đạo. Từ Thiên Chúa mà đến và qui hướng về Ngài, con người sống một cuộc sống trọn vẹn con người của mình chỉ khi nào họ biết tự ý sống liên kết với Ngài (44).

12. Con người được dựng nên để sống hiệp thông với Thiên Chúa là Đấng ở nơi Ngài họ tìm được hạnh phúc: “Khi con trọn vẹn hiệp nhất với Chúa con mới không còn sầu thương và trần trở; có hoàn toàn đây Chúa đời sống

MỤC LỤC

của con mới được mãn nguyện” (Thánh Âu-Quốc-Tinh, *Tự Thú*: 10, 28, 39: PL 32, 795) (45)

13. Khi con người biết lắng nghe tiếng nói của tạo vật và tiếng nói của lương tri, con người có thể suy ra được một cách chắc chắn việc hiện diện của Thiên Chúa là nguyên thủy và là cùng đích mọi sự. (46)

14. Giáo Hội dạy rằng vị Thiên Chúa chân thật duy nhất, Đấng Tạo Hóa của chúng ta và là Chúa của chúng ta, có thể biết được một cách chắc chắn nơi các việc Ngài làm, bằng ánh sáng tự nhiên của trí khôn (xem Công Đồng Chung Vaticanô I, can.2.1: DS 3026) (47)

15. Chúng ta có thể thực sự gọi tên Thiên Chúa, căn cứ trước tiên vào vô số tính chất hoàn hảo nơi các tạo vật, những tính chất hoàn hảo phản ánh Thiên Chúa vô cùng toàn hảo, cho dù ngôn ngữ hạn hữu của chúng ta

MỤC LỤC

không thể nào thấu suốt được màu nhiệm này. (48)

16. “Không có Đấng Tạo Thành thì tạo vật cũng chẳng còn” (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*, đoạn 36). Đó là lý do tại sao tín hữu biết rằng tình yêu của Chúa Kitô thúc đẩy họ mang ánh sáng của Thiên Chúa hằng sống đến cho những ai không biết Ngài hay cho những ai chối bỏ Ngài. (49)

THIÊN CHÚA ĐẾN GẶP GỠ CON NGƯỜI

Việc Mạc Khải của Thiên Chúa

17. Bởi yêu thương, Thiên Chúa đã tỏ mình và ban mình cho con người. Như thế, Ngài đã trả lời dứt khoát quá lòng mong ước các vấn nạn con người tự mình đặt ra về ý nghĩa và mục đích cuộc sống của họ. (68)

MỤC LỤC

18. Thiên Chúa đã mạc khải chính mình cho con người bằng cách từ từ thông đạt mẫu nhiệm riêng của Ngài ra qua việc làm và lời nói. (69)

19. Ngoài chứng cứ về mình nơi các tạo vật, Thiên Chúa đã tỏ mình ra cho hai vị cha mẹ đầu tiên của chúng ta, đã nói với các vị và, sau khi các vị sa ngã phạm tội, đã hứa ban cho các vị ơn cứu độ (xem Sách Khởi Nguyên 3:15) và đã tỏ bày giao ước của Ngài cùng các vị. (70)

20. Thiên Chúa đã thiết lập một giao ước vĩnh cửu với Noe và với tất cả mọi sinh vật (xem Sách Khởi Nguyên 9:16). Giao ước này vẫn còn hiệu lực bao lâu thế gian này tồn tại. (71)

21. Thiên Chúa đã chọn Abraham và đã thiết lập giao ước với ông cùng giòng dõi của ông. Bởi giao ước này, Thiên Chúa đã hình thành dân của Ngài và đã mạc khải lề luật của Ngài cho họ qua Moisen. Nhờ các vị tiên tri, Ngài

MỤC LỤC

đã sửa soạn để họ chấp nhận ơn cứu độ Ngài ban cho toàn thể nhân loại. (72)

22. Thiên Chúa đã mạc Khải mình ra một cách trọn vẹn, bằng việc sai Con riêng của Ngài là Đấng nơi Người Ngài đã thiết lập giao ước muôn đời của mình. Chúa Con là lời nói cuối cùng của Cha Người; do đó, sau Người sẽ không còn một Mạc Khải nào nữa. (73)

Việc Lưu Truyền Mạc Khải Thần Linh

23. Những gì Chúa Kitô đã ký thác cho các tông đồ thì các vị cũng lưu truyền qua mọi thế hệ, cho tới khi Chúa Kitô tái giáng trong vinh quang, bằng việc các vị rao giảng và ghi chép lại theo ơn Chúa Thánh Thần linh ứng. (96)

24. “Thánh Truyền và Thánh Kinh làm nên một kho tàng Lời Chúa thánh hảo duy nhất” (*Hiến Chế Lời Chúa*, đoạn 10), qua đó, như qua một gương soi, Giáo Hội lữ hành chiêm

MỤC LỤC

ngưỡng Thiên Chúa là nguồn tất cả mọi sự phong phú. (97)

25. “Giáo Hội kéo dài và truyền đạt cho mọi thế hệ tất cả những gì là thực chất của mình, tất cả những gì Giáo Hội tin tưởng, qua tín lý, đời sống và việc phụng thờ của mình (như vừa dẫn, đoạn 8.1)”. (98)

26. Nhờ cảm quan siêu nhiên của đức tin, toàn thể Dân Chúa không ngừng tiếp nhận, đào sâu, và sống trọn vẹn hơn tặng ân Mạc Khải thần linh. (99)

27. Việc cắt nghĩa Lời Chúa được chính thức ủy thác cho một mình Huấn Quyền của Giáo Hội, tức là cho Đức Giáo Hoàng và cho các vị giám mục hiệp thông với ngài. (100)

MỤC LỤC

Thánh Kinh

28. “Tất cả Sách Thánh chỉ là một cuốn, và cuốn sách duy nhất đó chính là Chúa Kitô, vì tất cả Cuốn Sách thần linh đều nói về Chúa Kitô và tất cả Cuốn Sách thần linh đều được nên trọn nơi Chúa Kitô” (Hugh of St. Victor, *De Arca Noe* 2, 8: PL 176, 642). (134)

29. “Sách Thánh chứa đựng Lời Chúa, và vì được linh ứng nên các Sách Thánh thực sự là Lời Chúa (*Hiển Chế Lời Chúa*, đoạn 24). (135)

30. Thiên Chúa là tác giả của Sách Thánh vì Ngài linh ứng cho các con người tác giả của các cuốn sách này; Ngài tác động trong họ và qua họ. Như thế Ngài bảo đảm rằng các bản văn của các vị dạy không sai lầm về chân lý cứu rỗi của Ngài” (như vừa dẫn, đoạn 11). (136)

MỤC LỤC

31. Việc cắt nghĩa Cuốn Sách được linh ứng trước hết phải chú trọng tới những gì Thiên Chúa muốn mạc khải cho phần rỗi của chúng ta qua các thánh ký. Những gì từ Thần Linh mà đến không thể nào hoàn toàn “hiểu được nếu không nhờ tác động của Thần Linh” (xem giáo phụ Origen, *Hom. in Ex.* 4, 5 : PL 12, 320). (137)

32. Giáo Hội chấp nhận và tôn kính 46 cuốn sách về Cựu Ước và 27 cuốn về Tân Ước như là những cuốn sách được linh ứng. (138)

33. Bốn cuốn Phúc Âm chiếm chỗ chính yếu, vì tâm điểm của bốn cuốn này là Chúa Giêsu Kitô. (139)

34. Việc thống nhất hai Giao Ước xuất phát từ sự duy nhất nơi dự án của Thiên Chúa cũng như nơi Mạc Khải của Ngài. Cựu Ước dọn đường cho Tân Ước và Tân Ước làm trọn Cựu Ước; cả hai làm cho nhau sáng tỏ; cả hai đều thật sự là Lời Chúa ỉ. (140)

35. “Giáo Hội hằng tôn kính các Cuốn Sách thần linh như Giáo Hội vốn tôn kính Mình Thánh Chúa” (*Hiến Chế Lời Chúa*, đoạn 21): cả hai đều nuôi dưỡng và chi phối tất cả đời sống Kitô giáo. “Lời Chúa là đèn soi bước chân con và là ánh sáng soi đường con đi” (Thánh Vịnh 119:105; xem Tiên Tri Iaaia 50:4).
(141)

CON NGƯỜI ĐÁP LẠI THIÊN CHÚA

Tôi Tin – Chúng Tôi Tin

36. Đức tin là việc liên kết riêng tư của cả con người với Thiên Chúa là Đấng tỏ mình ra. Nó bao gồm tác động của lý trí và ý muốn ưng thuận trước tác động Thiên Chúa tự tỏ mình ra qua các việc Ngài làm và các lời Ngài nói.
(176)

37. “Việc tin tưởng” bởi thế có một qui chiếu lưỡng đôi: qui chiếu về bản vị và qui chiếu về

MỤC LỤC

chân lý; tin vào chân lý là do tin vào vị tỏ cho thấy chân lý này. (177)

38. Chúng ta không được tin tưởng một vị nào khác ngoài Thiên Chúa là Cha và Con và Thánh Thần. (178)

39. Đức tin là một tặng ân siêu nhiên Thiên Chúa ban. Để tin tưởng, con người cần phải được Chúa Thánh Thần trợ giúp bên trong. (179)

40. “Việc tin tưởng” là một tác động thuộc về nhân loại, có ý thức và tự do, xứng với phẩm vị của một con người. (180)

41. “Việc tin tưởng” là một tác động thuộc về hội thánh. Đức tin của Giáo Hội dẫn đầu, phát sinh, nâng đỡ và dưỡng nuôi đức tin của chúng ta. Giáo Hội là mẹ của tất cả mọi tín hữu. “Không ai có thể có Thiên Chúa là Cha

MỤC LỤC

mà lại không có Giáo Hội làm Mẹ” (Thánh Cyprianô, *De Unit.* 6: PL 4, 519). (181)

42. Chúng ta tin tưởng tất cả “những gì chất chứa nơi lời Thiên Chúa, được viết thành văn hay lưu truyền lại, và tất cả những gì Giáo Hội đề ra như được thần linh mạc khải cần phải tin tưởng” (Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, *Kinh Tin Kính Dân Chúa*, đoạn 20). (182)

43. Đức tin cần thiết cho phần rỗi. Chính Chúa đã xác nhận: “Ai tin và chịu phép rửa sẽ được cứu rỗi; còn ai không tin sẽ bị luận phạt” (Phúc Âm Thánh Marcô 16:16). (183)

44. “Đức tin là việc tiền hưởng một thứ kiến thức sẽ làm cho chúng ta được vinh phúc trong cuộc sống mai hậu” (Thánh Tôma Aquinô, *comp. Theol.* 1, 2). (184)

2. TUYÊN XUNG ĐỨC TIN KITO6 GIÁO

a. TÔI TIN KÍNH THIÊN CHÚA CHA

*“Tôi Tin Kính Thiên Chúa là Cha Toàn Năng,
Đấng Tạo Thành Trời Đất”*

“Tôi Tin Kính Thiên Chúa”

45. “Ôi Yến-Duyên, hãy nghe đây, Chúa là Thiên Chúa của chúng ta là Chúa duy nhất...” (Sách Nhị Luật 6:4; Phúc Âm Thánh Marcô 12:29). “Hữu thể tối thượng phải là một hữu thể độc nhất bất tương đồng... Nếu Thiên Chúa không là một thì Ngài không phải là Thiên Chúa” (Giáo phụ Tertullianô, *Adv. Marc.* 1, 3, 5: PL 2, 274). (228)

46. Đức tin noi Thiên Chúa hướng chúng ta về một mình Ngài như là đệ nhất nguyên ủy của chúng ta và như là cùng đích tối hậu của chúng ta, và chúng ta không coi trọng bất cứ

MỤC LỤC

một sự gì khác hơn Ngài hay lấy bất cứ một sự gì khác thay thế Ngài. (229)

47. Ngay cả khi Ngài tỏ chính mình ra, Thiên Chúa vẫn còn là một mẫu nhiệm khôn tả: “Nếu anh em hiểu được Ngài thì đó không phải là Thiên Chúa nữa” (Thánh Âu-Quốc-Tinh, *Sermo* 52, 6, 16: PL 38:360 và *Sermo* 117, 3, 5: PL 38, 663). (230)

48. Vị Thiên Chúa của đức tin chúng ta đã mạc khải chính mình Ngài ra như Ngài là Đấng hiện hữu; và Ngài đã tỏ mình ra “tràn đầy sủng ái và lòng trung thành” (Sách Xuất Hành 34:6). Chính bản thân của Thiên Chúa là Chân Lý và là Tình Yêu. (231)

“là Cha”

49. Mẫu nhiệm Ba Ngôi Chí Thánh là mẫu nhiệm cốt lõi của đức tin Kitô giáo cũng như của đời sống Kitô giáo. Chỉ một mình Thiên

MỤC LỤC

Chúa mới có thể tỏ mầu nhiệm này cho chúng ta bằng việc mạc khải mình ra là Cha và Con và Thánh Thần. (261)

50. Việc Con Thiên Chúa Nhập Thể mạc khải cho thấy rằng Thiên Chúa là Cha hằng hữu và Con đồng bản thể với Cha, tức Con cùng là một Thiên Chúa nơi Cha và với Cha. (262)

51. Sứ vụ của Chúa Thánh Thần, Đấng được Cha nhân danh Con sai đến (Phúc Âm Thánh Gioan 14:26) và cũng được Con sai đến “từ Cha” (Phúc Âm Thánh Gioan 15:26), mạc khải cho thấy rằng Thần Linh cũng là một Thiên Chúa với Cha và Con. “Người cùng được phụng thờ và tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Con” (Kinh Tin Kính Nicêa). (263)

52. “Chúa Thánh Thần nhiệm xuất từ Chúa Cha như nguồn gốc đệ nhất, và nhờ trở nên tặng ân đời đời được ban cho Chúa Con, Ngài cũng nhiệm sinh từ mối hiệp thông giữa cả

MỤC LỤC

Chúa Cha và Chúa Con (Thánh Âu-Quốc-Tinh, *De Trin.* 15, 26, 47: PL 42: 1095)". (264)

53. Bởi ơn được Rửa Tội “nhân danh Cha và Con và Thánh Thần”, chúng ta được kêu gọi thông dự vào sự sống của Chúa Ba Ngôi trong một đức tin mờ mờ khi còn ở trên đời này cũng như trong ánh sáng trường sinh sau khi chết (xem Đức Thánh Cha Phaolô VI, *Kinh Tin Kính Dân Chúa* đoạn 9). (265)

54. “Vậy đức tin Công Giáo là thế này: Chúng tôi tôn kính một Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi, và tôn kính Ba Ngôi trong Duy Nhất mà không lẫn lộn về ngôi vị hay phân chia bản thể; vì Cha là một ngôi, Con là một ngôi, Thánh Thần là một ngôi; song bản tính Thiên Chúa của Cha, Con và Thánh Thần là một, các vị vinh quang như nhau, đời đời uy linh cao cả như nhau (Kinh Tin Kính Thánh Athanasia; DS 75; ND 16). (266)

MỤC LỤC

55. Ba Ngôi thần linh chẳng những bất phân nơi những gì các vị là mà còn bất phân cả trong những gì các vị làm nữa. Thế nhưng, mỗi vị tỏ ra cho thấy những gì hợp với mình ở nơi Ba Ngôi trong cùng một hoạt động thần linh, nhất là trong sứ vụ Nhập Thể của Con và sứ vụ ban tặng của Thánh Thần. (267)

“Toàn Năng”

56. Chúng ta hãy cùng với Gióp là người công chính tuyên xưng: “Tôi biết Chúa là Đấng Toàn Năng, Ngài thực hiện mọi sự theo ý nghĩ của Ngài” (Sách Ông Gióp 42:4). (275)

57. Trung thành với chứng từ Thánh Kinh, Giáo Hội thường dâng lời nguyện cầu lên cùng “Thiên Chúa toàn năng và hằng hữu” (*“omnipotens sempiterna Deus...”*), mạnh mẽ tin tưởng rằng “không có gì mà Thiên Chúa không làm được” (Sách Khởi Nguyên 18:14;

MỤC LỤC

Phúc Âm Thánh Luca 1:37; Phúc Âm Thánh Mathêu 19:26). (276)

58. Thiên Chúa biểu lộ Quyền Toàn Năng của Ngài ra qua việc làm cho chúng ta hoán cải tội lỗi và bằng việc lấy ân sủng phục hồi cho chúng ta tình thân hữu với Ngài. *“Lạy Chúa, Chúa chứng tỏ quyền năng tối cao của Chúa ra bằng đức nhân nại và lòng xót thương của Chúa...”* (Sách Lễ Rôma, Chúa Nhật 26, Lời Nguyễn Đâu Lễ). (277)

59. Nếu chúng ta không tin tưởng tình yêu Thiên Chúa Toàn Năng thì làm sao chúng ta tin được rằng Chúa Cha có thể tạo dựng nên chúng ta, Chúa Con có thể cứu chuộc chúng ta và Chúa Thánh Thần có thể thánh hóa chúng ta? (278)

“Đấng Tạo Thành”

60. Trong việc tạo dựng nên thế gian và con người, Thiên Chúa đã cho thấy chúng có đầu tiên và phổ quát về tình yêu toàn năng và đức khôn ngoan của Ngài, mở màn cho việc loan báo “dự án nhân lành” của Ngài là dự án đạt được đích điểm của mình nơi việc tân tạo trong Chúa Kitô. (315)

61. Mặc dù công việc sáng tạo được đặc biệt qui về Chúa Cha, chân lý đức tin còn cho thấy Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần cũng chỉ là một nguyên lý duy nhất bất khả phân ly trong việc tạo dựng này. (316)

62. Chỉ có một mình Thiên Chúa đã tự động, trực tiếp và không cần một trợ giúp nào trong việc dựng nên vũ trụ. (317)

63. Không một tạo vật nào có quyền lực vô cùng là khả năng thiết yếu để “tạo dựng” theo

MỤC LỤC

đúng nghĩa của từ ngữ này, tức là để làm phát sinh ra một hữu thể không hề hiện hữu trước đó (làm cho hiện hữu “từ hư không”) (xem Denzinger Schonmetzer: 3624). (318)

64. Thiên Chúa đã tạo thành thế gian để biểu lộ và thông ban vinh hiển của Ngài. Nhờ đó các tạo vật của Ngài được tham dự vào sự chân thật, sự thiện hảo, sự hoàn mỹ của Ngài – đó là vinh hiển giành cho các tạo vật đã được Ngài dựng nên để thừa hưởng. (319)

65. Thiên Chúa, Đấng đã sáng tạo vũ trụ, bảo tồn vũ trụ bằng Lời của Ngài, “Người Con này là Đấng nâng đỡ vũ trụ bằng lời quyền năng của mình” (Thư gửi giáo đoàn Do Thái 1:3), cũng như bằng Thần Linh Sáng Tạo là Đấng ban sự sống của Ngài. (320)

66. Việc quan phòng thần linh chính là việc Thiên Chúa khôn ngoan và yêu thương định

MỤC LỤC

liệu để dẫn đưa tất cả mọi tạo vật của Ngài tới cùng đích tối hậu của chúng. (321)

67. Chúa Kitô mời gọi chúng ta hãy đơn sơ phó mình cho việc quan phòng của Cha chúng ta trên trời (xem Phúc Âm Thánh Mathêu 6:26-34), và Thánh Tông Đồ Phêrô nhắc nhở: “Vì Ngài là Đấng chăm sóc anh em, anh em hãy trút hết mọi lo âu cho Ngài” (Thư 1 Thánh Phêrô 5:7; xem Thánh Vịnh 55:23). (322)

68. Việc quan phòng thần linh cũng được thực hiện qua tác động của các tạo vật nữa. Thiên Chúa ban cho con người khả năng tự do hợp tác với ý định của Ngài. (323)

69. Việc Thiên Chúa cho phép xảy ra sự dữ về thể lý và thậm chí về cả luân lý là một mẫu nhiệm Thiên Chúa đã chiếu giải cho thấy nơi Chúa Giêsu Kitô Con Ngài, Đấng đã chết và sống lại để chiến thắng sự dữ. Đức tin giúp

MỤC LỤC

chúng ta xác tín rằng Thiên Chúa không để sự dữ xảy ra nếu Ngài không tạo nên từ chính sự dữ ấy một sự lành, bằng những cách thức chúng ta chỉ có thể hoàn toàn thấu hiểu ở cõi trường sinh mà thôi. (324)

“Trời Đất”

70. Các thiên thần là những thụ tạo thiêng liêng, thành phần không ngừng tôn vinh Thiên Chúa và phục vụ Ngài trong dự án Ngài muốn cứu rỗi các tạo vật khác: “Các thiên thần cùng nhau làm việc cho lợi ích của tất cả chúng ta” (Thánh Tôma Aquinas, *Tổng Luận Thần Học* I, 114, 3, ad 3). (350)

71. Các thiên thần châu chực Đức Kitô là Chúa của các vị. Các vị đặc biệt phục vụ Người để giúp Người hoàn thành sứ mệnh của Người trong việc cứu rỗi loài người. (351)

MỤC LỤC

72. Giáo Hội tôn kính các thiên thần là thành phần hộ giúp Giáo Hội trong cuộc lữ hành trần thế, cũng là thành phần bảo vệ từng người. (352)

73. Thiên Chúa muốn các tạo vật của Ngài có tính cách đa dạng, có nét tốt lành riêng biệt, có sự liên thuộc nhau và có cấp trật. Ngài muốn tất cả mọi tạo vật có thể chất phải qui về việc làm ích cho loài người. Phần con người, và, qua con người, tất cả mọi tạo vật khác, phải qui về việc làm vinh danh Thiên Chúa. (353)

74. Việc tôn trọng các định luật được ghi khắc nơi tạo thành, cũng như việc tôn trọng các mối liên hệ xuất phát từ bản tính của các vật, là một nguyên tắc khôn ngoan và là nền tảng cho luân lý. (354)

Con Người

75. “Lạy Chúa, Chúa đã dựng nên con người tương tự như Chúa và ký thác vũ trụ cho con người, để nhờ phục vụ Chúa là Đấng Tạo Hóa của mình, họ cai trị tạo sinh” (Sách Lễ Rôma, *Kinh Nguyên Thánh Thế IV*, 118). (380)

76. Con người được tiền định phác lại hình ảnh Con Thiên Chúa làm người, “hình ảnh của Thiên Chúa vô hình” (Thư Cô-lô-sê 1:15), để Chúa Kitô là trưởng tử của đoàn em nam nữ đông đúc (xem Thư Ephê-sô 1:3-6; Thư Rô-ma 8:29). (381)

77. Con người là “một nhất thể hợp bởi xác thể và hồn thiêng” (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*: 14.1). Tín lý đức tin khẳng định rằng hồn thiêng bất tử được Thiên Chúa trực tiếp dựng nên. (382)

MỤC LỤC

78. “Thiên Chúa đã không dựng nên con người là một hữu thể đơn độc. Từ ban đầu, ‘Ngài đã dựng nên họ có nam có nữ’ (Sách Khởi Nguyên 1:27). Cộng đồng của họ đã làm thành một hình thức hiệp thông đầu tiên giữa các con người với nhau” (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*: 12.4). (383)

79. Mạc Khải đã cho chúng ta thấy tình trạng thánh thiện và công chính nguyên thủy của người nam và người nữ trước khi sa ngã phạm tội: niềm hạnh phúc của cuộc đời họ sống trong vườn địa đường được bắt nguồn từ việc họ thân tình với Thiên Chúa. (384)

Vấp Phạm

80. “Thiên Chúa không tạo nên sự chết, và Ngài không thích thú gì nơi cái chết của các sinh vật. Chính vì việc ma quỷ ghen hận mà sự chết đã nhập thế gian” (Sách Khôn Ngoan 1:13; 2:24). (413)

81. Satan hay ma quỷ và các quỷ khác là các thiên thần sa đọa, thành phần tự mình từ chối không chịu phụng sự Thiên Chúa cùng dự án của Ngài. Việc các thần này quyết chống lại Thiên Chúa là một điều dứt khoát tối hậu. Các thần ấy cố lôi kéo con người theo mình phản lại Thiên Chúa. (414)

82. “Mặc dù được Thiên Chúa tạo thành trong tình trạng thánh thiện, song bị Tê-ni-xa Ác dụ dỗ, ngay từ khởi sự, con người đã lạm dụng tự do của mình bằng việc nổi lên chống lại Thiên Chúa và tìm cách chiếm đoạt mục đích của mình bất cần Thiên Chúa” (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*: 13.1). (415)

83. Là con người đầu tiên, Adong vì tội lỗi của mình đã làm mất đi, nơi chính mình cũng như nơi tất cả loài người, tình trạng thánh thiện và công chính nguyên thủy được Thiên Chúa ban cho. (416)

MỤC LỤC

84. Adong và Evà đã truyền lại cho con cháu một bản tính loài người đã bị tổn thương vì tội lỗi đầu tiên của mình, và bởi đó bản tính này cũng đã bị mất đi tình trạng thánh thiện và công chính nguyên thủy. Tình trạng mất mát này được gọi là “nguyên tội”. (417)

85. Bởi hậu quả của nguyên tội, bản tính loài người bị suy yếu nơi quyền lực của mình, phải lụy thuộc tình trạng vô thức, tình trạng khổ đau và quyền thống trị của sự chết, cùng hướng chiều về tội lỗi (một hướng chiều được gọi là “đam mê nhục dục”). (418)

86. “Vì thế, cùng với Công Đồng Tridentinô, chúng tôi tin rằng nguyên tội được truyền lại theo bản tính loài người, ‘bằng việc truyền sinh, chứ không phải bằng việc bắt chước lập lại’ nên nó ‘xứng hợp đối với mỗi một người’” (Đức Phaolô VI, *Kinh Tin Kính Dân Chúa*: 16). (419)

87. Việc Chúa Kitô chiến thắng tội lỗi đã đem lại cho chúng ta các phúc lành còn lớn lao hơn cả những gì chúng ta bị tội lỗi làm mất đi: “Ở đâu tội tràn lan thì ở đấy phúc càng ngập lụt” (Thư gửi giáo đoàn Rôma 5:20). (420)

88. “Theo niềm tin của Kitô hữu thì thế giới này đã được thành hình và tồn hữu bởi tình yêu của Đấng Tạo Hóa; đã rơi vào tình trạng làm tội cho tội lỗi, tuy nhiên đã được giải cứu bởi Chúa Kitô, Đấng Tử Giá và Phục Sinh để phá tan quyền lực của Tên Gian Ác ...” (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*: 2.2). (421)

b. TÔI TIN KÍNH CHÚA GIÊSU KITÔ

“Tôi Tin Kính Chúa Giêsu Kitô là Con Một Chúa Cha”

89. Tên “Giêsu” nghĩa là “Thiên Chúa cứu độ”. Con trẻ được sinh ra bởi Trinh Nữ Maria được gọi là “Giêsu”, “vì Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi” (Phúc Âm Thánh Mathêu 1:21): “Dưới gầm trời này chúng ta chỉ được cứu rồi bởi một tên, ngoài ra không còn một tên nào khác” (Sách Tông Vụ 4:12). (452)

90. Danh xưng “Kitô” có nghĩa là “Đấng được xức dầu”, là “Đấng Thiên Sai”. Chúa Giêsu là Đức Kitô vì “Thiên Chúa đã xức dầu Thánh Linh và quyền năng cho Giêsu Nazarét” (Sách Tông Vụ 10:38). Người là Đấng phải đến (Phúc Âm Thánh Luca 7:19), là đối tượng “trông mong của dân Yến-Duyên” (Tông Vụ 28:20). (453)

MỤC LỤC

91. Tước hiệu “Con Thiên Chúa” là tước hiệu nói lên mối liên hệ vĩnh hằng độc nhất của Chúa Giêsu Kitô với Thiên Chúa là Cha của Người: Người là Con duy nhất của Chúa Cha (xem Phúc Âm Thánh Gioan 1:14, 18; 3:16, 18) và là Chính Thiên Chúa (như vừa dẫn 1:1). Là Kitô hữu thì cần phải tin Chúa Giêsu Kitô là Con Thiên Chúa (xem Sách Tông Vụ 8:37; Thư 1 Thánh Gioan 2:23). (454)

92. Tước hiệu “Chúa” là tước hiệu nói lên thượng quyền thần linh. Tuyên xưng hay kêu cầu Đức Giêsu là Chúa tức là tin vào thần tính của Người. “Không ai có thể nói ‘Giêsu là Chúa’ nếu không có Thánh Thần ở với” (Thư 1 gửi giáo đoàn Côrintô 12:3). (455)

***“Bởi phép Chúa Thánh Thần mà Người
được chịu thai sinh bởi Đức Maria Đồng Trinh”***

Con Thiên Chúa làm người

93. Vào thời điểm Thiên Chúa ấn định, Người Con duy nhất của Chúa Cha, là Lời hằng hữu, là Lời của Cha và là Hình Ảnh đồng bản thể của Cha, đã nhập thể: Người đã mặc lấy bản tính nhân loại mà không mất đi bản tính thần linh của mình. (479)

94. Chúa Giêsu Kitô là Thiên Chúa thật và là con người thật, trong sự hiệp nhất Ngôi Vị thần linh của Người; vì lý do này Người là Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người. (480)

95. Chúa Giêsu Kitô có hai bản tính, thần tính và nhân tính, không lẫn lộn, nhưng hiệp nhất trong Ngôi Vị duy nhất của Con Thiên Chúa. (481)

96. Là Thiên Chúa thật và là con người thật, Chúa Kitô có lý trí và ý muốn con người, hoàn

MỤC LỤC

toàn hòa hợp và thuận phục lý trí và ý muốn thần linh của Người, lý trí và ý muốn Người cùng có với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần. (482)

97. Bởi thế, Nhập Thể là mẫu nhiệm hiệp nhất diệu kỳ giữa thần tính và nhân tính nơi Ngôi Vị duy nhất của Lời. (483)

“Bởi phép Chúa Thánh Thần mà Người được chịu thai sinh bởi Đức Maria Đồng Trinh”

98. Trong số con cháu Evà, Thiên Chúa đã chọn Trinh Nữ Maria để làm Mẹ Con Ngài. Được “đầy ơn phúc”, Đức Maria là “hoa trái tuyệt hảo nhất của ơn cứu chuộc” (*Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh*: 103): từ giây phút vừa đầu thai, Người đã hoàn toàn được gìn giữ khỏi vết nguyên tội và luôn tinh tuyền khỏi mọi tư tội suốt cả cuộc sống của Người. (508)

99. Đức Maria thực sự là “Mẹ Thiên Chúa”, vì Người là mẹ của Người Con hằng hữu làm

MỤC LỤC

người của Thiên Chúa, một Người Con là chính Thiên Chúa. (509)

100. Đức Maria “vẫn trinh nguyên khi thụ thai Con của Người, trinh nguyên khi hạ sinh Con, trinh nguyên khi bồng bế Con, trinh nguyên khi cho Con bú sữa của mình, lúc nào cũng trinh nguyên” (Thánh Âu-Quốc-Tinh, *Serm.* 186, 1: PL 38, 999): Người là “tôi tớ Chúa” (Phúc Âm Thánh Luca 1:38) bằng cả con người của mình. (510)

101. Trinh Nữ Maria “cộng tác vào ơn cứu độ loài người bằng đức tin và đức tuân phục tự nguyện” (*Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân*: 56). Người đã thừa vâng “nhân danh toàn thể bản tính nhân loại” (Thánh Tôma Aquinas, *Tổng Luận Thần Học* III, 30, 1). Nhờ đức tuân phục của mình, Người đã trở nên một tân Evà, mẹ của các sinh linh. (511)

Các Màu Nhiệm của Cuộc Đời Chúa Kitô

102. “Cả cuộc đời của Chúa Giêsu là một cuộc rao giảng liên tục: những lúc Người thăm lạng, các phép lạ Người làm, các cử chỉ Người tỏ ra, kinh nguyện của Người, tình Người thương dân, cảm tình đặc biệt của Người đối với trẻ nhỏ và người nghèo, việc Người chấp nhận toàn hiến trên Thập Giá để cứu chuộc thế giới và việc Phục Sinh của Người, đều là việc hiện thực hóa lời Người nói và là việc làm hoàn tất Mạc Khải” (*Tông Huấn Catechesi Tradendae* về Giáo Lý trong Thời Đại Chúng Ta, đoạn 9). (561)

103. Các môn đệ của Chúa Kitô phải nên giống Người cho đến khi Người được hình thành nơi họ (xem Thư gửi giáo đoàn Galata 4:19). “Vì lý do ấy, chúng ta, thành phần phải nên giống như Người, thành phần đã chết với Người và cùng Người Sống Lại, được tham dự vào các mầu nhiệm của đời sống Người cho đến khi chúng ta cùng Người Hiến Trĩ” (*Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân*: 7.4). (562)

MỤC LỤC

104. Là mục đồng hay hiền nhân, thành phần nào cũng chỉ có thể đến được với Thiên Chúa ở trên thế gian này bằng việc bái quì trước máng cỏ Bêlem và thờ lạy Ngài ẩn thân nơi cái yếu hèn của một con trẻ sơ sinh. (563)

105. Bằng việc vâng phục Mẹ Maria và Thánh Giuse, cũng như bằng việc làm thấp hèn của mình trong thời gian dài ở Nazarét, Chúa Giêsu nêu cho chúng ta mẫu gương sống thánh thiện trong cuộc sống gia đình và việc lao động thường ngày. (564)

106. Từ lúc bắt đầu cuộc sống công khai của mình, khi lãnh nhận phép rửa, Chúa Giêsu đã là một “Người Tôi Tớ” hoàn toàn hiến thân cho công cuộc cứu độ mà Người sẽ hoàn tất bằng “phép rửa” Khổ Nạn của Người. (565)

MỤC LỤC

107. Cuộc cám dỗ trong hoang địa cho thấy rằng Chúa Giêsu, Đấng Thiên Sai khiêm tốn, là Đấng đã chiến thắng Satan bằng việc Người hoàn toàn gắn bó với dự án cứu độ của Chúa Cha. **(566)**

108. Chúa Kitô đã khai mở Nước trời trên thế gian. “Vương Quốc này đã chiếu giải trước mắt con người nơi lời nói, các hành động và việc hiện diện của Chúa Kitô” (*Hiến Chế Lumen Gentium*, đoạn 5). Giáo Hội là mầm mống và là khởi đầu của Vương Quốc này. Các chìa khóa của Vương Quốc ấy đã được trao cho Phêrô. (567)

109. Việc Chúa Kitô Biến Hình là để kiên cường đức tin của các tông đồ hướng về cuộc Khổ Nạn của Người: việc tiến lên “núi cao” là để sửa soạn cho việc tiến lên núi Canvê. Chúa Kitô là Đầu của Giáo Hội tỏ ra những gì Thân Thể của Người chất chứa và chiếu tỏa qua các bí tích: đó là “niềm hy vọng vinh quang” (Thư

MỤC LỤC

gửi giáo đoàn Côlôôê 1:27; xem Thánh Lêô Cả, *Sermo* 51, 3: PL 54, 310c). (568)

110. Dù biết mình sẽ phải chết một cách tàn bạo bởi việc các tội nhân chống đối (xem Thư gửi giáo đoàn Do Thái 12:3), Chúa Giêsu cũng vẫn tự nguyện lên Gialiêm. (569)

111. Việc Chúa Giêsu được các con trẻ và thành phần khiêm nhượng trong lòng ghenh đón tiến vào thành Gialiêm tỏ ra cho thấy Vương Quốc của Vị Vua Thiên Sai đã đến, sắp sửa được Người hoàn thành bằng cuộc Tử Nạn và Phục Sinh Vượt Qua của Người. (570)

*“Chịu nạn đời quan Phongxiô Philatô,
chịu đóng đinh trên cây Thánh Giá,
chết và táng xác”*

Chúa Giêsu và Dân Yến-Duyên

112. Chúa Giêsu đã không hủy bỏ Lễ Luật Núi Sinai mà đã làm cho nó nên trọn (xem Phúc Âm Thánh Mathêu 5:17-19) một

MỤC LỤC

cách hoàn hảo (xem Phúc Âm Thánh Gioan 8:46), đến nỗi Người đã tỏ ra cho thấy ý nghĩa tối hậu của nó (xem Phúc Âm Thánh Mathêu 5:33) và đã chuộc lại những vấp phạm đến nó (xem Thư gửi giáo đoàn Do Thái 9:15). (592)

113. Chúa Giêsu đã tôn kính Đền Thờ bằng việc hành hương lên đền thờ vào các ngày lễ Do Thái, và Người cũng yêu mến nơi Thiên Chúa ngự giữa loài người này bằng một tình yêu tha thiết. Đền Thờ là tiền thân cho mầu nhiệm của Người. Khi loan báo Đền Thờ bị hủy hoại là Người tỏ cho thấy cuộc Người bị sát hại và tiến sang một kỷ nguyên mới của lịch sử cứu độ mà Thân Thể Người vĩnh viễn là một Đền Thờ. (593)

114. Việc Chúa Giêsu thi hành những động tác, như tha thứ tội lỗi, nói lên rằng Người là chính Thiên Chúa Cứu Tinh (xem Phúc Âm Thánh Gioan 5:16-18). Một số người Do Thái không nhận ra Thiên Chúa làm người

MỤC LỤC

(xem Phúc Âm Thánh Gioan 1:14) đã thấy Người là “một con người xưng mình là Thiên Chúa” (Phúc Âm Thánh Gioan 10:33), và đã luận tội Người là một kẻ lộng ngôn phạm thượng. (594)

Chúa Giêsu tử giá

115. “Chúa Kitô đã chết bởi tội lỗi của chúng ta như các lời Kinh Thánh”. (619)

116. Ôn cứu độ của chúng ta bắt nguồn từ tình yêu tự phát của Thiên Chúa đối với chúng ta, vì “Ngài đã thương yêu chúng ta và đã sai Con Ngài đến để làm tế vật đền bù thay cho tội lỗi của chúng ta” (Thư 1 Thánh Gioan 4:10). “Thiên Chúa ở nơi Đức Kitô hòa giải thế gian với chính mình Ngài” (Thư 2 gửi giáo đoàn Côrintô 5:19). (620)

117. Chúa Giêsu đã tự nguyện hiến mình vì phần rỗi của chúng ta. Trong bữa tối sau hết, Người đã biểu hiện và hiện thực trước

MỤC LỤC

việc hiến mình của Người: “Đây là mình Thầy sẽ bị nộp vì các con” (Phúc Âm Thánh Luca 22:19). (621)

118. Việc cứu chuộc của Chúa Kitô là ở chỗ Người “đã đến để hiến mạng sống mình làm giá chuộc cho nhiều người” (Phúc Âm Thánh Mathêu 20:28), tức là, Người “đã yêu thương (thành phần thuộc về mình) đến cùng” (Phúc Âm Thánh Gioan 13:1), để họ được “cứu khỏi những lỗi sống hư hỏng của cha ông họ” (Thư 1 Thánh Phêrô 1:18). (622)

119. Bằng việc kính mến tuân phục Chúa Cha “cho đến chết dù chết trên thập giá” (Thư gửi giáo đoàn Philiphê 2:8), Chúa Giêsu đã hoàn tất sứ vụ đền bồi (xem Tiên Tri Isaia 53:10) của một Người Tôi Tớ thương đau, Đấng “làm cho nhiều người nên công chính và gánh lấy những lỗi tội của họ nơi chính Mình” (Tiên Tri Isaia 53:11; xem Thư gửi giáo đoàn Rôma 5:19). (623)

MỤC LỤC

Chúa Giêsu Kitô chịu táng xác

120. Vì lợi ích của mọi người, Chúa Giêsu Kitô đã nếm cái chết (xem Thư gửi giáo đoàn Do Thái 2:9). Thực sự Con Thiên Chúa làm người đã chết đi và đã được mai táng. (629)

121. Trong thời gian Chúa Kitô ở trong mồ, ngôi vị thần linh của Người vẫn tiếp tục mặc lấy cả linh hồn lẫn xác thể của Người đã bị phân ly bởi sự chết. Thế nên thân xác của Chúa Kitô tử nạn “đã không bị hư hoại” (Sách Tông Vụ 13:37). (630)

*“Xuống ngục tởm tởm;
ngày thứ ba bởi trong kẻ chết sống lại”*

Chúa Kitô xuống âm phủ

122. Khi nói đến việc “Người đã xuống âm phủ”, Tin Kinh Kính Các Thánh Tông Đồ tuyên xưng rằng Chúa Giêsu thực sự đã chết và nhờ cái chết vì chúng ta Người đã chiến

MỤC LỤC

thắng sự chết và ma quỷ, “kẻ nắm quyền lực sự chết” (Thư gửi giáo đoàn Do Thái 2:14).
(636)

123. Chúa Kitô tử nạn đã đi vào cõi của kẻ chết bằng linh hồn nhân loại được hiệp nhất với ngôi vị thần linh của Người. Người đã mở cửa trời cho kẻ công chính qua đi trước Người. (637)

Ngày thứ ba Người sống lại từ trong kẻ chết

124. Đức tin nơi mầu nhiệm Phục Sinh hướng đến đối tượng của mình là biến cố được các vị môn đệ, thành phần đã thực sự gặp gỡ Đấng Sống Lại, chứng thực theo như lịch sử. Biến cố này đồng thời cũng là một biến cố siêu việt nhiệm mầu, ở chỗ nhân tính của Chúa Kitô tiến vào Vinh Quang Thiên Chúa. (656)

MỤC LỤC

125. Ngôi mộ trống và các khăn vải còn lưu lại đó tự chúng nói lên rằng thân xác của Chúa Kitô đã thoát khỏi những ràng buộc của sự chết và hư hoại nhờ quyền phép của Thiên Chúa. Chúng chuẩn bị cho các môn đệ để được gặp gỡ Chúa Phúc Sinh. (657)

126. Chúa Kitô, “trưởng tử của kẻ chết” (Thư gửi giáo đoàn Cô lô sê 1:18), là nguyên lý cho việc chúng ta sống lại, ngay lúc này đây nơi việc công chính hóa linh hồn chúng ta (xem Thư gửi giáo đoàn Rô ma 6:4), và một ngày kia nơi sự sống mới Người sẽ ban cho thân xác của chúng ta (cùng nguồn vừa dẫn 8:11). (658)

“Lên trời ngự bên hữu Chúa Cha”

127. Cuộc lên trời của Chúa Kitô đánh dấu việc nhân tính Chúa Giêsu sau cùng đã tiến vào thượng giới của Thiên Chúa là nơi từ đó Người sẽ lại đến (xem Sách Tông Vụ 1:11), song trong khi chờ đợi thì Người ẩn khuất

MỤC LỤC

trước con mắt loài người (xem Thư gửi giáo đoàn Cô lô sê 3:3). (665)

128. Chúa Giêsu Kitô là đầu của Hội Thánh đã đi trước chúng ta vào Vương Quốc hiển vinh của Cha, để chúng ta là các chi thể của Thân Mình Người được sống trong niềm hy vọng một ngày kia sẽ được ở cùng Người muôn đời. (666)

129. Khi đã vào cung thánh trên trời một lần vĩnh viễn, Chúa Giêsu Kitô liên lý cầu bầu cho chúng ta như một vị trung gian, Đấng luôn luôn tuôn đổ Chúa Thánh Thần xuống để bảo đảm với chúng ta. (667)

“Ngày sau bởi trời lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết”

130. Qua Hội Thánh Chúa Kitô đã trị vì, thế nhưng tất cả mọi sự trên thế gian này vẫn chưa qui thuận Người. Vương quốc của Chúa Kitô sẽ không khai hoàn vinh thắng nếu không

MỤC LỤC

có cuộc tấn công cuối cùng của các quyền lực sự dữ. (680)

131. Vào Ngày Phán Xét là lúc tận thế, Chúa Kitô sẽ đến trong vinh quang để mang lại thắng lợi vĩnh viễn cho sự lành trên sự dữ là những gì, như lúa và cỏ lùng, cùng mọc lên theo giòng lịch sử. (681)

132. Khi đến phán xét kẻ sống và kẻ chết vào thời gian sau cùng, Chúa Kitô vinh hiển sẽ tỏ ra cho thấy các tâm trạng bí mật của cõi lòng con người và sẽ trả công cho mỗi người tùy theo việc lành họ làm cũng như tùy theo việc họ chấp nhận hay chối từ ân sủng. (682)

c. TÔI TIN KÍNH CHÚA THÁNH THẦN

“Tôi Tin Kính Chúa Thánh Thần”

133. “Để anh em thấy được anh em là con cái, Thiên Chúa đã sai Thần Trí của Con Ngài đến với lòng chúng ta, những người kêu lên ‘Abba! Lạy Cha!’” (Thư gửi giáo đoàn Galata 4:6). (742)

134. Từ khởi thủy cho đến tận cùng thời gian, hễ bao giờ Thiên Chúa sai Con Ngài thì Ngài cũng sai Thần Linh của Ngài: sứ vụ của cả hai liên hợp với nhau và bất khả phân ly. (743)

135. Vào lúc thời gian nên trọn, Thánh Linh đã hoàn thành nơi Đức Maria tất cả mọi sự chuẩn bị cho việc Chúa Kitô đến nơi Dân Chúa. Chúa Cha đã ban cho thế gian Đấng Emmanuel, Đấng “Thiên Chúa ở cùng chúng ta” (Phúc Âm Thánh Mathêu 1:23), nhờ tác động của Thánh Linh. (744)

MỤC LỤC

136. Con Thiên Chúa được thánh hiến trở thành Đức Kitô (Đấng Thiên Sai) là bởi được xúc dầu Thánh Linh khi Nhập Thể (xem Thánh Vịnh 2:6-7). (745)

137. Chúa Giêsu đã được tôn vinh làm Chúa và làm Đức Kitô (xem Tông Vụ 2:36) nhờ ở cuộc Tử Nạn và Phục Sinh của Người. Được Viên Mãn, Người đã tuôn đổ Thánh Linh xuống trên các tông đồ và Giáo Hội. (746)

138. Chúa Kitô là đầu đã tuôn đổ xuống trên các chi thể của mình Thánh Linh là Đấng xây dựng, sinh động và thánh hóa Giáo Hội. Giáo Hội là bí tích hiệp thông của Ba Ngôi Thiên Chúa với loài người. (747)

“Tôi Tin Hội Thánh Công Giáo”

Giáo Hội trong Dự Án của Thiên Chúa

139. Từ ngữ “Giáo Hội” có nghĩa là “cùng ơn gọi”. Chữ này có ý nói đến việc qui tụ lại của những ai được Lời Chúa “triệu tập” để làm nên Dân Thiên Chúa, và nhờ Minh Chúa Kitô nuôi dưỡng họ trở nên Thân Thể của Người. (777)

140. Giáo Hội vừa là phương tiện vừa là mục tiêu của dự án Thiên Chúa: được ám chỉ trước nơi việc tạo thành, được chuẩn bị sẵn trong Cựu Ước, được xây dựng bởi những lời nói và việc làm của Chúa Giêsu Kitô, được hình thành bởi Thập Giá cứu độ và cuộc Phục Sinh của Người, và nhờ việc tuôn đổ Thánh Linh Giáo Hội đã được hiện tỏ như là một màu nhiệm cứu độ. Giáo Hội sẽ thành toàn trong vinh quang trên trời như một hội đồng gồm tất cả những ai được cứu chuộc trên trái đất này (xem Sách Khải Huyền 14:4). (778)

MỤC LỤC

141. Giáo Hội vừa hữu hình vừa linh thiêng, vừa là một tổ chức có phẩm trật vừa là Nhiệm Thể Chúa Kitô. Giáo Hội duy nhất được hình thành bởi hai yếu tố, nhân loại và thần linh. Đó là mầu nhiệm của Giáo Hội mà chỉ có đức tin mới có thể chân nhận. (779)

142. Ở trên thế gian này, Giáo Hội là bí tích cứu độ, là dấu hiệu và là phương tiện cho việc hiệp thông giữa Thiên Chúa và con người. (780)

Giáo Hội là Dân Thiên Chúa, là Nhiệm Thể Chúa Kitô và là Đền Thờ Chúa Thánh Thần

143. “Chúa Giêsu Kitô đã hiến mình vì chúng ta để cứu chuộc chúng ta khỏi tất cả mọi bất chính và để thanh tẩy cho Người một dân riêng” (Thư gửi cho Titus 2:14). (802)

MỤC LỤC

144. “Anh em là giòng dõi tuyển chọn, là hàng tư tế vương giả, là dân tộc thánh thiện, là một Dân được sở hữu” (Thứ Nhất của Thánh Phêrô 2:9). (803)

145. Con người gia nhập Dân Thiên Chúa là do đức tin và Phép Rửa. “Tất cả mọi người đều được kêu gọi gia nhập Dân Chúa” (*Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân* đoạn 13), để trong Chúa Kitô, “con người làm nên một gia đình và một Dân Chúa duy nhất” (*Sắc Lệnh Truyền Giáo*, đoạn 1). (804)

146. Giáo Hội là Thân Mình của Chúa Kitô. Nhờ Thần Linh và tác động Thần Linh nơi các phép bí tích, nhất là bí tích Thánh Thể, Chúa Kitô tử nạn và phục sinh kiến tạo cộng đồng tín hữu thành nên Thân Mình của Người. (805)

147. Tình trạng hiệp nhất của Thân Mình Chúa Kitô này có chất chứa những khác biệt

MỤC LỤC

về phần thể cũng như về chức năng. Tất cả mọi phần thể đều liên kết với nhau, nhất là với những phần thể khổ đau, nghèo nàn và bị bắt bớ. (806)

148. Giáo Hội là Thân Mình có Chúa Kitô làm Đầu, ở chỗ: Giáo Hội sống bởi Người, trong Người và cho Người; Người sống với Giáo Hội và sống trong Giáo Hội. (807)

149. Giáo Hội là Hôn Thê của Chúa Kitô: Người đã yêu thương Giáo Hội và đã hiến mình vì Giáo Hội. Người đã thanh tẩy Giáo Hội bằng máu của Người và làm cho Giáo Hội trở thành một người mẹ sung sức sinh ra tất cả mọi con cái Thiên Chúa. (808)

150. Giáo Hội là Đền Thờ của Thánh Linh. Thần Linh là linh hồn của Nhiệm Thể Chúa Kitô, là nguồn mạch của sự sống Giáo Hội, của việc Giáo Hội hiệp nhất trong đa

MỤC LỤC

dạng, cũng như của các kho tàng tặng ân và đoàn sủng. (809)

151. “Thế nên, Giáo Hội đại đồng như ‘một Dân Tộc được làm cho nên một bởi sự hiệp nhất của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần’” (*Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân* trích lời Thánh Cyprianô, *De Dom. orat.* 23: PL 4, 553). (810)

Giáo Hội Duy Nhất, Thánh Thiện, Công Giáo và Tông Truyền

152. Giáo Hội *duy nhất*, ở chỗ, Giáo Hội công nhận một Chúa duy nhất, tuyên xưng một đức tin duy nhất, được hạ sinh bởi một Phép Rửa duy nhất, làm nên một Thân Thể duy nhất, được sống động bởi một Thần Linh duy nhất, hướng về một niềm hy vọng duy nhất (xem Thư gửi giáo đoàn Êphêsô 4:3-5), đó là cuối cùng sẽ làm chủ được tất cả mọi chia rẽ. (866)

153. Giáo Hội *thánh thiện*, ở chỗ, Thiên Chúa Chí Thánh là tác nhân làm nên Giáo Hội; Chúa Kitô là phu quân của Giáo Hội đã hiến thân để thánh hóa Giáo Hội; Thần Linh thánh thiện ban sự sống cho Giáo Hội. Bởi còn bao gồm cả các tội nhân mà Giáo Hội là “một người vô tội được làm nên bởi các kẻ có tội”. Sự thánh thiện của Giáo Hội tỏa ra qua các vị thánh; nơi Đức Maria, Giáo Hội đã hoàn toàn thánh thiện. (867)

154. Giáo Hội *công giáo*, ở chỗ, Giáo Hội loan truyền một đức tin trọn vẹn. Giáo Hội mang trong mình và thừa tác tất cả mọi phương tiện cứu độ. Giáo Hội được sai đến với tất cả mọi dân nước. Giáo Hội nói với tất cả mọi người. Giáo Hội bao gồm tất cả mọi thời gian. Giáo Hội là “thừa sai bởi chính bản tính của mình” (*Sắc Lệnh Truyền Giáo*, đoạn 2). (868)

MỤC LỤC

155. Giáo Hội *tông truyền*, ở chỗ, Giáo Hội được xây trên một nền tảng bền vững, đó là “mười hai tông đồ của Chiên Con” (Sách Khải Huyền 21:14). Giáo Hội không thể nào bị hủy hoại (xem Phúc Âm Thánh Mathêu 16:18). Giáo Hội được bảo toàn cho khỏi bị sai lầm về chân lý: Chúa Kitô cai trị Giáo Hội qua tông đồ Phêrô và các vị tông đồ khác, thành phần vẫn đang hiện thân nơi các người thừa kế của mình là Giáo Hoàng và giám mục đoàn. (869)

156. “Giáo Hội của Chúa Kitô là một Giáo Hội, như chúng ta tuyên xưng trong Kinh Tin Kính, duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền... hiện hữu trong Giáo Hội Công Giáo, một Giáo Hội được cai quản bởi đấng kế thừa Thánh Phêrô cũng như bởi các vị giám mục hiệp thông với ngài. Tuy nhiên, có nhiều yếu tố về sự thánh thiện và chân lý cũng được thấy ở ngoài các giới hạn

MỤC LỤC

hữu hình của Giáo Hội nữa” (*Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân*, đoạn 8). (870)

Thành phần Tín Hữu của Chúa Kitô – Hàng giáo phẩm, người giáo dân và đời tận hiến

157. “Nơi thành phần tín hữu Kitô Giáo, theo cơ cấu thần linh, có các vị thừa tác viên thánh chức ở trong Giáo Hội được gọi là các vị giáo sĩ luật định; còn các người khác được gọi là giáo dân”. Trong cả hai thành phần này, có những tín hữu Kitô Giáo tuyên khấn các lời khuyên của phúc âm, để hiến thân cho Thiên Chúa và cộng tác vào sứ mệnh cứu độ của Giáo Hội (xem Giáo Luật, khoản 207.1, 2). (934)

158. Để loan báo và gieo trồng vương quốc của mình, Chúa Kitô đã sai đến các vị tông đồ của Người và các người thừa kế của các vị. Người cho các đấng thông dự vào sứ

MỤC LỤC

mệnh riêng của Người. Các đấng đã nhận lãnh từ Người quyền hành sử thay thế Người.
(935)

159. Chúa đã làm cho Thánh Phêrô trở thành nền tảng hữu hình của Giáo Hội Người. Người đã trao các chìa khóa của Giáo Hội cho ngài. Vị giám mục của Giáo Hội Rôma, đấng thừa kế Thánh Phêrô, là “vị thủ lãnh giám mục đoàn, là Đại Diện Chúa Kitô và là Mục Tử của Giáo Hội hoàn vũ trên trái đất này” (Giáo Luật, khoản 331). (936)

160. Vị Giáo Hoàng “có quyền tối thượng, trọn vẹn, trực tiếp và phổ quát trong việc chăm sóc các linh hồn theo thiết định thần linh” (*Sắc Lệnh Christus Dominus*, đoạn 2).
(937)

161. Các vị Giám Mục được Chúa Thánh Thần đặt làm thừa kế các tông đồ. Các vị là “nguồn gốc hữu hình và là nền tảng hiệp

MỤC LỤC

nhất nơi Giáo Hội riêng biệt của các vị” (*Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân*, đoạn 23). (938)

162.Được trợ giúp bởi các linh mục là cộng sự viên của mình cũng như bởi các phó tế, vị giám mục có nhiệm vụ giảng dạy đức tin một cách chân chính, cử hành việc thờ phượng thần linh, nhất là bí tích Thánh Thể, và dẫn dắt Giáo Hội như các vị mục tử thực sự. Cùng với và hợp với Giáo Hoàng, các vị cũng có trách nhiệm quan tâm đến tất cả các Giáo Hội khác nữa. (939)

163.“Vì đặc tính của bậc giáo dân là sống cuộc đời giữa trần gian và giữa các sinh hoạt thế tục mà người giáo dân được Thiên Chúa kêu gọi làm việc tông đồ nồng nhiệt bằng tinh thần men trong thế gian của Kitô Giáo” (*Sắc Lệnh Tông Đồ Giáo Dân*: 2.2). (940)

164.Người giáo dân được thông dự vào chức tư tế của Chúa Kitô: càng kết hiệp với Người,

MỤC LỤC

họ càng biểu lộ ân sủng của Phép Rửa và Thêm Sức trong mọi khía cạnh của đời sống cá nhân, gia đình, xã hội và giáo hội, nhờ đó họ hoàn tất ơn gọi nên thánh dành cho tất cả mọi người lãnh nhận bí tích rửa tội. (941)

165.Theo sứ mệnh ngôn sứ của mình, giáo dân “được kêu gọi... để làm chứng cho Chúa Kitô trong tất cả mọi cảnh sống và ở ngay giữa lòng cộng đồng nhân loại” (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*: 43.4). (942)

166.Theo sứ mệnh vương giả của mình, giáo dân có khả năng lật đổ ách thống trị của tội lỗi nơi bản thân mình cũng như trong thế giới, bằng việc bỏ mình và đời sống thánh thiện (xem *Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân*, đoạn 36). (943)

167.Cuộc đời tận hiến cho Thiên Chúa được đánh dấu bằng việc công khai tuyên khấn giữ các lời khuyên khó nghèo, khiết tịnh và tuân

MỤC LỤC

phục của phúc âm, trong một nếp sống vững vàng được Giáo Hội công nhận. (944)

168. Người được bí tích Rửa Tội thánh hiến cho Thiên Chúa, Đấng họ kính mến trên hết mọi sự, bằng việc trao phó bản thân mình cho Ngài trong nếp sống tận hiến, thì càng hiến thân phụng sự Thiên Chúa và lợi ích của toàn thể Giáo Hội thiết tha hơn nữa. (945)

Các Thánh cùng Thông Công

169. Giáo Hội là “mối hiệp thông của các thánh”: ý nghĩa này trước hết nói về “các sự thánh” (*sancta*), nhất là Thánh Thể, bí tích “làm tiêu biểu và hiện thực hóa việc hiệp nhất nơi các tín hữu, thành phần kiến tạo nên một thân thể duy nhất trong Chúa Kitô” (*Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân*, đoạn 3). (960)

170. Cụm từ “mối thông công của các thánh” còn ám chỉ đến mối hiệp thông của “các thánh nhân” (*sancti*) trong Chúa Kitô, Đấng

MỤC LỤC

đã chết cho tất cả mọi người”, nhờ đó những gì mỗi người làm hay chịu đựng trong và cho Chúa Kitô đều sinh ích cho tất cả. (961)

171. “Chúng ta tin rằng tất cả mọi tín hữu của Chúa Kitô, thành phần là lũ khách trên mặt đất này, là kẻ chết đang được thanh tẩy, và là phúc nhân trên trời, đều hiệp thông với nhau, hợp thành một Giáo Hội duy nhất; và chúng ta cũng tin rằng, trong mỗi hiệp thông này, tình yêu nhân hậu của Thiên Chúa cũng như của các thánh nhân Ngài luôn luôn lắng nghe những lời nguyện cầu của chúng ta” (Đức Phaolô VI, *Kinh Tin Kính Dân Chúa*, đoạn 30). (962)

Đức Maria – Mẹ Chúa Kitô, Mẹ Giáo Hội

172. Khi thốt lên lời “xin vâng” vào lúc Truyền Tin và tỏ ra ưng thuận với việc Nhập Thể, Đức Maria đã cộng tác với toàn thể công việc Con của Người phải hoàn tất. Người là

MỤC LỤC

mẹ đối với những gì Con của Người là Đấng Cứu Thế và là đầu của Nhiệm Thể Giáo Hội (973)

173.Sau khi hoàn tất cuộc sống trần gian, Rất Thánh Trinh Nữ Maria đã được đưa cả hồn lẫn xác lên trời vinh hiển, nơi Người được thông phần vào vinh quang Phục Sinh Con của Người, cuộc phục sinh báo trước việc sống lại của toàn thể các phần thể của Thân Mình Con của Người. (974)

174.“Chúng ta tin rằng Thánh Mẫu Thiên Chúa là tân Evà và là Mẹ của Giáo Hội ở trên trời tiếp tục thực hiện vai trò làm mẹ của Người đối với các phần thể của Chúa Kitô” (Đức Phaolô VI, *Kinh Tin Kính Dân Chúa*, đoạn 15). (975)

“Tôi tin phép tha tội”

175.Kinh Tin Kính nối kết “việc tha tội” với việc tuyên xưng niềm tin vào Thánh Linh là

MỤC LỤC

vì Chúa Kitô sống lại đã trao cho các tông đồ quyền tha tội khi Người ban Thánh Linh cho các vị. (984)

176.Phép Rửa là bí tích tha tội đầu tiên và chính yếu: bí tích này liên kết chúng ta với Chúa Kitô là Đấng đã chết và sống lại, và đã ban Thánh Linh cho chúng ta. (985)

177.Bởi ý muốn của Chúa Kitô, Giáo Hội có quyền tha tội cho thành phần đã lãnh nhận phép rửa tội, và bình thường Giáo Hội thực hành quyền này qua các vị giám mục cũng như linh mục nơi bí tích thống hối. (986)

178.“Trong việc thứ tha tội lỗi, cả linh mục lẫn bí tích chỉ là dụng cụ được Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng ta, là tác giả duy nhất cũng là đấng duy nhất ban ơn cứu độ cho chúng ta, sử dụng trong việc xóa tội cho chúng ta và ban ơn công chính cho chúng ta” (Roman Catechism, I, 11, 6). (987)

MỤC LỤC

“Tôi tin xác loài người sống lại”

179. “Xác thịt là mấu chốt của công cuộc cứu độ” (Giáo Phụ Tertullianô, *De Res*, 8, 2: PL 2, 852). Chúng ta tin kính Thiên Chúa là Đấng tạo nên xác thịt; chúng ta tin kính Ngôi Lời đã hóa thành nhục thể để cứu chuộc xác thịt; chúng ta tin vào việc phục sinh của xác thịt là việc hoàn thành cả việc tạo thành cũng như việc cứu chuộc xác thịt. (1015)

180. Linh hồn là khỏi xác bởi cái chết, thế nhưng, trong việc phục sinh, Thiên Chúa sẽ ban sự sống bất tử cho thân xác được biến đổi nơi việc tái hợp với linh hồn của chúng ta. Tất cả chúng ta sẽ sống lại vào ngày sau hết như Chúa Kitô đã sống lại và sống muôn đời. (1016)

181. “Chúng ta tin có việc phục sinh thực sự của xác thịt chúng ta hiện đang có đây” (Công Đồng Lyon II: DS 854). Chúng ta gieo

MỤC LỤC

xuống nắm mồ một thân xác hư hoại, nhưng sống lại với một thân xác bất hoại, một “thân xác thiêng liêng” (xem Thư Nhất gửi giáo đoàn Côrintô 15:42-44). (1017)

182.Bởi hậu quả của nguyên tội, con người phải chịu “chết về thể lý, một cái chết đáng lẽ con người được miễn trừ nếu không sa ngã phạm tội” (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*, đoạn 18). (1018)

183.Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, đã tự nguyện chịu chết vì chúng ta, bằng việc hoàn toàn sẵn sàng thuận phục ý muốn của Thiên Chúa, Cha của Người. Nhờ cái chết của mình, Người đã chiến thắng sự chết để mở đường cứu độ cho tất cả mọi người. (1019)

“Tôi tin có sự sống trường sinh”

184.Mọi người đều nhận được phần đền bồi vĩnh cửu của mình nơi linh hồn bất tử của họ,

MỤC LỤC

vào lúc họ lâm chung, trước tòa phán xét riêng của Chúa Kitô là vị thẩm phán của kẻ sống và kẻ chết. (1051)

185.“Chúng ta tin rằng linh hồn của tất cả những ai chết trong ân sủng của Chúa Kitô... đều là Dân của Thiên Chúa ở bên kia cõi chết, một cõi chết sẽ hoàn toàn bị chế ngự vào ngày phục sinh, lúc mà những linh hồn của những người ấy được tái hợp với thân xác của họ” (Đức Phaolô VI, *Kinh Tin Kính Dân Chúa*, đoạn 28). (1052)

186.“Chúng ta tin rằng thành phần đông đảo qui tụ bên Chúa Giêsu và Đức Maria trên Thiên Đàng làm nên một Giáo Hội thiên quốc, nơi các vị chiêm ngưỡng Thiên Chúa như Ngài là, trong vinh phúc trường sinh, cũng là nơi các vị, tùy theo mức độ khác nhau, liên kết với các thánh thiên thần, cộng tác vào việc quản trị thần linh của Chúa Kitô trong vinh hiển, bằng mối quan tâm huynh

MỤC LỤC

đệ khi các vị cầu bầu cho chúng ta và trợ giúp nỗi yếu hèn của chúng ta,” (Đức Phaolô VI, *Kinh Tin Kính Dân Chúa*, đoạn 28) (1053)

187.Những ai chết trong ơn nghĩa Chúa mà chưa được hoàn toàn thanh sạch, mặc dù đã được nắm chắc phần rồi đòi đòi, cũng phải trải qua một cuộc thanh tẩy sau khi chết, hầu đạt tới mức thánh thiện cần thiết để có thể nhập cuộc hoan hưởng Thiên Chúa. (1054)

188.Tin tưởng việc “các thánh cùng thông công”, Giáo Hội phó dâng kẻ chết cho lòng từ bi Thiên Chúa, và dâng kính nguyện, nhất là thánh lễ, để cầu cho họ. (1055)

189.Theo gương Chúa Kitô, Giáo Hội cảnh giác tín hữu về “thực tại của sự chết đòi đòi buồn sâu và thảm thương” (Thánh Bộ về Giáo Sĩ, *Bản Tổng Dẫn Giáo Lý*, đoạn 69), cũng được gọi là “hỏa ngục”. (1056)

MỤC LỤC

190.Hình phạt chính của hỏa ngục là ở chỗ đòi đòi bị lìa xa Thiên Chúa, Đấng mà nơi một mình Ngài con người mới có thể được sự sống và hạnh phúc là những gì họ được dựng nên để hưởng cũng là những gì họ khát mong. (1057)

191.Giáo Hội cầu xin để không một ai bị hư đi: “Lạy Chúa, xin đừng bao giờ để tôi lìa xa Chúa”. Nếu quả thật không ai có thể tự cứu được mình thì cũng quả thật Thiên Chúa “muốn tất cả mọi người được cứu độ” (Thư Nhất gửi Timôthêu 2:4), và quả thật “tất cả mọi sự đều có thể” (Phúc Âm Thánh Mathêu 19:26) với Ngài. (1058)

192.“Hội Thánh Rôma vững tin và tuyên xưng rằng, vào Ngày Phán Xét, tất cả mọi người sẽ đến trước tòa Chúa Kitô với thân xác của mình để trả lễ về các việc mình làm” (Công Đồng Lyon II [1274]: DS 859; xem DS 1549). (1059)

MỤC LỤC

193. Vào lúc tận cùng thời gian, Vương Quốc của Thiên Chúa sẽ hoàn toàn trị đến. Bấy giờ, với cả hồn xác vinh quang, kẻ lành sẽ cùng Chúa Kitô muôn đời hiển trị, và chính vũ trụ vật chất cũng sẽ được biến đổi. Bấy giờ, nơi cõi sống trường sinh, Thiên Chúa sẽ là “tất cả trong mọi sự” (Thư Nhất gửi giáo đoàn Côrintô 15:28). (1060)

II. VIỆC CỬ HÀNH MÀU NHIỆM KI-TÔ GIÁO

1. CÔNG CUỘC BÍ TÍCH

Mầu Nhiệm Vượt Qua Vào Thời Của Giáo Hội Phụng Vụ – Một Công Việc của Chúa Ba Ngôi

194.Nơi phụng vụ của Giáo Hội, Thiên Chúa là Cha được chúc tụng và tôn thờ như nguồn gốc của tất cả mọi ơn lành nơi việc tạo thành và cứu độ mà Ngài đã chúc phúc cho chúng ta trong Con của Ngài, để ban cho chúng ta Thần Linh của ơn làm nghĩa tử. (1110)

195.Việc làm của Chúa Kitô nơi phụng vụ là một việc làm có tính cách bí tích: vì mầu nhiệm cứu độ của Người được quyền phép Thánh Linh Người hiện tại hóa nơi phụng vụ; vì Thân Mình của Người, tức là Giáo Hội, giống như một bí tích (một dấu hiệu và dụng cụ) được Thánh Linh sử dụng để ban phát mầu nhiệm cứu độ; và vì nhờ những tác động

MỤC LỤC

phụng vụ, Giáo Hội lữ hành tiên hưởng việc tham dự vào phụng vụ thiên quốc. (1111)

196.Sứ vụ của Thánh Linh nơi phụng vụ của Giáo Hội là chuẩn bị cho cộng đồng gặp gỡ Chúa Kitô; là nhắc nhở và biểu lộ Chúa Kitô trước đức tin của cộng đồng; là làm cho công cuộc cứu độ của Chúa Kitô hiện thực và sinh động bằng quyền năng biến đổi của Ngài; và là làm cho tặng ân hiệp thông sinh hoa kết trái trong Giáo Hội. (1112)

Mầu Nhiệm Vượt Qua nơi các Bí Tích của Giáo Hội

197.Các bí tích là những dấu tác hiệu của ân sủng được Chúa Kitô thiết lập và trao phó cho Giáo Hội để Giáo Hội ban phát sự sống thần linh cho chúng ta. Các nghi thức bề ngoài để cử hành các bí tích là biểu hiệu cho mỗi bí tích và hiện thực các ân sủng hợp với mỗi bí tích. Các bí tích sinh ích nơi những ai

MỤC LỤC

lãnh nhận đúng với những điều kiện cần thiết. (1131)

198.Giáo Hội cử hành các bí tích như là một cộng đồng tư tế được cấu hợp nên bởi chức tư tế rửa tội và chức tư tế thừa tác. (1132)

199.Chúa Thánh Thần giúp sửa dọn việc lãnh nhận các bí tích bằng Lời Chúa cũng như bằng đức tin lãnh nhận lời Chúa với tấm lòng sốt sắng. Như thế, các bí tích làm kiên cường đức tin và tỏ hiện đức tin. (1133)

200.Hoa trái của sự sống bí tích ở nơi cả cá nhân cũng như giáo hội. Một đoàn, đối với mỗi tín hữu, hoa trái này là một cuộc sống cho Thiên Chúa trong Chúa Kitô; đoàn khác, đối với Giáo Hội, hoa trái này là việc tăng triển trong đức ái cũng như trong sứ vụ chứng nhân của Giáo Hội. (1134)

Việc Cử Hành cách Bí Tích Mầu Nhiệm Vượt Qua Việc Cử Hành Phụng Vụ của Giáo Hội

201. Phụng vụ là công việc của toàn thể Chúa Kitô, cả Đầu và Thân. Vị Thượng Tế của chúng ta không ngừng cử hành việc phụng vụ này trong phụng vụ thiên quốc, cùng với Thánh Mẫu Thiên Chúa, các vị tông đồ, tất cả các thánh, và thành phần đông đảo những người đã vào Nước Trời. (1187)

202. Trong việc cử hành phụng vụ, toàn thể cộng đồng là một “phụng viên”, mỗi phần tử làm theo phận vụ mình. Chức tư tế thuộc phép rửa tội là chức tư tế của toàn Thân Chúa Kitô. Thế nhưng, có một số tín hữu được lãnh nhận bí tích Truyền Chức Thánh để thay mặt Chúa Kitô làm đầu của Thân Mình. (1188)

203. Việc cử hành phụng vụ bao gồm những dấu chỉ và biểu hiệu liên quan đến việc tạo

MỤC LỤC

dụng (nến, nước , lửa), đến đời sống con người (tẩy rửa, xúc dầu, bẻ bánh), cũng như đến lịch sử cứu độ (các nghi thức Vượt Qua). Được hội nhập với lãnh vực đức tin và được quyền phép Thánh Linh sử dụng, những yếu tố thiên nhiên, những lễ nghi nhân loại và những cử chỉ tượng nhớ đến Thiên Chúa ấy đã chuyên chở tác động cứu độ và thánh hóa của Chúa Kitô. (1189)

204. Phụng Vụ Lời Chúa là một phần nguyên vẹn của việc cử hành phụng vụ. Ý nghĩa của việc cử hành phụng vụ được tỏ rõ nơi Lời Chúa, Lời được công bố và được đức tin đáp ứng. (1190)

205. Ca hát và âm nhạc được gắn liền với tác động phụng vụ. Qui tắc cho việc sử dụng xứng hợp ca nhạc này là vẻ sáng đẹp của lời cầu nguyện, việc đồng thanh tham dự của cộng đồng và tính chất thánh thiện của việc cử hành. (1191)

MỤC LỤC

206.Các ảnh tượng thánh trong nhà thờ và gia đình của chúng ta có mục đích khơi động và nuôi dưỡng đức tin của chúng ta đối với mầu nhiệm Chúa Kitô. Chính Chúa Kitô mới là Đấng chúng ta tôn thờ, qua ảnh tượng của Người và qua các công việc cứu độ của Người. Chúng ta tôn kính bản vị được biểu hiệu qua tượng ảnh thánh của Mẹ Thiên Chúa, của các thiên thần cũng như của các thánh. (1192)

207.Ngày Chúa Nhật, “Ngày của Chúa”, là ngày chính cho việc cử hành Thánh Thể, vì đó là ngày Chúa Phục Sinh. Đó là một ngày thượng tôn của cộng đồng phụng vụ, ngày của gia đình Kitô Giáo, một ngày vui mừng và nghỉ việc. Ngày Chúa Nhật là “chủ yếu và nhân trung của cả năm phụng vụ” (*Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh*, đoạn 106). (1193)

MỤC LỤC

208. Giáo Hội “giải bày trong thời gian một năm tất cả mầu nhiệm Chúa Kitô, từ việc Người Nhập Thể và Giáng Sinh cho đến việc Người Thăng Thiên, tới Chúa Thánh Thần Hiện Xuống, tới việc trông đợi niềm hy vọng phúc vinh và tới Ngày Chúa Kitô trở lại” (*Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh*: 102.2). **(1194)**

209. Bằng việc tưởng nhớ các thánh, trước hết là Thiên Chúa Thánh Mẫu, rồi tới các vị tông đồ, các vị tử đạo cùng các thánh khác, vào những ngày ấn định trong phụng niên, Giáo Hội trên mặt đất này cho thấy rằng Giáo Hội liên hợp với phụng vụ trên thiên đình. Giáo Hội tôn vinh Chúa Kitô vì Người đã hoàn tất việc cứu độ nơi các phần thể hiển vinh của Người; gương mẫu của các vị thúc đẩy Giáo Hội trên con đường Giáo Hội tiến về cùng Cha. **(1195)**

210. Người tín hữu nào cử hành Phụng Vụ theo Giờ thì, qua kinh nguyện của các Thánh

MỤC LỤC

Vịnh, qua việc suy niệm Lời Chúa, cũng như qua các khúc hát và các lời chúc tụng, họ được liên kết với vị thượng tế Kitô của chúng ta để hợp lời cầu nguyện liên lỉ và đại đồng của Người trong việc tôn vinh Chúa Cha và nài xin Chúa Cha ban Chúa Thánh Thần cho toàn thế giới. (1196)

211.Chúa Kitô là đền thờ đích thực của Thiên Chúa, “nơi vinh quang Ngài ngự trị”; nhờ ơn Thiên Chúa, Kitô hữu cũng trở nên đền thờ của Chúa Thánh Thần, nên những viên đá sống động xây dựng Giáo Hội. (1197)

212.Trong tình trạng tại thế của mình, Giáo Hội cần những nơi chốn để cộng đồng có thể tụ họp nhau. Các ngôi thánh đường cụ thể của chúng ta, tức những nơi thánh, là hình ảnh của thành thánh, của Gialiêm thiên đình, nơi chúng ta đang lữ hành tiến về. (1198)

MỤC LỤC

213.Chính ở trong các ngôi thánh đường này Giáo Hội cử hành việc phụng thờ công cộng để tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi, nghe lời Chúa và hát khen chúc tụng, dâng lời cầu nguyện và hiến dâng hy tế của Chúa Kitô hiện diện một cách bí tích ở giữa cộng đồng. Các ngôi thánh đường này cũng là những nơi hồi tâm và cầu nguyện tư riêng. (1199)

Tính Cách Đa Dạng của Phụng Vụ và Sự Hiệp Nhất của Mầu Nhiệm

214.Việc cử hành phụng vụ cần hướng đến việc biểu lộ nơi văn hóa của dân nước mà Giáo Hội gặp gỡ, nhưng không lụy thuộc vào văn hóa này. Trái lại, chính phụng vụ làm phát sinh ra các thứ văn hóa và hình thành nên chúng. (1207)

215.Các truyền thống hay lễ nghi phụng vụ đa dạng, được công nhận một cách hợp pháp, cũng nói lên công giáo tính của Giáo Hội, vì

MỤC LỤC

các truyền thống hay lễ nghi phụng vụ đa dạng này biểu hiện và thông truyền cùng một mẫu nhiệm Chúa Kitô. (1208)

216. Qui tắc để bảo đảm cho sự hiệp nhất giữa tính cách đa dạng của các truyền thống phụng vụ là ở chỗ trung thành với Truyền Thống tông đồ, tức là trung thành với sự hiệp thông trong đức tin cũng như trong các phép bí tích do các tông đồ truyền lại, một cuộc hiệp thông chẳng những được tiêu biểu mà còn được bảo toàn bởi việc thừa kế tông đồ. (1209)

2. BẢY BÍ TÍCH CỦA GIÁO HỘI

a. CÁC BÍ TÍCH GIA NHẬP KITÔ GIÁO

217. Việc gia nhập Kitô Giáo được hoàn tất bởi ba bí tích một lượt: Rửa Tội là bí tích mở màn cho đời sống mới; Thêm Sức là bí tích kiên cường đời sống mới này; và Thánh Thể là bí tích nuôi dưỡng người môn đệ bằng Mình Máu Chúa Kitô để họ được biến đổi trong Chúa Kitô. (1275)

BÍ TÍCH RỬA TỘI

218. “Bởi thế các con hãy đi tuyên mộ môn đồ nơi tất cả mọi dân nước, rửa tội cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, dạy họ tuân giữ tất cả những gì Thầy đã truyền cho các con” (Phúc Âm Thánh Mathêu 28:19-20). (1276)

219. Bí Tích Rửa Tội sinh hạ con người vào đời sống mới trong Chúa Kitô. Theo ý Chúa, bí

MỤC LỤC

tích này cần cho phần rồi, như chính Giáo Hội cần cho phần rồi, một Giáo Hội chúng ta gia nhập qua bí tích Rửa Tội. (1277)

220.Nghi thức chính yếu của bí tích Rửa Tội là ở việc dìm người lãnh nhận xuống nước hay đổ nước trên đầu họ, trong khi đó đọc lời kêu cầu Thiên Chúa Ba Ngôi: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. (1278)

221.Hiệu quả của bí tích Rửa Tội, hay ơn ích của bí tích Rửa Tội, là một thực tại dồi dào bao gồm việc tha thứ nguyên tội cùng với tất cả mọi tư tội, việc được sinh vào một đời sống mới làm cho con người trở nên nghĩa tử của Thiên Chúa, nên phần thể của Chúa Kitô và nên đền thờ của Chúa Thánh Thần. Chính nhờ việc lãnh nhận phép rửa này con người được tháp nhập vào Giáo Hội là Thân Mình của Chúa Kitô, và được tham dự vào chức linh mục của Chúa Kitô. (1279)

222.Bí tích Rửa Tội in vào linh hồn một dấu ấn thiêng liêng là tính chất không thể xóa bỏ, một tính chất thánh hiến con người lãnh nhận phép rửa để thực hiện việc phụng thờ Kitô Giáo. Bởi tính chất này mà bí tích Rửa Tội không thể được tái ban nhận (xem DS 1609 và DS 1624). **(1280)**

223.Những ai vì đức tin mà chết, những ai là dự tòng, và tất cả những ai, không hề biết đến Giáo Hội song tác hành theo ơn soi động, thành tâm tìm kiếm Thiên Chúa và cố gắng làm theo ý của Ngài, đều được cứu độ, cho dù họ không lãnh nhận bí tích Rửa Tội (xem *Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân*, đoạn 16). **(1281)**

224.Từ rất lâu đời, trẻ em đã được phép lãnh nhận bí tích Rửa Tội, vì bí tích này là ân sủng và là quà tặng của Thiên Chúa mà không đòi hỏi loài người phải có công trạng gì cả; trẻ em được lãnh nhận bí tích Rửa Tội là nhờ ở đức tin của Giáo Hội. Việc tiến vào đời sống

MỤC LỤC

Kitô Giáo là con đường dẫn đến tự do chân thực. (1282)

225. Phụng vụ của Giáo Hội kêu gọi chúng ta hãy tin tưởng vào tình thương của Thiên Chúa đối với các trẻ em bị chết trước khi được lãnh nhận bí tích Rửa Tội, và cầu cho phần rỗi của các em. (1283)

226. Trong trường hợp cần thiết, ai cũng có thể làm phép rửa tội, miễn là họ có ý muốn thực hiện việc Giáo Hội làm và đổ nước trên đầu thụ lãnh nhân mà nói: ‘Tôi rửa tội cho người, nhân danh Cha và Con và Thánh Thần’. (1284)

BÍ TÍCH THÊM SỨC

227. “Vậy khi các tông đồ ở Gialiêm nghe thấy miền Samaria đã lãnh nhận lời Chúa, các vị liền sai Phêrô và Gioan đến với họ; hai ngài

MỤC LỤC

đã tới và cầu nguyện cho họ để họ được lãnh nhận Thánh Linh; vì Thánh Linh chưa xuống trên một ai trong họ, mà họ mới chỉ lãnh nhận phép rửa nhân danh Chúa Giêsu thôi. Bấy giờ hai ngài đặt tay trên đầu họ và họ lãnh nhận Thánh Linh” (Sách Tông Vụ 8:14-17). (1315)

228.Phép Thêm Sức làm kiện toàn ơn Rửa Tội; Thêm Sức là bí tích ban Thánh Linh để chúng ta sống tình con cái Thiên Chúa sâu xa hơn, kết hợp với Chúa Kitô chặt chẽ hơn, gắn bó với Giáo Hội vững chắc hơn, nối kết với sứ mệnh truyền giáo của Giáo Hội thiết tha hơn, và giúp chúng ta làm chứng cho đức tin Kitô Giáo bằng lời nói kèm theo cả việc làm. (1316)

229.Như bí tích Rửa Tội, bí tích Thêm Sức in một dấu thiêng liêng hay một tính chất không thể phai nhòa vào linh hồn Kitô hữu; bởi thế, người ta chỉ có thể lãnh nhận bí tích này một lần duy nhất trong đời mình mà thôi. (1317)

MỤC LỤC

230. Giáo Hội Đông Phương ban bí tích Thêm Sức ngay sau bí tích Rửa Tội và trước khi cho lãnh rước Thánh Thể; truyền thống này đề cao tính cách hiệp nhất của ba bí tích gia nhập Kitô Giáo. Giáo Hội Latinh, qua vị giám mục, ban bí tích Thêm Sức cho con người khi họ đến tuổi khôn, cho thấy việc bí tích này làm kiên cường mối liên kết trong giáo hội. (1318)

231. Người lãnh nhận bí tích Thêm Sức đạt đến tuổi khôn phải tuyên xưng đức tin, ở trong tình trạng ơn nghĩa Chúa, có ý lãnh nhận phép bí tích, và sẵn sàng lãnh nhận vai trò của người môn đệ làm chứng nhân cho Chúa Kitô cả trong cộng đồng giáo hội cũng như nơi các hoạt động trần thế. (1319)

232. Nghi thức chính yếu của Phép Thêm Sức là việc xúc dầu thánh vào trán của người đã lãnh nhận bí tích rửa tội, (bên Giáo Hội Đông Phương còn xúc dầu cả các giác quan khác nữa), cùng với việc đặt tay của vị thừa tác

MỤC LỤC

viên bí tích với những lời, theo lễ nghi Rôma: “Con hãy nhận lấy dấu ấn của tặng ân Thánh Linh”, hay theo lễ nghi Byzantine: “Dấu ấn của tặng ân Thánh Linh”. (1320)

233.Khi Phép Thêm Sức không được cử hành chung với Phép Rửa Tội thì một trong những cách biểu lộ việc liên kết với Phép Rửa Tội ở chỗ lập lại các lời hứa rửa tội. Việc cử hành Phép Thêm Sức trong Thánh Lễ làm nổi bật tính cách hiệp nhất của các bí tích gia nhập Kitô Giáo. (1321)

BÍ TÍCH THÁNH THỂ

234.Chúa Giêsu phán: “Tôi là bánh hằng sống từ trời xuống; ai ăn bánh này sẽ sống muôn đời; ... người nào ăn thịt Tôi và uống máu Tôi thì có sự sống đời đời và ... được ở trong Tôi và Tôi ở trong người ấy” (Phúc Âm Thánh Gioan 6:51, 54, 56). (1406)

235.Thánh Thể là trung tâm và là tuyệt đỉnh của đời sống Giáo Hội, vì nơi Thánh Thể, Chúa Kitô liên kết với Giáo Hội của Người cũng như với tất cả mọi phần thể của Người bằng hy tế chúc tụng và tạ ơn Người hiến dâng lên Cha Người một lần vĩnh viễn trên cây thập giá; qua hy tế này, Người đổ các ơn ích cứu độ xuống trên Thân Mình của Người là Giáo Hội. (1407)

236.Thánh Lễ bao giờ cũng được cử hành với việc công bố Lời Chúa; việc tạ ơn Thiên Chúa là Cha về tất cả mọi ơn phúc Ngài ban, nhất là tặng ân Con Ngài; việc thánh hiến bánh và rượu; và việc tham dự vào tiệc phụng vụ bằng cách rước mình và máu Chúa. Những yếu tố này tạo nên một tác động tôn thờ duy nhất. (1408)

237.Thánh Lễ là việc tưởng niệm Cuộc Vượt Qua của Chúa Kitô, tức là, tưởng niệm công

MỤC LỤC

cuộc cứu độ do Chúa Kitô thực hiện bằng đời sống, tử nạn và phục sinh của Người, một công cuộc được hiện thực nơi tác động phụng vụ. (1409)

238.Chính Chúa Kitô, vị thượng tế đời đời của Tân Ước, tác hành qua thừa tác vụ của các vị linh mục, là Đấng dâng hy tế Thánh Thể. Và cũng chính Chúa Kitô ấy, thực sự hiện diện nơi hình bánh và hình rượu, là của lễ hiến dâng nơi hy tế Thánh Thể. (1410)

239.Chỉ có các vị linh mục thụ phong thành hiệu mới được chủ sự Thánh Lễ và mới có thể thánh hiến bánh rượu để trở nên Mình Máu Chúa. (1411)

240.Những dấu chính yếu của bí tích Thánh Thể là bánh miến và rượu nho, là những gì được lời kêu cầu Chúa Thánh Thần chúc phúc cũng là những gì được linh mục đọc các lời truyền phép của Chúa Giêsu trong Bữa

MỤC LỤC

Tiệc Ly: “Này là mình Thầy sẽ bị nộp vì các con... Này là chén máu Thầy...”. (1412)

241.Việc bánh và rượu biến thể thành Mình và Máu Chúa Kitô được thực hiện là nhờ ở lời truyền phép. Chính Chúa Kitô sống động và vinh hiển đích thực, có thực và chính thực hiện diện nơi các hình bánh và rượu đã được truyền phép (xem Công Đồng Tridentinô: DS 1640; 1651). (1413)

242.Là một hy tế, Thánh Thể cũng được hiến dâng lên để đền tạ tội lỗi của kẻ sống và kẻ chết, cũng như để lĩnh được các ơn thiêng liêng và ơn đời này do Chúa ban. (1414)

243.Ai muốn rước lấy Chúa Kitô trong phần Hiệp Lễ phải ở trong tình trạng ơn thánh. Ai biết mình đang mắc trọng tội không được rước lễ trước khi lãnh ơn xá giải nơi bí tích thống hối. (1415)

MỤC LỤC

244. Việc rước lấy Mình và Máu Chúa Kitô là việc làm tăng thêm mối hiệp nhất giữa người chịu lễ với Chúa, thứ tha các tội nhẹ, và giữ gìn họ khỏi mắc các tội trọng. Bởi việc nhận lãnh bí tích này thắt chặt các mối liên hệ đức ái giữa người chịu lễ và Chúa Kitô mà việc nhận lãnh ấy cũng củng cố mối hiệp nhất của Giáo Hội Nhiệm Thể Chúa Kitô. (1416)

245. Giáo Hội thiết tha khuyến tín hữu hãy Hiệp Lễ mỗi khi tham dự việc cử hành Thánh Lễ; Giáo Hội buộc họ phải rước lễ mỗi năm ít là một lần. (1417)

246. Bởi chính Chúa Kitô hiện diện trên bàn thờ một cách bí tích, mà Người phải được tôn kính bằng việc phụng thờ. “Viếng Thánh Thể là... một bằng chứng tỏ ra biết ơn, là một việc biểu lộ yêu thương, và là một phận vụ tôn thờ đối với Chúa Kitô của chúng ta” (Đức Phaolô VI, *Thông Điệp Mậu Nhiệm Đức Tin*, đoạn 66). (1418)

MỤC LỤC

247. Khi bỏ thế gian mà về cùng Chúa Cha, Chúa Kitô đã ban cho chúng ta, ở nơi Thánh Thể, bảo chúng được hưởng vinh quang với Người. Việc tham dự Thánh Lễ bảo trì sức lực của chúng ta cho cuộc lữ hành trần gian, khiến chúng ta mong được sự sống trường sinh, và hiệp nhất chúng ta ngay lúc này đây với Giáo Hội trên thiên đình, với Rất Thánh Trinh Nữ Maria và với tất cả các thánh. (1419)

b. CÁC BÍ TÍCH ĐỂ CHỮA LÀNH

BÍ TÍCH THỐNG HỐI VÀ HÒA GIẢI

248. “Vào buổi tối hôm ấy, ngày thứ nhất trong tuần”, Chúa Giêsu tỏ mình ra cho các tông đồ. “Người thở hơi trên các vị mà nói: ‘Các con hãy nhận lấy Thánh Linh. Các con tha tội cho ai thì họ được tha; các con cầm tội ai thì họ bị cầm tội’” (Phúc Âm Thánh Gioan 20:19, 22-23). (1485)

249. Các tội lỗi vấp phạm sau khi lãnh nhận bí tích Rửa Tội được thứ tha bởi một bí tích đặc biệt gọi là bí tích hoán cải, bí tích giải tội, bí tích thống hối hay bí tích hòa giải. (1486)

250. Tội nhân là người làm tổn thương đến vinh dự và tình yêu của Thiên Chúa, đến phẩm giá con người của mình như một người được gọi là con Thiên Chúa, cũng như đến tình trạng an toàn thiêng liêng của Giáo Hội

mà mỗi Kitô hữu phải là một viên đá sống.
(1487)

251.Theo con mắt đức tin thì tội lỗi là sự dữ
ghê gớm hơn hết mọi sự dữ và gây tệ hại cho
chính tội nhân, cho Giáo Hội và cho toàn thể
thế giới. (1488)

252.Việc tái hiệp thông với Thiên Chúa sau
khi vì tội lỗi bị mất đi mối hiệp thông này là
một tiến trình được bắt nguồn từ ân sủng của
Thiên Chúa, Đấng giàu lòng từ bi và lo cho
phần rỗi con người. Người ta phải xin được
tặng ân quý báu này cho mình cũng như cho
những người khác. (1489)

253.Hướng động trở về cùng Thiên Chúa,
được gọi là việc hoán cải và thống hối, kéo
theo lòng đón đau và chê ghét các tội lỗi đã
vấp phạm cùng ý định cương quyết sau này
sẽ không phạm tội nữa. Việc hoán cải đặng
đến quá khứ và tương lai; nó được nuôi

MỤC LỤC

đưỡng bằng niềm cậy trông vào lòng xót thương của Thiên Chúa. (1490)

254. Bí tích Thống Hối bao gồm toàn bộ ba tác động của hối nhân cùng với tác động xá tội của vị linh mục. Các tác động của hối nhân là ăn năn tội, xưng thú tội hay bộc lộ tội mình ra cho vị linh mục hay, và có ý muốn đền tội cùng làm các việc đền tội. (1491)

255. Việc ăn năn tội (cũng được gọi là việc hối lỗi) phải được phát xuất từ những thúc đẩy của đức tin. Việc ăn năn tội phát xuất từ tình yêu đức ái đối với Thiên Chúa được gọi là việc ăn năn tội “cách trọn”; ngoài ra, nếu nó phát xuất từ các động lực khác thì được gọi là “cách chẳng trọn”. (1492)

256. Người nào muốn thực hiện việc hòa giải với Thiên Chúa cũng như với Giáo Hội phải xưng thú với một vị linh mục tất cả các tội trọng chưa xưng mà người ấy nhớ được sau

MỤC LỤC

khi cần thận xét lương tâm mình. Việc xưng thú các tội nhẹ, tự nó không cần thiết, song vẫn được Giáo Hội hết sức khuyến khích làm. (1493)

257.Vị giải tội đề ra cho hối nhân làm một số việc “bù đắp” hay “đền tội” để chữa lại thiệt hại do tội lỗi gây ra, cũng như để lấy lại các thói quen xứng hợp với một người môn đệ của Chúa Kitô. (1494)

258.Chỉ có những vị linh mục được thẩm quyền Giáo Hội ban năng quyền xá giải mới có thể nhân danh Chúa Kitô mà tha tội. (1495)

259.Các hiệu quả thiêng liêng của bí tích Thống Hối là:

- hối nhân hòa giải với Thiên Chúa nhờ đó lấy lại được ân sủng;
- hòa giải với Giáo Hội;
- được xóa hình phạt đời đời bởi các tội trọng mà ra;

MỤC LỤC

- được xóa ít là phần nào các hình phạt tạm bởi tội lỗi mà có;
- được bình an và thanh thản lương tâm cũng như được an ủi thiêng liêng;
- được tăng thêm sức mạnh thiêng liêng cho cuộc chiến đấu của người Kitô hữu.

260. Việc cá nhân chân thành xưng thú các trọng tội để được xá tội vẫn là phương tiện thông thường duy nhất trong việc hòa giải với Thiên Chúa cũng như với Giáo Hội. (1497)

261. Nhờ các ân xá, tín hữu có thể được tha hình phạt tạm bởi tội lỗi gây ra, cho chính mình cũng như cho các linh hồn trong Luyện Ngục. (1498)

BÍ TÍCH XỨC DẦU BỆNH NHÂN

262. “Có ai trong anh em bị bệnh ư? Họ hãy đi mời các vị trưởng lão tư tế của Giáo Hội, các

MỤC LỤC

vị ấy hãy cầu nguyện cho họ, nhân danh Chúa mà xúc dầu cho họ; rồi lời cầu nguyện bởi đức tin sẽ cứu lấy bệnh nhân và Chúa sẽ làm cho họ phục hồi. Nếu có phạm tội lỗi gì họ cũng được thứ tha” (Thư Thánh Giacôbê 5:14-15). (1526)

263.Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân có mục đích ban ơn đặc biệt cho người Kitô hữu đang trải qua những khốn khó vì tình trạng bị bệnh nặng hay vì tuổi già. (1527)

264.Thời điểm xứng hợp để lãnh nhận việc xúc dầu thánh này thực sự xảy ra khi người tín hữu bắt đầu nguy tử vì bệnh nạn hay già yếu. (1528)

265.Mỗi lần Kitô hữu bị bệnh nặng, họ đều được phép lãnh nhận bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân, cũng như ở vào lúc cơn bệnh trở nặng sau khi họ đã lãnh nhận phép này. (1529)

MỤC LỤC

266. Chỉ có những vị linh mục (các vị trưởng lão tư tế và các vị giám mục) mới có thể ban bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân; để ban bí tích này, các vị sử dụng dầu đã được giám mục làm phép, hay nếu cần, dầu được chính các vị làm phép. (1530)

267. Việc cử hành bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân chính yếu là ở việc xức dầu trên trán và nơi đôi tay của bệnh nhân (theo lễ nghi Rôma), hay nơi các phần thể khác (theo lễ nghi Đông Phương), một việc xức dầu được kèm theo bởi lời cầu nguyện theo phụng vụ của vị cử hành để cầu xin ơn đặc biệt của bí tích này. (1531)

268. Ôn đặc biệt của bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân có các tác dụng như:

- nối kết bệnh nhân với cuộc khổ nạn của Chúa Kitô, cho lợi ích riêng họ cũng như lợi ích chung Giáo Hội;

MỤC LỤC

- làm cho họ kiên cường, bình an và can đảm để chịu đựng theo tinh thần Kitô giáo những khổ đau của bệnh tật hay của tuổi già;
- thứ tha tội lỗi, nếu bệnh nhân không thể lãnh nhận bí tích Thống Hối để được ơn tha tội;
- phục hồi sức khỏe, nếu có ích cho phần rỗi của linh hồn;
- chuẩn bị linh hồn đi vào sự sống trường sinh. (1532)

c. CÁC BÍ TÍCH GIÚP HIỆP THÔNG

BÍ TÍCH TRUYỀN CHỨC THÁNH

269. Thánh Phaolô nói với môn đệ Timôthêu của mình rằng: “Cha nhắc nhở con là con hãy làm bừng lên tặng ân của Thiên Chúa mà con có được nhờ việc đặt tay của cha” (Thư Hai gửi Timôthêu 1:6), và “nếu ai mong làm giám mục là ước ao một việc cao quý” (Thư Nhất gửi Timôthêu 3:1). Với Titô, thánh nhân nói: “Đó là lý do tại sao Cha bỏ con ở lại Crêta để con cải tổ những gì khiếm khuyết và bổ nhiệm những vị trưởng lão tư tế ở nơi mỗi tỉnh, như cha đã hướng dẫn con” (Thư gửi Titô 1:5). (1590)

270. Toàn thể Giáo Hội là một dân tư tế. Nhờ phép Rửa Tội, tất cả mọi tín hữu được thông dự vào chức linh mục của Chúa Kitô. Việc tham dự này được gọi là “chức tư tế chung của tín hữu”. Dựa vào chức tư tế chung này,

MỤC LỤC

cũng như để nhắm đến việc phục vụ, mới có một sự tham dự khác vào sứ vụ của Chúa Kitô: đó là thừa tác vụ được lãnh nhận từ bí tích Truyền Chức Thánh, với công việc là nhân danh Chúa Kitô và thay mặt Chúa Kitô để phục vụ cộng đồng. (1591)

271.Chức linh mục thừa tác tự bản tính khác với chức linh mục chung nơi tín hữu, vì chức linh mục thừa tác ban quyền linh phục vụ tín hữu. Các thừa tác viên có chức thánh thực thi việc phục vụ Dân Chúa của mình bằng việc giảng dạy (*munus docendi*), bằng việc tôn thờ (*munus liturgicum*) và bằng việc coi sóc mục vụ (*munus regendi*). (1592)

272.Từ ban đầu, thừa tác vụ thánh đã được truyền phong và thực thi ở ba bậc: bậc giám mục, bậc trưởng lão tư tế và bậc phó tế. Các thừa tác vụ do việc thụ phong mà có là những thừa tác vụ không thể thay thế được đối với cấu trúc theo cơ chế của Giáo Hội:

MỤC LỤC

người ta không thể nói đến một Giáo Hội mà lại không có các vị giám mục, các vị trưởng lão tư tế và các vị phó tế (xem Thánh I-Nhã Antiôkia, *Ad Trall.* 3, 1). (1593)

273. Giám mục là vị lãnh nhận trọn vẹn bí tích Truyền Chức Thánh, một bí tích đưa vị giám mục này vào hàng ngũ giáo phẩm và làm cho ngài trở thành thủ lãnh hữu hình của Giáo Hội riêng biệt được ủy thác cho ngài. Là các vị thừa kế các tông đồ và là phần tử của hàng giáo phẩm, các vị giám mục thông dự vào trách nhiệm tông đồ và sứ vụ truyền giáo của toàn thể Giáo Hội, được đặt dưới quyền của Giáo Hoàng, vị kế thừa Thánh Phêrô. (1594)

274. Linh mục liên kết với giám mục trong phẩm vị tư tế, đồng thời tùy thuộc vào các vị giám mục trong việc thực thi các phận sự mục vụ của mình; các vị được kêu gọi để làm cộng sự viên khôn ngoan của giám mục; các vị hợp lại thành một hàng giáo sĩ vây quanh

MỤC LỤC

giám mục trong việc chia phần trách nhiệm với ngài để lo cho Giáo Hội riêng biệt. Các vị được giám mục trao phó trách nhiệm coi cộng đoàn giáo xứ hay một vai trò ấn định trong giáo hội. (1595)

275.Các vị phó tế là những thừa tác viên có chức thánh lo những việc phục vụ của Giáo Hội; các vị không lãnh nhận chức linh mục thừa tác, nhưng việc thụ phong ban cho các vị những phận vụ quan trọng nơi thừa tác vụ lời Chúa, nơi việc phụng vụ thần linh, nơi việc coi sóc mục vụ, và nơi việc phục vụ bác ái, những việc các vị phải thi hành dưới thẩm quyền mục vụ của giám mục. (1596)

276.Bí tích Truyền Chức Thánh được ban phát bằng việc đặt tay theo sau lời nguyện thánh hiến trọng thể để xin Thiên Chúa ban cho thành phần được thụ phong những ân sủng của Chúa Thánh Thần cần thiết cho thừa tác vụ của họ. Việc truyền chức thánh in nơi

MỤC LỤC

vị thụ phong một ấn tích không thể phai nhòa. (1597)

277.Giáo Hội chỉ ban bí tích Truyền Chức Thánh cho người được rửa tội phái nam (*viris*), thành phần được công nhận là hợp lệ có các khả năng để thi hành thừa tác vụ. Chỉ có một mình thẩm quyền Giáo Hội mới có trách nhiệm và quyền hạn để mời gọi người ta lãnh nhận bí tích Truyền Chức Thánh. (1598)

278.Bên Giáo Hội Latinh, bí tích Truyền Chức Thánh cho hàng tư tế thường chỉ được ban cho các ứng viên sẵn sàng tự nguyện chấp nhận sống độc thân, và công khai biểu lộ ý định của mình ra trong việc sống độc thân vì yêu mến vương quốc Thiên Chúa và để phụng sự con người. (1599)

MỤC LỤC

279.Chính giám mục là vị ban bí tích Truyền Chức Thánh cho cả ba bậc (biệt chú: xin xem lại khoản Giáo Lý 1592 trên đây). (1600)

BÍ TÍCH HÔN PHỐI

280.Thánh Phaolô nói: “Hỡi các người chồng, hãy yêu thương vợ mình, như Chúa Kitô đã yêu thương Giáo Hội... Đây là một mẫu nhiệm cao cả tôi có ý nói đến Chúa Kitô và Giáo Hội” (Thư gửi giáo đoàn Êphêsô 5:25, 32). (1659)

281.Giao ước hôn nhân, một giao ước kết hợp người nam và người nữ lại với nhau thành một cuộc hiệp thông sâu xa trong sự sống và yêu thương, đã được Đấng Tạo Hóa thiết lập và ấn định với những lề luật đặc biệt của nó. Tự bản chất, giao ước hôn nhân nhắm đến lợi ích của đôi phối ngẫu, cũng như đến việc truyền sinh và giáo dục con cái. Chúa Kitô đã

MỤC LỤC

nâng hôn nhân giữa thành phần chịu phép rửa tội lên phẩm vị của một bí tích (xem Giáo Luật: 1055.1; xem *Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*: 48.1). (1660)

282.Bí tích Hôn Phối biểu hiệu cho việc hiệp nhất giữa Chúa Kitô và Giáo Hội. Bí tích này ban cho đôi hôn nhân ân sủng để yêu thương nhau bằng một tình yêu Chúa Kitô đã thương yêu Giáo Hội; như thế, ân sủng của bí tích này làm hoàn hảo tình yêu nhân loại của đôi hôn nhân, kiên cường mối hiệp nhất bất khả phân ly của họ, và thánh hóa họ trên con đường tiến đến sự sống trường sinh. (xem Công Đồng Tridentinô: DS 1799). (1661)

283.Hôn nhân được căn cứ vào lòng ưng thuận của hai bên kết ước với nhau, tức là, căn cứ vào ý họ muốn hoàn toàn hiến mình cho nhau, để sống giao ước yêu thương thủy chung và tốt đẹp. (1662)

284.Vì hôn nhân đặt cặp phối ngẫu vào một bậc sống công khai trong Giáo Hội nên nó đáng được cử hành công cộng, bằng việc cử hành phụng vụ, trước vị linh mục (hay một chứng nhân có thẩm quyền của Giáo Hội), trước các người làm chứng, và trước hội đồng tín hữu. **(1663)**

285.Hiệp nhất nên một, bất khả phân ly và bằng lòng sinh con là các tính cách chính yếu của hôn nhân. Vấn đề đa thê không hợp với tính cách hiệp nhất nên một của hôn nhân; việc ly dị làm phân ly những gì Thiên Chúa đã liên kết lại với nhau; việc chối từ sinh sản con cái khiến cho đời sống hôn nhân mất đi “tặng ân tuyệt vời” của mình là con cái (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*: 50.1). **(1664)**

286.Việc tái hôn của những người ly dị người phối ngẫu hợp lệ còn sống của mình là việc làm phản lại với ý định và lề luật của Thiên Chúa như Chúa Kitô đã dạy. Tuy không bị

MỤC LỤC

phân lìa khỏi Giáo Hội, thành phần ly dị này cũng không được phép Hiệp Lễ. Họ sống đời Kitô hữu bằng việc đặc biệt giáo dục con cái của mình theo đức tin. (1665)

287.Ngôi nhà của người Kitô hữu là nơi con cái lãnh nhận việc loan báo đức tin trước hết. Vì lý do này, ngôi nhà của gia đình đáng được gọi là “Giáo Hội tại gia”, một cộng đồng của ân sủng và của nguyện cầu, một trường học các nhân đức làm người và học đức ái Kitô Giáo. (1666)

d. CÁC VIỆC CỬ HÀNH PHỤNG VỤ KHÁC

CÁC Á BÍ TÍCH

288.Các á bí tích là những dấu hiệu linh thánh được Giáo Hội thiết lập, để sửa dọn cho con người lãnh nhận hoa trái của các phép bí tích, cũng như để thánh hóa các hoàn cảnh sống khác nhau. (1677)

289.Trong số các á bí tích thì các việc chúc lành giữ một địa vị quan trọng. Các việc chúc lành này bao gồm cả việc chúc tụng Thiên Chúa về các công cuộc và tặng ân của Ngài, lẫn việc Giáo Hội chuyển cầu cho con người để họ có thể sử dụng các tặng ân của Thiên Chúa theo tinh thần Phúc Âm. (1678)

290.Ngoài phụng vụ ra, đời sống Kitô hữu được dưỡng nuôi bởi một số hình thức đạo đức khác nhau được ăn rễ sâu nơi các nền văn hóa khác nhau. Trong khi cần thận làm sáng tỏ các hình thức đạo đức này trong ánh

MỤC LỤC

sáng đức tin, Giáo Hội vẫn nâng đỡ các hình thức đạo đức thông dụng biểu lộ chiều hướng Phúc Âm cùng đức khôn ngoan nhân bản, những hình thức đạo đức làm phong phú đời sống Kitô Giáo. (1679)

LỄ NGHI AN TÁNG CỦA KITÔ GIÁO

291. Tất cả các phép bí tích, nhất là các bí tích gia nhập Kitô Giáo, có mục tiêu của mình là Cuộc Vượt Qua cuối cùng của con cái Thiên Chúa, một cuộc vượt qua mà, nhờ sự chết, dẫn họ vào sự sống Nước Trời. Bởi thế, những gì họ tuyên xưng theo đức tin và lòng cậy trông sẽ được hoàn tất: “Tôi trông đợi kẻ chết sống lại và sự sống đời sau” (Kinh Tin Kính Công Đồng Chung Contantinôpôli-Nicêa). (1680)

292. Ý nghĩa sự chết theo Kitô Giáo được tỏ hiện nơi ánh sáng của *mầu nhiệm Vượt Qua* của cuộc tử nạn và phục sinh của Chúa Kitô

MỤC LỤC

là Đấng duy nhất chúng ta đặt niềm hy vọng.
Người Kitô hữu nào chết trong Chúa Giêsu
Kitô là “lìa xa thân xác và ở cùng một nhà với
Chúa” (Thư Hai gửi giáo đoàn Côrintô 5:8).
(1681)

293. Đối với Kitô hữu, ngày chết ở vào lúc kết thúc cuộc sống bí tích của mình là ngày mở màn cho việc hoàn thành cuộc tái sinh đã được bắt đầu từ Phép Rửa Tội, cho việc hoàn toàn được “nên giống” “hình ảnh Người Con” do việc xúc dầu Thánh Linh, và cho việc tham dự vào bữa tiệc Nước Trời được nếm hưởng trước nơi bí tích Thánh Thể, cho dù họ vẫn cần phải trải qua cuộc thanh tẩy cuối cùng để mặc lấy chiếc áo cưới. (1682)

294. Lễ nghi an táng Kitô Giáo không phải là một bí tích hay á bí tích đối với người chết, vì họ đã “ra” khỏi công cuộc của bí tích. Tuy nhiên, lễ nghi này vẫn là việc cử hành phụng vụ của Giáo Hội (xem *Hiến Chế Phụng Vụ*

MỤC LỤC

Thánh, đoạn 81-82). Thừa tác vụ của Giáo Hội có mục đích nói lên mối hiệp thông tồn tại đối với *người chết*, ở việc *cộng đồng* tham phần vào mối hiệp thông này khi họp nhau dự lễ an táng, và ở việc loan báo sự sống trường sinh cho cộng đồng. (1684)

(4 khoản về “Lễ Nghi An Táng của Kitô Giáo” trên đây được người soạn lấy từ phần diễn giải chính thêm vào, hoàn toàn không có trong phần “tóm gọn”)

III. SỰ SỐNG TRONG CHÚA KITÔ

1. Ôn Gọi của Con Người là Sống trong Thần Linh

a. PHẨM GIÁ của CON NGƯỜI

CON NGƯỜI: HÌNH ẢNH THIÊN CHÚA

295. “Chúa Kitô bộc lộ cho con người thấy trọn vẹn bản thân họ và làm sáng tỏ ơn gọi cao cả của họ” (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*: 22.1). (1710)

296. Có hồn thiêng, lý trí và ý muốn tự do, ngay từ đầu thai, con người đã được định hướng về Thiên Chúa và được ấn định để hưởng hạnh phúc trường sinh. Họ theo đuổi tầm vóc toàn vẹn của mình ở việc “tìm kiếm và yêu mến những gì chân thật và thiện hảo” (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*: 15:2). (1711)

297. Tự do đích thực là một “biểu lộ trời vượt của hình ảnh thần linh” nơi con người (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*: 17). (1712)

MỤC LỤC

298. Con người buộc phải tuân theo luật luân lý là luật thúc giục họ “làm lành lánh dữ” (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*: 16). Lễ luật này vang động trong lương tâm của con người. (1713)

299. Với bản tính bị tổn thương vì nguyên tội, con người bị lầm lạc và hướng chiều về sự dữ trong việc sử dụng tự do của mình. (1714)

300. Ai tin vào Chúa Kitô là người có sự sống mới trong Chúa Thánh Thần. Đời sống luân lý, được phát triển và trưởng thành trong ân sủng, phải đạt tới tầm mức viên trọn của nó ở vinh quang trên trời. (1715)

ƠN GỌI HƯỞNG PHÚC CỦA CHÚNG TA

301. Các phúc lộc hàm chứa những lời hứa của Thiên Chúa và làm trọn những lời hứa này kể từ thời Abraham, ở chỗ chúng qui

MỤC LỤC

hướng về Nước Trời. Chúng đáp ứng ước vọng hạnh phúc Thiên Chúa đã gieo nơi cõi lòng con người. (1725)

302.Các phúc lộc chỉ cho chúng ta biết cùng đích Thiên Chúa kêu gọi chúng ta, đó là Nước Trời, là được hưởng kiến Thiên Chúa, là được tham dự vào bản tính thần linh, là sự sống trường sinh, là tình con thảo, là được an nghỉ trong Chúa. (1726)

303.Phúc lộc được sống trường sinh là tặng ân nhưng không của Thiên Chúa. Phúc này là một phúc siêu nhiên, cũng như chính ân sủng là yếu tố dẫn chúng ta tới phúc này vậy. (1727)

304.Các phúc này khiến chúng ta phải đối đầu với những chọn lựa dứt khoát liên quan đến lợi lộc trần gian; chúng thanh tẩy lòng trí chúng ta để chúng ta biết kính mến Thiên Chúa trên hết mọi sự. (1728)

MỤC LỤC

305. Phúc trên trời đặt ra những tiêu chuẩn giúp vào việc biết cách hưởng lợi lộc trần gian hợp với lề luật Thiên Chúa. (1729)

TỰ DO CỦA CON NGƯỜI

306. “Thiên Chúa muốn con người định liệu lấy (xem *Sách Huấn Ca* 15:14) để họ có thể tự động tìm kiếm Đấng Tạo Dựng của mình, rồi nhờ việc gắn bó với Ngài, họ đạt tới mức trọn hảo hoàn toàn và diễm phúc” (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*: 17.1). (1743)

307. Tự do là khả năng hành động hay bỏ không hành động trong việc tự nguyện làm theo ý muốn riêng của con người. Tự do đạt đến mức toàn hảo nơi tác động của mình khi nó biết qui hướng về Thiên Chúa là Sự Thiện tối thượng. (1744)

308. Tự do là đặc tính xứng hợp của hành động thuộc về con người. Nó khiến con người

MỤC LỤC

phải có trách nhiệm về các hành động mà họ là tác nhân tự ý làm. Các hành động tự ý của họ là của riêng họ. (1745)

309. Vì vô tri, cưỡng bức, sợ hãi và các yếu tố tâm lý cũng như xã hội khác mà trách cứ hay trách nhiệm đối với một việc làm có thể được giảm khinh hay hủy bỏ. (1746)

310. Quyền hành sử tự do, nhất là trong những vấn đề tôn giáo và luân lý, là một đòi hỏi gắn liền với phẩm vị của con người. Tuy nhiên, việc hành sử tự do không có nghĩa là con người cho rằng mình có quyền được nói và làm bất cứ điều gì. (1747)

311. “Chúa Kitô đã giải cứu cho chúng ta được tự do” (Thư gửi giáo đoàn Galata 5:1). (1748)

TÍNH CÁCH LUÂN LÝ CỦA HÀNH ĐỘNG THUỘC NHÂN

312.Có ba “nguyên tố” làm nên tính cách luân lý của những hành động thuộc nhân, đó là đối tượng, ý hướng và các hoàn cảnh. (1757)

313.Đối tượng do con người chọn lựa là nguyên tố xác định tính cách luân lý tác động ý muốn của con người theo như trí khôn họ nhận thức và cho rằng tác động ý muốn này là lành hay là dữ. (1758)

314.“Không thể hành ác khi viện lý là có ý hướng tốt” (xem Thánh Tôma Aquinô, *Dec. Praec.* 6). Mục đích không biện minh cho phương tiện. (1759)

315.Một hành vi tốt lành theo luân lý đòi cả đối tượng của nó, mục đích của nó và các hoàn cảnh của nó đều phải tốt lành. (1760)

MỤC LỤC

316.Có những hành vi thiết thực nếu quyết làm bao giờ cũng sai trái, vì việc chọn thực hiện hành vi này hàm chứa cái lệch lạc của ý muốn, là một điều xấu về luân lý. Người ta không được hành ác để sinh thiện. (1761)

TÍNH CÁCH LUÂN LÝ CỦA CÁC ĐAM MÊ

317.Chữ “các đam mê” là từ ngữ nói đến những cảm mến hay cảm tình. Nhờ các cảm xúc của mình con người trực giác thấy được sự lành và cảm thấy bất ổn đối với sự dữ. (1771)

318.Các đam mê chính là yêu thương và giận ghét, ham muốn và sợ hãi, vui mừng, buồn đau và phẫn nộ (biệt chú của người dịch bản Việt Ngữ này: nếu dịch theo chữ hán việt là: ái và ố, dục và cụ, hỉ, ai và nộ; tuy nhiên, theo Đông Phương, bảy đam mê này thường được xếp theo thứ tự là: ái, ố, hỉ, ai, dục, nộ, cụ; về tổng số các đam mê thì theo Tây Phương

MỤC LỤC

thường có 11 đam mê, gồm 7 đam mê trên và 4 đam mê khác nữa, đó là hy vọng và thất vọng, can đảm và thất đảm). (1772)

319.Theo luân lý không có vấn đề tốt hay xấu nơi các đam mê là những biến động của cảm thức. Tuy nhiên, một khi dính dáng đến lý trí và ý muốn, chúng sẽ có tính cách luân lý tốt hay xấu. (1173)

320.Các cảm xúc và cảm tình có thể được thăng hóa thành các nhân đức hay cũng có thể bị băng hoại bởi các tính mê nết xấu. (1774)

LƯƠNG TÂM VỀ LUÂN THƯỜNG ĐẠO LÝ

321.“Lương tâm là cốt lõi sâu kín nhất của con người, là thánh cung mà có một chỉ mình họ đối diện với Thiên Chúa và nghe được tiếng nói của Ngài” (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*, đoạn 16). (1795)

MỤC LỤC

322.Lương tâm là phán đoán của trí khôn giúp con người biết được phẩm chất luân lý nơi hành động thực tiễn của họ. (1796)

323.Đối với người làm điều gian ác thì phán quyết của lương tâm vẫn là một hứa hẹn cho việc họ cải thiện và hy vọng. (1797)

324.Một lương tâm có căn bản vững chắc là một lương tâm ngay thẳng và chân thật. Nó phán đoán theo trí khôn, hợp với sự thiện đích thực đúng như ý muốn của Đấng Tạo Hóa. Mọi người phải liệu cách luyện lọc lương tâm của mình. (1798)

325.Khi phải chọn lựa về luân lý, lương tâm có thể phán đoán đúng, hợp với trí khôn và lề luật Thiên Chúa, hay ngược lại, cũng có thể phán đoán sai, không hợp với trí khôn và lề luật Thiên Chúa. (1799)

MỤC LỤC

326.Con người luôn phải tuân theo phán quyết vững chắc của lương tâm. (1800)

327.Lương tâm vẫn có thể vô thức và phán đoán sai lầm. Việc vô thức và các sai lầm như thế không phải lúc nào cũng vô tội. (1801)

328.Lời Chúa là ánh sáng soi đường nẻo chúng ta đi. Chúng ta phải đồng hóa với lời Chúa trong đức tin và nguyện cầu, rồi đem lời Chúa ra thực hành. Đó là cách luyện lọc lương tâm về luân thường đạo lý. (1802)

CÁC ĐỨC HẠNH

329.Đức hạnh là một khuynh hướng làm lành bền bỉ theo thói quen. (1833)

330.Các nhân đức là những khuynh hướng vững bền của lý trí và ý muốn, một lý trí và ý muốn là các tài năng điều khiển hành động của chúng ta, truyền khiến các đam mê của

MỤC LỤC

chúng ta và hướng dẫn việc làm của chúng ta cho hợp với trí khôn và đức tin. (1834)

331.Đức khôn ngoan giúp cho trí khôn trong thực hành biết nhận ra nơi mọi hoàn cảnh sự thiện chân thực của chúng ta và biết chọn phương tiện xứng hợp để đạt được sự thiện này. (1835)

332.Đức công bình là ở chỗ ý muốn cương quyết và kiên trì trong việc trả về cho Thiên Chúa những gì thuộc về Ngài cũng như cho tha nhân những gì thuộc về họ. (1836)

333.Đức can đảm giúp vững vàng trong các cơn khốn khó và kiên trì trong việc theo đuổi sự thiện. (1837)

334.Đức tiết độ điều hòa sức thu hút của khoái lạc theo giác quan và cân bằng việc sử dụng các sản vật trần gian. (1838)

MỤC LỤC

335.Các luân đức phát triển nhờ việc học hỏi, nhờ các tác hành tự nguyện và nhờ kiên trì chiến đấu. Chúng được ơn Chúa thanh tẩy và thăng hóa. (1839)

336.Các thần đức giúp cho người Kitô hữu sống liên kết với Chúa Ba Ngôi. Các thần đức lấy Thiên Chúa làm nguồn gốc, động lực và đối tượng, một Thiên Chúa được nhận biết bởi đức tin, được trông cậy và yêu mến vì chính bản thân Ngài. (1840)

337.Có ba thần đức là đức tin, đức cậy và đức mến (xem Thư Một gửi giáo đoàn Côrintô 13:13). Các thần đức hướng dẫn tất cả mọi luân đức và làm cho các luân đức sống động. (1841)

338.Nhờ đức tin, chúng ta tin Thiên Chúa và tin tất cả những gì Ngài đã mạc khải cho chúng ta và là những gì Giáo Hội dạy chúng ta tin. (1842)

MỤC LỤC

339.Nhờ đức cậy, chúng ta ước mong và vững lòng tin tưởng nơi Thiên Chúa cho được sự sống trường sinh và được các ơn để lập công đáng thưởng. (1843)

340.Nhờ đức mến, chúng ta kính yêu Thiên Chúa trên hết mọi sự và vì Chúa thương yêu tha nhân như bản thân mình. Đức mến là “giây liên kết sự trọn lành” (Thư gửi giáo đoàn Cô lô sê 3:14) và làm nên tất cả mọi đức hạnh. (1844)

341.Bảy tặng ân của Chúa Thánh Thần được ban cho Kitô hữu là khôn ngoan, hiểu biết, lo liệu, sức mạnh, thông biết, đạo đức và kính sợ Chúa. (1845)

TỘI LỖI

342.“Thiên Chúa đã dồn tất cả mọi người vào việc bất phục tùng để Ngài có thể tỏ tình

MỤC LỤC

thương đối với tất cả mọi người” (Thư gửi giáo đoàn Rôma 11:32). (1870)

343.Tội lỗi là nói năng, hành động hay ước muốn nghịch lại với lề luật vĩnh cửu (Thánh Augustinô, *Faust* 22: PL 42, 418). Nó là một việc xúc phạm đến Thiên Chúa. Nó nổi lên chống lại Thiên Chúa bằng việc bất phục tùng ngược lại với việc phục tùng của Chúa Kitô. (1871)

344.Tội lỗi là một hành động nghịch lại với trí khôn. Nó đả thương bản tính con người và gây tổn hại cho tình đoàn kết nhân loại. (1872)

345.Nguồn gốc của tất cả mọi tội lỗi phát xuất từ lòng trí con người. Các loại tội và mức độ nặng nhẹ của tội chính yếu là ở đối tượng của tội. (1873)

MỤC LỤC

346. Việc tự ý chọn, tức là việc vừa ý thức được lại vừa muốn chọn, một điều gì nghịch lại một cách trầm trọng với lẽ luật thần linh cũng như với cùng đích tối hậu của con người là phạm tội trọng. Tội trọng hủy đi nơi chúng ta đức mến cần thiết cho được hưởng hạnh phúc trường sinh. Nếu không thống hối, tội trọng sẽ mang con người đến sự chết đời đời. (1874)

347. Tội nhẹ là tội tạo nên tình trạng lệch lạc về luân lý, một tình trạng có thể được đức ái vẫn còn ở trong chúng ta đền bù. (1875)

348. Việc tái phạm tội, dù là tội nhẹ, sinh ra các tính mê nết xấu, gồm có cả các mối tội đầu. (1876)

b. CỘNG ĐỒNG CON NGƯỜI

CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI

349. Giữa mỗi hiệp nhất nơi các ngôi vị thần linh với tình huynh đệ mà con người phải thiết lập với nhau có một sự tương tự nào đó. (1890)

350. Con người cần sống trong xã hội để phát triển cho phù hợp với bản tính của mình. Có một số tổ chức, như gia đình và làng nước, trực tiếp am hợp với bản tính của con người hơn. (1891)

351. “Con người là và phải là nguyên lý, là chủ thể và là đối tượng của mọi tổ chức xã hội” (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*: 25.1). (1892)

352. Phải khuyến khích việc tham dự rộng rãi vào các hiệp hội và các cơ chế được chọn cử. (1893)

MỤC LỤC

353.Theo nguyên tắc có tính cách hỗ trợ, thì dù chính phủ hay bất cứ tổ chức cỡ lớn nào cũng không thể thay thế được sáng kiến cùng trách nhiệm của cá nhân và của các cơ cấu trung gian. (1894)

354.Xã hội phải cố võ chứ không được cản trở việc thực thi đức hạnh. Việc thực thi đức hạnh phải được sinh động theo cấp trật giá trị chính đáng. (1895)

355.Cần phải kêu gọi hoán cải lòng trí và cầu ơn Thiên Chúa khi nào tội lỗi làm đồi bại bầu khí xã hội. Đức ái thúc đẩy thực hiện các việc canh tân chính đáng. Ngoài Phúc Âm ra không thể nào giải quyết được vấn nạn xã hội (xem *Thông Điệp Bách Niên*: 3, 5). (1896)

VIỆC DỰ PHẦN VÀO ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

356.“Mọi quyền bính đều do Thiên Chúa, và Ngài đã thiết lập các quyền hành này” (Thư gửi giáo đoàn Rôma 13:1). (1918)

357.Để tồn tại và phát triển, mọi cộng đồng con người đều phải có quyền bính. (1919)

358.“Cộng đồng chính trị và công quyền được bắt nguồn từ bản tính con người, bởi thế chúng thuộc về trật tự được Thiên Chúa thiết định” (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*: 74.3). (1920)

359.Quyền bính được hành sử hợp pháp khi nó nhắm đến công ích của xã hội. Để đạt được điều này, nó phải sử dụng đến phương tiện luân lý thích đáng. (1921)

360.Tính cách đa dạng của các thể chế chính trị là hợp lý, nếu chúng đóng góp vào công ích của cộng đồng. (1922)

MỤC LỤC

361. Quyền bính chính trị phải được hành sử trong giới hạn lãnh vực luân lý và phải tạo điều kiện cho việc hành sử tự do. (1923)

362. Công ích là những gì bao gồm “toàn thể các điều kiện xã hội giúp cho các nhóm hay các cá nhân đạt được mức viên trồn của mình hoàn toàn hơn và dễ dàng hơn” (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*: 26.1). (1924)

363. Công ích gồm có ba yếu tố chính yếu, đó là việc tôn trọng và ủng hộ các quyền lợi căn bản của con người; mức thịnh vượng hay việc phát triển các lợi lộc của xã hội về tinh thần cũng như thể chất; nền hòa bình và an ninh của nhóm người cũng như của các phần tử nhóm. (1925)

364. Phạm vị của con người bao hàm việc mưu cầu công ích. Mọi người phải quan tâm đến việc kiến tạo và nâng đỡ các tổ chức

MỤC LỤC

trong việc cải tiến điều kiện sống của con người. (1926)

365.Vai trò của chính phủ là để bảo vệ và đề cao công ích cho xã hội dân sự. Công ích của toàn thể gia đình nhân loại cần đến một tổ chức xã hội có tầm vóc quốc tế. (1927)

ĐỨC CÔNG BẰNG XÃ HỘI

366.Xã hội thực hiện việc bảo toàn đức công bình xã hội, ở chỗ tạo cơ hội cho các hội đoàn và cá nhân đạt được những gì xứng hợp với họ. (1943)

367.Việc tôn trọng con người là việc coi tha nhân như một “bản thân khác của mình”. Việc này đòi phải tôn trọng các quyền lợi căn bản phát xuất từ phẩm vị nội tại của con người. (1944)

MỤC LỤC

368. Việc bình đẳng giữa con người liên hệ đến phẩm vị làm người và các quyền lợi làm người. (1945)

369. Những cái khác giữa con người với nhau là những gì thuộc về dự án của Thiên Chúa, Đấng muốn chúng ta cần phải có nhau. Những cái khác này phải khơi lên đức bác ái đối với nhau. (1946)

370. Phẩm vị bình đẳng giữa con người với nhau đòi phải nỗ lực để làm giảm thiểu mức chênh lệch quá độ về kinh tế cũng như xã hội. Nó thôi thúc việc loại trừ đi mức chênh lệch có tính cách vi phạm. (1947)

371. Tình đoàn kết là một đức hạnh Kitô Giáo cao quý. Nó thực hiện việc chia sẻ các lợi ích thiêng liêng hơn cả các lợi ích vật chất. (1948)

c. VIỆC CỨU ĐỘ THIÊN CHÚA: LỀ LUẬT VÀ ÂN SỦNG

LUẬT LUÂN LÝ

372.Theo Thánh Kinh, Lề Luật là huấn dụ của Thiên Chúa theo lòng thân phụ của mình để chỉ vẽ cho con người đường lối dẫn đến phúc lộc hứa hẹn, cũng như để ngăn cấm những đường lối gian ác. (1975)

373.“Lề luật là chỉ thị của trí khôn vì lợi ích chung, được công bố bởi thành phần hữu trách của cộng đồng” (Thánh Tôma Aquinas, *Tổng Luận Thần Học*, I-II, 90, 4). (1976)

374.Chúa Kitô là cùng đích của lề luật (xem Thư gửi giáo đoàn Rôma 10:4); chỉ có một mình Người mới là Đấng giảng dạy và ban phát sự công chính của Thiên Chúa. (1977)

375.Luật tự nhiên là việc con người được dựng nên theo hình ảnh Tạo Hóa tham dự

MỤC LỤC

vào sự khôn ngoan và thiện hảo của Ngài. Nó nói lên phẩm vị của con người và làm nền tảng cho các quyền lợi cũng như nhiệm vụ của họ. (1978)

376.Luật tự nhiên là luật bất biến, tồn tại qua giòng lịch sử. Các qui định phác họa luật tự nhiên này có một giá trị thực sự. Nó là nền tảng cần thiết cho việc thiết lập các qui định luân lý và luật dân sự. (1979)

377.Lề Luật Cựu Ước là giai đoạn đầu của lề luật mạc khải. Các qui định về luân lý của Lề Luật Cựu Ước này được tóm lại trong Mười Giới Răn. (1980)

378.Lề Luật Moisen chất chứa nhiều sự thật mà trí khôn tự nhiên cũng có thể hiểu được. Thiên Chúa đã mạc khải các sự thật này ra, vì con người không đọc thấy chúng trong tâm trí của họ. (1981)

MỤC LỤC

379. Luật Cũ là luật dọn đường cho Phúc Âm.
(1982)

380. Luật Mới là ân sủng của Chúa Thánh Thần, được đức tin lãnh nhận trong Chúa Kitô khi lấy đức ái mà thực thi. Luật Mới được diễn tả trước hết nơi Bài Chúa Giảng Trên Núi và dùng các bí tích để thông đạt ân sủng cho chúng ta. (1983)

381. Lễ Luật Phúc Âm làm trọn, vượt trên và hoàn hảo hóa Luật Cũ: những lời hứa của Luật Cũ được làm trọn, vượt trên và hoàn hảo hóa bởi các Phúc Lộc của Nước Trời; các giới răn của Luật Cũ được làm trọn, trỗi vượt và hoàn hảo bởi việc canh tân tâm trí là nguồn gốc của các việc con người làm. (1984)

382. Luật Mới là một thứ luật yêu thương, một thứ luật ân sủng, một thứ luật tự do. (1985)

MỤC LỤC

383.Ngoài những huấn lệnh của mình, Luật Mới còn bao gồm cả các lời khuyên của phúc âm nữa. “Sự thánh thiện của Giáo Hội được bảo dưỡng một cách đặc biệt bằng nhiều lời khuyên Chúa đề ra cho các môn đệ của mình trong Phúc Âm” (*Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân*: 42.2). (1986)

ÂN SÙNG VÀ SỰ CÔNG CHÍNH

384.Ân sùng của Chúa Thánh Thần ban xuống trên chúng ta sự công chính của Thiên Chúa. Thần Linh làm cho chúng ta trở thành người thông hưởng sự sống của Chúa Kitô khi hiệp nhất chúng ta bằng đức tin và bằng Phép Rửa trong cuộc Tử Nạn và Phục Sinh của Người. (2017)

385.Như việc cải thiện đời sống, sự công chính cũng có hai phương diện. Được ân sùng tác động, con người hướng về Thiên

MỤC LỤC

Chúa và lìa xa tội lỗi, nhờ đó họ được ơn thứ tha và chính trực từ trời. (2018)

386.Sự công chính bao gồm việc xá tội, thánh hóa và canh tân con người nội tại. (2019)

387.Sự công chính có là do cuộc Tử Nạn của Chúa Kitô lập được cho chúng ta. Sự công chính này làm cho chúng ta phù hợp với sự chính trực của Thiên Chúa là Đấng công chính hóa chúng ta. Mục tiêu của sự sống chính này là vinh quang của Thiên Chúa và của Chúa Kitô, cùng với ơn được sự sống trường sinh. Sự công chính là công việc tuyệt vời nhất của tình thương Thiên Chúa. (2020)

388.Ân sủng là việc Thiên Chúa trợ giúp chúng ta để chúng ta đáp lại ơn gọi của mình trong việc trở nên nghĩa tử của Ngài. Ân sủng dẫn chúng ta vào thâm cung của sự sống Chúa Ba Ngôi. (2021)

MỤC LỤC

389.Trong công cuộc của ân sủng, việc khơi động của Thiên Chúa mở đường, sửa soạn và kêu gọi phản ứng tự do của con người. Ân sủng đáp ứng những khát vọng sâu xa nhất của tự do con người, mời gọi tự do hợp tác với mình và làm cho tự do nên hoàn hảo. (2022)

390.Thánh sủng là tặng ân nhưng không Thiên Chúa ban sự sống của Ngài cho chúng ta; ơn này được Chúa Thánh Thần phú bẩm vào linh hồn để chữa lành linh hồn cho khỏi tội lỗi cũng như để thánh hóa nó. (2023)

391.Thánh sủng làm cho chúng ta “đẹp lòng Thiên Chúa”. Đoàn sủng là các ơn đặc biệt của Chúa Thánh Thần hướng đến ơn thánh hóa và nhắm đến công ích của Giáo Hội. Thiên Chúa cũng tác động bằng nhiều hiện sủng là các ân sủng khác với thường sủng hằng ở trong chúng ta. (2024)

MỤC LỤC

392.Chúng ta có thể lập công trước mặt Thiên Chúa chỉ vì ý định tự do của Thiên Chúa cho con người hợp tác với công cuộc ân sủng của Ngài. Công nghiệp trước hết được qui về ân sủng của Thiên Chúa, sau đó mới tới việc cộng tác của con người. Công nghiệp của con người là do Thiên Chúa. (2025)

393.Ân sủng của Chúa Thánh Thần có thể ban cho chúng ta một công nghiệp thực sự, nhờ ơn chúng ta được làm nghĩa tử, cũng phù hợp với đức công chính nhưng không của Thiên Chúa. Đức ái là nguồn mạch chính yếu của công nghiệp nơi chúng ta trước Thiên Chúa. (2026)

394.Không ai có thể lập được ân sủng đầu tiên vào lúc bắt đầu trở lại. Được Chúa Thánh Thần tác động, chúng ta có thể lập công cho chính mình cũng như cho các người khác tất cả mọi ân sủng cần thiết để được sự sống

MỤC LỤC

trường sinh, cũng như cần thiết cho các lợi ích ở đời này. (2027)

395. “Tất cả mọi Kitô hữu được kêu gọi tiến tới mức trọn vẹn của đời sống Kitô hữu và tới mức trọn hảo của đức ái” (*Hiển Chế Ánh Sáng Muôn Dân*: 40.2). “Sự trọn lành Kitô Giáo chỉ có một giới hạn đó là vô giới hạn” (Thánh Grêgôriô Nyssa, *De Vita Mos.*: PG 44, 300D). (2028)

396. “Nếu ai muốn theo Thầy thì hãy chối bỏ chính mình và hãy vác thập giá mình mà theo Thầy” (Phúc Âm Thánh Mathêu 16:24). (2029)

GIÁO HỘI LÀ MẸ VÀ LÀ THẦY

397. Đời sống luân lý là việc tôn thờ thiêng liêng. Hoạt động của Kitô hữu được nuôi dưỡng trong phụng vụ và việc cử hành các bí tích. (2047)

MỤC LỤC

398.Các giới răn của Giáo Hội liên quan đến đời sống luân lý và đời sống Kitô Giáo được liên kết với phụng vụ và được phụng vụ nuôi dưỡng. (2048)

399.Huấn Quyền của các vị Mục Tử trong Giáo Hội noi những vấn đề đơn giản thường được thi hành qua giáo lý và việc giảng dạy, dựa vào Thập Giới là những gì nói lên các nguyên tắc của đời sống luân lý có hiệu lực đối với mọi người. (2049)

400.Là những bậc thầy chuyên chính, Giáo Hoàng Rôma và các vị giám mục giảng dạy cho Dân Chúa đức tin phải được tin tưởng cũng như phải được áp dụng vào đời sống luân lý. Các vị còn có phận sự phải loan truyền các vấn đề luân lý thuộc lãnh vực luật tự nhiên và lý trí nữa. (2050)

401.Ơn vô ngộ noi Huấn Quyền của các vị Mục Tử bao gồm tất cả các yếu tố giáo lý, kể

MỤC LỤC

cả giáo lý về luân lý mà nếu không có những giáo lý về luân lý này thì các chân lý cứu độ của đức tin không thể được bảo trì, quảng bá hay tuân giữ. (2051)

2. MUỖI ĐIỀU RĂN CHÚA

402. “Tôi phải làm việc lành nào để được sự sống trường sinh?” – “Nếu anh muốn được hưởng sự sống thì hãy giữ các giới răn?” (Phúc Âm Thánh Mathêu 19:16-17). (2075)

403. Bằng đời sống và việc giảng dạy của mình, Chúa Giêsu đã chứng thực hiệu năng vĩnh tại của Thập Giới. (2076)

404. Tặng ân Thập Giới Thiên Chúa ban có liên hệ nội tại với giao ước được Ngài đúc kết cho dân của Ngài. Các giới răn của Thiên Chúa mặc lấy ý nghĩa đích thực của mình trong giao ước này và nhờ giao ước này. (2077)

405. Trung thành với Thánh Kinh và bắt chước gương Chúa Giêsu, Truyền Thống Giáo Hội đã luôn luôn công nhận tầm mức quan trọng và ý nghĩa khai nguyên của bản Thập Giới. (2078)

MỤC LỤC

406.Bản Thập Giới làm nên một kết cấu chặt chẽ, trong đó, mỗi “lời” hay mỗi “giới răn” đều có liên hệ với nhau. Vi phạm một giới răn là phạm đến toàn bộ Lễ Luật (xem Thư Thánh Giacôbê 2:10-11). (2079)

407.Bản Thập Giới có nét đặc sắc của lễ luật tự nhiên. Chúng ta biết được Bản Thập Giới này nhờ mạc khải thần linh cũng như nhờ trí khôn của chúng ta. (2080)

408.Theo nội dung nồng cốt của mình, Mười Điều Răn nói lên những điều buộc hệ trọng. Tuy nhiên, việc tuân giữ các giới luật này cũng bao gồm cả những điều buộc mà theo hình thức tự nó là nhẹ nữa. (2081)

409.Những gì Thiên Chúa truyền giữ thì Ngài ban ơn khả thủ. (2082)

a. “CÁC NGƯỜI PHẢI KÍNH MẾN THIÊN CHÚA...”

GIỚI RĂN THỨ NHẤT

410. “Các người phải kính mến Chúa là Thiên Chúa của các người hết lòng, hết linh hồn và hết sức mình” (Sách Nhị Luật 6:5). **(2133)**

411. Giới răn thứ nhất mời gọi con người tin tưởng Thiên Chúa, cậy trông nơi Ngài và kính mến Ngài trên hết mọi sự. **(2134)**

412. “Các người phải thờ phượng Chúa là Thiên Chúa của các người” (Mt.4:10). Tôn thờ Thiên Chúa, cầu xin Ngài, dâng kính Ngài việc thờ phượng xứng với Ngài, giữ trọn các lời thề hứa và khấn hứa với Ngài, là các tác động của đức thờ phượng là các tác động thuộc về việc tuân giữ giới răn thứ nhất. **(2135)**

413. Phận sự dâng kính Thiên Chúa việc thờ phượng đích thực có liên quan đến con người với tư cách là một hữu thể cá biệt và là một hữu thể xã hội. (2136)

414. “Con người hôm nay muốn tự do tuyên xưng niềm tin của mình cách tự riêng cũng như công khai” (*Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo*, đoạn 15). (2137)

415. Mê tín dị đoan là việc sai quấy trong vấn đề thờ phượng mà chúng ta phải qui về cho Thiên Chúa chân thật. Mê tín dị đoan được biểu lộ nơi việc tôn thờ ngẫu tượng cũng như nơi các hình thức bói toán và tà thuật khác nhau. (2138)

416. Thử thách Thiên Chúa bằng lời nói hay việc làm, cùng việc phạm thánh và mại thánh, là những tội nghịch đức thờ phượng bị giới răn thứ nhất cấm đoán. (2139)

MỤC LỤC

417.Vô thần là tội phạm đến giới răn thứ nhất, vì nó phủ nhận hay chối bỏ việc hiện hữu của Thiên Chúa. (2140)

418.Việc tôn kính các ảnh tượng thánh được căn cứ vào mầu nhiệm Lời Thiên Chúa Nhập Thể. Việc này không nghịch với giới răn thứ nhất. (2141)

GIỚI RĂN THỨ HAI

419.“Ôi Chúa là Thiên Chúa của chúng tôi, danh Ngài uy nghi cao cả biết bao trên khắp vũ trụ” (Thánh Vịnh 8:1)! (2160)

420.Giới răn thứ hai truyền phải kính trọng danh Chúa. Danh Chúa là danh thánh. (2161)

421.Giới răn thứ hai cấm hết mọi việc sử dụng danh Thiên Chúa một cách bất xứng. Lộng ngôn là việc sử dụng danh của Thiên

MỤC LỤC

Chúa, của Chúa Giêsu Kitô, của Trinh Nữ Maria và của các thánh một cách phạm thượng. (2162)

422. Thề gian là việc lấy danh Thiên Chúa để làm chứng dối. Bội ước là một vi phạm nặng nề nghịch với Chúa, Đấng bao giờ cũng trung thành với các lời hứa của mình. (2163)

423. “Đừng lấy Thiên Chúa hay tạo vật nào mà thề nguyện, trừ khi cần thiết thực sự và thề với lòng trọng kính” (Thánh Ignatiô Loyôla, *Linh Thao*, 38). (2164)

424. Khi chịu Phép Rửa Tội, người Kitô hữu đã lãnh nhận tên gọi của mình ở trong Giáo Hội. Cha mẹ, người đỡ đầu và các vị mục tử phải lo cho họ có một tên gọi Kitô Giáo. Thánh quan thầy là vị làm gương sống đức ái và khiến họ vững tâm cầu nguyện. (2165)

MỤC LỤC

425.Kitô hữu bắt đầu việc cầu nguyện và các hoạt động bằng Dấu Thánh Giá: “nhân danh Cha và Con và Thánh Thần. Amen” (2166)

426.Thiên Chúa gọi đích danh mỗi một người (xem Tiên Tri Isaia 43:1). (2167)

GIỚI RĂN THỨ BA

427.“Hãy giữ ngày hưu lễ, làm cho ngày này thánh hảo” (Sách Nhị Luật 5:12). “Ngày thứ bảy là một ngày lễ hoàn toàn nghỉ ngơi, ngày thánh giành cho Thiên Chúa” (Sách Xuất Hành 31:15). (2189)

428.Ngày hưu lễ, ngày biểu hiệu cho việc hoàn tất cuộc tạo thành đầu tiên, đã được thay thế bằng Chúa Nhật là ngày gọi lại cuộc tân tạo mở màn từ cuộc Phục Sinh của Chúa Kitô. (2190)

MỤC LỤC

429. Giáo Hội cử hành ngày Phục Sinh của Chúa Kitô vào “ngày thứ tám” là Chúa Nhật, ngày đáng gọi là Ngày của Chúa. (xem Hiến Chế Phụng Vụ Thánh, đoạn 106). **(2191)**

430. “Phải giữ Chúa Nhật như một ngày lễ buộc chính trong Giáo Hội” (Giáo Luật, khoản 1246.1). “Tín hữu phải tham dự Thánh Lễ vào các Chúa Nhật và các ngày lễ buộc” (Giáo Luật, khoản 1247). **(2192)**

431. “Vào các Chúa Nhật và các ngày lễ buộc, tín hữu phải kiêng các việc lao động cũng như các bận bịu buôn bán làm ngăn trở việc thờ phượng đối với Thiên Chúa, với việc vui hưởng xứng đáng Ngày của Chúa, hay với việc nghỉ ngơi thích đáng cho cả tâm hồn lẫn thể xác” (Giáo Luật, khoản 1247). **(2193)**

432. Việc lập nên Chúa Nhật là để giúp cho tất cả mọi người “được đầy đủ nghỉ ngơi và khuây khỏa lo việc trau dồi đời sống gia đình,

MỤC LỤC

văn hóa, xã hội và tôn giáo” (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*: 67.3). (2194)

433. Mọi người Kitô hữu phải tránh tạo nên cho nhau những đòi hỏi không cần thiết, làm ngăn trở họ trong việc giữ Ngày của Chúa. (2195)

b. “CÁC NGƯỜI PHẢI YÊU THƯƠNG THA NHÂN...”

GIỚI RĂN THỨ BỐN

434. “Hãy tôn kính thân phụ và thân mẫu của các người” (Sách Nhị Luật 5:16; Phúc Âm Thánh Marcô 7:10). (2247)

435. Theo giới răn thứ bốn, Thiên Chúa muốn rằng, sau Ngài, chúng ta phải tôn kính cha mẹ của chúng ta và những vị có thẩm quyền lo đến lợi ích của chúng ta. (2248)

436. Cộng đồng phu thê được thiết lập trên giao ước và ưng thuận của đôi hôn thê. Hôn nhân và gia đình hướng đến lợi ích của đôi hôn thê, đến việc truyền sinh và giáo dục con cái. (2249)

437. “Tình trạng an sinh của cá nhân cũng như của cả xã hội loài người và Kitô Giáo gắn liền với tình trạng lành mạnh của đời sống phu

MỤC LỤC

thê và gia đình” (Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng: 47.1). (2250)

438.Con cái phải kính trọng cha mẹ của mình, phải biết ơn, vâng lời cách chính đáng và giúp đỡ các vị. Việc con cái kính trọng cha mẹ mình làm duy trì hòa khí cho mọi sinh hoạt trong gia đình. (2251)

439.Trách nhiệm trước hết của cha mẹ là giáo dục con cái mình sống đức tin, cầu nguyện và thực hành tất cả mọi nhân đức. Các vị có phận sự phải cung cấp đầy đủ các nhu cầu về thể lý cũng như tâm linh cho con cái mình bao nhiêu có thể. (2252)

440.Cha mẹ phải tôn trọng và khuyến khích ơn gọi nơi con cái của mình. Họ phải nhớ và dạy cho chúng biết rằng ơn gọi căn bản của Kitô hữu là theo Chúa Giêsu. (2253)

MỤC LỤC

441.Công quyền phải tôn trọng những quyền lợi căn bản của con người và những điều kiện trong việc hành sử tự do của con người. (2254)

442.Phận sự của người công dân là cộng tác với chính quyền để xây dựng xã hội trong tinh thần của sự thật, công lý, kết đoàn và tự do. (2255)

443.Theo lương tâm, người công dân không buộc phải theo các chỉ thị của chính quyền, khi những chỉ thị này nghịch lại với các đòi hỏi thuộc lãnh vực luân lý. “Chúng tôi phải vâng phục Thiên Chúa hơn vâng phục con người” (Tông Vụ 5:29). (2256)

444.Mọi phán quyết và việc làm của xã hội phải phản ánh nhãn quan về con người và về định mệnh của họ. Không được ánh sáng Phúc Âm soi dẫn về Thiên Chúa và về con người, các tổ chức xã hội sẽ dễ trở thành độc tài. (2257)

GIỚI RĂN THỨ NĂM

445. “Thiên Chúa giữ trong tay hồn sống của mọi sinh vật và hơi thở của mọi xác thể con người” (Sách Ông Gióp 12:10). (2318)

446. Sự sống con người linh thánh từ lúc thụ thai cho tới khi chết, bởi chính vì nhân vị của mình, con người đã được dựng nên theo hình ảnh và giống như Thiên Chúa hằng sống và thánh hảo. (2319)

447. Kẻ giết hại một con người là trọng phạm đến phẩm vị của con người cùng sự thánh thiện của Đấng Tạo Hóa. (2320)

448. Việc cấm giết người không hủy bỏ quyền ban cho một kẻ vũ phu bất chính mất đi khả năng hãm hại. Việc tự vệ chính đáng là một phận sự nghiêm trọng của người có trách nhiệm đối với sự sống của người khác hay đối với công ích. (2321)

MỤC LỤC

449.Đứa nhỏ có quyền sống ngay từ lúc được thụ thai. Việc trực tiếp phá thai, tức lấy việc phá thai như một mục tiêu hay như một phương tiện, là “một tội ác” (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*: 27.3), trọng phạm đến luật luân lý. Giáo Hội ra vạ tuyệt thông cho thứ tội ác phạm đến sự sống con người này. (2322)

450.Vì phải được đối xử như là một con người ngay từ lúc được thụ thai mà bào thai cần phải được bảo vệ nguyên vẹn, phải được chăm sóc và phải được chữa trị lành mạnh như mọi người khác. (2323)

451.Bất cứ dưới hình thức nào hay bởi lý do gì đi nữa thì việc cố ý làm cho chết cách êm dịu cũng là việc sát nhân. Nó trọng phạm đến phẩm vị con người và đến lòng trọng kính phải có với Thiên Chúa hằng sống là Tạo Hóa của con người. (2324)

MỤC LỤC

452. Việc tự sát trọng phạm đến đức công bằng, đến đức cậy trông và đến đức ái. Giới răn thứ năm cấm việc tự sát này. (2325)

453. Làm gương mù là một vi phạm nặng nề, ở chỗ chủ tâm làm cho người khác phạm tội khi mình làm hay bỏ không làm một điều gì đó. (2326)

454. Vì các sự dữ và bất công do mọi cuộc chiến tranh gây ra mà chúng ta phải làm mọi cách hợp pháp trong tầm tay của mình để ngăn ngừa nó. Giáo Hội nguyện cầu: “Ôi Chúa, xin giải cứu chúng con khỏi đói khát, ôn dịch và chiến tranh”. (2327)

455. Giáo Hội và trí khôn con người chủ trương tính cách vĩnh viễn hiệu lực của luật luân lý nơi các cuộc xung đột bằng võ lực. Các việc làm chủ ý ngược lại với luật lệ của

MỤC LỤC

dân gian và với các nguyên tắc phổ quát của luật lệ này đều là tội ác. (2328)

456. “Việc thi đua võ trang là một trong những bất hạnh lớn nhất đối với nhân loại, và tai họa nó gây ra cho thành phần nghèo khó lại càng không thể nào chấp nhận được” (*Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng*: 81.3). (2329)

457. “Phúc cho những ai kiến tạo hòa bình, vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa” (Phúc Âm Thánh Mathêu 5:9). (2330)

GIỚI RÀN THỨ SÁU

458. “Tình yêu là ơn gọi căn bản và bẩm sinh của mọi người” (*Tông Huấn Familiaris Consortio*, đoạn 11). (2392)

459. Bằng việc dựng nên con người có nam có nữ, Thiên Chúa ban phẩm vị con người một

MỤC LỤC

cách bình đẳng cho cả nam lẫn nữ. Mỗi phái, nam nhân cũng như nữ giới, phải chân nhận và chấp nhận phái tính cá biệt của mình. (2393)

460.Chúa Kitô là gương mẫu khiết tịnh. Mọi người lãnh nhận phép rửa được kêu gọi sống đời khiết tịnh, mỗi người tùy theo bậc sống riêng của mình. (2394)

461.Khiết tịnh nghĩa là sự toàn vẹn về tính dục nơi con người. Nó đòi phải được luyện tập trong việc làm chủ bản thân mình. (2395)

462.Trong các trọng tội phạm đến đức khiết tịnh là tội thủ dâm, tội tà dâm, tội phổ biến khiêu dâm và các việc đồng tính luyến ái. (2396)

463.Giao ước do đôi hôn phối tự nguyện thề hứa với nhau đòi phải có một tình yêu thủy

MỤC LỤC

chung. Nó buộc họ phải sống đời hôn nhân bất khả phân ly. (2397)

464.Sinh sản là một việc lành, một tặng ân và là mục đích của hôn nhân. Bằng việc truyền sinh, hai vợ chồng tham dự vào vai trò làm cha của Thiên Chúa. (2398)

465.Việc điều hòa sinh sản nói lên một trong những khía cạnh của vai trò làm cha mẹ theo trách nhiệm. Những ý hướng chính đáng về phía vợ chồng không thể biện minh cho việc sử dụng các phương tiện theo luân lý không thể chấp nhận được (chẳng hạn như việc trực tiếp tuyệt sản hay ngừa thai). (2399)

466.Ngoại tình, ly dị, đa thê và hoang hôn là những vi phạm nặng nề đến phẩm giá hôn nhân. (2400)

GIỚI RĂN THỨ BẢY

467. “Các người không được trộm cắp” (Sách Xuất Hành 20:15; Sách Nhị Luật 5:19). “Không một kẻ trộm cắp, tham lam... cướp bóc nào sẽ được thừa hưởng vương quốc Thiên Chúa” (Thư Một gửi giáo đoàn Côrintô 6:10). (2450)

468. Giới răn thứ bảy truyền thực hành đức công bình và bác ái trong việc quản thủ các sản vật đời này cũng như những công quả của con người. (2451)

469. Các sản vật thiên nhiên là để cho toàn thể nhân loại. Quyền tư hữu không hủy bỏ mục đích chung của các sản vật. (2452)

470. Giới răn thứ bảy cấm trộm cắp. Trộm cắp là việc chiếm lấy sản vật của nhau trái với ý muốn chính đáng của sở hữu chủ. (2453)

MỤC LỤC

471.Mọi cách thức lấy hay dùng của cải người khác một cách bất chính đều phạm đến giới răn thứ bảy. Người lỗi đức công bằng buộc phải đền trả. Đức công bằng tương giao đòi phải hoàn lại các đồ vật bị lấy trộm. (2454)

472.Luật luân lý cấm các hành động, vì mục đích buôn bán hay độc tài, khiến con người bị làm nô lệ, hay bị mua, bán hoặc đổi chác như một món hàng. (2455)

473.Quyền Thiên Chúa ban cho con người thống trị trên các nguồn khoáng vật, thực vật và động vật trong vũ trụ này không tách biệt với trách nhiệm luân lý buộc họ phải tôn trọng chúng, kể cả trách nhiệm đối với các thế hệ mai sau. (2456)

474.Loài thú được trao cho con người quản trị; họ phải tỏ ra nhân lành đối với chúng. Con người được phép dùng chúng để thỏa đáng nhu cầu của mình. (2457)

MỤC LỤC

475. Giáo Hội lên tiếng phân giải những vấn đề kinh tế và xã hội, khi các quyền lợi căn bản của con người hay phần rỗi của các linh hồn đòi hỏi. Giáo Hội quan tâm tới ích lợi chung về phương diện trần gian của con người, vì công ích này phải nhắm tới Sự Thiện tối thượng là cùng đích của chúng ta. (2458)

476. Con người là chính tác giả, là trọng tâm và là mục tiêu của toàn thể sinh hoạt kinh tế cũng như xã hội. Điểm cốt yếu của vấn đề xã hội là các sản vật được Thiên Chúa dựng nên cho mọi người phải thực sự đến tay mọi người, theo đức công bằng và với sự hỗ trợ của đức bác ái. (2459)

477. Giá trị nguyên khởi của lao công bắt nguồn từ chính con người là tác giả cũng là người hưởng lợi của việc mình làm ra. Nhờ lao công của mình, con người được tham phần vào công cuộc tạo dựng. Việc làm được

MỤC LỤC

liên kết với Chúa Kitô có một giá trị cứu chuộc. (2460)

478.Việc tiến bộ chính thực liên quan đến toàn diện con người. Nó liên quan đến việc làm cho con người tăng thêm khả năng đáp ứng ơn gọi của mình cũng là ơn gọi của Thiên Chúa (xem *Thông Điệp Bách Niên*, đoạn 29). (2461)

479.Việc làm phúc bố thí cho người nghèo là một chứng từ của đức bác ái huynh đệ: nó cũng là việc của đức công bằng làm cho Thiên Chúa hài lòng. (2462)

480.Trong muôn vàn con người không có bánh ăn, mái trọ hay nơi cư trú, chúng ta làm sao không thể nhận ra được Lazarô là người ăn xin nghèo khổ trong một bài dụ ngôn (xem Phúc Âm Thánh Luca 17:19-31)? Chúng ta làm sao lại không thể nghe thấy tiếng Chúa Giêsu nói: “Khi các người không làm điều ấy

MỤC LỤC

cho một trong những kẻ hèn mọn nhất này là các người không làm cho chính Ta” (Phúc Âm Thánh Mathêu 25:45)? (2463)

GIỚI RÀN THỨ TÁM

481. “Các người không được làm chứng dối hại đến tha nhân” (Sách Xuất Hành 20:16). Các người môn đệ của Chúa Kitô phải “mặc lấy con người mới được dựng nên giống Thiên Chúa trong công chính và thánh thiện chân thực” (Thư gửi giáo đoàn Êphêso 4:24). (2504)

482. Chân thật hay thành thực là nhân đức tỏ ra mình là người thật thà trong việc làm và thành thực trong lời nói, cùng cần phòng tránh lánh các việc trá trở, lừa đảo và giả hình. (2505)

MỤC LỤC

483.Kitô hữu không được “hỗ thẹn trong việc làm chứng cho Chúa” (Thư Hai gửi Timôthêu 1:8) bằng hành động và lời nói. Tử đạo là việc làm chứng cao cả nhất cho chân lý đức tin.

(2506)

484.Việc tôn trọng danh tiếng và danh dự của con người cấm tất cả mọi việc làm mất uy tín và vu khống bằng lời nói hay bằng thái độ.

(2507)

485.Nói dối là nói sai sự thật với chủ ý đánh lừa con người có quyền biết sự thật. (2508)

486.Phạm đến sự thật là việc buộc phải đền bù. (2509)

487.Trong trường hợp cụ thể, qui tắc yêu nhau như bản thân mình giúp người ta biết có nên tiết lộ sự thật cho người nào muốn biết nó hay không. (2510)

MỤC LỤC

488.“Ấn tòa giải tội bất khả tiết lộ” (Giáo Luật, khoản 983.1). Phải giữ kín các bí mật nhà nghề. Không được tiết lộ các điều riêng tư làm tổn hại đến nhau. (2511)

489.Xã hội có quyền thông tin theo sự thật, tự do và công bình. Người ta phải sử dụng phương tiện truyền thông xã hội một cách điều độ và nghiêm chỉnh. (2512)

490.Ảnh tượng nghệ thuật, nhất là nghệ thuật thánh, “tự bản chất của nó là để diễn đạt phần nào vẻ đẹp vô cùng của Thiên Chúa qua các việc do con người làm ra, cũng như để chúc tụng và tôn vinh Thiên Chúa trọn vẹn hơn nữa, khi nó thiết tha nhắm đến việc hướng tâm trí con người lên cùng Thiên Chúa (Hiến Chế Phụng Vụ Thánh, đoạn 122). (2513)

GIỚI RĂN THỨ CHÍN

491. “Ai nhìn phụ nữ theo nhục dục thì đã phạm tội ngoại tình với phụ nữ ấy trong lòng mình rồi” (Phúc Âm Thánh Mathêu 5:28). (2528)

492. Giới răn thứ chín cảnh giác ước muốn xác thịt hay đam mê nhục dục. (2529)

493. Việc chống trả ước muốn nhục dục đòi phải thanh tẩy lòng trí và thực hành tiết độ. (2530)

494. Lòng trí thanh sạch mới làm chúng ta được thấy Thiên Chúa: tức nó giúp chúng ta ngay lúc này đây thấy được các sự vật hợp với Thiên Chúa. (2531)

495. Cầu nguyện, thực hành đức khiết tịnh, giữ ý hướng và nhãn quan trong sạch cần thiết cho việc thanh tẩy lòng trí. (2532)

MỤC LỤC

496. Việc thanh sạch lòng trí đòi phải giữ nét na đức hạnh, tức là kiên trì, đoan trang và cẩn trọng. Giữ nét na đức hạnh là việc bảo trì nội tâm con người. (2533)

GIỚI RĂN THỨ MƯỜI

497. “Báu vật của các con ở đâu thì lòng trí của các con cũng ở đó” (Phúc Âm Thánh Mathêu 6:21). (2551)

498. Giới răn thứ mười cấm tham lam theo lòng đam mê muốn được giàu có và quyền lực bởi giàu có mà ra. (2552)

499. Ghen tị là buồn rầu khi thấy người khác có của và hết sức thèm khát muốn của họ là của mình. Ghen tị là một mối tội đầu. (2553)

500. Người đã lãnh nhận phép rửa tội chống trả lòng ghen tị bằng lòng nhân hậu, khiêm nhượng và phó thác cho Thiên Chúa quan phòng. (2554)

MỤC LỤC

501.Các tín hữu của Chúa Kitô “đã đóng đinh xác thịt cùng với các đam mê và ham muốn của nó vào thập giá” (Thư gửi giáo đoàn Galata 5:24); họ được Thần Linh dẫn dắt và chiều theo các ước muốn của Ngài. (2555)

502.Không dính bén với giàu sang phú quý là việc cần thiết để được vào Nước Trời. “Phúc cho ai nghèo khó trong tinh thần”. (2556)

503.“Tôi muốn được thấy Thiên Chúa” là điều nói lên ước vọng thực sự của con người. Niềm khát khao Thiên Chúa được thỏa nguyện nhờ nước trường sinh (xem Phúc Âm Thánh Gioan 4:14). (2557)

IV. KINH NGUYỆN KITÔ GIÁO

1. Việc Cầu Nguyện trong Đời Sống Kitô Giáo

a. MẠC KHẢI CỦA VIỆC CẦU NGUYỆN

TRONG CỰU ƯỚC

504. “Cầu nguyện là việc nâng trí khôn và tấm lòng lên cùng Thiên Chúa hay là việc kêu cầu Thiên Chúa những điều lành thánh” (Thánh Gioan Mamascênô, *De Fede Outh.* 3, 24: PG 94, 1089C). (2590)

505. Thiên Chúa không ngừng kêu gọi mỗi người đến với Ngài qua cuộc gặp gỡ huyền nhiệm này. Trải suốt giòng lịch sử cứu độ, cầu nguyện như là lời Thiên Chúa và con người gọi nhau. (2591)

506. Việc cầu nguyện của Abraham và của Giacóp tỏ ra cho thấy như là một trận chiến đức tin, được đánh dấu bằng một lòng tin

MỤC LỤC

tưởng nơi việc trung thành của Thiên Chúa, cũng như được đánh dấu bằng một lòng vững vàng là sẽ chiếm được phần thắng hứa hẹn cuối cùng. (2592)

507.Việc cầu nguyện của Moisen đáp lại việc Thiên Chúa hằng sống khởi công cứu độ dân của Ngài. Nó tiên báo việc chuyển cầu của vị trung gian duy nhất là Chúa Giêsu Kitô. (2593)

508.Việc cầu nguyện của Dân Chúa, dưới sự hướng dẫn của các vị chủ chăn, nhất là của Vua Đavít và của các tiên tri, đã vươn lên từ bóng của nơi Thiên Chúa hiện diện trên mặt đất là hòm bia và Đền Thờ. (2594)

509.Các vị tiên tri đã kêu gọi dân hoán cải cõi lòng, và trong khi nhiệt thành tìm kiếm nhan Thiên Chúa, như trường hợp tiên tri Êlia, các vị dâng lời chuyển cầu cho dân. (2595)

MỤC LỤC

510.Các Thánh Vịnh đã cấu tạo nên một tuyệt phẩm cầu nguyện trong Cựu Ước. Các Thánh Vịnh cho thấy hai tính chất bất khả phân ly là cá nhân và cộng đồng. Các Thánh Vịnh bao gồm tất cả mọi chiều kích lịch sử, nhắc lại các lời Thiên Chúa hứa đã được nên trọn và trông đợi việc Đấng Thiên Sai đến. (2596)

511.Được Chúa Kitô dùng để cầu nguyện và làm hoàn tất, các Thánh Vịnh trở thành một yếu tố chính yếu và thường xuyên của việc Giáo Hội cầu nguyện. Các Thánh Vịnh thích hợp với con người trong mọi cảnh sống và mọi thời gian. (2597)

TRONG THỜI GIAN VIÊN TRỌN

512.Việc cầu nguyện theo tình con cái của Chúa Giêsu là mô thức cầu nguyện hoàn hảo trong Tân Ước. Việc Chúa Giêsu cầu nguyện thường được thực hiện trong thanh vắng và

MỤC LỤC

âm thầm, có chất chứa một tấm lòng yêu mến gắn bó với ý muốn của Chúa Cha, dù phải chấp nhận Thập Giá, và cả một lòng tin tưởng sẽ được nhận lời. (2620)

513.Theo giáo huấn của mình, Chúa Giêsu đã dạy các môn đệ cầu nguyện bằng một tấm lòng thanh sạch, bằng một đức tin sống động và kiên trì, bằng một lòng bạo dạn với tình con cái. Người kêu gọi các vị hãy tỉnh thức và mời gọi các vị hãy nhân danh Người mà kêu xin cùng Thiên Chúa. Chính Chúa Giêsu Kitô cũng đáp lại các lời cầu xin cùng Người. (2621)

514.Qua tiếng Xin Vâng và ca vịnh Ngợi Khen, lời cầu nguyện của Trinh Nữ Maria có đặc tính quảng đại hiến toàn thân mình trong đức tin. (2622)

TRONG THỜI CỦA GIÁO HỘI

515. Chúa Thánh Thần là Đấng dậy dỗ Giáo Hội và nhắc lại cho Giáo Hội tất cả những gì Chúa Giêsu đã nói, cùng hướng dẫn Giáo Hội sống đời cầu nguyện, bằng cách gọi lên những cách diễn tả mới, theo cùng một thể thức cầu nguyện thường xuyên là chúc tụng, nguyện xin, chuyển cầu, tạ ơn và ngợi khen. (2644)

516. Vì Thiên Chúa chúc phúc cho tâm hồn con người nên nó mới có thể chúc tụng Đấng là nguồn mọi phúc lành. (2645)

517. Đối tượng của việc cầu nguyện xin ơn là được tha thứ, được Nước Trời và mọi nhu cầu đích thực. (2646)

518. Việc chuyển cầu nguyện xin hộ tặc tại việc xin ơn cho người khác. Việc cầu nguyện này

MỤC LỤC

không có giới hạn và bao gồm cả các kẻ thù nghịch. (2647)

519.Mọi niềm vui và nỗi khổ, mọi biến cố và nhu cầu đều có thể trở thành việc tạ ơn, một việc khi được thông phần vào việc tạ ơn của Chúa Kitô thì nó lan khắp cả đời sống con người: “Hãy tạ ơn trong mọi hoàn cảnh” (Thư Một gửi giáo đoàn Thessalônica 5:18). (2648)

520.Cầu nguyện ngợi khen là việc hoàn toàn vô tư dâng lên Thiên Chúa, chúc tụng Ngài và tôn vinh Ngài vì chính bản thân Ngài, hoàn toàn không phải tại những gì Ngài đã làm mà chỉ vì NGÀI LÀ. (2649)

b. TRUYỀN THÔNG CỦA VIỆC CẦU NGUYỆN

SUỐI NGUỒN CẦU NGUYỆN

521. Nhờ việc truyền đạt sinh động là Truyền Thông, Chúa Thánh Thần sống trong Giáo Hội là Đấng dậy dỗ con cái Chúa cầu nguyện. (2661)

522. Lời Chúa, phụng vụ của Giáo Hội và các thần đức tin, cậy, mến là các mạch nguồn cầu nguyện. (2662)

ĐƯỜNG LỐI CẦU NGUYỆN

523. Cầu nguyện chính yếu là thân thưa cùng Chúa Cha; cầu nguyện cũng có thể hướng về Chúa Giêsu, nhất là bằng việc kêu cầu danh thánh của Người: “Lạy Chúa Giêsu Kitô là Con Thiên Chúa và là Chúa, xin thương đến chúng tôi là kẻ tội lỗi” (2680)

MỤC LỤC

524. “Không ai có thể nói ‘Giêsu là Chúa’ mà không bởi Chúa Thánh Thần” (Thư Một gửi giáo đoàn Côrintô 12:3). Giáo Hội mời gọi chúng ta kêu cầu Chúa Thánh Thần như Thầy Dậy ở trong lòng chúng ta việc cầu nguyện Kitô Giáo. (2681)

525. Vì Maria là vị cộng tác đặc biệt với tác động của Chúa Thánh Thần, nên Giáo Hội thích cầu nguyện hiệp với Trinh Nữ Maria, thích cùng Mẹ ngợi khen Chúa những điều trọng đại Ngài đã làm cho Mẹ, cũng như thích phó dâng cho Mẹ các lời cầu xin và ca ngợi. (2682)

HƯỚNG VIÊN CẦU NGUYỆN

526. Khi cầu nguyện, Giáo Hội lữ hành liên kết với các thánh ở trên trời để xin các ngài chuyên cầu cho mình. (2692)

MỤC LỤC

527.Các trường phái linh đạo Kitô Giáo khác nhau đều dự phần vào truyền thống sinh động của việc cầu nguyện và là những hướng dẫn quý báu cho đời sống thiêng liêng. (2693)

528.Gia đình Kitô hữu là nơi đầu tiên để dạy cho biết cầu nguyện. (2694)

529.Các vị thừa tác viên có chức thánh, cuộc đời tận hiến, việc dạy giáo lý, các nhóm cầu nguyện và việc “linh hướng” chắc chắn giúp vào việc thực hành cầu nguyện trong Giáo Hội. (2695)

530.Địa điểm thích hợp nhất để cầu nguyện là các nơi cầu nguyện tư riêng hay trong gia đình, các đan viện, các nơi hành hương, nhất là ở tất cả mọi nhà thờ, nơi xứng hợp cho kinh nguyện phụng vụ của cộng đồng giáo xứ và là nơi đặc biệt cho việc tôn thờ Thánh Thể. (2696)

c. ĐỜI SỐNG CẦU NGUYỆN

THỂ HIỆN VIỆC CẦU NGUYỆN

531. Giáo Hội mời gọi tín hữu hãy cầu nguyện bình thường: bằng kinh nguyện hằng ngày, Phụng Vụ Giờ Kinh, Thánh Lễ Chúa Nhật và các ngày lễ theo phụng niên. (2720)

532. Truyền thống Kitô Giáo dung hợp ba thể thức chính của sinh hoạt cầu nguyện là khẩu nguyện, suy nguyện và chiêm nguyện. Ba thể thức này đều gặp nhau nơi việc tâm hồn phản tỉnh. (2721)

533. Bởi thân xác và linh hồn hợp nhất với nhau trong cùng một nhân tính, mà khẩu nguyện là việc liên kết thân xác với tâm nguyện của cõi lòng, bắt chước gương Chúa Kitô cầu nguyện cùng Cha Người và cũng đã dạy các môn đệ đọc Kinh Lạy Cha. (2722)

MỤC LỤC

534.Suy nguyện là việc tìm hiểu có tính cách cầu nguyện, liên quan đến việc suy tư, tưởng tượng, cảm xúc và ước muốn. Mục đích của việc suy nguyện là giúp cho chúng ta thâm tín trong đức tin về đề tài suy niệm, bằng việc đối chiếu đề tài suy niệm với đời sống thực tế của chúng ta. (2723)

535.Cầu nguyện chiêm niệm là thể thức đơn giản của mẫu nhiệm cầu nguyện. Đó là việc dán chặt con mắt đức tin vào Chúa Giêsu, là việc chú tâm vào Lời Chúa, là việc lặng lẽ yêu đương. Việc cầu nguyện này đạt tới mức được thực sự kết hiệp với việc Chúa Kitô cầu nguyện, đến nỗi làm cho chúng ta được thông phần vào mẫu nhiệm của Người. (2724)

TRẬN CHIẾN SỐNG CẦU NGUYỆN

536.Cầu nguyện là việc đòi phải cố gắng, phải chiến đấu với bản thân mình cùng những mưu chước của Tên Cám Dỗ. Trận chiến cầu

nguyện gắn liền với “trận chiến thiêng liêng” cần phải có trong việc tác hành một cách thường xuyên theo Thần Linh của Chúa Kitô: chúng ta cầu nguyện là chúng ta sống động, vì chúng ta sống động là chúng ta cầu nguyện. (2752)

537.Trong trận chiến cầu nguyện chúng ta phải đối đầu với các quan niệm sai lầm về việc cầu nguyện, những luồng tư tưởng khác nhau và kinh nghiệm thất bại của riêng bản thân mình. Chúng ta phải khiêm tốn, tin tưởng và kiên trì đối phó với những chước cám dỗ về tính cách hữu ích và khả thủ của việc cầu nguyện. (2753)

538.Những cái khó khăn nhất trong việc thực hành cầu nguyện là tình trạng chia trí và khô khan. Phương được cần phải dùng là đức tin, hoán cải và tâm hồn tỉnh táo. (2754)

MỤC LỤC

539.Có hai chước cám dỗ nguy hại đến việc cầu nguyện là tình trạng thiếu lòng tin tưởng và nguội lạnh, một hình thức suy nhược do bởi việc bỏ bê khổ chế mà hậu quả là đâm ra chán chường. (2755)

540.Lòng con cái chúng ta tin tưởng bị thử thách khi chúng ta có cảm tưởng như việc chúng ta cầu nguyện không được nhận lời. Phúc Âm kêu gọi chúng ta hãy tự vấn về tình trạng chúng ta cầu nguyện cần phải phù hợp với ý muốn của Thần Linh. (2756)

541.“Hãy không ngừng cầu nguyện” (Thư Một gửi giáo đoàn Thessalônica 5:17). Cầu nguyện là việc lúc nào cũng có thể. Cầu nguyện thậm chí còn là một việc sinh tử. Cầu nguyện và đời sống Kitô hữu không thể nào tách biệt nhau. (2757)

542.Lời cầu nguyện về Giờ của Chúa Giêsu, một lời nguyện được gọi thực sự là “lời

MỤC LỤC

nguyện tư tế” (xem Phúc Âm Thánh Gioan đoạn 17), gồm tóm trọn vẹn công cuộc tạo thành và cứu độ. Lời nguyện này là hồn sống của các lời nguyện cầu chính trong Kinh Lạy Cha. (2758)

2. Kinh Chúa Dậy: “Lạy Cha Chúng Con!”

“Gồm Tóm Toàn Bộ Phúc Âm”

543.Đáp lại lời yêu cầu của các môn đệ “Lạy Chúa, xin dậy chúng con cầu nguyện” (Phúc Âm Thánh Luca 11:1), Chúa Giêsu đã trao cho các vị một kinh nguyện cốt yếu của Kitô Giáo đó là Kinh Lạy Cha. (2773)

544.“Kinh Chúa Dậy thực sự là bản tóm lược toàn bộ phúc âm” (Giáo Phụ Tertullianô, *De Orat.* 1: PL 1, 1251-1255), là “kinh nguyện tuyệt hảo nhất” (Thánh Tôma Aquinô, *Tổng Luận Thần Học* II-II, 83, 9). Kinh Chúa Dậy là cốt lõi của Thánh Kinh. (2774)

545.Kinh này được gọi là “Kinh Chúa Dậy” vì chúng ta nhận được từ Chúa Giêsu là vị tôn sư và là mô phạm cho việc chúng ta cầu nguyện. (2775)

MỤC LỤC

546.Kinh Chúa Dạy là một kinh nguyện tuyệt hảo của Giáo Hội. Kinh này là phần thiết yếu của các giờ kinh Phụng Vụ chính cũng như của các bí tích gia nhập Kitô Giáo, Rửa Tội, Thêm Sức và Thánh Thể. Được đưa vào trong Thánh Lễ, kinh này cho thấy tính cách cánh chung nơi các lời nguyện cầu của mình, ở niềm hy vọng vào Chúa, “cho tới khi Người đến” (Thư Một gửi giáo đoàn Côrintô 11:26). (2776)

“Lạy Cha chúng con là Đấng ở trên trời”

547.Những tâm tình xứng hợp để con người cầu Kinh Lạy Cha đó là lòng tin tưởng đơn thành và bền bỉ, là niềm an bình hiền hòa và hân hoan. (2797)

548.Chúng ta có thể kêu cầu Thiên Chúa như “Cha” vì Con Thiên Chúa làm người đã tỏ Ngài ra cho chúng ta biết, Người Con mà nhờ

MỤC LỤC

Bí Tích Rửa Tội chúng ta đã được kết hiệp và được thừa nhận là con cái Thiên Chúa. (2798)

549.Kinh Chúa Dậy giúp chúng ta hiệp thông với Cha cùng với Con Ngài là Chúa Giêsu Kitô. Đồng thời kinh này cũng tỏ cho chúng ta thấy được cả bản thân của chúng ta nữa (xem Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng: 22.1). (2799)

550.Việc cầu nguyện cùng Cha của chúng ta phải làm triển nở trong chúng ta ý muốn nên giống như Ngài và nuôi dưỡng nơi chúng ta một tấm lòng khiêm nhu tin tưởng. (2800)

551.Khi nguyện Lạy Cha “Chúng Con” là chúng ta đang nài đến giao ước mới nơi Chúa Giêsu Kitô, nài đến mối hiệp thông với Thiên Chúa Ba Ngôi, và nài đến tình yêu thần linh nhờ Giáo Hội lan khắp thế giới. (2801)

MỤC LỤC

552. “Đấng ở trên trời” ở đây không có nghĩa là Ngài ở một nơi chốn nào đó mà là chính sự uy nghi cao cả của Thiên Chúa và việc Ngài hiện diện nơi cõi lòng của thành phần công chính. Trời, nhà của Cha, là quê hương thực sự, nơi chúng ta đang tiến về và cũng là nơi chúng ta đã thuộc về. (2802)

Bảy Lời Nguyên Cầu

553. Nơi Kinh Lạy Cha, đối tượng của ba lời nguyện cầu đầu tiên là Vinh Quang Chúa Cha: danh Ngài thánh thiện, Nước Ngài trị đến và ý Ngài nên trọn. Bốn lời nguyện cầu còn lại trình bày với Ngài về các nhu cầu liên quan đến đời sống của chúng ta: cần được nuôi dưỡng, cần được chữa lành tội lỗi và được thắng cuộc chiến đấu với Sự Dữ bằng Sự Lành. (2857)

MỤC LỤC

554.Với lời nguyện cầu cho “danh Cha cả sáng”, chúng ta chạm tới ý định của Thiên Chúa, đó là việc thánh hóa danh của Ngài – danh được mạc khải trước hết cho Moisen rồi nơi Chúa Giêsu – một việc thánh hóa được thực hiện bởi chúng ta và trong chúng ta, trong mọi dân nước cũng như trong mỗi một người. (2858)

555.Bằng lời nguyện cầu thứ hai, Giáo Hội trước hết hướng về việc Chúa Kitô trở lại và việc cuối cùng Nước Chúa trị đến. Lời nguyện cầu này cũng xin cho Nước Chúa được phát triển ngay trong “hiện tại” nơi cuộc sống của chúng ta đây. (2859)

556.Qua lời nguyện cầu thứ ba, chúng ta xin Cha của chúng ta hiệp nhất ý muốn chúng ta với ý muốn Con Ngài, để ý định cứu độ của Ngài được nên trọn nơi cuộc sinh hoạt trần thế. (2860)

MỤC LỤC

557. Qua lời nguyện cầu thứ bốn, khi xin “cho chúng con” là chúng ta nói lên, trong tình hiệp thông huynh đệ của mình, lòng tin tưởng con cái của chúng ta đặt nơi Cha trên trời. “Lương thực hằng ngày” ở đây ám chỉ về của dưỡng nuôi thể chất cần thiết cho mọi người được sinh tồn, cũng như ám chỉ về Bánh Sự Sống là Lời Thiên Chúa và Mình Chúa Kitô. Lương thực hằng ngày này được Thiên Chúa ban phát “hôm nay” như một của dưỡng nuôi (siêu) thực chất không thể thiếu cho Bữa Tiệc Nước Trời được Thánh Thể báo trước. (2861)

558. Lời nguyện cầu thứ năm xin Thiên Chúa thương đến các lỗi phạm của chúng ta, một tình thương có thể thấu nhập tâm hồn chúng ta chỉ khi nào chúng ta biết thứ tha cho kẻ thù mình, theo gương Chúa Kitô và ơn trợ giúp của Người. (2862)

MỤC LỤC

559.Khi chúng ta nguyện “xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ” là chúng ta xin Thiên Chúa đừng để chúng ta đi theo con đường dẫn đến chỗ sa ngã phạm tội. Lời nguyện cầu này xin được Thần minh tri và sức mạnh; lời nguyện cầu ấy cũng xin ơn tỉnh thức và bền đỗ đến cùng. (2863)

560.Nơi lời nguyện cầu cuối cùng, “xin cứu chúng con cho khỏi sự dữ”, Kitô hữu hợp với Giáo Hội cầu xin Thiên Chúa hãy làm sáng tỏ cuộc vinh thắng, được thực hiện nơi Chúa Kitô, trên “tên thống lãnh thế gian” là Satan, một thiên thần đã tự mình chống lại Thiên Chúa và dự án cứu độ của Ngài. (2864)

561.Chúng ta nói lên tiếng “xin vâng” “chớ gì được như vậy” đối với bảy lời nguyện cầu, bằng lời thưa sau hết: “Amen”. (2865)

MỤC LỤC

Phụ Trưởng BẢN TUYÊN NGÔN CHUNG VỀ TÍN LÝ CÔNG CHÍNH HÓA

giữa Liên Hiệp Lutherô Thế Giới và Giáo Hội Công Giáo

Ngay trước khi tập sách “Giáo Lý Cẩm Nang” này sắp sửa được đóng gáy, tức vừa được in xong (cả bìa lẫn ruột) lần thứ nhất (12/1999), thì bản tài liệu hết sức quan trọng này mới được phổ biến trên tuần san L’Osservatore Romano, ấn bản Anh ngữ, phát hành ngày 24/11/1999, ngày Lễ Kính Các Thánh Tử Đạo Việt Nam. Vì tính cách rất thích hợp của mình đối với chung Kitô hữu về phương diện Đại Kết, cũng như đối với riêng những người Công Giáo chúng ta đang muốn cập nhật hóa kiến thức Đức Tin của mình, Bản Tuyên Ngôn Chung không thể nào thiếu được trong tập sách “Giáo Lý Cẩm Nang” rất cần thiết này, để nội dung của cả tập sách được toàn vẹn hơn.

MỤC LỤC

Để có một cái nhìn khái lược và chính xác về Bản Tuyên Ngôn Chung, Đức Hồng Y Edward I. Cassidy, Chủ Tịch Hội Đồng Tòa Thánh Phụ Trách Cổ Động Hiệp Nhất Kitô Giáo, cũng là vị đại diện Giáo Hội Công Giáo, cùng với Giám Mục Christain Krause, đại diện Liên Hiệp Luthêrô Thế Giới, chính thức ký vào Bản Tuyên Ngôn Chung tại Augsburg, nước Đức, ngày 31-10-1999, đã trình bày cho biết rõ ràng về tiến trình và nội dung của văn kiện này trong cùng tuần san L'Osservatore Romano, trang VI và VII, những điểm chính yếu sau đây.

- “Trước ngưỡng cửa ngàn năm mới của Kitô Giáo, Liên Hiệp Luthêrô Thế Giới và Giáo Hội Công Giáo đã tiến một bước quan trọng đến việc giải quyết căn nguyên gây ra chia rẽ trong quá khứ. Cả hai bên, vào tháng 6 năm 1998, đã chính thức xác nhận và chấp nhận Bản Tuyên Ngôn Chung về Tín Lý Công Chính Hóa...

MỤC LỤC

- *Bản văn kiện này là hoa trái của hơn 30 năm đối thoại, cả ở cấp quốc tế cũng như quốc gia, giữa anh em Luthêrô và Công Giáo.*
- *Bản Tuyên Ngôn Chung không phải là một lời Tuyên Xưng mới, cũng không phải là một văn kiện dung hòa. Bản Tuyên Xưng Chung đây muốn tóm tắt những thành quả đối thoại sau một thời đoạn kéo dài 30 năm trời giữa Luthêrô và Công Giáo Rôma về khoản tín lý này, bằng cách nói lên những gì được mỗi một cộng đồng tin tưởng chủ trương nơi những sự thật nền tảng về khoản tín lý ấy, cũng như cho thấy việc hai bên cắt nghĩa về những sự thật nền tảng ấy không tương khắc với nhau...*
- *Phương pháp trình bày đó là, đầu tiên nêu lên đức tin chung đối với mỗi một sự thật được bàn tới, sau đó, nếu cần thì cắt nghĩa đường hướng hay những điểm nhấn mạnh được mỗi bên chủ trương theo truyền thống của mình về sự thật đặc biệt ấy.*
- *Bản văn kiện trình bày khá chi tiết về bảy vấn đề căn bản cùng được hiểu chung với nhau sau đây:*

MỤC LỤC

1. *Tình Trạng Loài Người Bất Lực và Tội Lỗi Liên Quan đến Việc Công Chính Hóa;*
2. *Việc Công Chính Hóa là Việc Tha Thứ Tội Lỗi và là Việc Làm Nên Chính Trực;*
3. *Việc Công Chính Hóa bởi Ân Sủng và nhờ Đức Tin;*
4. *Người Được Công Chính Hóa như là Một Tội Nhân*
5. *Lề Luật và Phúc Âm;*
6. *Việc Bảo Đảm Phần Rỗi;*
7. *Các Việc Lành Phúc Đức của Người Được Công Chính Hóa.*

- *Không thể nào đi sâu vào chi tiết của những gì chứa trong Bản Tuyên Ngôn Chung ở bài viết này. Tuy nhiên, tôi phải trình bày những gì nói lên ba sự thật căn bản về khoản tín lý công chính hóa, được Giáo Hội Công Giáo và Liên Hiệp Luthêrô Thế Giới cùng nhau công nhận. Những sự thật này được thấy ở Tiết 3, các số từ 14 đến 18, trong Bản Tuyên Ngôn Chung.*

- *Thứ nhất, việc công chính hóa là một tặng ân nhưng không do Thiên Chúa Ba Ngôi ban cho, được bắt nguồn từ con người của Đức Kitô, Đấng đã nhập thể, tử nạn và phục sinh. Được liên kết*

MỤC LỤC

với con người của Đức Kitô, nhờ hoạt động của Chúa Thánh Thần, chúng ta được ở trong tình trạng công chính hóa. Tình trạng này không phải là những gì chúng ta lập được mà là do hoàn toàn nhận lãnh... (xem số 15)

- *Thứ hai, chúng ta nhận được ơn cứu độ này bằng đức tin. Chính đức tin cũng là một tặng ân của Thiên Chúa ban qua Thánh Thần, Đấng hoạt động bằng lời Chúa cũng như bằng bí tích trong cộng đồng các tín hữu, và là Đấng cũng làm cho các tín hữu canh tân đời sống sẽ được Thiên Chúa hoàn thành ở sự sống đời đời. Bởi thế, thực tại của việc công chính hóa được gắn liền với đức tin, không phải như là một ưng thuận thuần lý của trí khôn. Trái lại, người tín hữu phải hiến bản thân nam/nữ của mình cho Chúa Kitô bằng việc canh tân đời sống.*

- *Thứ ba, việc công chính hóa nhắm đến chính cốt lõi của sứ điệp Phúc Âm, thế nhưng việc này cần phải được đặt trong một cơ cấu duy nhất liên quan đến tất cả mọi chân lý khác của đức tin nữa, như chân lý đức tin về Chúa Ba Ngôi, về Kitô Học, về Giáo Hội Học và về Các Bí Tích... (xem số 18)*

MỤC LỤC

- *Việc cùng nhau hiểu về việc công chính hóa được diễn tả trong Bản Tuyên Ngôn Chung có tính chất Ba Ngôi và lấy Đức Kitô làm tâm điểm. Bản Tuyên Ngôn Chung (số 15) đã nói lên cốt lõi của kiến thức chung này là: ‘Theo đức tin, chúng ta cùng nhau xác tín rằng, công chính hóa là việc Thiên Chúa Ba Ngôi làm... Bởi thế, việc công chính hóa có nghĩa là chính Chúa Kitô là sự chính trực của chúng ta, một sự chính trực chúng ta được thông phần vào nhờ Chúa Thánh Thần theo ý Chúa Cha’...*
- *Trong việc xác nhận Bản Tuyên Ngôn Chung này, thẩm quyền bên Luthêrô cũng như bên Công Giáo đã thực sự cho thấy rằng, khoản tín lý về việc công chính hóa được trình bày trong văn kiện ấy không phản nghịch với giáo huấn về khoản tín lý này, nơi những nguồn huấn quyền của cả đôi bên, Công Đồng Chung Tridentinô bên phía Công Giáo, và Bản Các Điều Tuyên Tín bên phía Luthêrô. Trái lại, khoản tín lý này vẫn được minh nhiên tiếp tục hiểu một cách chính thức như nó đã được cả hai bên phác họa từ thế kỷ 16.*
- *Thế nhưng, làm sao chúng ta lại kết luận như vậy được? Những nghiên cứu về lịch sử cũng*

MỤC LỤC

như về tín điều, nhất là theo mối liên hệ về đại kết qua những thời gian gần đây, đã cho thấy cái môi trường tranh cãi ở thế kỷ 16, dính dáng đến cả chính trị, xã hội, thần học và triết lý là những gì lúc bấy giờ đã gây ảnh hưởng đến việc mỗi bên phác họa ra những hiểu biết của mình về khoản tín lý này, cũng như đến việc mỗi bên lên án quan niệm của nhau về khoản tín lý ấy...

- *Nếu khoản tín lý về việc công chính hóa là ‘điểm chính yếu của cuộc tranh cãi hồi thế kỷ 16’, thì giờ đây chúng ta có thể đặt vấn đề, vậy việc đồng ý với nhau giữa Liên Hiệp Luthêrô Thế Giới và Giáo Hội Công Giáo về khoản tín lý này để giải quyết tình trạng xung khắc giữa người Công Giáo và Luthêrô cho xong, là việc đồng ý ở mức độ nào?... Bản tuyên ngôn này đã mang Giáo Hội Công Giáo và các giáo hội thuộc Liên Hiệp Luthêrô Thế Giới xác nhận nó tiến đến một bước gần gũi nhau rõ ràng hơn. Tuy nhiên, cả hai vẫn chưa đạt tới mục tiêu hiệp nhất với nhau hoàn toàn về hình thức...”*

- *“Quan niệm về ‘đam mê’ được hiểu khác nhau giữa hai bên Công Giáo và Luthêrô. Theo bản văn về Các Điều Tuyên Tín của Luthêrô thì*

MỤC LỤC

‘đam mê’ được hiểu là ước muốn tìm mình nơi con người, là những gì, nếu hiểu tinh thần về ý nghĩa của Lễ Luật, được coi như tội lỗi. Theo Công Giáo hiểu thì đam mê chỉ là một khuynh hướng hạ, còn tồn tại nơi con người, ngay cả sau khi họ đã lãnh nhận phép rửa, một khuynh hướng hạ bởi tội lỗi mà có và đẩy con người đến việc phạm tội. Mặc dầu hai bên khác nhau ở điểm này, theo quan điểm Luthêrô, cũng được hiểu là ước muốn đó có thể mở đường làm dịp cho tội lỗi tấn công. Vì quyền lực tội lỗi mà toàn thể nhân loại mang trong mình khuynh hướng chống lại Thiên Chúa. Khuynh hướng này, theo cả quan niệm của bên Luthêrô và Công Giáo, đều ‘không xứng hợp với ý định nguyên thủy của Thiên Chúa về con người’...”

(Chi tiết cuối cùng trên đây được trích từ Phần Phụ
Thêm của Bản Công Bố Chung,
một bản công bố chung để cùng nhau xác nhận Bản
Tuyên Ngôn Chung: cùng nguồn, trang V)

MỤC LỤC

Sau đây là nguyên văn Bản Tuyên Ngôn Chung về Vấn Đề Tín Lý Công Chính Hóa

DẪN NHẬP

1- Tín lý về việc công chính hóa là một tín lý quan trọng bậc nhất đối với Phong Trào Cải Cách Luthêrô ở thế kỷ 16. Tín lý về việc công chính hóa này được coi là ‘tiên sự và chính sự’ (The Smalcald Articles, II, 1; Book of Concord, 292), đồng thời cũng là ‘vị lãnh đạo và là quan phán trên tất cả mọi tín lý Kitô Giáo khác’ (‘Rector et iudex super omnia genera doctrinarum’ Weimar Edition of Luther’s Works [WA], 39, I, 205). Tín lý về việc công chính hóa được nắm giữ và bảo vệ một cách riêng biệt theo thể thức Cải Cách và theo thẩm định đặc biệt, trái với Giáo Hội Công Giáo Rôma cũng như thần học Công Giáo Rôma thời bấy giờ, một giáo hội và một nền thần học nắm giữ và bảo vệ tín lý về việc công chính hóa có tính chất khác. Theo quan điểm Cải Cách, việc công chính hóa là phần nan giải nhất trong tất cả mọi tranh luận. Việc lên án nhau về phương diện tín lý đã được đặt ra, ở cả trong Các Điều Tuyên Tín của Luthêrô cũng như ở Công Đồng Chung Tridentinô của Giáo Hội Công Giáo Rôma. Những điều lên án

MỤC LỤC

này vẫn còn hiệu lực tới ngày nay, và cũng vì thế đã gây nên việc chia rẽ giáo hội.

2- Đối với truyền thống Luthêrô, tín lý về việc công chính hóa vẫn nắm giữ vai trò đặc biệt của mình. Bởi thế, từ ban đầu, tín lý về việc công chính hóa ấy đã chiếm một vị trí quan trọng trong cuộc đối thoại chính thức giữa Luthêrô và Công Giáo Rôma.

3- Phải đặc biệt lưu ý đến những bản tường trình sau đây: ‘Phúc Âm và Giáo Hội’ (1972) cũng như ‘Giáo Hội và Việc Công Chính Hóa’ (1994) của Ủy Ban Chung giữa Luthêrô và Công Giáo Rôma, ‘Việc Công Chính Hóa bởi Đức Tin’ (1983) của cuộc đối thoại giữa Luthêrô và Công Giáo Rôma ở Hoa Kỳ, và ‘Những Điều Lên Án Thời Cải Cách – Chúng có còn Chia Cách hay chăng?’ (1986) của Nhóm các Thần Học Gia Thệ Phản và Công Giáo ở Đức Hoạt Động cho Đại Kết. Có một số trong những bản tường trình này đã được các giáo hội chính thức công nhận. Điển hình quan trọng trong vấn đề công nhận này đó là việc Giáo Hội Luthêrô Tin Lành Liên Hiệp ở Đức đã đáp ứng chặt chẽ đối với việc nghiên cứu ‘Các Điều Lên Án’ được thực hiện năm 1994, ở mức độ nhìn nhận

MỤC LỤC

cao nhất của giáo hội, cùng với các giáo hội khác thuộc Giáo Hội Tin Lành ở Đức.

4- Trong vấn đề hai bên bàn luận về tín lý của việc công chính hóa, tất cả những bản tường trình về đối thoại cũng như các đáp ứng đều cho thấy mức hợp nhau cao độ nơi những đường lối và kết luận của mình. Bởi thế, đã đến lúc cần phải thẩm định và tóm lại các thành quả của các lần đối thoại về việc công chính hóa, để các giáo hội của chúng ta biết đến các hoa trái tổng quát về cuộc đối thoại này một cách chính xác và ngắn gọn cần thiết, nhờ đó có thể đưa ra những quyết định liên hệ.

5- Bản Tuyên Ngôn Chung đây có ý định ấy, ý định là trình bày cho thấy rằng, nhờ việc đối thoại của mình, các giáo hội Luthêrô liên hệ và Giáo Hội Công Giáo Rôma giờ đây có thể nói lên rõ ràng việc hiểu biết chung về việc công chính hóa của chúng ta nhờ ơn Thiên Chúa qua đức tin vào Chúa Kitô. Bản Tuyên Ngôn Chung này không bao gồm tất cả những gì giáo hội hai bên giảng dạy về việc công chính hóa; nhưng bản tuyên ngôn này thực sự bao gồm việc đồng ý với nhau về những sự thật căn bản nơi khoản tín lý công chính hóa, và cho thấy rằng những khác nhau nơi việc cắt nghĩa

MỤC LỤC

khoản tín lý này không còn là có để kết án nhau về tín lý nữa.

6- Bản Tuyên Ngôn của chúng ta đây không phải là một trình bày mới mẻ không có dính dáng gì tới các bản tường trình và văn kiện đối thoại từ trước đến nay, một bản trình bày thay thế cho những bản tường trình và văn kiện này. Trái lại, như phần phụ đính của các nguồn liệu cho thấy (cùng nguồn, trang III và IV), bản tuyên ngôn đây lập lại các điều cần phải căn cứ cùng những luận cứ của các điều cần phải căn cứ ấy.

7- Như chính các cuộc đối thoại, Bản Tuyên Ngôn Chung này cũng được dựa vào niềm xác tín là, trong việc thắng vượt các vấn đề tranh luận và lên án nhau về tín điều xưa kia, giáo hội hai bên không được coi nhẹ các điều lên án ấy, cũng như không được chối bỏ quá khứ của mình. Ngược lại, Bản Tuyên Ngôn này được thành nên bởi niềm xác tín là, theo giòng lịch sử tương kính của mình, giáo hội hai bên chúng ta đã có những cái nhìn thấu đáo mới mẻ. Có những phát triển đã diễn tiến, những phát triển chẳng những khả dĩ mà còn đòi giáo hội hai bên phải khảo sát các vấn nạn về việc phân rẽ cùng với các điều lên án nhau nữa, và nhìn vào

MỤC LỤC

những điều lên án nhau này theo chiều hướng mới.

Chân Trời :Bộ Mặt Trái Đất

Bộ Mặt Trái Đất là Văn Hóa Con Người

Lạy Chúa, xin sai Thánh Thần Chúa đến và xin canh tân bộ mặt trái đất”. Câu đáp ca của ngày lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống này có một ý nghĩa rất sâu xa, không phải vì lời khấn nguyện này chứa đựng một niềm xác tín là chỉ có Thánh Thần Chúa mới là nguyên lý tối cao và là tác nhân chủ động trong việc “canh tân bộ mặt trái đất” nhờ Giáo Hội truyền bá phúc âm, mà còn vì câu này nói lên một ý nghĩa sâu xa huyền diệu của đối tượng cần phải được Thánh Thần Chúa “canh tân”, đó là “bộ mặt trái đất” nữa.

Phải chăng “Bộ mặt trái đất” là chính văn hóa con người?

Đúng thế. Nếu “từ khởi nguyên Thiên Chúa bắt đầu dựng nên trời đất” (Gen.1:1) thì có thể hiểu là từ ban đầu “Thiên Chúa là Cha toàn năng” đã dựng nên “muôn vật hữu hình và vô hình”, như tín điều đầu tiên của Kinh Tin Kính được Kitô hữu chúng ta vẫn tuyên xưng từ trước đến nay. Nếu “trời” là biểu hiệu cho “vật vô hình” thì “đất” là biểu hiệu cho “vật hữu

MỤC LỤC

hình”. Tuy nhiên, trong “muôn vật hữu hình” được dựng nên này, chỉ có tạo vật “được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa và tương tự như Thiên Chúa” (Gen.1:27) mới thật sự là và xứng đáng là “bộ mặt trái đất” mà thôi. Con người là “bộ mặt trái đất”, tức là đại diện, là thay mặt cho “muôn vật hữu hình” trước nhan Thiên Chúa, Đấng đã đặt họ “làm chủ trái đất” (Gen.1:28). Bởi vì, theo phẩm vị và bản tính bẩm sinh của mình, họ được Đấng Tạo Hóa ban cho khả năng và quyền năng “nhân linh ư vạn vật”: khả năng “nhân linh ư vạn vật” của con người là luận biết và quyền năng “nhân linh ư vạn vật” của con người là tự do.

Thực tế cho thấy, chính nhờ khả năng và quyền năng “nhân linh ư vạn vật” này, con người đã thực sự là một tác nhân làm thay đổi hoàn toàn “bộ mặt trái đất”, bằng đời sống càng ngày càng *văn minh* của mình, với những phát minh mỗi ngày một tân tiến khôn lường và tiện nghi hết sức, làm nên biết bao nhiêu là kỳ công nhân tạo, đến nỗi, chính lịch sử cũng không ghi nhận kịp và tiên đoán nổi mức độ văn minh đang gia tốc phát triển này sẽ đi về đâu, thậm chí, đa số con người ngày nay cũng không thể nào ngờ được, không thể nào hưởng hết, không thể biết hết, không

MỤC LỤC

thể nào sử dụng thông thạo như một chuyên viên nếu không được huấn luyện đặc biệt v.v.

“Bộ mặt trái đất” chẳng những được văn minh loài người trang điểm điểm tuyệt đến chói ngời bề ngoài như thế, nó còn được con người “linh ư vạn vật” biến đổi sâu xa bằng chính *văn hóa* của họ nữa, để “bộ mặt trái đất” cũng được vinh dự mang *bộ mặt nhân bản*, không phải như một chiếc *mặt* nạ giả tạo tạm bợ, mà là một *bộ mặt nhập thể*, tương tự như trường hợp con người tạo vật trần gian được thực sự mang *dung nhan* của Thiên Chúa nơi “Lời đã hóa thành nhục thể” (Jn.1:14). Thật ra, văn minh cũng là một hình thức văn hóa của con người, song nó không phải là chính văn hóa và là tất cả văn hóa, vì văn hóa là tất cả những gì con người sống động theo quan niệm làm người của mình ở một thời điểm và địa điểm nào đó; nó bao gồm cũng như được diễn tả hay biểu lộ ở nhiều và qua nhiều phương diện khác nhau, như phương diện xã hội (nhân sinh và tập tục), chính trị (thể chế và luật lệ), văn học (văn chương và khoa học), nghệ thuật (cảm nhận và biểu hiện), kỹ thuật (phát minh và tiện nghi), gia đình (yêu thương và sự sống), giáo dục (phẩm giá và nhân cách), kinh tế (lao động và sản xuất), truyền thông (liên lạc và giao tiếp) v.v.

MỤC LỤC

Đúng thế, tuy không phải là yếu tố “là người” của con người, như bản tính tự nhiên tạo nên hữu thể con người, văn hóa cũng là bộ mặt của con người “linh u vạn vật”, tức là tất cả những gì “làm người” của con người. Lịch sử cho thấy, chỉ con người mới có tiến bộ, mới tiến từ chỗ lạc hậu đến chỗ văn minh, từ chỗ ăn lông ở lỗ đến chỗ ăn sang mặc đẹp, từ chỗ sống theo luật rừng mạnh được yếu thua đến chỗ công bằng bác ái vị tha, từ chỗ mê tín dị đoan đến chỗ khoa học thực nghiệm, từ chỗ đa thê lắm thiếp đến chỗ một vợ một chồng, từ chỗ quân chủ chuyên chế đến chỗ dân chủ cộng hòa, từ chỗ cha mẹ đặt đâu con ngồi đó đến chỗ chọn mặt gửi vàng, từ chỗ trọng nam khinh nữ đến chỗ nam nữ bình quyền, từ chỗ cày sâu cuốc bẫm đến chỗ máy móc tăng gia năng suất, từ chỗ làng mạc quê mùa mộc mạc đến chỗ thành thị phồn hoa đô hội, từ chỗ năm châu bốn bể xa cách đến chỗ gần gũi nhau hơn như cùng nhau sống trong một khu làng hoàn vũ (global village) v.v. Thế nhưng, tất cả những tiến bộ về mọi *mặt* của con người đó, từ thời tiền sử và thượng cổ đến thời khoa học kỹ thuật tối tân tiến trước ngưỡng cửa của ngàn năm thứ hai Kitô giáo hiện nay, con người đã thực sự tỏ ra mình càng “làm người”, đúng như bản chất của văn hóa đích thực, hay chưa?

Xét về mặt nổi, việc tiến bộ của con người trong việc càng ngày càng “làm người” hơn có thể bắt đầu từ cuối thế kỷ 15, đầu thế kỷ 16, với phong trào thám hiểm thế giới, một phong trào chẳng những đã giúp con người khám phá ra toàn diện “bộ mặt trái đất” của mình ở khắp nơi trên thế giới, mà còn đem văn minh Âu Châu, trong đó có cả văn hóa Kitô giáo, đi trang điểm “bộ mặt trái đất”. Việc tiến bộ trong việc “làm người” của con người kể từ phong trào thám hiểm thế giới này có thể được tóm trong chữ “*quyền*” và được diễn tả bằng bộ ba danh từ kép: quyền lực hay quyền năng (power), quyền hành hay quyền bính (authority) và quyền lợi hay quyền hạn (right).

Quyền lực hay quyền năng là tất cả những gì con người có thể thực hiện theo khả năng sinh hoạt tự nhiên của mình, đặc biệt về cả phương diện khoa học lẫn kỹ thuật: về khoa học, được mở màn từ năm 1512 khi Copernicus công bố thực tại trái đất và các hành tinh quay chung quanh mặt trời, và về kỹ thuật, được bắt đầu từ năm 1698 khi Thomas Suvery sản xuất máy chạy bằng hơi nước. *Quyền hành hay quyền bính* là tất cả những gì con người có thể hành sự trong trách nhiệm lãnh đạo của mình, đặc biệt về phương diện chính trị, được mở màn với chế độ dân chủ bằng

MỤC LỤC

cuộc cách mạng Pháp 1789, và với chế độ xã hội chủ nghĩa bằng cuộc cách mạng Nga năm 1917. *Quyền lợi hay quyền hạn* là tất cả những gì con người có thể thừa hưởng theo bản tính bẩm sinh là người của mình, đặc biệt về phương diện xã hội, được đánh dấu bằng cuộc đấu tranh nhân quyền đầu tiên ở Hoa Kỳ chống lại chế độ thuộc địa để giành độc lập vào năm 1776, nhất là đã đạt đến tột đỉnh của nó nơi bản Hiến Chương Nhân Quyền 1948 của Liên Hiệp Quốc sau Thế Chiến Thứ Hai, vào cuối năm 1948.

Thế nhưng, thực tế cho thấy, càng tân tiến con người càng đi đến chỗ bị khủng hoảng về quyền lực, quyền hành và quyền hạn của mình, qua thái độ con người tỏ ra tự phụ, tự mãn và tự nhiên thái quá. Trước hết, con người tân tiến bị khủng hoảng ở chỗ tỏ ra *tự phụ về quyền lực* nơi các khám phá khoa học và phát minh kỹ thuật của mình, khi gạt Đấng Tạo Hóa ra ngoài bằng *chủ nghĩa duy lý (rationalism hoặc idealism) hay duy vật (materialism hoặc communism)*. Sau nữa, con người tân tiến bị khủng hoảng ở chỗ tỏ ra *tự mãn khi lấy quyền hành chính trị để giải quyết mọi sự như ý riêng của mình theo trào lưu tục hóa (secularism) và thực dụng (consequentialism)*, bằng cách ban bố các khoản luật phi nhân bản phản luân thường đạo lý làm người. Sau hết, con người tân tiến bị khủng

MỤC LỤC

hoảng ở chỗ tỏ ra sống *tự nhiên theo khuynh hướng hưởng thụ (consumerism) và buông thả (nihilism)*, bất xứng với phẩm vị *làm người*.

Như thế, thực tế hiện lên cho thấy hết sức rõ ràng “bộ mặt trái đất” ở vào thời điểm Mùa Đông Lịch Sử (xin xem bài mang nhan đề này trước đây) ngay trước ngưỡng cửa của ngàn năm thứ ba Kitô giáo này đã hoàn toàn bị *méo dạng*, đã thực sự bị *biến dạng*, thậm chí đã trở thành *quái dạng* nữa là đằng khác. “Bộ mặt trái đất” hiện nay không *méo dạng* là gì, với chủ thuyết duy nhân bản (secular humanism), một chủ trương tôn sùng con người hơn cả Đấng đã dựng nên con người? “Bộ mặt trái đất” hiện nay cũng không *biến dạng* là gì, với khuynh hướng luân lý tương đối (moral/ethical relativism), một khuynh hướng biến dữ thành quyền lợi theo chủ quan phi chân lý của mình?? “Bộ mặt trái đất” hiện nay thậm chí còn trở thành *quái dạng* nữa, với những luật lệ phi nhân bản, phản luân thường đạo lý làm người, như luật cho phép phá thai, hợp thức hôn nhân đồng tính luyến ái v.v.???

Để có thể nhìn thẳng và nhìn kỹ “bộ mặt trái đất” đã bị *méo dạng, biến dạng và quái dạng* này, chúng ta hãy lắng nghe Vị Chủ Chiên Tối Cao của Giáo Hội Công Giáo hoàn vũ đã chia sẻ nhận định của một người nhìn từ trên cao xuống như ngài, (tất nhiên sẽ

MỤC LỤC

là cái nhìn tổng quát, rõ hơn và chính xác hơn những nhận định của người ở dưới và ở trong cuộc nên dễ bị chi phối lệch lạc như chúng ta). Cái nhìn của ngài cho chúng ta thấy chẳng những căn nguyên sâu xa của một thứ văn hóa ngài đã đặt tên cho nó là “văn hóa tử vong”, mà còn cả cách thức để cải tiến nó, nhất là đường lối để giải cứu loài người khỏi “văn hóa chết chóc” vô cùng nguy hại này hủy diệt nữa.

Bộ Mặt Trái Đất *cần* Truyền Bá Phúc Âm

Trước hết, về *căn nguyên của* một trào lưu văn hóa được gọi là “*văn hóa tử vong*”, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, vào ngày 27-6-1998, đã chia sẻ với các vị giám mục Hoa Kỳ sang Rôma đợt 9 dịp *ad limina* của các ngài, như sau:

“Chúng ta phải nhận diện cuộc khủng hoảng văn hóa về luân lý này như thế nào đây? Chúng ta có thể thoáng nhìn thấy giai đoạn đầu tiên của nó theo những gì Đức Hồng Y Gioan Henry Newman viết qua bức Thư gửi cho Duke Norfolk: “Trong thế kỷ này, (lương tâm) đã bị thay thế bởi cái giả tạo, cái giả tạo chưa hề có ở 18 thế kỷ trước đó và nếu có chẳng nữa cũng không thể nào lẫn lộn với nó. Đó là

quyền tự ý (self-will). Những gì xảy ra đúng ở thế kỷ 19 của đức hồng y Newman thì càng đúng hơn ở lúc này đây. Những quyền lực mạnh mẽ về luân lý nhấn mạnh rằng, các thứ quyền của lương tâm bị vi phạm bởi chính ý tưởng là có một thứ luật luân lý được ghi khắc nơi nhân tính của chúng ta, một thứ luật luân lý mà chúng ta có thể biết được bằng việc phản tỉnh về bản tính của mình cũng như về các việc làm của mình, và là một thứ luật áp đặt một số trách nhiệm trên chúng ta, vì chúng ta công nhận chúng có tính cách tất buộc và chân thực phổ quát. Điều này thường được nói là một việc hủy hoại tự do. Thế nhưng ý niệm về ‘tự do’ thực sự ở đây là gì? Phải chăng tự do chỉ là việc làm theo ý mình – ‘tôi phải được phép làm điều này vì tôi muốn làm như vậy’? Hay phải chăng tự do là quyền làm những gì tôi phải làm, phải tự nguyện liên kết với điều tốt lành và chân thực (xem Bài Giảng tại Baltimore ngày 8-12-1995)?

“Quan niệm về tự do như là vấn đề tự quyết theo cá nhân hấp dẫn con người; được mớm cho bởi giới trí thức, bởi phương tiện truyền thông, bởi ngành lập pháp và tư pháp, quan niệm tự do này trở nên một lực lượng văn hóa mãnh liệt. Tuy nhiên, cuối cùng nó hủy diệt sự thiện riêng tư của cá nhân cũng như hủy diệt công ích của xã hội. Tự-do-là-tự-quyết, bởi việc

MỤC LỤC

nhấn mạnh một chiều đến ý muốn tự quyết của cá nhân như là nguyên lý cấu tạo duy nhất của đời sống công cộng, làm phân ly các mối giây ràng buộc giữa nam và nữ, giữa cha mẹ và con cái, giữa người mạnh và kẻ yếu, giữa đa số và thiểu số. Kết quả gây ra là việc đổ vỡ nơi xã hội dân sự, và là một cuộc sống công cộng chỉ có các diễn viên còn lại đó là việc tự quyết của cá nhân và chính quyền. Như thế kỷ 20 đã dạy cho chúng ta thấy, đòu là một liều thuốc mạnh cho bạo quyền bạo lực.

“Cuộc khủng hoảng hiện nay về văn hóa luân lý, ở tận gốc rễ của mình, là một cuộc khủng hoảng về hiểu biết bản tính của con người...”

(tuần san L'Osservatore Romano, ấn bản Anh ngữ, 1-7-1998, trang 3, đoạn 2 và 3)

Bởi thế, ***để có thể cải tiến trào lưu “văn hóa tử vong”*** hết sức nguy hại này, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, trong cùng một bài chia sẻ trên đây, đã nêu lên giải pháp như sau:

“Trong việc giảng dạy chân lý về lương tâm và mối liên hệ nội tại của nó với chân lý luân lý, quý huynh sẽ phải đương đầu với một trong những mãnh lực cả thê trong thế giới hiện đại. Thế nhưng,

MỤC LỤC

nhờ đó, quý huynh mới đang cống hiến cho thế giới tân tiến này một việc phục vụ cao cả, vì quý huynh sẽ nhắc nhở cho thế giới về **nền tảng duy nhất có thể bảo tồn văn hóa tự do: đó là điều mà Các Vị Lập Quốc của quý huynh gọi là các chân lý ‘minh nhiên’ (self-evident)...**

“Phẩm vị nội tại và những quyền lợi căn bản bất khả xâm phạm của chúng ta không phải là kết quả của việc xã hội đồng ý chung (social convention): chúng có trước tất cả mọi cuộc trưng cầu dân ý xã hội nữa và còn cung cấp cho những qui định thấy được tính cách hợp lý của các cuộc trưng cầu dân ý ấy. Lịch sử của thế kỷ 20 này là một cảnh giác nghiêm nghị về các sự dữ gây ra bởi sự kiện con người bị suy giảm đến mức độ thành đồ vật bị quyền lực tham lam vị kỷ hay những luận lý ý hệ lạm dụng ...

“Việc sống còn của một nền dân chủ riêng biệt nào đó chẳng những tùy thuộc ở cơ cấu tổ chức của nó mà còn ở một lãnh vực lớn hơn nữa là tinh thần gợi hứng và thấm nhập đường lối của nó vào việc lập pháp, hành pháp và tư pháp. **Tương lai của một nền dân chủ thực sự lệ thuộc vào thứ văn hóa có khả năng làm nên những con**

người nam nữ sẵn sàng bảo vệ một số sự thật và giá trị.

“Nếu không có một tiêu chuẩn khách quan để phán quyết giữa các ý niệm khác nhau về sự thiện chung cũng như riêng thì các thể chế dân chủ bị giảm xuống thành một cuộc tranh giành quyền lực sống sượng. Nếu lẽ luật thuộc hiến và lập pháp không dựa vào lẽ luật luân lý khách quan là các nguyên lý đệ nhất của công lý và bình đẳng, là bởi vì các nguyên lý này đã trở thành những vấn đề thuộc ý kiến riêng tư.

“Không khí của trào lưu luân lý tương đối thì không xứng hợp với nền dân chủ. Thứ văn hóa này không thể đáp ứng các vấn đề căn bản cho một cộng đồng chính trị dân chủ: ‘Tại sao tôi phải coi đồng hương của tôi bình đẳng như tôi?’; ‘Tại sao tôi phải bảo vệ quyền lợi của người khác?’ ‘Tại sao tôi phải hoạt động cho công ích?’. **Nếu các chân lý luân lý không được công khai tuyên nhận như thế thì không thể nào có dân chủ được** (xem *Thông Điệp Rạng Ngời Chân Lý, đoạn 101*)”.

(cùng nguồn, đoạn 5 và 6)

Tuy nhiên, chỉ có một phương thể hiệu nghiệm có thể chắc chắn cứu vãn loài người khỏi bị hủy hoại bởi

MỤC LỤC

luồng khí “văn hóa tử vong” vô cùng độc hại này, một phương thế làm cho Mùa Đông Lịch Sử tan biến trước Mùa Xuân Cứu Rỗi, được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II nhắc lại vào ngày 19-6-1998, trong bài giảng tại Vương Cung Thánh Đường Chính Tòa Salzburg Nước Áo, như sau:

“Người dọn bàn ăn cho tôi trước mặt đôi phương tôi’ (Ps.23/22:5). **Cho dù không có những cuộc bắt bớ dữ dội, thì công việc làm chứng nhân như thành phần Kitô hữu cũng không phải bao giờ cũng dễ dàng. Họ thường đụng độ với tình trạng khô đạo đông đảo là tình trạng khó khăn cũng không thua gì tình trạng thù ghét.** Bởi thế mới xảy ra tình trạng linh mục và các cộng tác viên của các vị dọn bàn tiệc Lời Chúa và bàn tiệc Thánh Thể, thế nhưng lại thất vọng khi thấy rằng số khách dự tiệc chấp nhận lời mời mỗi ngày một ít đi. **Bàn tiệc lợi lộc và khuynh hướng thụ hưởng lại có vẻ hấp dẫn hơn. Đó là lý do tại sao hiện nay có nhiều người sống như thể Thiên Chúa không hiện hữu.** Các hình thức phổ quát diễn đạt đạo đức thông dụng vẫn còn, tuy nhiên lại thiếu mất căn bản xác tín minh tường. Bởi thế chúng bị đe dọa bị cuốn đi theo giòng tục hóa đang dâng lên. **Tình trạng đứng đưng đối**

MỤC LỤC

với gia sản Kitô giáo thì nguy hại cũng giống như bị hận thù ghen ghét ra mặt vậy.

“Chỉ có việc tân phúc âm hóa mới bảo đảm được việc đào sâu vào một đức tin tinh tuyền và vững chắc, một đức tin có thể biến các truyền thống lưu tồn thành một quyền lực giải thoát”.

(tuần san L'Osservatore Romano, ấn bản Anh ngữ, 1-7-1998, trang 8, đoạn 5)

Như thế, việc Giáo Hội truyền bá phúc âm đây chính là việc thực tế nhất Giáo Hội “xin sai Thánh Thần Chúa đến và xin canh tân bộ mặt trái đất”, tức là canh tân con người là chính “bộ mặt trái đất”, là “bộ mặt” của “muôn vật hữu hình”, hay là phúc âm hóa văn hóa làm nên bộ mặt con người cũng vậy. Một khi con người “làm chủ trái đất” được canh tân, hay văn hóa là bộ mặt của con người được phúc âm hóa, thì chắc chắn “bộ mặt trái đất” sẽ được canh tân. Bởi vì:

“Toàn thể tạo vật ngong ngóng trông đợi việc tỏ hiện của con cái Thiên Chúa. Vì thế giới tạo vật bị lụy thuộc vào tình trạng hư hoại, không phải tự chúng muốn, mà bởi Đấng bắt chúng phải chịu với niềm hy vọng tất cả tạo vật sẽ được giải thoát khỏi số phận hư vong để thông

MỤC LỤC

phần tự do và vinh hiển của con cái Thiên Chúa” (Rm.8:19-21).

Đúng thế, sau khi phục sinh, Chúa Kitô “được toàn quyền trên trời dưới đất” (Mt.28:18) chẳng những sai các môn đệ của mình “đi tuyển mộ môn đồ nơi *tất cả mọi dân nước*” (Mt.28:19), mà còn “đi khắp thế giới để công bố Tin Mừng cho *tất cả mọi tạo vật*” (Mk.16:15) nữa. Vẫn biết Chúa Kitô phục sinh “đã từ Cha sai Thánh Thần đến” (Jn.15:26) với Giáo Hội để “canh tân bộ mặt trái đất” bằng việc Giáo Hội truyền bá phúc âm. Thế nhưng, chính Người, “Đấng ở trên ngai” (Rev.21:5), Đấng “là nguyên thủy và là cùng đích, đã chết nhưng vẫn sống muôn đời” (Rev.1:17-18), mới là Đấng “canh tân lại *tất cả*” (Rev.21:5), dù việc Giáo Hội truyền bá phúc âm chưa hoàn tất hay chưa đi đến đâu theo chiều hướng mong ước của loài người, đúng như Người ngậm tiên báo, “*trước khi các con đi khắp Israel thì Con Người đã đến*” (Mt.10:23).

Phải, Thời Điểm Hồng Ân Năm Thánh 2000 chẳng những là khởi điểm cho Mùa Xuân Cứu Rỗi mà còn là chính Mùa Gặt Nước Trời, một mùa gặt hái những tâm hồn không thể tìm thấy chân lý và chân phúc nơi “văn hóa tử vong” đã quay trở về với “Đấng Cứu Tinh Nhân Tràn” (Redemptor Hominis) là “đường, là

MỤC LỤC

Sự Thật và là Sự Sống" (Jn.14:6): "hôm qua, hôm nay
và muôn đời vẫn là một" (Heb.13:8)

(Bài viết kết sách của người soạn tập sách này đã
được phổ biến trên hai nguyệt san
Nguyệt San Dân Chúa Âu Châu số 201-202, số chủ
đề “Thần Học Môi Sinh”, tháng 7&8/1999,
và Nguyệt San Dân Chúa Mỹ Châu, tháng 8/1999)

*Cùng Mẹ “ngợi khen” Chúa
Tổng Giáo Phận Los Angeles Lễ Thánh Phêrô
Phaolô 29/6/1999
Đaminh Maria Cao Tấn Tĩnh, BVL*